

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

15 - 8 - 2022 Phật lịch 2566

TẠP CHÍ

SỐ 395

# VĂN HÓA

## PHẬT GIÁO

ISSN 2734-9128

TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO

395

THÁNG 8 - 2022 ■ PHẬT LỊCH 2566

### HIẾU ĐẠO TRỌNG ẬN

HIẾU ĐẠO THEO  
PHÁP XUẤT THẾ GIAN

BẢO ÂN PHỤ MẪU QUA LỜI RU  
CỦA MẸ, NGHIÊM TRÌ CỦA CHA

MỘT TÂM GƯƠNG HIẾU HẠNH  
TRONG NI GIỚI VIỆT NAM THẾ KỶ XX







Giữa các loài hai chân  
Chánh giác là tối thắng  
Trong các loài con cái  
Hiếu thuận là tối thắng.

(Kinh Tương Ưng I.8)







## PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU VÀ GIỮA THÁNG

Tổng Biên tập	<b>HT. Thích Hải Ấn</b>
Phó Tổng Biên tập TT kiêm Thư ký Tòa soạn	<b>TT.TS. Thích Minh Nhẫn</b>
Phó Tổng Biên tập	<b>TT. Thích Minh Hiền TT. Thích Phước Nghiêm</b>
Biên tập	<b>Trương Ứng Minh Trần Hoài Vũ</b>
Trị sự Tòa soạn	<b>ĐĐ. Thích Minh Ân</b>
Mỹ thuật & Thiết kế	<b>Trần Ngọc Huỳnh Mai Phương Nam Châu Quốc Hùng Quách Minh Triết</b>
Liên hệ Quảng cáo	<b>ĐĐ. Thích Tuệ Tánh 0944 020 802</b>
Phòng Phát hành Liên hệ	<b>ĐĐ. Thích Minh Thuận 0886 424 842</b>



### Tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-028) 38 484 335 - 0932 850 969  
Email: toasoanvhpg@gmail.com  
Website: www.tapchivanhoaphatgiao.vn

### Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo  
Số tài khoản: 0071001053555  
Ngân hàng Vietcombank,  
Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của  
Bộ Thông tin và Truyền thông  
Số 1878/GP. BTTTT  
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang  
Q. Tân Phú, TP. HCM

## TRONG SỐ NÀY

### CHỦ ĐỀ: HIẾU ĐẠO TRỌNG ÂN

- 6 Báo ân phụ mẫu qua lời ru của mẹ, nghiêm trì của cha (TT. Thích Phước Đạt)
- 12 Vu Lan về nhớ những ân tình trong đời (Thông Bảo)
- 16 Lời Phật dạy về hiếu đạo thông qua một số bài kinh trong kinh tạng Pāli (ĐĐ. Thích Tịnh Đạo)
- 22 Hiếu đạo theo pháp xuất thế gian (Nguyệt Đông)
- 28 Xuất gia báo hiếu (SC. Thích Nữ Định Tuệ)
- 34 Một tấm gương hiếu hạnh trong Ni giới Việt Nam thế kỷ XX (SC. Thích Nữ Mai An)

### PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

- 44 Phát huy vai trò của Ban Kiểm soát Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong xây dựng Giáo hội trang nghiêm và khối Đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh (TT. Thích Quảng Hà)
- 50 Vận dụng triết lý Phật giáo (ThS. Nguyễn Như Bình)
- 56 Sư Tổ Thích Nguyên Biểu với "Hội Liên xã Niệm Phật" - Một vài suy nghĩ về Pháp tu Tịnh Độ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX (Nguyễn Văn Quý)

### PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

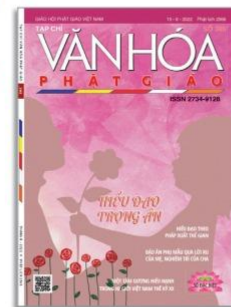
- 68 Văn hóa trà trong sinh hoạt thiền môn qua tác phẩm Sắc tu Bách Trượng thanh quy (Suối Thông)
- 80 Chùa Kiểng Phước lịch sử ở Chợ Lớn (Cù Thị Dung, Trường Thành)
- 86 Quốc ân Khải Tường tự: Dấu xưa còn lại chút này (Lam Phương)
- 94 Giới thiệu pho tượng đồng Bồ tát Quán Thế âm Thủy Cam (Nguyễn Tú Anh, Trần Kỳ Phương)

### PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ

- 101 Hiếu đạo qua góc nhìn Phật giáo (SC. Thích Nữ Tuệ Phương, Nguyễn Thị Mai)
- 107 Lòng tin vững chãi của người Phật tử (Mặc Nhiên)

### GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN:

Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiên Giang



Ý tưởng Bìa: Ngọc Huỳnh  
Thiết kế: Phương Nam



# HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TIÊU BIỂU TRONG THÁNG



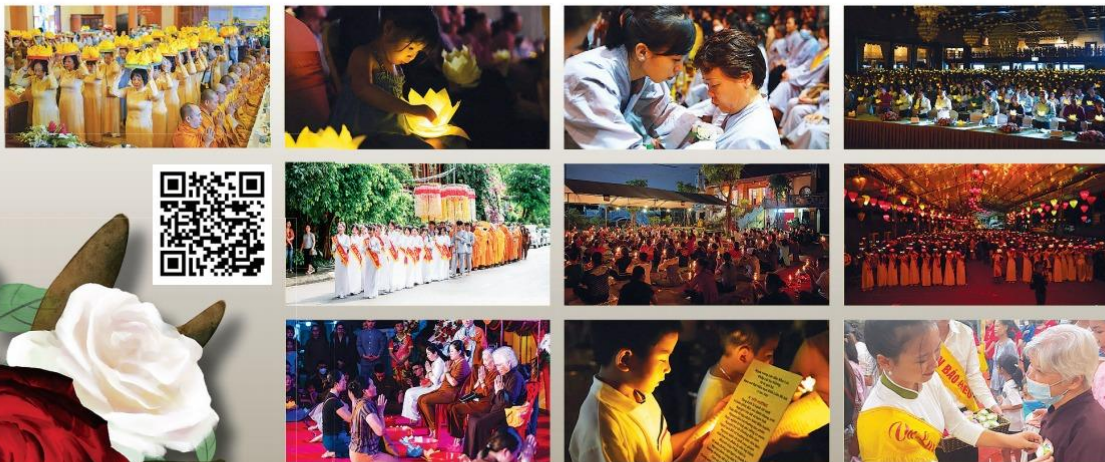
**Trung ương Giáo hội họp trực tuyến Ban Chỉ đạo Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ IX**



**Lãnh đạo Bộ Công an chúc mừng GHPGVN nhân mùa Vu Lan PL.2566 - DL.2022**



**Cục An ninh Nội địa Bộ Công an và Ban Giám đốc Công an TP.HCM  
chúc mừng mùa Vu Lan PL.2566 - DL.2022 đến Hòa thượng Thích Thiện Nhơn - Chủ tịch HĐTS**



**Không khí lễ Vu lan báo hiếu PL.2566**







**Những hoạt động từ thiện trong mùa Vu lan báo hiếu PL.2566**





# THƯ TÒA SOẠN

Quý độc giả thân mến!

Trên tinh thần nhân bản, đạo Phật luôn hướng đến việc xây dựng cuộc sống bình an cho xã hội. Một trong những nền tảng đề hướng đến mục tiêu ấy là giáo lý Tứ ân, gồm: Ân cha mẹ sinh thành nuôi dưỡng, ân thầy tổ dạy bảo nên người, ân quốc gia thủy thổ tài bồi và ân chúng sinh cung cấp bao nguồn sống.

Trong đó, Hiếu ân đứng ở vị trí hàng đầu, ngay chính Đức Phật cũng từng đề cập: *“A nan! Như Lai xét thấy chúng sinh tuy làm thân người, nhưng tâm trí vẫn còn tối tăm. Không biết ân đức cha mẹ cao dày. Không biết kính trọng, vong ân bội nghĩa. Không lòng mến thương, bất hiếu bất mục. Từ mẫu mang thai trong mười tháng tròn, đứng ngồi không yên, như gánh gánh nặng, ăn uống không xuống, như bệnh lâu ngày.*

*Khi đủ ngày tháng, sắp sửa sinh con, thì đủ khổ sở, khiếp sợ tử thần, tánh mạng mong manh. Như vật bị hại, huyết chảy tràn đất. Mẹ khổ đến thế mới sinh ra ta. Sinh rồi nuốt đắng nhổ ngọt, bông ẵm nuôi nắng, không kể mệt nhọc, chịu nắng chịu mưa, không từ cay đắng. Chỗ khô con nằm, chỗ ướt mẹ lăn. Suốt trong ba năm, nhờ huyết sữa mẹ mới thành đứa bé. Đến khi khôn lớn, lo việc giáo dục, lo việc hôn nhân, kinh doanh sản nghiệp, tận tụy lao lung. Khô nhọc suốt đời, không kể công khó. Con cái tật bệnh, cha mẹ bệnh theo, bệnh con nếu hết, cha mẹ mới lành”.*

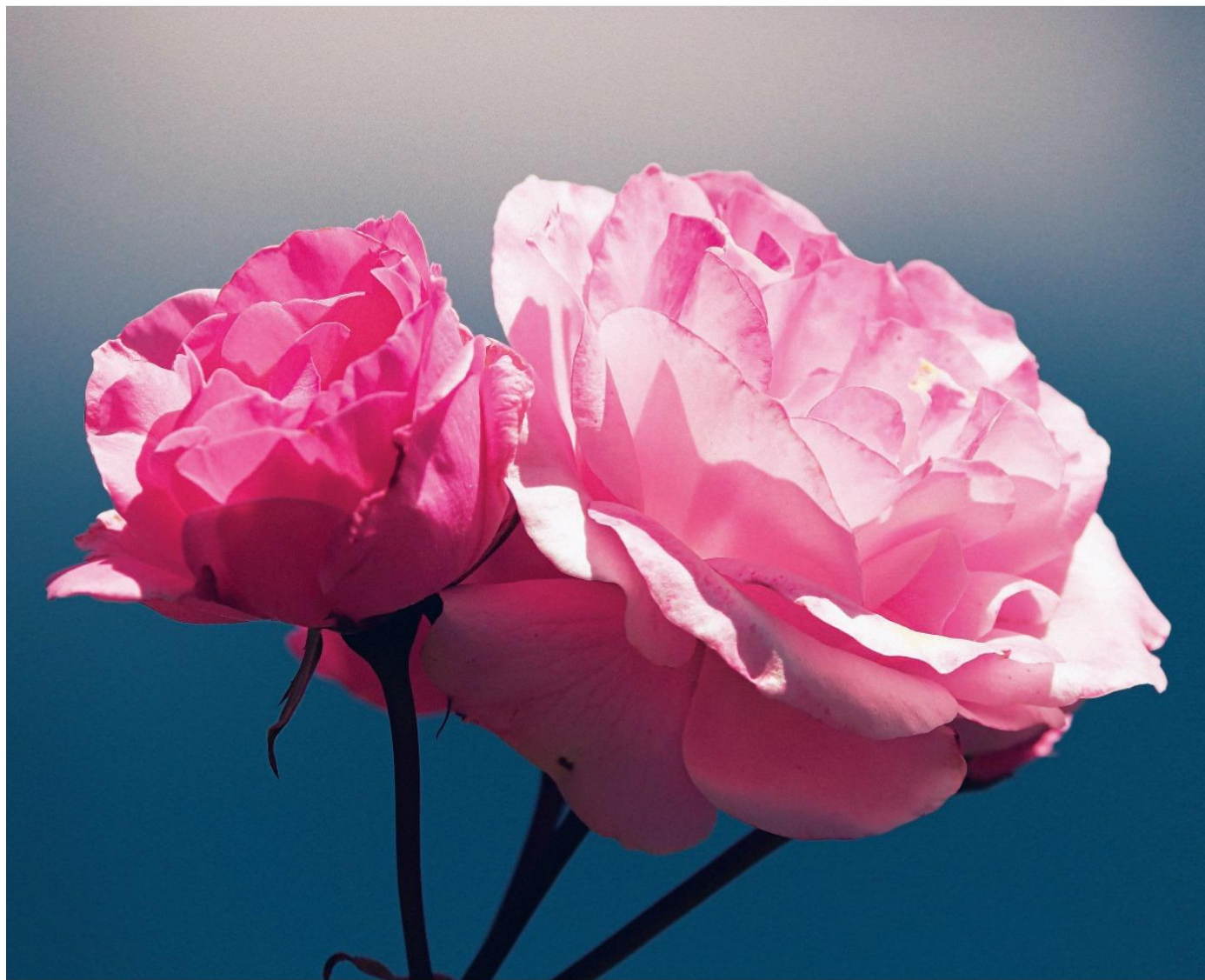
Bởi thế, Hiếu đạo là căn bản làm người, là điểm khởi đầu để phát huy, trưởng dưỡng nền luân lý đạo đức của con người trong gia đình và xã hội, là một trong những nguyên tắc đạo đức cơ bản nhất trong quan hệ luân lý giữa người với người. Người con hiếu thảo tự thân đã cảm nhận một niềm an lạc thanh lương, người khác nhìn vào cũng đem lòng quý kính. Vì vậy, Phật giáo luôn đề cao tinh thần hiếu thảo, nâng vị trí của song thân lên ngang tầm chư Phật: *“Phụ mẫu tại đường, như Phật tại thế”.*

Nhân dịp hướng về lễ Vu Lan, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng gửi đến quý độc giả số báo 395 với chủ đề *“Hiếu đạo trọng ân”*, đề tất cả chúng ta cùng hướng lòng biết ơn đến những bậc sinh thành dưỡng dục, theo đúng tinh thần: *“Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật”.*

Ban biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo







# HIẾU ĐẠO **TRỌNG ÂN**





HIẾU ĐẠO TRONG AN

*Báo ân phụ mẫu*



*qua lời ru của mẹ,  
nghiêm trì của cha*

**TT. Thích Phước Đạt\***

**B**ằng lời ru dịu ngọt của mẹ hiền, sự nghiêm trì giáo hạnh của người cha, hạnh phúc cuộc đời dường như mở đầu bằng tâm hiếu thảo. Dòng suối tâm hiếu hạnh chảy đến đâu, sự tươi mát trong lành tình người thấm thấu đến tận đó. Những hương thơm quả ngọt tràn đầy của dòng đời, sự bình an nội tại từ trong tâm thức theo đây mà trở đầy. Bởi lẽ:

*“Dù con đi trọn kiếp người  
Vẫn không đi hết những lời mẹ ru”.*

Cho nên, không phải ngẫu nhiên, người ta nói rằng: *“Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh giải thoát”*. Thực thi tâm hiếu đồng nghĩa với thực thi khát vọng lớn nhất loài người là hạnh phúc, an lạc. Đây chính là vấn đề nhân loại luôn hy vọng và mong đợi.

Triết gia Aristoteles đã từng đề cập đến vấn đề hạnh phúc như là một sự hoàn thiện mọi mặt của con người đi từ đời sống thực nghiệm tâm linh đến đời sống vật chất:



Thật đúng như Kinh Tương Ưng bộ đã dạy:  
 “Vô thì luân hồi, này các Tỳ kheo, không dễ gì  
 tìm được một chúng sanh trong một thời gian  
 dài này lại không một lần làm mẹ làm cha”.

“Hạnh phúc là sự phát triển hoàn toàn đầy đủ các đức tính của con người” [1]. Còn một triết gia người Do Thái ở thế kỷ thứ XVII cho rằng: “Hạnh phúc là mục đích của hành động. Hạnh phúc là sự có mặt của các cảm giác thoải mái, và sự vắng mặt của khổ đau” [2]. Trong khi đó, Bazelade, nhà đạo đức học người Nga phát biểu: “Vấn đề lý tưởng tối cao và ý nghĩa cuộc sống thực chất là vấn đề hạnh phúc...”. Và ông cũng nhấn mạnh: “Con người là giá trị cao nhất, là cơ sở ngọn nguồn của mọi giá trị. Mọi thứ chỉ là phương tiện cho con người và cuộc sống con người. Sự cải tạo thế giới là mục đích, nhưng không phải là sự cải tạo vì bản thân nó, mà sự cải tạo con người” [3].

Trong khi đó, Phật giáo đã giải quyết vấn đề hạnh phúc bằng con đường diệt khổ theo tinh thần Tứ diệu đế. Con đường này có khả năng đưa con người vượt ra ngoài cội nguồn tham sân si, xây dựng nếp sống hạnh phúc an lạc thật sự. Tại đây tình người, lòng nhân ái, vô ngã vị tha, từ bi xuất phát từ tâm hiểu hạnh tuôn chảy vào đời. Đây chính là lẽ sống, đạo lý làm người, là gia tài đầu tiên mà cha mẹ đã cho con cái để bước đi trong cuộc sống này. Con người đón nhận, gìn giữ gia tài ấy như hành trang vô giá để hội nhập với đời, như dòng nước mát hòa lẫn với sữa mẹ. Thật là hạnh phúc khi gia tài tình người được khởi đầu bằng tình phụ tử, mẫu tử keo sơn đậm đà. Để rồi, dòng suối ngọt ngào ấy cứ thế miên man tuôn chảy vào muôn nẻo yêu thương.

Khi nguồn suối yêu thương tuôn chảy vào những trái tim nồng nhiệt sẽ kết thành tình vợ chồng chung thủy trăm năm. Khi dòng suối trong thanh, mát mẽ

chảy vào tâm thức anh chị em cốt nhục thì đây chính là tình huynh đệ thù túc thâm thiết. Khi chất liệu yêu thương của dòng suối thấm thấu vào lòng mỗi người trong xã hội thì đây chính là tứ hải giai huynh đệ. Khi yêu thương ấy khiến mọi người gần gũi, đoàn kết với nhau trong ý niệm tất cả là “đồng bào” thì đây thật sự là khúc nhạc của “ân tình nghĩa cảm” đạt dào. Khi nguồn suối yêu thương tuôn chảy vào lòng dân tộc thì gọi là “trung với nước, hiếu với dân”. Còn khi dòng suối thấm thấu từ quốc gia này đến quốc gia khác thì đây chính là tình hữu nghị quốc tế. Và khi dòng suối ảm áp chân tình này len lỏi vào từng hơi thở nhịp đập từ một trái tim đến muôn vạn trái tim thì tình này hoá thành tâm đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn của chư vị Bồ tát thương chúng sanh như con đẻ ruột rà.

Xem ra, tình phụ tử, mẫu tử đã đưa con người vào đời trong tiếng nói đích thực của con tim biết yêu thương và hiểu biết. Thật đúng như Kinh Tương Ưng bộ đã dạy: “Vô thì luân hồi, này các Tỳ kheo, không dễ gì tìm được một chúng sanh trong một thời gian dài này lại không một lần làm mẹ làm cha”. Tại đây, từ trong thực tánh Duyên khởi bước ra, băng qua trùng trùng điệp điệp những sa mạc hoang vu tâm tưởng, tâm hiểu hiện ra với những rung động tận đáy lòng của những người con đại hiếu. Điều đó có thể nhìn thấy trong văn học thông qua tâm lòng hiểu thảo của Thúy Kiều trong Truyện Kiều (Nguyễn Du) khi nàng đứng trước sự chọn lựa cuộc đời:

“Duyên hội ngộ đức cù lao  
 Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn”.  
 Như nàng lấy hiếu làm trinh  
 Bụi nào cho đục được mình ấy vay”.



## HIẾU ĐẠO TRỌNG ÂN



“Dù con đi trọn kiếp người  
Vẫn không đi hết những lời mẹ ru.”

Thế là nơi nào tâm hiếu có mặt là nơi đó có tiếng nói đích thực của cõi lòng, thể hiện đạo lý làm người đi từ sự bất thiện hướng đến thiện, từ thiện đến sự thăng hoa của thiện. Theo dòng thác chuyển hoá tâm thức này, lòng hiếu thảo trào dâng thấm thấu vào các vùng đất văn hoá, giáo dục, kinh tế, đời sống phi nhiêu để ra hoa kết trái hương thơm ngọt ngào:

*“Con yêu mẹ càng thêm yêu Tổ quốc  
Mẹ yêu con đất nước hoá nơi vàng”*

(Phanxipăng)

Con hiếu và thương mẹ cha vô cùng. Từ thuở lọt lòng, mỗi khi con bật khóc là cha mẹ bật cười. Vẫn nhớ như in ngày nào, mẹ bế con vào lòng cho con bú mớm những dòng sữa tươi mát ngọt ngào, hát những lời ru đưa con vào giấc ngủ say sưa. Trong ánh mắt yêu thương trìu mến, mẹ nhìn ngắm con thật lâu, rồi vuốt ve con từng cử chỉ âu yếm dịu dàng. Con mở mắt tròn xoe, cha mỉm cười, rồi tập cho con nói tiếng bi bô, tập cho con từng bước đi, diu dắt chỉ vẽ cho con viết từng nét chữ, từng giờ học, dắt tay con đến trường.

Hầu như toàn bộ hành trang vào đời của con đều do cha mẹ truyền trao với tấm lòng yêu thương không cùng tận. Xưa cũng như nay, tình mẹ cha đối với con cái bao giờ cũng vậy. Có thể nói thâm tình ấy rất vĩ đại, vĩ đại đến nỗi nó đi vào huyền thoại lịch sử. Nhớ xưa kia, người cha Lạc Long Quân và mẹ hiền Âu Cơ đã mang nặng đẻ đau trăm đứa con trong một bầu thai ý niệm “đồng bào”. Các con được sinh ra, lớn lên, trưởng thành từ thế hệ này sang thế hệ khác đi khắp mọi miền đất nước khai phá rừng hoang, mở mang bờ cõi... Chỉ mong sao đất nước được hoá rồng, xứng danh với dòng máu “con rồng cháu tiên” để sánh vai các cường quốc năm châu.

Như trăm sông đổ về biển cả, cũng vậy, bằng nhiều phương cách chăm sóc khác nhau, mẹ cha chỉ mong sao con không những ấm no hạnh phúc bên mái ấm gia đình mà còn hướng dẫn con vào nếp sống đạo bên tiếng chuông chùa nhẹ ngân. Nhớ hôm nào mẹ nắm tay con dắt vào chùa, lòng vui biết mấy. Thầy tổ dạy cho con đạo lý làm người, trước nhất là vâng lời cha mẹ. Từ đây lòng con biết “*ân cha nghĩa mẹ*” cao vời không sao đền đáp được. Lòng con hổ thẹn, bùi ngùi không thốt lên lời, bởi: “*Có hai hạng người, này các Tỳ kheo, ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai, mẹ và cha. Nếu một bên vai cõng cha, một*



*bên vai công mẹ, làm vậy cho đến trăm tuổi; nếu đầm bóp, thoa nước tắm rửa, thoa gội và dầu tại đấy, có vài tiểu tiện đại tiện như thế, này các Tỳ kheo, cũng chưa đủ hay trả ơn đủ mẹ cha. Vì có sao? Vì rằng, này các Tỳ kheo, cha mẹ đã làm nhiều cho con cái, nuôi nấng, dưỡng dục con khôn lớn, giới thiệu con vào đời” (Kinh Tăng Chi 1).*

Thế rồi con đi vào đời trên mảnh đất “đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt”. Ngày qua ngày, tháng qua tháng, lòng con khát khao đền đáp ân sinh thành dưỡng dục của mẹ cha bằng nhiều phương thức Phật đã dạy. Tự thân con hiểu gấp thời không có Phật, khéo thờ cha mẹ là thờ Phật. Lòng con thanh thản vô cùng. Ngoài việc phụng dưỡng đời sống tình cảm vật chất đối với cha mẹ, bổn phận người con còn phải cùng cha mẹ thể nhập Chánh pháp để giải thoát khổ đau. Đây mới chính là đại hiếu cao cả nhất mà người con phải thực hành: “*Làm con phụng dưỡng cha mẹ, dùng trăm vị cam lồ dâng cúng cha mẹ, dùng thiên nhạc vi diệu làm vui lòng cha mẹ, dùng các sắc phục tôn quý nhất chói sáng thân cha mẹ., hai vai tự công cha mẹ đi khắp bốn biển, trọn đời đáp ân nuôi dưỡng cha mẹ, như vậy chưa gọi là hiếu..”.* (Kinh Hiếu Tử).

Theo *Cánh Sách* dạy, muốn báo đáp ân đức cha mẹ nên khuyên cha mẹ đối với Phật pháp, đối với các pháp nhân quả ... chưa tin, khuyên cha mẹ tin; cha mẹ tin rồi khiến lòng tin thêm tăng trưởng; cha mẹ không giữ giới thì khuyên cha mẹ giữ tịnh giới. Cha mẹ có lòng xan tham thì khuyên cha mẹ làm việc huệ thí, khéo an trú để tự điều phục. Như vậy, gọi là chân thực báo ân cha mẹ.

Từng bước vượt qua sự cám dỗ cuộc đời, lòng hiếu thảo của con đã đi vào lộ trình giải thoát an lạc. Tâm hiếu dần chuyển thành tâm giới, tâm định, tâm tuệ, tâm giải thoát, giải thoát tri kiến. Tại đây, nhân loại sẽ sống chung trong ngôi nhà chánh pháp, không còn lo âu sợ hãi trước các vấn đề nan giải như khủng hoảng tâm linh và môi trường kéo theo sự băng hoại các giá trị đạo đức và các giá trị truyền thống.

Theo các kinh điển ghi lại, Thế Tôn và các bậc đại đệ tử của Ngài thực hành tâm hiếu hạnh như là hạnh nguyện tu tập giải thoát tâm đối với tự thân và cho cả cha mẹ mình. Thế nên, thuở còn làm Thái tử, Đức Phật đã khát khao báo hiếu ân sinh thành dưỡng dục



Như trăm sông đổ về biển cả, cũng vậy, bằng nhiều phương cách chăm sóc khác nhau, mẹ cha chỉ mong sao con không những ấm no hạnh phúc bên mái ấm gia đình mà còn hướng dẫn con vào nếp sống đạo bên tiếng chuông chùa nhẹ nhàng.



## HIẾU ĐẠO TRỌNG ÂN

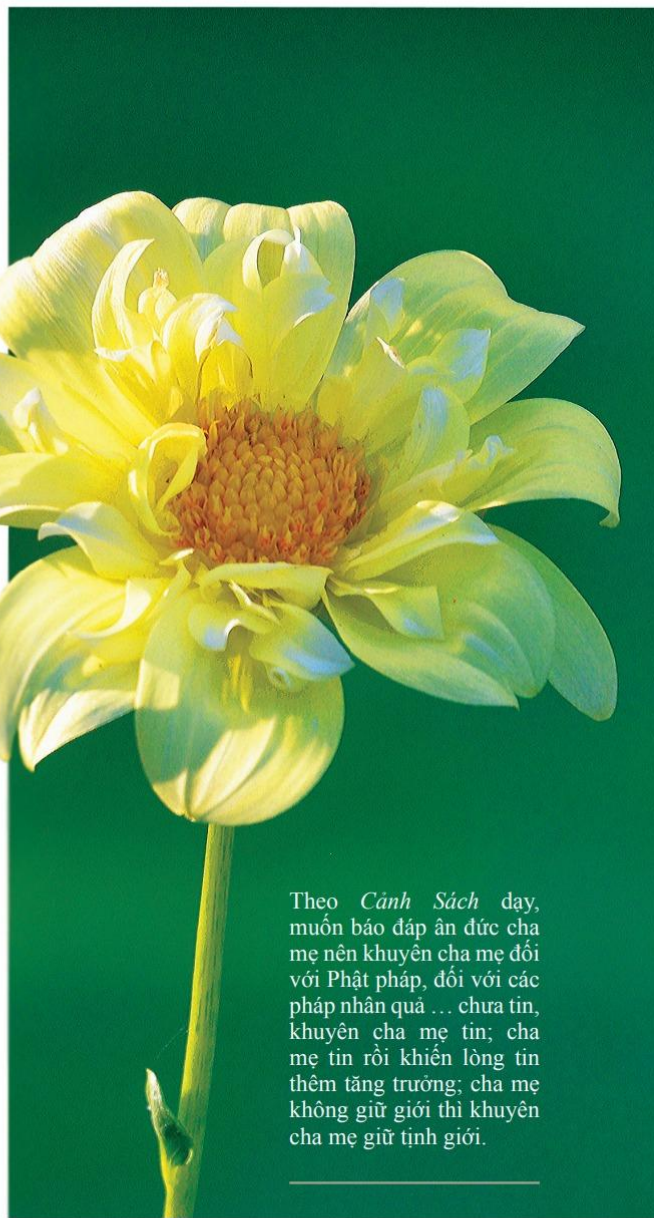
của cha mẹ. Ngài nghĩ rằng chúng sanh còn đau khổ trong dòng thác sanh tử luân hồi thì cha mẹ Ngài cũng phải khổ đau như mọi người. Ngài đã từ cung vàng điện ngọc lên đường để phá vỡ gông cùm thực tại đang trói buộc con người: *“Cha ta và tất cả rồi đây sẽ già yếu, sẽ khổ đau về thể xác. Ta phải làm gì cho những người thân yêu đó được hưởng quả phước tinh thần như vị Sa-môn kia? Ta phải tự giải thoát, để giải thoát cho phụ hoàng, dì mẫu, da du và toàn thể chúng sanh. Ta phải đem đến cho họ niềm an lạc vô tận, vô biên này. Chắc rằng rồi phụ hoàng sẽ buồn khổ vì nỗi nhớ thương ta, người sẽ héo úa khổ sầu vì tình người ngài dành cho ta sâu rộng biết chừng nào, người đã bù đắp sự thiếu vắng mẹ hiền khi ta còn măng sữa. Và dì mẫu, da du hai người sẽ bỏ ăn, không ngủ lo cho ta trợ trợ giữa rừng già, chẳng ai săn sóc. Sơn hà xã tắc này đã dành cho ta trong mai hậu, thay cha trị nước lo dân. Nhưng nó ảm có phải là mục đích tối thượng sẽ bừng khai, đó chính là lúc ta báo hiếu cho phụ hoàng, cho vong mẫu, cho dì mẫu, đem nguồn hạnh phúc cao thượng đến với muôn dân”*.

Như vậy tâm hiếu là cơ sở ngọn nguồn của giải thoát khổ đau. Chính tâm hiếu này đã trợ duyên giúp Ngài thành đạo, giác ngộ sự thật cuộc đời. Rồi sau đó, Ngài trở về thành Ca-tỳ-la-vệ thuyết pháp cho vua Tịnh Phạn đắc quả A-na-hàm. Khi phụ vương sắp lìa trần, Ngài thuyết pháp cho vua cha nghe thời pháp cuối cùng, gần 1.000 câu kệ được rờn rã trong bảy ngày đêm để vua cha đắc quả A-la-hán. Ngày tang lễ phụ hoàng, Thế Tôn đã kể vai gánh quan tài, tự thân làm lễ trà trì cho vua cha tại núi Linh Thứu. Đối với Phật mẫu, dù cách biệt đôi đường, Thế Tôn đã lên cõi Đâu Suất trong kỳ nhập hạ thứ bảy thuyết pháp rờn rã ba tháng toàn bộ luận tạng để mẹ đắc quả vị thánh Tu-đà-hoàn. Cho đến lúc nhập Niết Bàn, đại bi tâm của Ngài đã cứu độ không biết bao nhiêu chúng sanh không có một phút giây dừng nghỉ.

Cứ mỗi chúng sanh được hóa độ, chúng con lại thành kính dâng lễ, tán dương xung tụng công hạnh của Ngài. Xem ra, hàng loạt Phật tử chúng con được cứu độ giải thoát nhờ công ơn báo hiếu của đức từ phụ.

Tôn giả Mục Kiền Liên cũng là gương hiếu hạnh nổi bật kế thừa truyền thống báo đáp ân sinh thành

dưỡng dục mẹ cha của Đức Thế Tôn. Lúc chưa xuất gia, Ngài tên là La Bộc, ngài đã nhiều lần thỉnh cầu cha mẹ đi vào con đường chánh pháp để đoạn khổ. Truyện kể rằng, ngài sinh ra và lớn lên trong sự giáo dưỡng một gia đình có cha là một phó tướng, một trưởng giả giàu có. Mẹ ngài là Thanh Đề thương sanh tâm phi báng Tam bảo. Sau khi cha qua đời, hết thời kỳ mãn tang, Ngài đã xin mẹ mở kho báu chia tài sản thành ba phần. Một phần để mẹ chi tiêu, một phần để



Theo *Cánh Sách* dạy, muốn báo đáp ân đức cha mẹ nên khuyên cha mẹ đối với Phật pháp, đối với các pháp nhân quả ... chưa tin, khuyên cha mẹ tin; cha mẹ tin rồi khiến lòng tin thêm tăng trưởng; cha mẹ không giữ giới thì khuyên cha mẹ giữ tịnh giới.



cúng dường cầu đức cho cha, một phần để dành cho mình đi buôn bán xứ xa. Sau bao năm buôn bán xứ người, ngài trở về nhà trong lòng đầy tôn kính hiếu hạnh với mẹ. Gần đến nhà, mọi người nhìn thấy Ngài vừa đi vừa lễ lạy nên kinh ngạc hỏi:

“La Bốc ơi, vì sao người làm thế, Phật chẳng có mà Tăng cũng không kia mà.

La Bốc mặt mày rạng rỡ cao giọng trả lời: “Tôi lễ lạy đây chính là lễ lạy mẹ tôi. Khi tôi đi rồi, mẹ tôi ở nhà tu hành tinh tấn, làm phước báu tạo duyên, ăn chay niệm Phật, mới đây mẹ tôi thiết trai cúng dường năm trăm vị”.

Mọi người nghe xong cười giễu: “La Bốc ơi! Ai nói ông như thế? Khi ông đi rồi mẹ ông xui giục chúng tôi đánh đập chửi Tăng mua trâu, dê cắt tiết tế thần, ông về nhà sẽ rõ, chớ vội tin lời ai cả”.

La Bốc nghe rồi té xiu, sau đó người ta đưa ngài về nhà. La Bốc vẫn lễ mẹ và giấu đi nỗi buồn. Vài tháng sau mẹ ngài là Thanh Đề ngã bệnh, mụn nhọt nổi lên khắp mình, máu chảy ra hôi thối, cơm nước thức ăn đưa vào miệng là trào ra hết. Sau bảy ngày mẹ ngài đã trút hơi thở cuối cùng trong sự tuyệt vọng. La Bốc làm lễ an táng, tụng kinh sám hối hồi hướng cho mẹ. Rồi ngày kia ngài gặp Xá Lợi cùng nhau đến tịnh xá Trúc Lâm để thọ giáo đức Phật. Với tâm hiếu chí thành ngài đã vận dụng thiên nhãn nhìn thấy mẹ, đang bị đọa vào địa ngục vô gián! Ngài đã khẩn cầu đức Thế Tôn xin chỉ cách cứu mẹ:

“Kính bạch Đức Thế Tôn, con đã nhìn thấy mẹ thọ khổ hình, lòng đau như cắt, chín chữ cù lao chưa một phút đáp đền, ba năm nhũ bộ chưa trả tròn trong muôn một, xin đức Thế Tôn từ bi chỉ cho cách cứu độ mẹ con”.

Đức Phật dạy rằng: “Vì ngày trước mẹ ông không biết kính Tam bảo, lăm điều gian ác cho đến quý thần đều kính hãi, góp ghê, tham lam ích kỷ, giết hại sinh vật, dĩ nhiên phải đọa vào ác đạo làm thân quý đỏi. Dù ông chứng đủ lực thông cũng không cái được nghiệp cho mẹ, hãy giúp mẹ bằng cách: Đến rằm tháng bảy là ngày tự tứ của chư Tăng sau ba tháng an cư kiết hạ sách tấn tu hành các nghiệp được thanh tịnh, công đức được tăng trưởng khiến chư Phật mười phương hoan hỷ, ông nên nhân ngày tốt đẹp đó làm lễ Vu lan bồn để cải nghiệp cho mẹ, đánh thức tâm mê muội của bà đã hằng hà sa kiếp không biết tin nhờn quả. Ông hãy chí thành lễ bái cúng dường chư Tăng, xin chư Tăng hợp lực dùng sức lực hàng ngàn tâm thanh tịnh và lòng từ bi

quảng đại, đưa tư tưởng lành xuống cõi âm, cho mẹ ông tiếp cận sức mẫu, tâm thức bó chặt bấy lâu khai mở, bỏ hết tham sân si, ích kỷ tánh của loài ngạ quỷ, súc sanh thì mới mong chuyển nghiệp”.

Như mặt trời lên, tất cả sương mù đều tan biến cả, cũng vậy, tâm hiếu của Mục Kiền Liên cầu thỉnh chư Tăng gia trì lực đồng hộ niệm đã chuyển mẹ và cha mẹ nhiều đời của ngài bước ra vùng tà kiến đi vào chánh kiến giải thoát khổ đau.

Tôn giả Xá Lợi Phất cũng vậy suốt cả cuộc đời tu hành, lòng canh cánh độ mẹ thoát khỏi khổ đau. Gần 40 năm thuyết pháp độ mẹ nhưng vẫn không chuyển hoá tâm thức của bà ra khỏi tà kiến phụng thờ đấng Phạm thiên và bài bác đạo Phật. Cho đến gần ngày nhập Niết Bàn, lòng tôn giả khởi niệm có một ân nghĩa lớn chưa đền đáp được đó là ân sinh thành giáo dưỡng cha mẹ.

Ngài đã nhập định, tự thân biết mình là người có duyên độ mẹ, ngài đến xin Thế Tôn nhập diệt tại ngôi nhà bà mẹ đang ở, nơi mà thuở nào bà đã hát ru đưa ngài vào giấc ngủ. Ngay lúc đó các vua trời Đục giới, Đại phạm đã chiếu hào quang chói sáng xin làm thị giả hầu hạ ngài vào thời điểm cuối đời. Nhờ oai lực này, mẹ ngài đã khởi tín tâm, tin Tam bảo, nghe pháp đắc quả thánh. Đến đây lòng tôn giả thanh thân, an nhiên nhập Niết Bàn. Và như thế, hoa hiếu đua nhau khai mở, hương thơm tràn đầy của ngũ phần giới hương: Giới hương, định hương, huệ hương, giải thoát hương, giải thoát tri kiến hương bay khắp muôn nẻo đường.

Hơn bao giờ hết, chúng ta là những người sinh ra và lớn lên trong vòng tay của mẹ cha. Xưa cũng như nay, dù âm no hạnh phúc hay đói khát khổ đau, dù cha mẹ còn hay khuất bóng, lòng con vẫn luôn thương yêu kính trọng mẹ cha. Kỳ niệm ngày báo hiếu hôm nay là kỷ niệm buổi đầu tiên con người mở mắt chào đời trong tiếng nói đích thực tình người. Từ trong thực tánh duyên khởi trùng trùng, tâm hiếu của con đã chuyển hoá thành tâm Phật, tâm giải thoát để dâng mẹ dâng cha, mở lối đi về cánh cửa vô sanh bất tử.


#### Chú thích:

[1] *A story of Philosophy by Will Durans*, Bản dịch của Tu thư Đại học Vạn Hạnh, 1971, tr.18.

[2] *Sđđ*, tr.228.

[3] *Đạo đức học*, Bản dịch Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1985, tr.232.




 HIẾU ĐẠO TRỌNG ÂN


# Vu Lan về nhớ những ân tình trong đời

## Thông Báo

Sau những tháng ngày vội vã, con người quay cuồng với cuộc sống mưu sinh, thoáng chốc tiết trời trở nên trầm mặc mang theo không khí se lạnh giao hai mùa hạ - thu, đó cũng là lúc Vu Lan lại về. Một thoáng đổi thay của đất trời, làm nhân thể phải chạnh lòng cô liêu trước những trọng trách còn dờ dang, bỏ ngỏ. Vì vậy, trong tâm khảm mỗi người, vào những ngày này, ai ai cũng mang trong mình trái tim thổn thức với những hoài niệm, những cung bậc cảm xúc, những nỗi niềm khi nghĩ về những ân tình trong cuộc đời. Và rồi Vu Lan về, sẽ giúp người làm ấm lại trái tim vui lạnh, xóa đi một ít phiền muộn, thêm vào lòng chút bình yên sau tháng ngày giông gió. Và Vu Lan về cũng khẽ nhắc rằng, trên con đường đời mỗi người đều được những ân tình kẻ bên sát cánh, đạo làm người

phải khắc ghi và tưởng nhớ đến những ân tình đó mà sống cho trọn vẹn, cho tử tế, trân trọng những gì đang có trong hiện tại, bởi ở đó thấm đẫm mồ hôi, nước mắt và chứa đựng những hy sinh, mất mát vĩ đại.

### VU LAN - VĂN HÓA TÌNH NGƯỜI

Vu Lan là một trong những dịp lễ lớn của Phật giáo trong năm, diễn ra vào ngày Rằm tháng 7. Kinh *Vu Lan Bồn* kể rằng: Xưa kia, Ngài Mục Kiền Liên - đệ tử lớn của Đức Phật, vì muốn cứu mẹ thoát khỏi cảnh khổ, nên nhờ Đức Phật chỉ dạy. Đức Phật dạy Ngài muốn cứu độ mẹ phải thiết lễ trai Tăng nhân ngày Tụ tứ, để nương nhờ công đức và hiệu lực chú nguyện của chúng Tăng mới có thể giúp mẹ Ngài thoát khổ. Từ đó về sau, cứ mỗi năm



Nhà thơ Tố Hữu từng viết:  
 Nếu là con chim chiếc lá  
 Con chim phải hót, chiếc lá phải xanh  
 Lẽ nào vay mà không có trả  
 Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình.

đến Rằm tháng 7, tấm gương hiếu hạnh của Ngài Mục Kiền Liên lại rực sáng và chiếu rọi, đánh thức con người nhớ nghĩ đến công ơn dưỡng dục của hai đấng sinh thành sau những ngày tháng bận rộn mà rơi vào quên lãng.

Trải qua hàng ngàn năm, Vu Lan không còn nằm trong khuôn khổ của một ngày lễ của những người con Phật mà đã để chuyên thành ngày lễ hội “*Văn hóa tình người*”, một trong những ngày lễ có sức sống văn hóa mãnh liệt nhất trong đời sống tinh thần mỗi người dân. Bởi nó không dừng ở việc các nghi lễ tâm linh truyền thống mà thông qua những nghi lễ này giúp thấp lên ngọn đuốc trí tuệ của tình thương yêu, nâng cao tinh thần hiếu đạo, nhắc nhở con người phải luôn nhớ về nguồn cội của mình, nhớ về những ân tình nuôi lớn cuộc đời chúng ta. Đó là đó chính là ân cha mẹ nuôi dưỡng sinh thành, ân Sư trưởng soi đường dẫn lối, ân Tổ quốc núi sông muôn đời che chở và ân chúng sinh vạn loại trùng trùng.

#### ***Ân Mẹ Cha nuôi dưỡng sinh thành***

*Cha mẹ thâm ân tợ đất trời,  
 Nuôi con khó nhọc chẳng đầy voi,  
 Mở vòng tay lớn vì con trẻ,  
 Dắt bước con đi giữa cuộc đời.*

Con người có mặt trên cuộc đời này chính là nhờ tình cha, huyết mẹ. Thâm ân ấy từ ngàn xưa cho đến ngày nay, có ngôn từ nào diễn tả hết tình mẫu tử. Có bia đá nào ghi hết công lao cha. Đức Thế Tôn từng dạy: “*Có hai hạng người trả ơn không thể nào được. Thế nào gọi là hai? Đó là Mẹ và Cha*”. Từ lúc còn là giọt máu trong bào thai cho đến những năm tháng ấu thơ, biết bao cay đắng nhọc nhằn, bao gian lao khó nhọc, bao giọt mồ hôi rơi, bao khổ sầu uất hận, cha mẹ nhận hết về mình, để cho con áo ấm cơm no. Tình yêu thương cha mẹ đã thấm sâu vào

trong máu thịt và nuôi dưỡng chúng ta lớn khôn theo tháng ngày. Rồi khi con trưởng thành, chập chững vào đời, bay cao với ước mơ cũng là lúc xa rời vòng tay cha mẹ, nhưng tận sâu đáy lòng, các bậc làm cha làm mẹ luôn còn đó những nỗi lòng, trăn trở, không có phút giây nào lại không nghĩ đến con, cho nên Kinh *Báo Ân Cha Mẹ* dạy: “*Mẹ già hơn trăm tuổi, còn thương con tám mươi, ân ái có đoạn chẳng, chỉ hơi thở cuối cùng*”. Chính ân tình sâu nặng của cha mẹ như vậy mà không có gì có thể sánh được.

#### **HÃY SỐNG VỚI TRÁI TIM BIẾT ƠN NHỮNG AN TÌNH**

Trong hàng ngàn mối quan hệ trực tiếp lẫn gián tiếp, có những thứ ta đang thọ ơn mỗi ngày mà đôi khi vô tâm không hề hay biết. Đức Phật đã từng dạy trong Kinh *Điềm lành tối thượng*, người nào sống với tâm niệm biết ơn là một trong các điềm lành tối thượng để tiến bộ trên lộ trình tâm linh. Vì vậy, Vu Lan về, hãy tạm gác lại bao muộn phiền hơn thua của kiếp sống, trở về ngay trong phút giây hiện tại và sống với tâm niệm biết ơn những ân tình, lấy đó làm chất liệu và màu sắc góp cho cuộc đời thêm tươi, thêm đẹp.

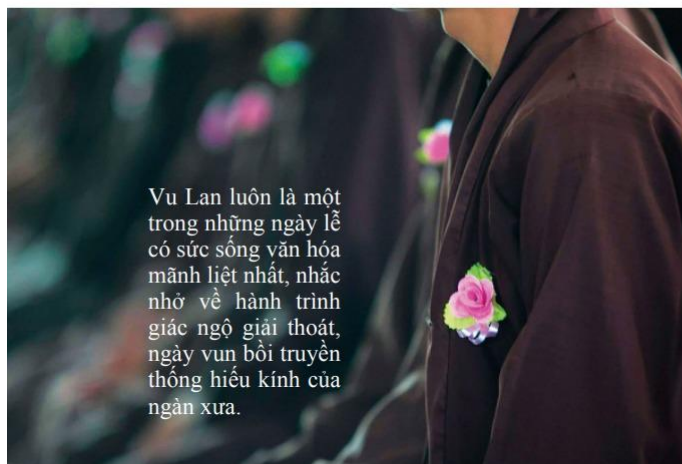
#### ***Gác lại lo toan, về với cha mẹ***

Không phải ngẫu nhiên mà đến dịp Rằm tháng 7, người người đều mang trong mình nỗi buồn man mác khi nghĩ về hai đấng sinh thành. Có lẽ khi trời trảm mặc thời gian này cũng nhẹ nhàng gợi nhắc mỗi người nghĩ về nỗi vất vả, cực nhọc của cha mẹ và hối thúc họ hãy mau quay về, cố gắng một phần nào đó đền đáp ân tình thiêng liêng của cha mẹ trong muôn một.

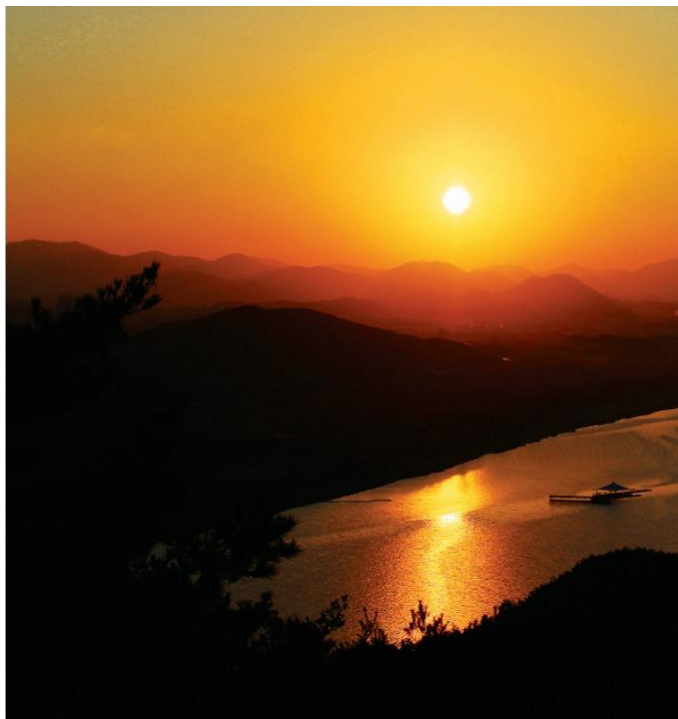
Chúng ta thường nghĩ hiếu kính cha mẹ là phải làm một điều gì đó to lớn, vĩ đại. Nhưng chợt quên rằng, cha mẹ chỉ cần những điều bình dị giản đơn như: Một lời hỏi han, một cái nắm tay thật chặt, hay sau



## HIẾU ĐẠO TRỌNG ÂN



Vu Lan luôn là một trong những ngày lễ có sức sống văn hóa mãnh liệt nhất, nhắc nhở về hành trình giác ngộ giải thoát, ngày vun bồi truyền thống hiếu kính của ngàn xưa.



những tháng ngày nông nổi ta quay về bên vòng tay cha mẹ và thể hiện một cái ôm bất ngờ đong đầy tình cảm... Những hành động tưởng chừng đơn giản ấy chính là liều thuốc tinh thần vượt xa những phương tiện vật chất giúp cho cha mẹ quên hết những lo toan vất vả.

Và quan trọng hơn, ta phải trợ duyên cho cha mẹ quy y Tam Bảo, biết tin sâu vào nhân quả, tạo điều kiện thuận lợi cho cha mẹ gây dựng các thiện nghiệp, bởi chính những thiện nghiệp đó sẽ giúp cho cha mẹ hiện tại được trải nghiệm hạnh phúc thư thái nơi tâm, giải thoát bớt phiền trực, xa lánh được thế gian chấp trước, tương lai quá vãng thì xa lìa ác đạo mà sanh vào cõi lành. Đây chính là nét đặc thù của tinh thần hiếu đạo Phật giáo, đồng thời cũng là phương pháp báo hiếu đầy đủ và trọn vẹn nhất.

Mỗi ngày qua đi là một ngày khoảng thời gian cha mẹ được ở bên mình đang dần ngắn lại. Vì vậy, trong những ngày tháng còn cha mẹ bên cạnh, chúng ta hãy quay trở về bên vòng tay từ ái của đấng sinh thành, để thấy mình còn may mắn, để còn thời gian gần kề, phụng dưỡng, dùng để những năm tháng sau này sống trong sự ăn năn hối tiếc.

### *Dẫn thân góp sức làm đẹp cuộc đời*

Nhà thơ Tố Hữu từng viết:

*Nếu là con chim chiếc lá*

*Con chim phải hót, chiếc lá phải xanh*

*Lẽ nào vay mà không có trả*

*Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình.*

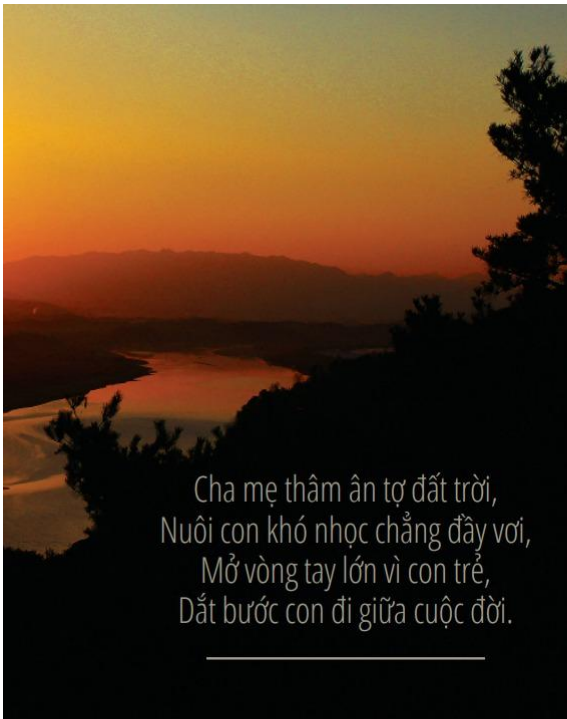
Thật vậy, cuộc đời này thật sự có ý nghĩa khi trong trái tim mỗi người có lý tưởng phụng sự. Dù là ai, lĩnh vực nào, hãy cùng trao cho nhau hơi ấm của tình thương, biểu hiện qua sự đồng cảm, sẻ chia với đồng loại còn khổ đau, bất hạnh, kém may mắn hơn mình. Chỉ cần trái tim ta thật ấm thì sự chia sẻ dù nhỏ bé nhưng cũng được người khác trân trọng. Minh chứng sống động nhất là vào mỗi mùa hạ đến, hình ảnh thanh niên với màu áo xanh tình nguyện cùng với tinh thần nhiệt huyết của tuổi trẻ lại có mặt khắp mọi miền Tổ quốc để thực hiện lý tưởng cống hiến cho xã hội. Đó là hành động nhân văn, xuất phát từ tấm lòng, đã trở nên gần gũi, thân thương với nhân dân đất nước.

Khi biết đặt mình xuống để đóng góp cho đời, ta dần triệt tiêu tính ích kỷ cá nhân mà biết yêu đời hơn, suy nghĩ tích cực hơn, biết cảm thông hơn với những hoàn cảnh xung quanh, điều mà nếu cứ ở yên một chỗ sẽ không bao giờ cảm nhận được. Vì vậy, cần lắng tinh thần dẫn thân, những hoạt động tình nguyện góp sức của mọi người để xã hội tốt đẹp hơn mỗi ngày. Đó cũng là một nghĩa cử cao đẹp tri ân những ân tình cuộc đời dành cho bản thân mình.

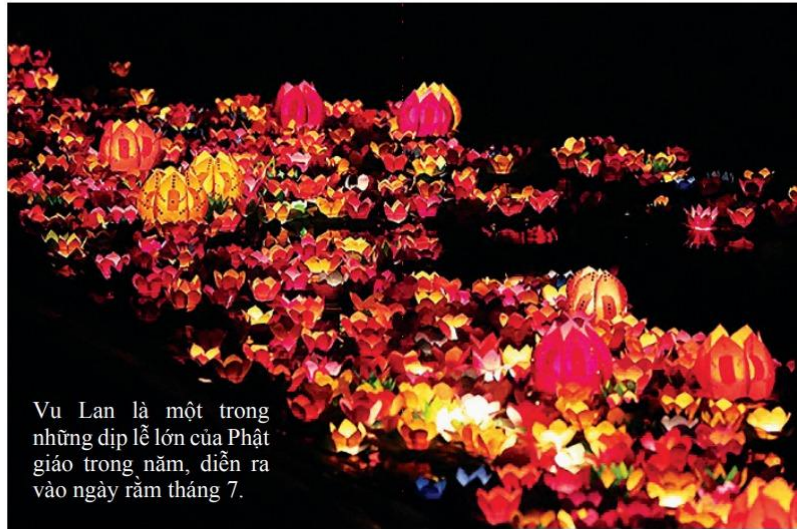
### *Lan tỏa tình thương đến kẻ còn người mất đều được lợi lạc*

Trong tâm thức của người phương Đông nói chung và người Việt nói riêng, dịp Rằm tháng 7 còn là “Ngày xá tội vong nhân”. Nên trong những ngày này, những gia đình có người thân quá vãng đều đến mộ để thăm nom và làm các mâm cơm cúng gia tiên, ông, bà, cha,





Cha mẹ thâm ân tựa đất trời,  
Nuôi con khó nhọc chẳng đầy vơi,  
Mở vòng tay lớn vì con trẻ,  
Đắt bước con đi giữa cuộc đời.



Vu Lan là một trong những dịp lễ lớn của Phật giáo trong năm, diễn ra vào ngày rằm tháng 7.

mẹ, đã khuất để nhớ tưởng đến nguồn cội. Phật giáo cũng tùy duyên hòa mình vào dòng chảy dân tộc, vì vậy, vào mỗi dịp Vu Lan về, ngoài các chương trình hướng đến tri ân và báo ân hai đấng sinh thành, các chùa trên cả nước thường tổ chức các nghi lễ cầu siêu cho các hương linh hay khai mở pháp hội bình đẳng chân tế nhằm tuyên dương giáo pháp của Đức Phật đến các loài hữu tình, những đồng bào tử nạn trong chiến tranh, những người vong mạng bơ vơ nơi rừng núi, tù ngục, biển khơi, hay những vong linh thai nhi chưa kịp ra đời...

Thông qua các nghi lễ tâm linh này, một mặt giúp thân nhân người quá cố được nhẹ hơn ở cõi lòng, nguôi ngoai bớt phần nào nỗi sầu uất và nhắc nhở họ siêng năng tạo nghiệp lành để hồi hướng công đức cho người quá cố, trợ duyên cho họ vượt qua bể khổ trầm luân bởi những tạo tác nghiệp lực đã gieo trồng từ quá khứ. Một mặt, sự kết hợp của kinh văn giáo lý huyền diệu của Đức Phật, uy lực chú nguyện của chư Tăng và lòng ước mong cao thượng của con người sẽ tạo nên sức mạnh tâm linh có thể truyền tải giúp họ hiểu hơn, vơi bớt phần nào những oan ức, hận thù, khổ sở, đau đớn, phát tâm hướng về Tam Bảo quy y và thác sinh về cõi lành. Chính những nghi lễ tâm linh này sẽ là sợi dây kết nối giữa con cháu với tổ tiên, nguồn cội; nêu cao truyền thống “*Uống nước nhớ nguồn*”, góp phần tạo nên một nét đẹp trong đời sống tinh thần, tâm linh của người Việt.

Bên cạnh đó, mùa Vu Lan cũng trùng vào ngày lễ Tự tứ mãn hạ sau ba tháng nghiêm trì Giới-Định-

Tuệ của chư Tăng, cũng còn gọi là ngày Phật hoan hỷ. Đây là cơ hội quý báu chư thiện nam tín nữ gieo trồng phước thiện trên mảnh đất thanh tịnh để tăng thêm phước đức sâu dày, tâm linh thăng tiến, duyên lành đối với Phật pháp sẽ kết chặt vững bền mãi mãi về sau. Cũng nhờ uy đức của sự thanh tịnh, hòa hợp của bản thể Tăng già, mà công đức được cúng dường đó như ngọn đèn rực sáng, chiếu soi bao hắc ám u minh; như ngọn gió thanh lương giội trừ bao nóng bức lamm than khô lụi, giúp người quá vãng sớm được siêu sanh về cõi lành. Xưa kia, Đức Phật cũng dạy ngài Mục Kiền Liên sắm sửa tứ sự cúng dường chư Tăng nhân ngày Tự tứ, nhờ hiệu lực chú nguyện của chúng Tăng thanh tịnh sau mùa an cư mà cứu bà Thanh Đề ra khỏi chốn tội đồ đau khổ.

### TẠM KẾT

Như thế, trải qua hàng nghìn năm, Vu Lan luôn là một trong những ngày lễ có sức sống văn hóa mãnh liệt nhất, nhắc nhở về hành trình giác ngộ giải thoát, ngày vun bồi truyền thống hiếu kính của ngàn xưa. Vì vậy, nó không còn giới hạn trong khuôn khổ của Phật giáo hay chỉ dành cho Phật tử mà trở thành lễ hội của tình thương, là đỉnh cao của chân thiện mỹ. Hãy luôn tâm niệm chúng ta sẽ không thể đứng vững giữa cuộc đời này nếu không có những ân tình. Để từ đó, mỗi mùa Vu Lan về sẽ là một lời động viên tiếp sức cho con người hãy sống xứng đáng với nỗi niềm ước mong của cha mẹ, thầy tổ, quốc gia và mọi người, để mỗi bước tiến trong cuộc hành trình luôn nở hoa màu nhiệm, mang lại nhiều niềm vui, hạnh phúc cho bản thân và tha nhân.





HIẾU ĐẠO TRỌNG ÂN



(Ảnh: sưu tầm)

# Lời Phật dạy về hiếu đạo

thông qua một số bài kinh trong kinh tạng Pāli

**ĐD. Thích Tịnh Đạo**

## **MỞ ĐẦU**

Hiếu đạo là một trong những đức tính cao quý nhất của con người nói chung và người Phật tử nói riêng. Trong vũ trụ bao la trời đất, cây cho hoa trái, Mặt Trời cho diệp lục xanh tươi, cha mẹ cho con bằng cả cuộc đời. Nhìn về quá khứ, cha mẹ luôn hiện hữu trong tất cả mỗi người, nhìn về tương lai, cha mẹ theo con trải dài vô tận. Công ơn cha mẹ luôn được ca ngợi với nhiều ngôn từ tốt đẹp và được xem là một hiện hữu vĩ đại giữa cuộc đời. Bôn phận người làm con luôn phải giữ cho tròn chữ “Hiếu”. Đạo Phật rất chú trọng chữ “Hiếu”, bằng phương pháp tông hợp, phân tích một số bài kinh trong Kinh tạng Nikāya, hy vọng bài viết có thể truyền tải đến độc giả tinh thần hiếu đạo của Phật

giáo qua những lời dạy mộc mạc, gần gũi và đầy sâu sắc của Phật.

## **CÔNG ƠN CHA MẸ**

Công ơn cha mẹ là điều mà thế gian luôn ca ngợi và thường được ví cao như núi, rộng như biển, dù những so sánh ấy cũng không diễn tả hết được. Trong *Kinh Tương Ưng II*, Phật cũng dạy về công ơn cao vời trên như sau: “*Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều hơn, sữa mẹ mà các Ông đã uống trong khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài, hay là nước trong bốn biển?*”

*Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng cái này là nhiều hơn, tức là sữa mẹ mà chúng con đã uống*



Khuyến khích, hướng dẫn cha mẹ thực hiện các pháp bố thí, thành tựu trí tuệ để rồi được chân hạnh phúc, là nền tảng để họ chứng đạo quả thì quả thật là một việc làm báo hiếu không có gì sánh bằng.

*trong khi chúng con lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài chớ không phải nước trong bốn biển!” [1].*

Ở đoạn kinh vừa dẫn, Phật ví sữa mẹ mà mỗi chúng sanh thọ dụng khi luân hồi còn nhiều hơn cả nước trong bốn biển. Khi một người thành hình với thân ngũ uẩn, tinh cha huyết mẹ là nhân duyên tối quan trọng cho quá hình thành này. Trong khi mang thai, sanh nở, cha mẹ luôn lo lắng, cực khổ lo toan, người mẹ còn phải chịu nỗi khổ của thân xác khi mang nặng đẻ đau. Sữa mẹ là phương thức nuôi dưỡng quan trọng và đầu tiên của mỗi chúng sanh. Để có thể sản xuất ra sữa nuôi dưỡng con, người mẹ phải chịu nhiều thứ từ bên trong cơ thể cho đến sự ăn uống hằng ngày, làm sao để có được nguồn dinh dưỡng tốt nhất, đầy đủ nhất. Ngoài công ơn bú mớm, trong mọi lĩnh vực, mọi thời gian của cuộc đời, công ơn cha mẹ cũng vô cùng vô tận. Sinh con ra, nuôi con khôn lớn, dạy dỗ cho ăn học, sắp xếp công ăn việc làm, giúp con lập gia đình, sớm khuya lo lắng chờ trông... chỉ một trong những điều trên cũng đã vĩ đại,

huống hồ là cả cuộc đời cha mẹ luôn làm tất cả những việc đó.

Đoạn kinh trên không những nói về cha mẹ trong hiện tại, mà còn nhắc đến tư tưởng “*luân hồi*” của đạo Phật với công ơn cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp. Một phần ý nghĩa khác khi ví sữa mẹ như biển lớn là chúng sanh đã luân hồi trong sáu nẻo không biết bao nhiêu kiếp sống, cha mẹ ở những kiếp sống cũng không kể xiết. Cho nên, nói rộng ra, mỗi con người đều mang trong mình trọng ân cha mẹ. Xét cho cùng, người làm cha mẹ cũng đã từng làm con cái, người làm con cái rồi cũng trở thành cha mẹ, cuộc sống cứ xoay vần chuyển dịch như vậy từ đời này qua đời khác, đây cũng là một trong những chân lý về khổ mà Đức Thế Tôn đã chỉ dạy. Ngoài ra, đoạn kinh còn phản ánh một tư tưởng nền tảng của *Kinh Báo đáp công ơn cha mẹ*. Có đoạn, kinh này nhắc đến việc Phật lay động xương khô, sau khi A-nan hỏi, Phật giải thích rằng động xương dồn dập bấy lâu, cho nên trong đó biết bao cốt hài, chắc cũng có ông bà cha mẹ trong nhiều đời nhiều kiếp của Ngài [2]. Hay trong tác phẩm *Nhập Bồ*

*Tát Hạnh* của tác giả Tịch Thiên, cũng nhắc trên tư tưởng này với mục tiêu là quán xét mọi chúng sanh như cha mẹ của mình nhằm phát triển tình thương yêu và nuôi dưỡng tâm Bồ-đề [3].

Trong *Kinh Tăng Chi Bộ I*, Đức Phật cũng nhấn mạnh công ơn cha mẹ sâu dày, không thể báo đáp thông thường mà hết được: “*Có hai hạng người, này các Tỳ kheo, ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và cha. Nếu một bên vai công mẹ, này các Tỳ kheo, một bên vai công cha, làm vậy suốt trăm năm cho đến 100 tuổi; nếu đấm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gội, và dầu tại đấy, mẹ cha có vài tiểu tiện đại tiện, như vậy, này các Tỳ kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha... có an trí cha mẹ vào quốc độ với tối thượng uy lực, trên quả đất lớn với bảy báu này, như vậy, này các Tỳ kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Vì có sao? Vì rằng, này các Tỳ kheo, cha mẹ đã làm nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời này” [4].* Cha mẹ là người đưa con vào đời và trong một ý nghĩa nào đó, cha mẹ luôn theo con cái từ quá





## HIẾU ĐẠO TRỌNG ÂN

Nếu như không may mắn, sanh vào gia đình mà cha mẹ không biết điều lành dữ, không hướng dẫn cho con cái hướng thiện, bản thân người con cũng không nên trách móc cha mẹ để rồi nảy sinh oán kết.

khứ đến hiện tại và trải dài đến tương lai, báo đáp bằng phương pháp thông thường của thế gian cũng chưa đủ mà phải thêm phần báo đáp bằng phương pháp xuất thế gian mà Phật dạy.

### BÁO ĐÁP THÂM ÂN

Công ơn cha mẹ bao la như trời biển, bốn phận người con phải như thế nào? Có cách nào để báo đáp công ơn cha mẹ? Cách báo đáp nào là cao thượng và ý nghĩa nhất đối với cha mẹ? Người viết xin dẫn một số bài kinh khác để trả lời lần lượt các câu hỏi trên.

#### *Bốn phận của con cái với cha mẹ và ngược lại*

Phận làm con phải lo tròn chữ hiếu, đó là điều mà ai cũng được học, được nghe và trở thành đạo lý

cao thượng giữa đời. Phật đã dạy về bốn phận của người con trong Kinh *Giáo thọ Thi-ca-la-việt* (Singalovāda-Suttanta) khi đánh lễ phương Đông để tưởng nhớ, lễ lạy cha mẹ với ý nghĩa rằng: *“Được nuôi dưỡng, tôi sẽ nuôi dưỡng lại cha mẹ; tôi sẽ làm bốn phận đối với cha mẹ; tôi sẽ gìn giữ gia đình và truyền thống; tôi bảo vệ tài sản thừa tự; tôi sẽ làm tang lễ khi cha mẹ qua đời”* [5].

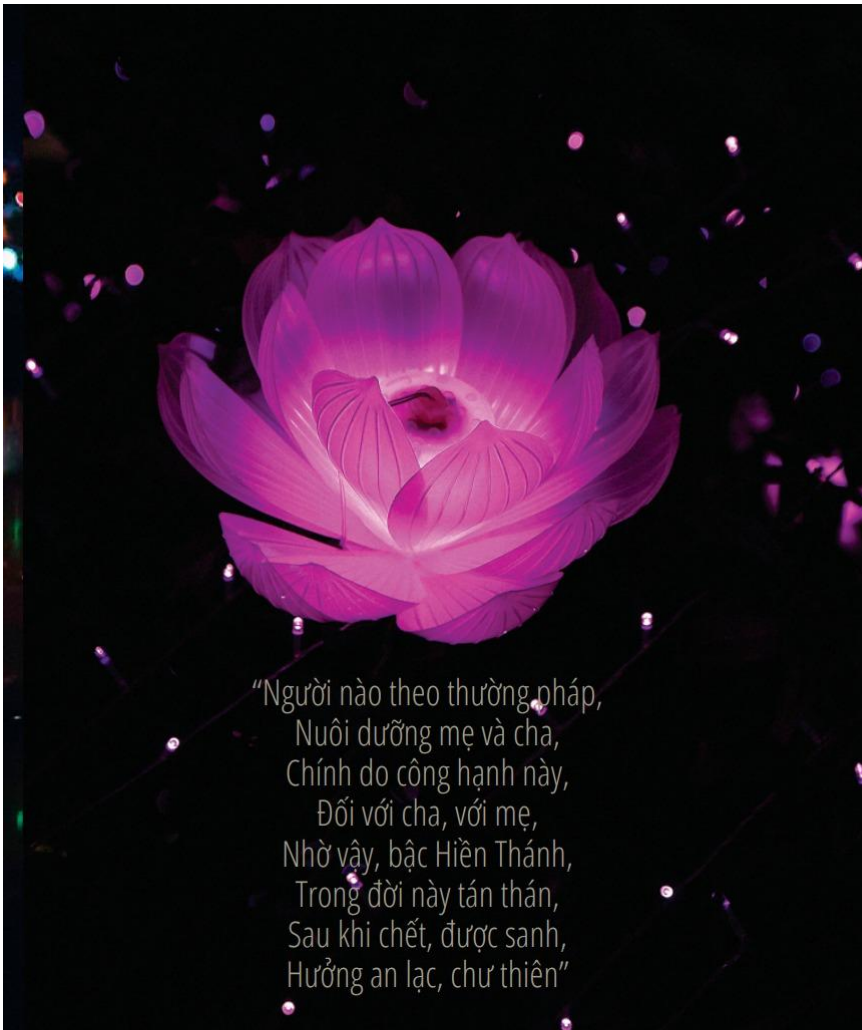
Đó là những việc mà bình thường một người con phải thực hiện ở đời. Khi còn nhỏ, cha mẹ nuôi dưỡng, chăm nom, khi có khả năng tự chăm sóc cho bản thân thì phải nhớ lấy công ơn cha mẹ đã từng chăm sóc chúng ta như thế nào mà quay trở lại chăm sóc cha mẹ. Phụng dưỡng cha mẹ từ

vật chất đến tinh thần, tức không những chỉ chăm sóc, lo lắng nuôi dưỡng hàng ngày hay lúc bệnh tật mà còn luôn cố gắng làm những điều cho cha mẹ vui lòng, đem lại hạnh phúc cho cha mẹ trong cuộc sống hằng ngày. Việc phụng dưỡng cha mẹ đem lại phước báu an lạc chư thiên, như trong Kinh *Tương Ưng bộ I*, Phật dạy:

*“Người nào theo thường pháp, Nuôi dưỡng mẹ và cha, Chính do công hạnh này, Đối với cha, với mẹ, Nhờ vậy, bậc Hiền Thánh, Trong đời này tán thán, Sau khi chết, được sanh, Hương an lạc, chư thiên”* [6].

Tiếp đến, người con phải biết lo lắng, giữ gìn truyền thống gia đình. Việc này cần được cân nhắc





“Người nào theo thường pháp,  
Nuôi dưỡng mẹ và cha,  
Chính do công hạnh này,  
Đối với cha, với mẹ,  
Nhờ vậy, bậc Hiền Thánh,  
Trong đời này tán thán,  
Sau khi chết, được sanh,  
Hưởng an lạc, chư thiên”

kỹ lưỡng, bởi phải tiếp thu có chọn lọc những truyền thống tốt đẹp, phù hợp với giá trị của xã hội luôn biến chuyển. Một người làm con, là thế hệ sau nên thừa kế và phát huy những gì tốt đẹp của gia đình, bên cạnh đó phải có chánh kiến, nhận ra những gì không tốt của thế hệ đi trước nhằm thay đổi, chuyển hóa, làm vậy thì cuộc sống gia đình mới ngày càng tốt đẹp hạnh phúc.

Đối với việc giữ gìn tài sản thừa tự cũng tương tự như giữ gìn truyền thống. Tài sản cha mẹ để lại cho con cái vô cùng quý giá, dù ít dù nhiều, người con phải chú tâm giữ gìn và phát triển. Không những vậy, còn phải biết sử dụng tài sản đó sao cho hợp lý, làm việc thiện, đem lại lợi ích cho

bản thân, gia đình và xã hội. Có như vậy, tài sản cha mẹ mới sử dụng đúng mục đích, cũng chính là đem lại lợi lạc cho cha mẹ vậy.

Làm lễ tang cho cha mẹ khi qua đời là điều hiển nhiên mà bất cứ người con nào cũng phải thực hiện cho trọn vẹn. Song, mỗi quốc gia, mỗi vùng miền lại có nghi lễ khác nhau, việc nên làm là người con phải chọn lựa cách thực hiện lễ tang sao cho hợp lý, đúng với ý nghĩa Phật dạy. Có thể thấy, một việc hết sức ý nghĩa và thường xuyên được hướng dẫn trong nghi lễ tang của Phật giáo Việt Nam đó là tụng kinh, hộ niệm, thực hiện bố thí cúng dường, hồi hướng công đức cho cha mẹ. Cần tránh những nghi lễ quá rườm rà không cần thiết trong lễ tang, đặc

biệt là giết hại sinh vật, đám tiệc linh đình, làm như vậy thì cả cha mẹ quá cố lẫn con cháu hiện tiền không được lợi ích gì.

Trên đây là những bổn phận cơ bản của một người con giữa cuộc đời mà Đức Phật đã dạy. Đối với bổn phận cha mẹ, không phải cha mẹ nào sanh con ra cũng làm tròn, làm đúng bổn phận của mình. Vì vậy mà trong bài kinh *Giáo thọ Thi-ca-la-việt*, Phật cũng hướng dẫn bổn phận của cha mẹ: “*Này Gia chủ tử, được con phụng dưỡng như phượng Đông, theo năm cách như vậy, cha mẹ có lòng thương tưởng đến con theo năm cách: Ngăn chặn con làm điều ác; khuyến khích con làm điều thiện; dạy con nghề nghiệp, cưới vợ xứng đáng cho con; đúng thời trao của thừa tự cho con*” [7]. Đoạn kinh vừa dẫn ở trên nói lên lời dạy của Phật về bổn phận làm những điều đúng đắn của bậc làm cha mẹ đối với con cái, cũng là nêu lên vai trò quan trọng của những ý nghĩ thiện, những lời nói, việc làm thiện. Và việc khuyến hóa cha mẹ theo những điều thiện như trên cũng là bổn phận của con cái, là phương thức báo hiếu cao thượng và ý nghĩa nhất.

### ***Báo hiếu cao cả nhất-cùng cha mẹ hướng thiện hưởng thượng***

Nếu như không may mắn, sanh vào gia đình mà cha mẹ không biết điều lành dữ, không hướng dẫn cho con cái hướng thiện, bản thân người con cũng không nên trách móc cha mẹ để rồi này sinh oán kết. Hay may mắn hơn một chút, cha mẹ là người có hiểu biết, có đạo đức trong xã hội, nhưng cha mẹ cũng chưa biết đến Phật pháp, còn nắm giữ những thú vui thường tình của thế gian mà cho





*Trong Kinh Tương Ưng II, Phật cũng dạy về công ơn cao vời trên như sau: “Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ kheo, cái gì là nhiều hơn, sữa mẹ mà các Ông đã uống trong khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài, hay là nước trong bốn biển?”*

đó là tất cả. Người con đó phải nhận thức được trách nhiệm của mình, thấu hiểu nghiệp lực của cha mẹ và gia đình, từ đó tìm cách vun trồng phước điền cho cả bản thân và cha mẹ. Và sau cùng là hướng đến mục tiêu giải thoát cao thượng của chính mình và cha mẹ, đó là phương thức báo hiếu cao thượng và ý nghĩa nhất. Đức Phật dạy về phương pháp báo hiếu, trả ơn trọn vẹn này trong Kinh *Tăng Chi Bộ I* rằng: “*Nhưng này các Tỷ kheo, ai đối với cha mẹ không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn an trú, các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với mẹ cha xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với mẹ cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ. Cho đến như vậy, này các Tỷ kheo, là làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha*” [8].

Đối với cha mẹ chưa có lòng tin với Tam bảo, người con cần xây dựng niềm tin này cho cha mẹ. Niềm tin vào Phật và người truyền bá những lời dạy này là bước khởi đầu cho quá trình tu tập chuyển hóa nghiệp lực. Cách xây dựng niềm tin có kết quả nhất là thông qua niềm tin của chính bản thân, tức người con phải Chánh tín Tam bảo, thường xuyên học tập và thực hành Phật pháp để tự mình có được an lạc hạnh phúc. Sau khi bản thân người con thực hành, có một kết quả nhất định nào đó, chắc chắn cha mẹ sẽ dễ dàng tin vào những gì mà con cái đang theo đuổi, cũng chính là tin tưởng vào con đường mà Phật đã dạy để chuyển hóa bản thân vậy.

Khuyến khích, hướng dẫn cha mẹ xa lìa ác giới và an trú vào thiện giới chính là giúp họ bỏ ác làm lành. Trong cuộc sống, do nghiệp

lực, có những bậc cha mẹ còn thực hiện các ác nghiệp với tham, sân, si. Những điều này có khi đem lại cái lợi trước mắt hay với lý do là nuôi con nên cực khổ ráng chịu đựng ác nghiệp. Cho dù là với lý do gì đi nữa, những việc làm ác sẽ chẳng bao giờ đem lại một lợi ích thiết thực lâu dài nào. Ví như có người con sanh ra trong gia đình làm nghề đồ tể, chứng kiến cha mẹ hằng ngày giết hại sinh vật, lấy đó làm phương tiện mưu sinh, nếu người con không được học tập Phật pháp, con đường thừa kế ác nghiệp là điều rất dễ xảy ra. Trong khi đó, nghề đồ tể là một trong những tà mạng với nghiệp sát rất nguy hiểm mà Phật đã dạy, cho nên bất cứ khi nào có thể từ bỏ nó thì quả thật là điều ý nghĩa vô cùng. Đó chỉ là ví dụ cho rất nhiều những ác nghiệp có thể dẫn tới quả khổ đau trong hiện tại và tương lai, cách báo hiếu cao cả nhất là giúp cha mẹ tránh khỏi



những ác nghiệp này, hướng đến các việc làm thiện lành. Một trong những nghiệp lành được nhắc đến trong đoạn kinh trên là bố thí.

Bố thí giúp cho cha mẹ đối trị với hạt giống tham, một trong ba căn bản phiền não. Một người biết bố thí, xả bỏ bớt tài vật sẽ đem lại an lạc hạnh phúc, khi bố thí thì chính người cho và người nhận đều nhận được năng lượng an lành. Đó chỉ mới là sự xả bỏ tài vật đã mang lại lợi ích, huống hồ hướng dẫn được cho cha mẹ về con đường thiện lành rồi, cha mẹ còn đem con đường đó chỉ dạy lại cho người khác. Như vậy là cha mẹ dần thành tựu được cả tài thí lẫn pháp thí, là một thành tựu vô cùng cao đẹp. Bố thí cũng là một trong các Ba-la-mật, đem lại lợi ích vô cùng to lớn mà trong *Kinh Bố Thí*, Phật đã nhắc tới ba mươi bảy lợi ích tương ứng với những việc bố thí, gồm: Ba nghiệp thanh tịnh, bốn thời an ổn; thân tâm luôn được an vui, không tán loạn; thân tướng đoan nghiêm, xa lìa chấp tướng; xa lìa khô phiền não cấu uế...; và lợi ích cao tột nhất khi đem tâm vô trụ, vô tướng bố thí thì sớm được chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác [9]. Sau cùng, việc báo hiếu cao thượng được trích dẫn trong đoạn kinh trên là khuyến khích, hướng dẫn cha mẹ an trú vào trí tuệ, từ bỏ si mê. Khuyến khích, hướng dẫn cha mẹ thực hiện các pháp bố thí, thành tựu trí tuệ để rồi được chân hạnh phúc, là nền tảng để họ chứng đạo quả thì quả thật là một việc làm báo hiếu không có gì sánh bằng.

Trên đây là những việc làm báo hiếu ý nghĩa nhất, cao thượng nhất và đầy đủ nhất cho cha mẹ. Những việc báo hiếu trọn vẹn như trên

cũng không dễ thực hiện. Chính Đức Phật khẳng định trong *Kinh Tương Ứng V*, những người con có hiếu đã rất khó mà có được, như một ít đất trên đầu móng tay, còn người con chưa hiểu đạo thì nhiều như đất trên cả địa cầu [10]. Huống hồ là người con tận hiếu theo ý nghĩa cao thượng, vĩ đại như trên. Thế nhưng, việc hiếu cao thượng đã được Đức Phật dạy rõ ràng như vậy, mặc dù rất khó nhưng không phải không thực hiện được. Làm sao để cùng cha mẹ hướng thiện, hướng thượng và sau cùng là đạt được sự giải thoát chính là cơ hội duy nhất để báo đáp trọn vẹn ân sâu cha mẹ.

### Kết luận

Thông qua một số bài kinh trong kinh tạng *Nikāya*, người viết đã nêu lên lời Phật dạy về công ơn của cha mẹ cùng phương pháp báo đáp. Ôn nghĩa sinh thành dưỡng dục của cha mẹ hiện tiền, cùng cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp cao dày, sâu nặng không thể kể xiết, thường được ví cao như núi, rộng như biển. Để báo đáp ân thâm sâu nặng đó, người con phải hết lòng phụng dưỡng cha mẹ khi còn tại thế từ vật chất đến tinh thần là việc làm báo hiếu cơ bản nhất mà mỗi người phải thực hiện. Thế nhưng việc báo hiếu cao thượng, có ý nghĩa nhất đó chính là khuyến khích, hướng dẫn cha mẹ làm lành tránh ác, chánh tín Tam bảo, trau dồi trí tuệ nhằm đạt được chân hạnh phúc, giải thoát nơi kiếp sống hiện tại và lợi lạc về tương lai.

Việc làm báo hiếu cao thượng như trên được chứng thực rõ ràng nhất qua cuộc đời của Đức Phật. Từ một vị vương tử có tương lai là Chuyển luân thánh vương,

Ngài đã nhận ra đó không phải là cứu cánh mà từ bỏ để đi tìm con đường giác ngộ, giải thoát. Sau khi thành đạo, Phật đã trở về hóa độ vua cha thành bậc Tu-đà-hoàn và trước khi lâm chung Phật giảng pháp cho vua cha chứng đắc quả vị A-la-hán. Đó chính là tấm gương đại hiếu mà mỗi người đều phải hướng về và nguyện từng bước cố gắng thực hiện cho dù trải qua bao nhiêu kiếp sống đi nữa.

### Chú thích và tài liệu tham khảo:

- [1] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (1991), *Kinh Tương Ứng 2*, Thiên Nhân Duyên, Chương IV: Tương Ứng Vô Thi I, Phẩm thứ nhất, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.314.
- [2] Thích Huệ Đăng, *Kinh Vu lan và Báo hiếu*, Nxb. Tôn giáo.
- [3] Thích Trí Siêu dịch (2015), *Bồ Tát Hạnh*, Nxb. Hồng Đức.
- [4] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (1996), *Kinh Tăng Chi Bộ I*, Chương II Hai Pháp IV. Phẩm Tâm Thăng Bằng, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.119.
- [5] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (1991), *Kinh Trường Bộ 2*, 31. Kinh Giáo Thọ Thi Ca-La-Việt, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.542.
- [6] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (1991), *Kinh Tương Ứng I* Thiên Có Kê, Chương VII Tương Ứng Bà-La-Môn II. Phẩm Cư Sĩ, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.399.
- [7] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (1991), *Kinh Trường Bộ 2*, 31. Kinh Giáo Thọ Thi Ca-La-Việt, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.542.
- [8] Hòa Thượng Thích Minh Châu (2015), *Kinh Tăng Chi Bộ - Tập I*, IV. Phẩm Tâm Thăng Bằng, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.98-99.
- [9] Sa Môn Thích Tịnh Hạnh (2000), *Đại Tập 65 - Bộ Kinh Tập XII - Số 674 -> 720, Số 705 - Kinh Bố Thí*, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn (Đài Bắc), tr.735.
- [10] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (1991), *Kinh Tương Ứng 5 Đại Phẩm*, Chương XII Tương Ứng Sư Thật, VII. Phẩm Bánh Xe Lược Thuyết, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.675.





## theo pháp xuất thế gian



Nguyệt Đông

**N**hìn lại quãng đời đã qua, chúng ta thấy mình mang nặng ơn nghĩa của biết bao người. Thậm chí đến cả những vật hữu tình hay vô tình, chúng đều âm thầm hy sinh thầm lặng cho ta. Nhưng trước hết, ơn sâu nặng mà muôn đời cho đến ngàn sau chúng ta cũng không đền đáp được, đó là ơn cha mẹ. Ân đức sâu dày này thật khó dùng ngôn ngữ để báo hiếu khi nghe qua lời dạy của Đức Phật: “*Có hai hạng người, này các Tỳ kheo, Ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và cha. Nếu một bên vai công mẹ, này các Tỳ kheo, nếu một bên vai công cha, làm vậy suốt trăm năm, cho đến trăm tuổi; nếu đầm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gột, và dầu tại đây, mẹ cha có vài tiểu tiện đại tiện, như vậy, này các Tỳ kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ cho mẹ và cha* [1].

### HIẾU ĐẠO LÀ ĐẠO ĐỨC TIÊN QUYẾT

Thuở xưa, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lúc mới thành đạo Vô thượng Chánh giác trong khi ngồi dưới cội Bồ đề, Ngài bắt đầu kiết “*Bồ tát giới*”, tuyên thuyết rằng: “*Hiếu thuận với cha mẹ, sư tăng, Tam Bảo. Hiếu thuận là pháp chí đạo*” [2]. Một số người chưa hiểu rõ Phật giáo, cho rằng xuất gia là bất hiếu mà không biết rằng pháp xuất thế gian đề cao đạo hiếu là pháp chí đạo. Hiếu theo thế gian thì chú trọng hình thức lễ lồi nhất định, còn đạo hiếu Phật giáo tùy giãn lược bề ngoài nhưng chuyên chú dốc sức nơi cái gốc. Ví dụ, theo Nho gia thì hầu hạ, phụng dưỡng cho cha mẹ yên thân là hiếu. Lập thân, hành đạo, lưu danh hậu thế, khiến cho cha mẹ hãnh diện gọi là đại hiếu.



Trong Kinh Phụ mẫu ân trọng nan báo nói: “Ví như có người vai trái cõng cha, vai phải cõng mẹ, thịt nát thối xương, xương nát thối tủy, đi vòng quanh khắp núi Tu-di, trải trăm ngàn kiếp, máu tuôn ngập gót chân, vẫn không thể đền đáp được thâm ân của cha mẹ”.

Chữ hiếu trong Phật giáo còn thêm một tầng ý nghĩa nữa. Đức Phật đã đưa ra tiêu chuẩn đối với một người con được gọi là hiếu đạo phải hội đủ cả hai mặt sự và lý. Sự là hình thức báo đáp bên ngoài như luôn yêu thương, kính lễ, không làm cho cha mẹ phiền lòng, chăm nom phụng dưỡng khi cha mẹ về già từ vật chất đến tinh thần. Lý là chăm lo về đời sống tâm linh cho cha mẹ. Người con cần hướng cha mẹ đến quy y Tam bảo, tu theo chánh đạo, tin sâu nhân quả, thoát khỏi mê tín, tăng tiến trên con đường giải thoát, đạt được an lạc hạnh phúc ngay hiện đời và mai sau.

Người thế gian kề cận cha mẹ báo hiếu bằng cách thân cận gần gũi chăm sóc, còn người xuất gia dù không còn ở nhà, kề cận ngày đêm với cha mẹ nhưng không quên ơn cha mẹ và phải luôn có ý thức đền ơn theo cách của người tu. Là người xuất gia, chúng ta đền ơn cha mẹ bằng cách làm cho công lao của cha mẹ không dừng lại nơi chính mình. Nghĩa là đem công lao tạo thành hình hài của

cha mẹ biến thành sự tu tập, sự thương yêu, làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Như vậy, công lao cha mẹ tạo ra mình không còn dừng lại tại tâm thân nhỏ bé này mà lan tỏa đến nhiều nơi, nhiều mảnh đời và toàn thể chúng sanh. “*Được như thế thì không phải chỉ cha mẹ một đời, mà song thân nhiều đời kiếp đều được độ thoát; không phải chỉ cha mẹ một người, mà song thân tất cả mọi người cùng được siêu thăng*” [3].

#### **CÔNG ƠN CHA MẸ KHÔNG DỄ ĐỀN ĐÁP**

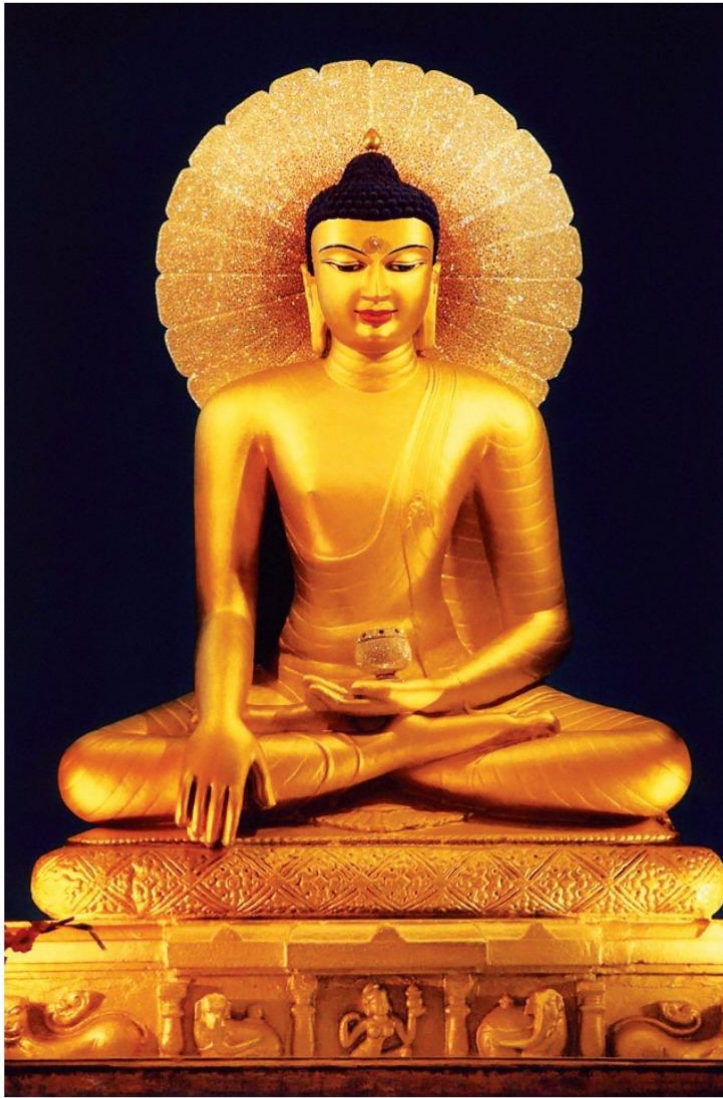
Trong Kinh Phụ mẫu ân trọng nan báo nói: “*Ví như có người vai trái cõng cha, vai phải cõng mẹ, thịt nát thối xương, xương nát thối tủy, đi vòng quanh khắp núi Tu-di, trải trăm ngàn kiếp, máu tuôn ngập gót chân, vẫn không thể đền đáp được thâm ân của cha mẹ*” [4]. Qua lời kinh đủ thấy công ơn cha mẹ không thể dùng hết ngôn từ để báo đáp được. Vì có sao? “*Vì rằng, mẹ cha đã làm nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu*

*chúng vào đời này*” [5]. Kể ra thì vô số đủ điều cha mẹ làm cho con cái từ khi còn phôi thai cho đến trưởng thành đi vào đời, thậm chí đến lúc yên bề gia thất cha mẹ vẫn không khỏi dõi theo bóng con.

Trong hệ thống kinh điển, Đức Phật thường hay lấy cái bao la rộng lớn của biển cả để so sánh cho điều vĩ đại, mượn sự hữu hình để nói cái vô hình. Dòng sữa mẹ cũng thế, chúng ta đã thọ hưởng còn nhiều hơn nước trong bốn biển mà không một lần nghĩ lại, chúng ta được nuôi dưỡng từ nguồn sữa nào? “*Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng cái này là nhiều hơn, tức là sữa mẹ mà chúng con đã uống trong khi chúng con lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài chứ không phải nước trong bốn biển*” [6]. Không chỉ đời này là cha mẹ ta, mà có thể nhiều đời đã là song thân ta. Ta được uống dòng sữa mẹ không chỉ đời này mà có thể nói trăm đời, nghìn đời đều cùng chung một dòng sữa, cùng chung nghĩa nặng ơn sâu của cha mẹ.



## HIẾU ĐẠO TRỌNG ÂN



Thuở xưa, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lúc mới thành đạo Vô thượng Chánh giác trong khi ngồi dưới cội Bồ đề, Ngài bắt đầu kiết “*Bồ tát giới*”, tuyên thuyết rằng: “*Hiếu thuận với cha mẹ, sư tăng, Tam Bảo. Hiếu thuận là pháp chí đạo*”.

### **KHUYẾN HÓA CHA MẸ HƯỚNG THIỆN**

Báo hiếu cha mẹ là bổn phận, là điều dĩ nhiên của con người. Nên chuyện báo hiếu không hứa hẹn lứa tuổi, cũng không phải đợi trưởng thành, có điều kiện mới báo đáp được công ơn cha mẹ. Tùy vào giai đoạn mà có nhiều cách báo đền ân đức khác nhau. Khi đang còn trong vòng tay bảo bọc, dạy dỗ của cha mẹ thì nên

vâng lời, học hành chăm ngoan không để phiền lòng, thiết thực hơn là phụ giúp việc nhà đỡ phần khó nhọc cho cha mẹ. Rồi cho đến khi tự lập và có thể tiếp nối dòng giống thì hiếu đạo được thể hiện bằng cách tích cực làm việc, chăm chỉ cố gắng và nghiêm túc với việc lập gia đình để cha mẹ không buồn phiền.

Điều cha mẹ cần nhất khi già yếu đau ốm là sự chăm sóc, yêu thương của con cái. Đạo hiếu chính là không nề hà hoàn cảnh, không ngại khó nhọc mà vẫn kề cận cha mẹ. Khi còn tại thế thì phụng dưỡng, chăm sóc, ân cần. Đến khi mất thì thờ phụng cung kính, tưởng nhớ không quên ơn nghĩa sinh thành. Năm bổn phận báo hiếu trên được Đức Phật đề cập trong Kinh *Thi Ca La Việt* thuộc *Trường bộ Linh* như sau: “*Cung kính vâng lời cha mẹ; Phụng dưỡng cha mẹ khi già yếu; Giữ gìn thanh danh và truyền thống gia đình; Bảo quản tài sản do cha mẹ để lại; Lo tang lễ chu đáo khi cha mẹ qua đời*” [7]. Như lời Phật dạy, đây là năm bổn phận mà bất kỳ người con nào cũng phải thực hiện, mới mong báo đền công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ.

Đối với người xuất gia, sự báo đáp cha mẹ sâu sắc và vĩ đại hơn nữa, vì sự báo đáp đó chính là hướng cha mẹ vào con đường thiện lành, gieo tạo nhân lành không chỉ hiện tại mà còn đến mai sau. “*Này các Tỷ kheo, ai đối với cha mẹ không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào lòng tin. Đối với cha mẹ theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới. Đối với cha mẹ xan*



tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú vào bố thí. Đối với cha mẹ theo ác tuệ, khuyến khích hướng dẫn, an trú vào trí tuệ. Như vậy là làm đủ và trả ơn đủ cho mẹ và cha” [8]. Làm được như lời Phật dạy mới đúng là trả công ơn cha mẹ một cách cùng tốt. Và cũng chính hạng người này được Đức Phật khen ngợi: “Nếu người nào biết ơn và đền ơn cho dù ở cách xa Ta ngàn dặm, nhưng ta vẫn xem người đó như đứng hầu gần bên Ta. Còn nếu như người nào không biết ơn và đền ơn, cho dù người đó có đứng hầu gần bên Ta nhưng Ta vẫn xem họ cách xa ngàn dặm”.

Thật không dễ dàng để chúng ta khuyến hóa một người theo con đường thiện khi nghiệp quá khứ đã tích lũy nhiều kiếp. Vậy thì, việc hiện tại chúng ta nên nỗ lực tự thân tu tập sám hối song song tâm tình chuyển nhân quả nghiệp

báo để cha mẹ tin sâu. Một khi cha mẹ đã tin tưởng vào nhân quả tuyệt đối, chúng ta dễ dàng xoay chuyển và khuyến tấn cha mẹ tin sâu vào Tam bảo. Thêm một cách báo hiếu thiết thực là phát khởi tâm từ bi phóng sanh cứu vật, rồi hồi hướng đến cho cha mẹ. Trong *Phạm Võng Giới Kinh*, nhất nhất đều dạy nên sanh tâm từ bi, tâm hiếu thuận. Lại nói: “Nếu là đệ tử Phật hãy nên dùng tâm từ bi thực hiện chuyện phóng sanh vì hết thấy người nam đều là cha ta, hết thấy nữ nhân đều là mẹ ta. Đời đời không lúc nào ta chẳng được họ sanh ra. Do vậy, lục đạo chúng sanh đều là cha mẹ ta. Giết chúng sanh ăn thịt chính là giết cha mẹ ta” [9]. Có thể nói, đây là những phương cách báo hiếu mang đậm dấu ấn giác ngộ chân lý của đạo Phật và cũng là những biểu hiện sự sâu sắc rât ráo về việc lo lắng đời sống tâm linh của cha mẹ, có nghĩa là báo hiếu cha mẹ trong

muôn kiếp về sau chứ không giới hạn trong đời sống hiện tại.

### PHƯỚC BÁO HIẾU DƯỠNG

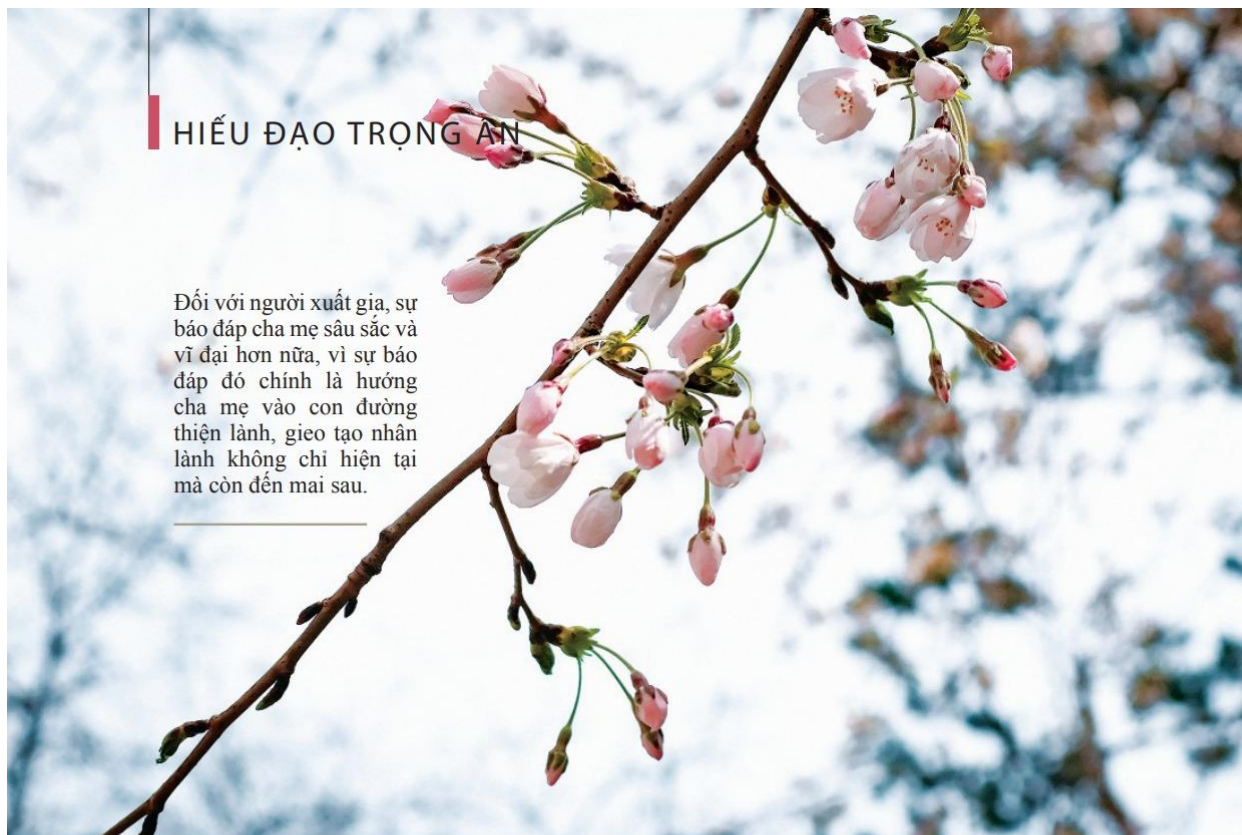
Đức Phật đã dạy: “Cha mẹ tại tiền như Phật tại thế”, “Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật”. Đức Phật tịch diệt cho đến hôm nay đã gần 2.600 năm rồi, mà phước báu của Ngài vẫn còn nhân lên mãi. Ai thực hành theo lời dạy của Ngài, vẫn được giải thoát, an lạc và hưởng nhiều phước báu vô cùng, vô tận. Nên phụng dưỡng cha mẹ khi còn sống, xem như phụng dưỡng hai vị Phật sống tại nhà, thì phước đức nào bằng.

*Người nào theo thường pháp,  
Nuôi dưỡng mẹ và cha  
Chính do công hạnh này,  
Đối với cha, với mẹ,  
Nhờ vậy, bậc Hiền Thánh  
Trong đời này tán thán  
Sau khi chết, được sanh  
Hưởng an lạc, chư Thiên* [10].



Người con cần hướng cha mẹ đến quy y Tam bảo, tu theo chánh đạo, tin sâu nhân quả, thoát khỏi mê tín, tăng tiến trên con đường giải thoát, đạt được an lạc hạnh phúc ngay hiện đời và mai sau.





## HIẾU ĐẠO TRỌNG AN

Đối với người xuất gia, sự báo đáp cha mẹ sâu sắc và vĩ đại hơn nữa, vì sự báo đáp đó chính là hương cha mẹ vào con đường thiện lành, gieo tạo nhân lành không chỉ hiện tại mà còn đến mai sau.

Tình thương của cha mẹ vẫn hằng hữu và công ơn cha mẹ vẫn mãi hiện hữu trong mỗi chúng ta. Ta đến cuộc đời này với hai bàn tay trắng, khi ra đi cũng chỉ trắng hai tay, vậy tại sao không lo sống hiếu nghĩa và tu tạo phước đức để cha mẹ hài lòng, an vui mà còn tích được nhân lành cho mai sau như trong Kinh *Hiền Ngụ*, Đức Phật dạy: *“Lòng hiếu thảo cũng chính là nhân lành, là hạnh của bậc thánh. Ta tự nhớ trong nhiều kiếp quá khứ, từ tâm hiếu thuận cúng dường cha mẹ, do công đức như vậy nên lên các tầng trời thì làm vị thiên đế, xuống trần gian thì làm vị Thánh vương”*.

Không phải vì phước báu hiếu dưỡng cha mẹ ngang bằng với phước cúng kính Đức Phật mà chúng ta mới báo hiếu. Báo hiếu phải từ tận trong tâm khảm của chính ta, vì công ơn cao vời như núi, rộng như biển của cha mẹ. Vì ít hơn là các chúng sanh có hiếu kính với cha. Và nhiều hơn là các chúng sanh không hiếu kính với

cha [11]. Nhận thức rằng, đời này hoặc vô số đời sống tiếp, ta khó thể báo đáp trọn vẹn công đức sinh thành của cha mẹ. Nên tự thân luôn răn nhắc mình sống hiếu đạo và làm tấm gương cho thế hệ sau, hầu báo đáp ơn đức vô hạn ấy.

Mỗi bước chân con đi qua trong cuộc đời là máu xương cha nhỏ xuống. Mỗi giây phút con buồn vui sướng khổ là trái tim cha mẹ bật khóc bật cười. Tâm của cha. Lòng của mẹ. Mười phương chư Phật, tất cả hiền thánh, vạn loại sinh linh thấy đều cảm trọng tri ân. Nơi đây, ngôn từ cạn cợt, ý tứ vơi vọt làm sao con bày tỏ hết thâm ân cha mẹ cao tốt. *“Mẹ ơi, ngôn ngữ trần gian là túi rách, sao đựng đầy hai tiếng mẹ ơi”*. Nhân mùa Vu Lan thiêng liêng, chúng con nhớ về ân nghĩa đã thọ nhận trong cuộc đời. Kính gửi đến những bậc làm cha làm mẹ một niềm kính thương sâu sắc và lòng biết ơn vô hạn. Nguyện cầu chư Phật gia hộ cho tất cả cha mẹ đạo

tâm kiên cố, vững chãi trên bước đường học Phật hôm nay và mai sau, mãi là nguồn sữa mát bất tận nuôi lớn chúng con từng ngày.

### Chú thích và tài liệu tham khảo:

- [1] Hòa thượng Thích Minh Châu, *Kinh Tăng chi bộ*, Phẩm Tâm thăng bằng, tr.60.
- [2] Hòa thượng Thích Trí Tịnh, *Kinh Phạm võng Bồ tát giới*, tr.17.
- [3] Đại sư Thật Hiền soạn, *Khuyến phát Bồ đề tâm văn*, tr.76.
- [4] HT. Huyền Tôn dịch, *kinh Đại báo phụ mẫu trọng ân*, tr.29.
- [5] Hòa thượng Thích Minh Châu, *Kinh Tăng chi bộ*, Phẩm Tâm thăng bằng, tr.60.
- [6] Hòa thượng Thích Minh Châu, *Kinh Tương ưng bộ*, Tương ưng vô thi, kinh sữa, tr.423.
- [7] Hòa thượng Thích Minh Châu, *Kinh Trường bộ*, Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt, tr.542.
- [8] Hòa thượng Thích Minh Châu, *Tăng Chi Bộ*, chương 2, phẩm Tăng thăng bằng, tr.119.
- [9] Hòa thượng Thích Trí Tịnh, *Kinh Phạm võng Bồ tát giới*, tr.34.
- [10] Hòa thượng Thích Minh Châu, *Kinh Tương ưng bộ*, Tương ưng Bà la môn, tr.213.
- [11] Hòa thượng Thích Minh Châu, *Kinh Tương ưng bộ*, kinh Hiếu kính mẹ cha, tr.1326.





# VU LAN NHỚ MẸ

**Nhất Chi Mai**

Lại đến một mùa Vu Lan con xa mẹ!  
Ngực áo con, bông hồng trắng hanh hao...  
Mùa thu này mẹ ở nơi nao?  
Đêm con ngâu, con nghẹn ngào nỗi nhớ!

Mẹ đã đi qua bao mùa lá đỏ...  
Con mưa nào cho giọt lệ ngừng rơi?  
Sớm mai này, con gọi mẹ, mẹ ơi!  
Chi có gió thay lời con, thổn thức...

Mẹ dạy con sống làm người nhân đức  
Lòng thiện tâm, không sân hận, tham si  
Gặp khổ đau chớ phiền lụy sâu bi  
Luôn vui sống, sống yêu đời, đẹp đạo...

Sống làm người biết cho đi đáp báo  
Luôn yêu thương, lòng hỷ xả, từ bi  
Như nắng vàng xua giông tố tan đi  
Mầm hạnh phúc sẽ nở hoa, kết trái

Tháng bảy Vu Lan chấp tay con xin lạy  
Ôn mẹ cha công dưỡng dục sinh thành  
Như nắng mai về gieo rạng rỡ, tươi xanh  
Cây hạnh phúc sẽ tươi cành xanh lá.

## THƯƠNG LẮM BÀN TAY CỦA MẸ TÔI

**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Thương lắm, bàn tay của mẹ tôi  
Bong da, đen sạm bởi nắng trời.  
Suốt mùa cây hái trên đồng bãi  
Tảo tần, tất bật chẳng hề ngơi...

Thương lắm, bàn tay của mẹ tôi  
Chẳng đẹp xinh như của mọi người!  
Với tôi, tất cả đều vô giá  
Tất cả vì con, trọn cuộc đời!

Thương lắm, bàn tay của mẹ tôi  
Làm ra hạt gạo, đổ mồ hôi  
Cũng bàn tay ấy, chăm con học  
Lầm lập mà luôn đẹp nụ cười ...

Thương lắm, bàn tay của mẹ tôi  
Khi trời mưa dầm, khi nắng nôi  
Thầm lặng bên đời hình bóng mẹ  
Mở lối xanh con bước vào đời...

Thương lắm, bàn tay của mẹ tôi  
Bình minh thức dậy, nắng tinh khôi  
Nâng bàn tay ấm, thăm ơn mẹ  
Tìm reo xao xuyên, dạ bồi hồi...






 HIẾU ĐẠO TRỌNG ÂN


# Xuất gia báo hiếu

SC. Thích Nữ Định Tuệ

## ĐẠO PHẬT ĐỀ CAO CHỮ HIẾU

Thật vậy, dù là người lao động chân lấm tay bùn hay bậc Thánh thì vẫn mãi mãi là con của cha mẹ. Vì thế, phàm làm con phải lo báo ơn công sanh thành dưỡng dục, nhất là tu sĩ chúng ta phải luôn nhớ rằng nếu không có cha mẹ thì làm sao ta có thân này để học đạo giải thoát. *“Thông thường thể nhân không hiểu rõ đạo hiếu thuận tuy dị danh nhưng đồng nhất thể nên khi thấy những người con xuất gia vào chùa cắt ái từ thân, không nuôi dưỡng cha mẹ; cạo râu bỏ tóc, đem thân giam hãm nơi chốn thiền môn thanh tịnh không thờ cúng tổ tiên, thừa tự gia nghiệp liền cho rằng xuất gia là bất hiếu”* [1]. Quan niệm ấy rất sai lệch. Phải biết rằng xuất gia không

những không quên hiếu đạo mà còn rất coi trọng đạo hiếu. Chúng ta từng nghe kinh dạy rằng:

*“Tâm hiếu là tâm Phật  
Hạnh hiếu là hạnh Phật”.*

Vi vậy, những ai làm đệ tử Phật nhất định không thể quên hiếu hạnh. Ngược dòng lịch sử cho chúng ta thấy, cũng chính vì hiếu hạnh với cha mẹ và muốn cứu khổ chúng sanh mà thái tử Tất Đạt Đa đã dám từ bỏ quê hương đất nước, ngai vàng, vợ đẹp con ngoan để xuất gia tìm đạo giải thoát. Sau nhiều năm tu hành khổ hạnh, đến khi thành Phật không lâu Ngài liền trở về quê hương giáo hóa phụ vương và dòng họ Thích. Cũng chính vì hiếu hạnh mà ngài đã lên



Theo quan điểm của Phật pháp: “Tất cả nam tử là cha ta, tất cả nữ nhân là mẹ ta. Từ nhiều đời ta đều thác sanh nơi đó. Vì lẽ ấy, nên chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ ta. Nếu giết chúng để ăn thịt, thời chính là giết cha mẹ ta, mà cũng là giết thân cũ của ta.

cung trời Đạo Lợi nói Kinh *Địa Tạng* để hóa độ thân mẫu được lợi ích lớn. Tuy vua cha đã thâm nhuần đạo giải thoát nhưng khi nghe tin cha bệnh nặng, Ngài liền vội vã trở về quê hương thuyết pháp cho vua nghe lần cuối khiến vua Tịnh Phạn tâm được giải thoát. Không những hiện đời ngài đã thực hành hiếu hạnh mà từ vô lượng kiếp quá khứ ngài cũng đã từng làm con hiếu thảo. Không những khi làm thân người mà ngay cả những kiếp đọa lạc làm loài chim thú ngài vẫn luôn thực hành hiếu hạnh như trong các bài kinh *Bốn sanh*, *Bốn sự* đã nói rõ.

Có thể nói, chính vì lòng hiếu thảo mà từ vô lượng kiếp Ngài sẵn sàng từ bỏ đầu, mắt, tay, chân để phụng dưỡng cha mẹ. Chính vì lòng hiếu thảo mà Ngài đã từ bỏ được những thứ khó bỏ, làm được những việc khó làm, nhận được những điều khó nhận cho nên trong kinh gọi là “*Đại phương tiện Phật báo ân*”. Như thế, dòng suối hiếu hạnh của Đức Thế Tôn đã chảy mãi khắp không gian và thời gian, từ vô lượng kiếp quá khứ cho đến tận cùng vị lai. Cũng chính vì hiếu hạnh mà Ngài đã tinh tấn tu hành chứng thành vô thượng chánh đẳng chánh giác. Cho nên Vu Lan Bồn sơ có câu rằng:

“*Khê thủ tam giới tôn  
Đại hiếu Thích Ca Tôn  
Lịch kiếp báo thâm ân  
Tích nhân thành chính giác*” [2].

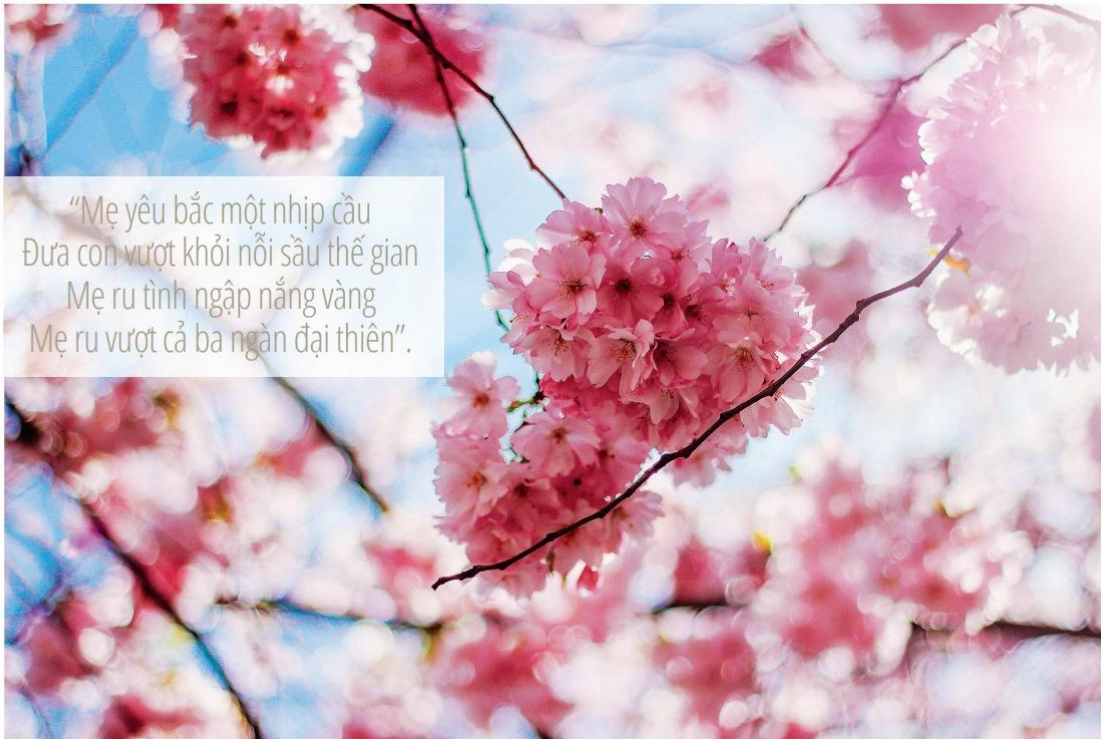
Nổi tiếp tinh thần hiếu hạnh của đức Thích Ca từ phụ, những bậc Tổ sư, chư Thánh đệ tử cũng là những tấm gương hiếu hạnh sáng ngời. Như tiền thân ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát là bà Quang Mục vì cứu khổ mẹ và tất cả chúng sanh trong địa ngục mà phát lời thề nguyện vang lừng ba cõi: “*Địa ngục chưa không thể chẳng thành Phật. Chúng sinh độ tận mới chứng Bồ Đề*”. Cho đến ngài Mục Kiền Liên vì đại hiếu mà vào địa ngục cứu mẫu thân. Ngài Xá Lợi Phất trước khi vào Niết Bàn còn trở về quê hương lần cuối để độ mẹ già, mặc dù mẹ ngài không có thiện cảm về các vị Sa môn. Với tấm lòng hiếu thảo, ngài Xá Lợi Phất đã dùng phương tiện thiện xảo để giáo hóa người mẹ cố chấp của mình khiến bà chứng quả. Không những ở Ấn Độ mà ngay cả Trung Hoa cũng có nhiều vị Tổ sư với tấm lòng hiếu kính, biết ơn vô cùng thiêng liêng sâu sắc như: “*Lục tổ Huệ Năng có 10 lạng bạc cúng mẹ hết rồi ra đi học đạo tay không. Đức Ngũ tổ Hoằng Nhẫn làm nhà riêng hầu mẹ để tạ cái ơn sáu năm nhần khổ cựu mang, Rạng Pháp sư công mẹ đi giảng pháp*” [3]. Còn ở

Việt Nam có tổ Nhất Định nổi tiếng hiếu thảo. Hoà thượng (ở Huế) đã khiến vua Tự Đức cảm phục và ban cho Sắc tứ Từ Hiếu tự. Tại miền Bắc nước ta có Hòa thượng Cua (còn gọi là tổ Cáy) sau 40 năm học đạo đã trở về quê hương giáo hóa mẹ già khiến sinh tín tâm với Tam Bảo, sớm hôm chấp tác trong chùa, ăn chay niệm Phật. Đến khi thân mẫu tạ thế, Ngài đã lo tang mẹ và phát nguyện bên quan tài rằng: Trong kinh dạy: “*Một người con tu hành đắc đạo thì cha mẹ được sinh thiên*”. Nếu lời này không hư dối thì xin Tam bảo chứng minh lời phát nguyện: chiếc quan tài này sẽ bay lên hư không. Vị thiền sư ấy chính là thiền sư Tông Diễn hiệu Chơn Dung (1640 – 1711) bằng nhiều phương tiện thiện xảo đã giúp vua Lê Hy Tông cải ác quy thiện, trở về với Phật pháp. Cho đến chư vị tôn túc Hòa thượng cũng là những tấm gương hiếu hạnh sáng chói khiến hậu thế noi theo như: Hoà thượng Thích Trí Tịnh (chùa Vạn Đức), Hoà thượng Thanh Từ, Hòa thượng Nhật Quang (thiền viện Thường Chiếu).

Thông thường, thế gian hết lời ca tụng, ngợi khen những người con hiếu thảo hết lòng phụng dưỡng cha mẹ, không quản ngại khó khăn gian khổ nhưng ít có ai biết tán dương



## HIẾU ĐẠO TRỌNG ÂN



“Mẹ yêu bắc một nhịp cầu  
Đưa con vượt khỏi nỗi sầu thế gian  
Mẹ ru tình ngập nắng vàng  
Mẹ ru vượt cả ba ngàn đại thiên”.

người xuất gia là để báo hiếu. Phải biết rằng phương pháp báo hiếu của người xuất gia rộng lớn vô cùng đâu cứ phải sớm khuya hầu hạ mới là báo hiếu. Họ đâu có biết rằng báo hiếu có ba bậc: tiểu hiếu, trung hiếu và đại hiếu. Tiểu hiếu nghĩa là đạo làm con phải hết lòng phụng dưỡng cha mẹ trong lúc khỏe mạnh cũng như khi đau ốm. Đến khi cha mẹ quá vãng thì hết lòng thờ cúng, giữ gìn gia nghiệp. Còn trung hiếu nghĩa là những người con lớn lên đồ đạt thành tài, thành danh đem vinh hiển cho cha mẹ dòng tộc và quê hương không chỉ trong một đời mà còn làm “*Quang tông diệu tổ*” về sau. Còn bậc đại hiếu là xuất gia tu hành đặc đạo, không những cứu khổ cha mẹ hiện đời mà còn cứu độ song thân nhiều kiếp.

Như vậy, về sự tướng trên hiện thực mà nói thì các vị Tổ sư,

Thánh đệ tử Phật đều là những bậc đại hiếu. Còn về phần ý nghĩa, triết lý hiếu hạnh của người xuất gia thì thế nào? Theo quan điểm của Phật pháp: “*Tất cả nam tử là cha ta, tất cả nữ nhân là mẹ ta. Từ nhiều đời ta đều thác sanh nơi đó. Vì lẽ ấy, nên chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ ta. Nếu giết chúng để ăn thịt, thời chính là giết cha mẹ ta, mà cũng là giết thân cũ của ta. Tất cả chất tứ đại đều là bốn thân bốn thể của ta, cho nên phải thương làm việc phóng sanh và khuyên bảo người làm*”. [4] Cho nên không được khinh mạn, tàn hại các loài hữu tình. Chẳng qua vì thay hình đổi dạng, người phạm mất thịt nên không thể nhận ra nhau, sinh tâm phân biệt đây là cha mẹ tôi, còn kia không phải cha mẹ tôi khiến cho tâm lượng hạn cuộc. Vì muốn khai thị cho chúng ta, Đức Phật nói: “*Nhất thiết*

*chúng sanh giai thị phụ mẫu*”. Theo tinh thần của Bồ Tát, người xuất gia đối với tất cả chúng sanh đều nghiêm trì tịnh giới, trong giới hạnh của Bồ Tát, giới nào cũng đề cập, nhắc đến tâm hiếu thuận, tâm từ bi, làm lợi ích cho chúng sanh, không được làm bất cứ gì tổn hại chúng sanh. Tất cả tâm ấy đều xuất phát từ tâm hiếu thuận, lấy hiếu làm căn bản.

### TAM TỤ TỊNH GIỚI

Luận rộng thấy xa thì tinh thần Tam tụ tịnh giới của Phật giáo hết sức nhân văn.

#### 1. Bất nhục kỳ thân

(不辱其亲)

Không làm cho cha mẹ bị nhục. Ý nói phạm làm con phải tránh tất cả mọi hành vi xấu ác, trái với đạo đức pháp luật tức không khiến cha mẹ bị huỷ nhục, xã hội chê cười. Cũng vậy, người xuất



Theo tinh thần của Bồ Tát, người xuất gia đối với tất cả chúng sanh đều nghiêm trì tịnh giới, trong giới hạnh của Bồ Tát, giới nào cũng đề cập, nhắc đến tâm hiếu thuận, tâm từ bi, làm lợi ích cho chúng sanh, không được làm bất cứ gì tổn hại chúng sanh.



gia muốn đạt mức độ ấy cần vâng *Nhiếp luật nghi giới* vì công năng của giới này khiến cho người tu không làm tất cả các điều ác, thông qua những giới điều mình lãnh thọ tùy theo cấp bậc: từ 5 giới, 10 giới Sa di, 250 giới Tỳ Kheo, 348 giới Tỳ kheo Ni, 10 giới trọng và 48 giới khinh của Bồ Tát. Ngày nay, các bậc làm cha mẹ bị huỷ nhục phần nhiều do con cái tạo ác: Giết người, cướp của, nghiện ma túy, rượu chè, cờ bạc, ăn chơi sa đọa, lừa đảo, tham ô...

## 2. *Hiển dương phụ mẫu* (顯揚父母)

Làm cho cha mẹ vinh hiển. Nếu như con cái chúng ta học rộng, hiểu nhiều, công danh sự nghiệp thành đạt thì cha mẹ được mọi người tôn kính, tiếng tốt lan xa, vinh quang vô hạn. Còn trong

Phật pháp, người tu hành vâng giữ nhiếp *Thiện pháp giới*, làm tất cả các việc thiện lành từ bi, bố thí, giúp ích cho nhân quần xã hội bằng những việc làm từ thiện như: Phóng sinh, thuyết pháp, tổ chức các khóa tu cho thanh thiếu niên, cứu trợ đồng bào thiên tai, ủng hộ người nghèo, giúp đỡ người già cả cô đơn, trẻ em tàn tật, xây nhà tình thương và nhiều công trình thiện nguyện khác... Đó là những việc làm của Bồ Tát, biết hy sinh tự ngã, hết lòng vì người. Qua những buổi giảng pháp, khoá tu mùa hè, hành động thiện nguyện các tu sĩ đã cực lực xiển dương đạo hiếu thuận đồng thời nhắc nhở, khuyến hoá Phật tử, các tầng lớp thanh thiếu nhi cần tránh những hành động bất hiếu vô ơn thông qua những việc làm và bài học, câu chuyện triết lý về nhân quả giáo dục.

## 3. *Tứ loại bất quỵ* (賜類不匱)

Ban bố cho nhân loại không thiếu sót. Nghĩa là không những bản thân hiếu thuận với cha mẹ còn khuyên người thực hành hiếu thuận khiến cho tất cả mọi người cũng hiếu nghĩa như mình không khác. Muốn mình và người đều thực hành hạnh hiếu thuận nên vâng giữ *Nhiếp chúng sinh giới*, nghĩa là hoá độ tất cả chúng sanh đều vào Phật đạo. Bất cứ người xuất gia nào cũng đều hiếu thuận với cha mẹ không những một đời mà còn hiếu hạnh với cha mẹ nhiều kiếp. Vì thế, hàng năm không chỉ nhân mùa Vu Lan hàng đệ tử mới cầu siêu cho cha mẹ, ông bà nhiều đời nhiều kiếp mà còn thường xuyên thực hành hạnh hiếu trong đời sống hàng ngày, trong từng tâm niệm, mỗi mỗi công đức tu hành đều cầu nguyện cho cha mẹ



## HIẾU ĐẠO TRỌNG ÂN



Chúng ta từng nghe kinh dạy rằng: “Tâm hiếu là tâm Phật Hạnh hiếu là hạnh Phật”.

hướng về vô thượng Bồ Đề. Còn gì vinh hiển hơn, rạng rỡ hơn khi chúng ta và cha mẹ nhiều đời đều viên mãn công đức, vĩnh viễn thoát khổ luân hồi, cứu khổ chúng sinh. Như vậy trong ba bậc hiếu hạnh, chúng ta thấy người xuất gia có thể cứu khổ cha mẹ nhiều kiếp vĩnh viễn suốt đời vị lai. Vì thế, hạnh hiếu của người xuất gia rất giá trị vậy!

Qua những ý nghĩa và triết lý ở trên, chúng ta thấy chỉ có Đức Phật và chư vị Tổ sư tu hành đắc đạo đã thành tựu đại hiếu, còn chúng ta tuy là hàng hữu học, chưa bằng các Ngài nhưng hàng ngày ta chuyên tâm tu tập, tụng kinh, tu thiền, niệm Phật và làm các việc phước thiện hồi hướng cha mẹ được bình an thêm thọ còn cha mẹ quá vãng nhiều đời được sanh về cảnh giới an lành. Bên cạnh đó, chúng ta còn đem kính sách, băng đĩa giảng về Phật

pháp, khuyến hóa cha mẹ sinh tín tâm với Tam bảo, chăm làm lành lánh dữ, tụng kinh niệm Phật để gieo duyên giải thoát về sau. Còn những ai chưa đủ duyên giáo hóa thuyết pháp độ sinh, chỉ cần chăm chỉ tu hành rèn luyện thân tâm với hy vọng sau này trở thành bậc xuất gia tu hành chân chính.

Với trường hợp cha mẹ không người nuôi dưỡng, Phật cũng cho phép hàng đệ tử xuất gia, hàng ngày khát thực đem một phần dâng cúng cha mẹ, còn một phần mình thọ dụng. Ngoài ra còn khuyên cha mẹ thọ Tam quy trì ngũ giới, ăn chay, niệm Phật để thí chủ có phước và cũng đỡ tổn đức cho chính mình. Luật Ngũ phần còn xác định rõ: “*Nếu các Tỷ kheo không phụng dưỡng cha mẹ thì phạm tội trọng*”. Đức Phật còn nhấn mạnh cho hàng đệ tử biết rằng: “*Cha mẹ tại tiền như Phật tại thế*”. Vì vậy, những ai

cúng dường, thờ phụng cha mẹ cũng chính là cúng dường chư Phật vậy. Vì thế, không có lý nào lại cho rằng người xuất gia là bất hiếu. Chẳng qua người đời chỉ bàng quan nhìn nhận người tu một cách phiến diện và chưa thấu đáo mà thôi. Người xuất gia báo hiếu có nhiều cách khác nhau. Chúng ta nên tùy điều kiện hoàn cảnh sao cho phù hợp. Điều quan trọng là phải có lòng chí thành chí kính, tận tâm tận lực đối với cha mẹ. Nhân mùa Vu Lan sắp về con xin thấp nén tâm hương nguyện cầu 10 phương chư Phật gia hộ cho đấng sanh thành của nhân loại nói chung cũng như của người xuất gia nói riêng luôn bình an tăng phước tăng thọ với lòng thành kính tri ân sâu sắc nhất.

*“Mẹ yêu bắc một nhịp cầu  
Đưa con vượt khỏi nỗi sầu thế gian  
Mẹ ru tình ngập nắng vàng  
Mẹ ru vượt cả ba ngàn đại thiên”.*

### Chú thích và tài liệu tham khảo:

- [1] Việt dịch: Sa môn Thích Trí Minh, *Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới bốn giảng ký quyển thượng*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2009, tr.276.
- [2] Sa môn Thích Trí Minh (dịch), *Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới bốn giảng ký quyển thượng*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2009, tr.281.
- [3] NT Hải Triều Âm (biên soạn), *Hai Cảnh Nhà Ni phần chú*, Nxb. Tôn giáo, 2017, tr.335.
- [4] Hoà Thượng Thích Trí Tịnh (dịch), *Kinh Phạm Võng Bồ Tát giới*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2002, tr.34-35.





# VỌNG HOÀI LỜI RU



**Lê Lam Hồng**

Mỗi lần vào giữa mùa thu  
Là con thao thức, tiếng ru vọng về.  
Cánh cò trắng suốt bờ đê  
Đồng làng xanh ngát, hương quê ngọt lành.

Bàn chân vương bụi thị thành  
Mà lời ru mãi chòng chành nỗi quê...  
Dặm dài con bước mái mê  
Dòng đời trong đục, câu thề còn vương.

Giàu nhân giàu nghĩa thì thương  
Có nhân có quả, lẽ thường xưa nay...  
“Ngãi nhân như bát nước đầy”  
Thương nhau thương cả hàng cây bên đường.

Bóng che mát buổi đến trường  
Nhớ ơn người đã vun trồng năm nao...  
Lời ru - dòng sữa ngọt ngào  
Nuôi con khôn lớn, biết bao ân tình.

Mẹ về nơi ấy bình minh  
Tỏa đời con nắng lung linh sắc hồng...  
Nợ ai, ánh mắt buổi đầu  
Nợ hàng cau với giàn trâu chốn quê...

Ta còn nợ với câu thề  
Bao người ngã xuống cũng vì quê hương!

# KÍNH DÂNG CHA



**Tịnh Bình**


Chạnh lòng nhớ tháng năm xưa  
Mái nhà thơ ấu vọng đưa trưa hè  
Gió lùa từng đợt sắt se  
Chập chồn khói mỏng phen tre bếp nghèo

Tảo tần mưa sạ nắng gieo  
Cha cười má hóp buồn đeo phận người  
Thầm mong mùa đặng tốt tươi  
Nhọc nhằn cây cấy đầu lời oán than

Sông quê dầu dãi nắng chang  
Người quê chân chất cơ hàn mà thương  
Cha còn khuya sớm gió sương  
Bóng trăng vời vọi cuối đường trông theo

Ngày về chân bước như reo  
Bến quê con nước eo sèo ngược xuôi  
Bóng cha dáng mẹ ngậm ngùi  
Giọt mưa chầm chậm rụng rơi về nguồn...





HIẾU ĐẠO TRỌNG ÂN



# Một tấm gương hiếu hạnh

*trong Ni giới Việt Nam thế kỷ XX*

SC. Thích Nữ Mai An\*

## Dẫn nhập

*“Khoác áo nhu hòa thật khỏe không  
Hiếu tình hai chữ trả đều xong  
Thờ thân nuôi trẻ hai tiếng nặng [1]  
Mến đạo thương đời một điểm trong  
Công quả đã tròn nền Diệu Đức  
Phẩm tài chỉ kém bạn Phương dung  
Nêu cao đức tuệ gương bồ liễu  
Như mảnh trăng tròn giữa biển Đông”.*

(Tặng Bà Diệu Không thọ giới,  
Nữ sĩ Đạm Phương, 1936)

Đối với người xuất gia, chữ Hiếu được hiểu rất rộng và sâu sắc. Nếu như người bình thường cho rằng báo hiếu chính là vâng lời cha mẹ khi còn nhỏ tuổi, phụng dưỡng cha

mẹ khi về già, sinh con cái để nối dòng dõi, thì với người xuất gia, còn có những bậc thang cao hơn của đạo hiếu. Chữ Hiếu trong đạo Phật rất rộng, bao hàm nghĩa trả tứ ân: ân cha mẹ, ân đất nước, ân chúng sanh, ân thầy bạn (ân Tam Bảo). Người nào báo đáp được cả tứ ân thì mới gọi là chí hiếu. Trong lịch sử Phật giáo có không ít tấm gương sáng ngời hiếu hạnh. Như Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni đã đích thân đem Phật pháp giáo hóa cha mẹ, thân nhân, dòng họ, làm cho họ được hạnh phúc an vui trong đạo giải thoát; Tôn giả Xá Lợi Phất (Sāriputta) khi mẹ về già đã về nhà hóa độ cho mẹ; Tôn giả Mục Kiền Liên (Moggallāna) đã tìm cách cứu khổ cho mẹ sau khi bà qua đời. Đức Phật



## Lịch sử Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX ghi nhận một vị danh Ni mà hành trạng và sự nghiệp vuông tròn cả bốn ân lớn, đó là Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không.

và hai vị Tôn giả trên trong suốt cuộc đời đã dùng giáo pháp để mang lại hạnh phúc an vui cho biết bao người, lợi lạc cho những quốc gia nơi cư trú. Lịch sử Phật giáo Việt Nam cũng có rất nhiều những tấm gương ngời sáng về hiếu hạnh, như: Thiền sư Tông Diễn, hiệu Chơn Dung (1640-1711) là người khai thị cho vua Lê Hy Tông và góp công bảo vệ Phật giáo nước nhà khỏi pháp nạn, cũng là người được dân gian truyền tụng với biệt hiệu “hòa thượng cua” âm thầm độ cho mẹ mình tu tập được đắc đạo. Hoặc tấm gương hiếu thảo của Hòa thượng Tánh Thiên Nhất Định (1784-1847) tổ khai sơn chùa Từ Hiếu, từng là Tăng cang dưới thời nhà Nguyễn, được vua quan nhà Nguyễn kính trọng,... Đặc biệt, lịch sử Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX ghi nhận một vị danh Ni mà hành trạng và sự nghiệp vuông tròn cả bốn ân lớn, đó là Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không.

### XUẤT THÂN LÁ NGỌC CÀNH VÀNG

Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không, thế danh Hồ Thị Hạnh, húy thượng Trùng Hạ Hảo, hiệu là Nhất Điểm Thanh, sinh năm 1905, quê làng An Truyền (Phú Vang, Thừa Thiên Huế). Bà vốn là một quận chúa, dòng dõi hoàng tộc nhà Nguyễn. Cha bà là Đông Các Đại học sĩ, Khánh Mỹ Quận công Hồ Đắc Trung. Mẹ bà là bà Châu Thị Ngọc Lương. Cụ Hồ Đắc Trung là Thượng thư bộ Học, bộ Lễ suốt ba đời vua Duy Tân, Khải Định, Bảo Đại. Mẹ của ông Hồ Đắc Trung là Công Nữ Thị Thức Huân, con gái Tùng Thiện Vương Nguyễn Phúc Miên Thẩm. Tùng Thiện Vương lại là con trai thứ mười của vua Minh Mạng. Ngoài ra, ông Hồ Đắc Trung còn là nhạc phụ của vua Khải Định. Với một xuất thân như thế, cuộc đời của Ni trưởng thừa thiếu thời lớn lên trong nhung lụa, ấm êm, và cha mẹ của bà mong cho con gái sẽ có một cuộc hôn nhân vừa ý với một người môn đăng hộ đối. Bà

đã từng lọt mắt xanh của một hoàng tử Cao Miên (Campuchia), nhưng lòng bà “*dừng dừng trước bao nhiêu người ngang trang, ngang lứa, học cao, địa vị cao, con nhà “môn đăng hộ đối”, đang muốn được đạm hỏi mình*” [2].

### HOẠT ĐỘNG CỨU TÊ ĐÈN ON NƯỚC

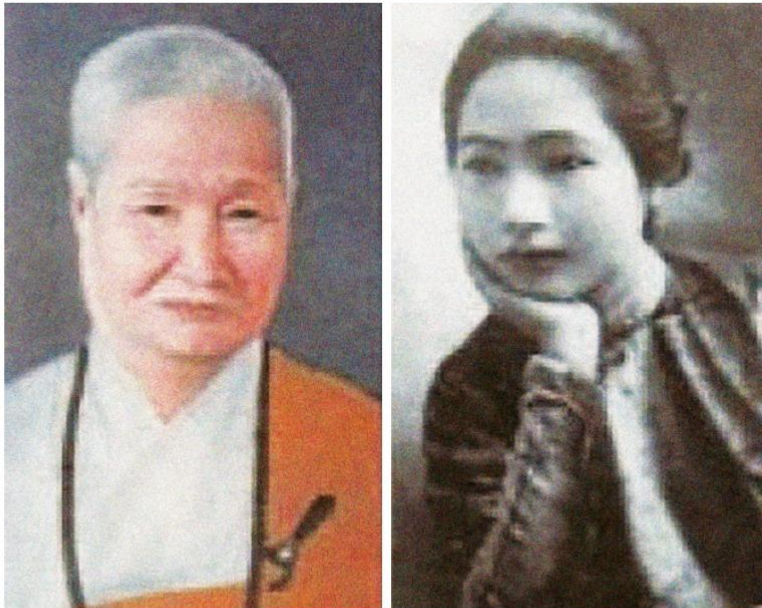
Lý do của sự dừng dừng đó là vì trong lòng của bà chỉ có một tình thương chung “*chỉ thương người khổ đau*” [3]. Bà không muốn đi đến hôn nhân với những chàng trai giàu có vì những người đó theo bà là “*thanh niên mà chỉ biết ăn chơi là con nít*” [4]. Lớn lên trong hoàn cảnh đất nước bị thực dân Pháp đô hộ, bà đã âm thầm dùng uy tín và mối quan hệ rộng rãi trong xã hội để giúp đỡ cho những người làm cách mạng. Bà là người đề nghị cụ Đạm Phương (tên thật là Công Nữ Đồng Canh, cháu nội vua Minh Mạng, con của người con trai thứ 66 của vua Minh Mạng là Hoàng Hóa quận vương Nguyễn Phúc Miên Triện, là một vị nữ sĩ hoạt động xã hội sôi nổi thời bấy giờ, có nhiều bài báo với tư tưởng tiến bộ đăng trên các tạp chí thời đó) thành lập Hội Nữ công. *Nữ công học hội* khánh thành ngày 13/9/1926, bà Đạm Phương là hội trưởng, bà Trần Thị Như Mân được cử làm thư ký [5]. Hội vừa dạy nữ công gia chánh cho chị em phụ nữ, vừa là nơi tập trung lực lượng người nữ yêu nước. Tiền hoạt động do hội viên đóng góp một phần để lo chi phí cho hội, một phần dùng ủng hộ cách mạng. Những tài liệu mật của những anh chị em làm cách mạng, nhiều lúc nhờ bà cất giấu ngay trong bộ Học, nơi cha của bà làm việc.

Có một bài thơ bà làm tặng Hội Nữ công, đã thể hiện khẩu khí và tâm huyết của bà:

*Nữ công sáng lập tại Thừa Thiên  
Kinh tế nâng cao bước nữ quyền*



## HIẾU ĐẠO TRỌNG ÂN



Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không, thế danh Hồ Thị Hạnh, húy thượng Trùng Hạ Hào, hiệu là Nhất Điểm Thanh, sinh năm 1905, quê làng An Truyền (Phú Vang, Thừa Thiên - Huế). Bà vốn là một quận chúa, dòng dõi hoàng tộc nhà Nguyễn.

*Gánh vác giang sơn thân gái Việt  
Duy trì nòi giống đất Rồng Tiên  
Công dung tinh tấn không lời biếng  
Ngôn hạnh đoan trang ấy chính chuyên  
Tất cả chị em nên gắng bước  
Nơi gương Trưng Triệu mãi lưu truyền*

(Tặng Hội Nữ công)

Năm 1928, bà còn tổ chức đấu xảo hàng thủ công mỹ nghệ của phụ nữ, rồi mở cửa hàng hiệu “*Nam hóa*”, cổ xúy người Việt dùng hàng Việt. Lợi nhuận của hội đã giúp đỡ phong trào Cường Đê ở Nhật, giúp những vị du học ở Trung Hoa, một phần đưa vào quỹ An Nam Du học hội, phần để giúp cụ Phan Sào Nam (Phan Bội Châu) ở Bến Ngự. Để dễ hoạt động hơn, bằng mối quan hệ rộng của mình, bà đã thành lập Hội cứu tế Lạc Thiện, quy tụ các bà chúa, phu nhân của các vị Thượng thư, các bà quan lớn và các bà đảm vợ của những vị quan Tây và còn mời được bà Toàn quyền làm hội viên danh dự. Với danh nghĩa Hội Lạc Thiện, bà làm được những việc khó làm, như là đi cứu trợ cho những gia đình các chí sĩ hy sinh ở Nghệ An năm 1930.

### CUỘC HÔN NHÂN BÁO HIẾU MẸ CHA

Vì mẹ khổ tâm lo bà không lấy được chồng đến nỗi sinh bệnh, nên cuối cùng để chiều ý gia đình, bà đã có một quyết định khó ai làm được là cưới một người

mà bà không yêu. Chồng của bà là viên quan nhỏ tên Cao Xuân Xang, đang mang bệnh lao sắp chết, đã trải qua một đời vợ và đang có 5 đứa con mồ côi mẹ từ 3 đến 10 tuổi. Năm ấy, bà 23 tuổi (1928). Ngày làm lễ cưới, hai họ khóc như mưa. Nên bà làm bài thơ:

*Đám cưới hay là một đám tang?  
Cả nhà, lớn, nhỏ, thấy đều than  
Chồng chung, bệnh hoạn tình phai lạt  
Vợ kẻ, kẻ vai gánh đoan trang  
Kẻ nói là ngu, người nói dại  
Người cho là dở, kẻ cho gan!  
Biết chẳng chỉ có người trong cuộc  
Gạt mái thuyền từ phải quyết sang.*

(Đám cưới)

Chỉ 11 tháng sau, khi bà nằm cữ được 3 tuần, chồng trở bệnh nặng rồi qua đời. Bà an táng chồng ở lưng núi Ngự Bình. Ngày xây mộ cho chồng, nhìn cánh chim én tìm tổ, bà viết mấy vần thơ cảm khái:

*Đắp diêm cho nhau thí gọi là  
Hân người thanh khí thấu cho ta  
Bơ vơ trên núi chim tìm tổ  
Quanh quẩn bên mình trẻ gọi cha  
Cây cỏ như cười người bạc mệnh  
Non sông nào phụ khách tài hoa  
Vi cho thử nắm quyền ông “Tạo”  
Thì bẻ trầm luân lấp phẳng qua.*

(Đắp mộ)





Trong lịch sử Phật giáo có không ít tấm gương sáng ngời hiệu hạnh. Như Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni đã đích thân đem Phật pháp giáo hóa cha mẹ, thân nhân, dòng họ, làm cho họ được hạnh phúc an vui trong đạo giải thoát.

### TRÒN VIỆC ĐỜI, LO VIỆC ĐẠO

Nhờ nhân duyên gửi hương linh chồng thờ ở chùa Trúc Lâm, bà có nhiều lần hầu chuyện Hòa thượng Trúc Lâm và được Hòa thượng khai thị: “*Vua Minh Trị vì biết dạy dân về đạo đức nên dân mạnh và nước giàu. Đời Lý, Trần, nước ta cũng nhờ đạo đức mà 200 năm người Tàu không dám xâm lược. Vua Trần Nhân Tông một nhà cách mạng mà cũng là Đại Thiển Sư, tôi đã ra núi Yên Tử, đã được đọc lịch sử ấy. Tình hình nước ta bị đô hộ, họ muốn dân ta quên gốc và biến dân ta thành nô lệ. Những người ái quốc nổi lên chống trả đều bị giết. Nếu bà có tâm, nên lặng lẽ học Phật, tu tâm và dạy người. Có như vậy, và nhiều người như vậy mới mong thế hệ sau lo cho nền độc lập nước nhà.*”

Giác ngộ ý nghĩa cao thâm của đạo pháp, bà gửi con cho người thân rồi vào chùa xuất gia học đạo. Hàng ngày, bà được học lớp giáo lý ở chùa Trúc Lâm, tối về chùa Khai Ân ở Châu Ê, nơi có chị là ân phi của vua Khải Định đi xuất gia. Bà làm bài thơ nói về việc giao con, nhưng qua đó thể hiện chí xuất trần cao thượng:

*Xin chị vì em nuôi lấy con  
Để em lên núi mới vương tròn  
Tình nhà, tình đạo, tình dân tộc  
Hiển trọn đời tình cho nước non.*

Năm 1932, khi việc thành lập Hội An Nam Phật học hội gặp khó khăn, vì mãi không được xét duyệt, bà đã

vâng lời Hòa thượng Giác Tiên vào cung hầu bà Thánh Cung mẹ vua Bảo Đại để xin vua ký duyệt cho.

### MỘT ĐỜI HY SINH VÌ ĐẠO VÌ DÂN

Bà xuất gia năm 1932 (27 tuổi), làm Sa di Ni với pháp tự Diệu Không, nhưng vì gia thế và tên tuổi của bà rất thuận lợi để làm Phật sự, nên bà vẫn để tóc để dễ dàng lo việc đạo. Đến 12 năm sau (1944), bà mới thọ tam đàn Cụ túc tại đại giới đàn Thuyền Tôn do Hòa thượng Giác Nhiên làm đàn đầu. Từ khi thành lập An Nam Phật học Hội, bà đã đi khắp các tỉnh dưới danh nghĩa hội viên Hội Lạc Thiện, để qua đó kêu gọi thành lập chi các Tỉnh hội và chi hội khắp miền Trung. Cũng thời gian ấy, các ngôi chùa còn đóng vai trò che chở cho cán bộ cách mạng, nên nhiều người xuất gia bị bắt bớ, trong đó có Hòa thượng Đôn Hậu. Bà đã tìm cách cứu Hòa thượng Đôn Hậu thoát khỏi án tử hình và được chữa bệnh, trở về chùa Linh Mụ.

Bà cũng đã tích cực ủng hộ cả tinh thần và vật chất cho công tác đào tạo của các trường Phật học ở Huế và tiểu học Ni đầu tiên ở Từ Đàm. Bà đã tham gia sáng lập nên những Ni viện đầu tiên tại Huế (Diệu Đức, Hồng Ân, Từ Nghiêm); ngoài ra còn góp phần sáng lập và trùng tu nhiều Ni trường khác ở Huế nói riêng và Việt Nam nói chung như: Diệu Viên, Khai Ân, Kiều Đàm, Định Huệ, Đông Thuyền, Hồng Đức, Liên Trì, Liên Hoa (Huế); Bảo Thắng (Hội An); Bảo Quang



## HIẾU ĐẠO TRỌNG ÂN

Tất cả những hoạt động đó của Ni trường đã vượt khỏi tầm vóc của một tu sĩ Phật giáo bình thường, mà đã là sự dẫn thân với hạnh nguyện Bồ tát “lấn lóc cõi Ta Bà” - như lời Ni trường từng nói.



(Đà Nẵng), Tịnh Nghiêm (Quảng Ngãi), Ni viện Diệu Quang (Nha Trang); Ni trường đầu tiên ở Sa Đéc; Ni viện Từ Nghiêm, Dược Sư, Diệu Giác, Diệu Tràng, Diệu Pháp (Hố Nai, Long Thành); cơ sở mẫu giáo Kiều Đàm nay là chùa Kiều Đàm (TP HCM).

Cùng với Hòa thượng Trí Thủ, Minh Châu, Nhất Hạnh và cư sĩ Ngô Trọng Anh,... bà tham gia khai sáng Viện Đại học Phật giáo đầu tiên của Việt Nam là Đại học Vạn Hạnh. Bà cũng đã tham gia thành lập Ni bộ Việt Nam đầu tiên năm 1952. Bà cũng là người đã đóng góp cho tiếng nói của Ni giới qua báo chí với nhiều bài viết và thơ ca, giữ chức vụ Quản lý Tòa soạn báo Viên Âm - Cơ quan ngôn luận của An Nam Phật học Hội. Ni trường đóng góp cho lĩnh vực in ấn và xuất bản qua việc tham gia sáng lập nhà in Liên Hoa năm 1952 và trực tiếp tham gia quản lý năm 1953 [6]. Nguyệt san Liên Hoa ra đời, do Hòa thượng Đôn Hậu làm Chủ nhiệm, Hòa thượng Đức Tâm làm Chủ bút, bà làm Quản lý và Biên tập viên, trở thành tờ báo Phật giáo sống lâu nhất tại miền Trung.

Thời kỳ 1954-1975, đất nước bị chia cắt, cả nước bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống đế quốc Mỹ. Ở miền Nam, Phật giáo nói riêng và dân tộc nói chung đều đứng trước những chính sách bạo tàn của chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm, tiếp theo đó là các đời chính phủ của chế độ ngụy quyền

Sài Gòn. Chùa chiền bị phong tỏa, tu sĩ và Phật tử bị bắt bớ, đàn áp trong cảnh đất nước tràn ngập khói lửa chiến tranh. Một phần nổi bật trong hành trạng của bà chính là những đóng góp cho công cuộc đấu tranh bất bạo động để kêu gọi bình đẳng tôn giáo, phát triển Phật giáo và hòa bình cho Việt Nam trong những giai đoạn chiến tranh chống Mỹ khốc liệt.

Trong những năm 1960, ngoài việc tiếp tục thành lập Ni trường Nha Trang (1962), trường mẫu giáo Kiều Đàm - Sài Gòn (1964), bà còn cùng chư Ni xây dựng nhiều cô nhi viện để cứu mang những trẻ em mồ côi do thiên tai bão lụt và chiến tranh. Từ năm 1964, bà đã khai sáng cô nhi viện Tây Lộc (Huế) và các cô nhi viện, ký nhi viện khắp miền Trung. Năm 1966, Ni trường viết và tự phát hành tập sách mỏng *Pháp nạn 66* để nói lên tiếng nói của lương tri người con Phật khi nước nhà và Đạo pháp lâm nguy. Bên cạnh đó, Ni trường còn cùng quý Hòa thượng lập ra các ban cứu trợ nạn nhân chiến cuộc.

Đất nước được giải phóng, hòa bình và thống nhất lập lại, Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập, Ni trường được bầu vào làm Ủy viên Hội đồng Trị sự GHPG Việt Nam (nhiệm kỳ II), Ủy viên thường trực Ban Trị sự Phật giáo Thừa Thiên - Huế. Ni trường đã chuyển nhà in Liên Hoa thành nhà máy mì sợi để lo cho đời sống của chùa chiền sau năm 1975. Cho



đến tận những năm cuối đời, Ni trưởng Diệu Không vẫn miệt mài học tập kinh điển, đóng góp cho lĩnh vực nghiên cứu và dịch thuật kinh luận. Trong suốt cuộc đời bà đã viết bài cộng tác với nhiều tạp chí Phật giáo như: *Viên Âm, Giác Ngộ, Từ Quang, Liên Hoa...* Bà đã dịch nhiều bộ kinh luận lớn như *Thành duy thức luận, Du già Sư địa luận, Lăng già Tâm ấn, Di lặc hạ sinh kinh, Đại trí độ luận, Trung quán luận lược giải* (của Long Thọ), *Hiện thật luận* (của Thái Hư đại sư)...

Năm 1978, Ni trưởng vừa tắt thở, được chư Tăng tiếp dẫn, thì có tiếng khóc thét lên của sư cô Báo Châu, vì bi nguyện mà Ni trưởng tỉnh lại, tiếp tục sống thêm 19 năm nữa. Ni trưởng thường dạy: “*Khi đã thấy cảnh Tịnh độ rồi thì tôi xem cảnh đời này toàn là giả*” [7]. Hai tháng trước khi qua đời (1997), Ni trưởng còn phát tâm cúng dường cơ sở Hồng Đức cho Giáo hội sử dụng làm nơi đào tạo Tăng Ni.

### TRỌN ĐỜI VIÊN MÃN TỬ ÂN BÁO ĐỀN

Tất cả những hoạt động đó của Ni trưởng đã vượt khỏi tầm vóc của một tu sĩ Phật giáo bình thường, mà đã là sự gắn thân với hạnh nguyện Bồ tát “*lấn lóc cõi Ta Bà*” - như lời Ni trưởng từng nói. Cả cuộc đời không nghĩ cho riêng mình, Ni trưởng không chỉ đền đáp được ân sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, mà ân Thầy Tổ, quốc gia dân tộc, chúng sinh muôn loài đều đã được Ni trưởng hết lòng đáp trả trong suốt cuộc đời. Đúng như lời bình về Ni trưởng trong *Kỷ yếu tang lễ Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không*:

**Tóm lại, một đời sư: Ở trong phú quý mà không vương vinh hoa, học nhiều mà không sở tri chương, làm thơ mà không là thi sĩ, viết lách mà không là văn nhân, nghiên cứu mà không là học giả, giúp đời mà không là chuyên gia xã hội ... Thuyết pháp mà không là pháp sư; tọa thiền mà không là thiền sư, xây dựng nhiều chùa mà không trụ trì một ngôi nào cả, giữ giới mà không câu nệ, độ người mà không vương mắc đệ tử. Ở cảnh động không mất thiền, cảnh tịnh không bỏ rơi chúng sinh. Cuộc đời hành đạo của Sư thật đa dạng mà không lưu dấu vết, vì cõi lòng Sư như hư không. Sự nghiệp vật chất Sư lưu lại đã nhiều, nhưng cái đáng nói hơn, cái đáng nói nhất, cái thấu suốt cả cuộc đời Sư – Tấm lòng vì pháp và thương tưởng hậu lai – thì lại càng khó tả. Cho nên, dù có nói bao nhiêu về Sư, chúng con vẫn thấy thiếu và có lỗi với Sư, bởi vì cái đáng nói**

**nhất đã không có ngôn từ diễn đạt. Có lẽ hai chữ tôn hiệu của Sư, (thượng) Diệu (hạ) Không đã biểu trưng quá đủ cuộc đời Sư. Hay nếu dài lời hơn, thì chỉ một câu này: “Thật tế lý địa bất thọ nhất trần, vạn sự môn trung bất xả nhất pháp”.**

Tấm gương của Ni trưởng không chỉ là một vị Cao tăng thực đức trong Phật giáo mà còn là một vị danh nhân văn hóa lịch sử của dân tộc. Hành trạng của Ni trưởng không chỉ xứng đáng để các thế hệ tăng ni trẻ học hỏi và tiếp nối mà còn là tấm gương chung cho tất cả những người yêu nước Việt Nam. Con người tinh hoa trong Phật giáo cũng đồng thời là tinh hoa của dân tộc Việt Nam, điều này một lần nữa được chứng minh qua con người và sự nghiệp của Ni trưởng.

### Chú thích và tài liệu tham khảo:

\* Thích Nữ Mai An, học viên Thạc sĩ Phật học khóa 4 tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh.

[1] Trìêng (tiếng Huế): quang, gánh.

[2] Lê Ngân, Hồ Đắc Hoài (2009), *Đường thiền sen nở*, NXB. Lao Động, Hà Nội, tr.68.

[3] *Sđđ*, tr.68.

[4] *Sđđ*, tr.72.

[5] <http://tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c274/n11120/Ban-gai-o-Hue-nhung-nam-20.html>, truy cập ngày 27/7/2022.

[6] Vũ Trung Kiên, *Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không – một kỳ nữ của Việt Nam trong thế kỷ XX*, <https://thuvienhoasen.org/a34224/ni-truong-thich-nu-dieu-khong-mot-ky-nu-cua-viet-nam-trong-the-ky-20>, truy cập 7/6/2022.

[7] Tinh hội Phật giáo Thừa Thiên - Huế (1997), *Kỷ yếu tang lễ Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Không*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

### Tài liệu tham khảo:

1. Wikipedia, *Đạm Phương*, [https://vi.wikipedia.org/wiki/C4%90%E1%BA%A1m\\_Ph%C6%B0%C6%A1ng](https://vi.wikipedia.org/wiki/C4%90%E1%BA%A1m_Ph%C6%B0%C6%A1ng) truy cập ngày 27/7/2022.

2. Chùa Hồng Ân (2017), *Ái Đạo Dur Hương - tưởng niệm 20 năm Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không viên tịch (1997- 2017)*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.

3. Vũ Trung Kiên, *Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không – một kỳ nữ của Việt Nam trong thế kỷ XX*, <https://thuvienhoasen.org/a34224/ni-truong-thich-nu-dieu-khong-mot-ky-nu-cua-viet-nam-trong-the-ky-20>, truy cập 7/6/2022.

4. Trần Thị Như Mân (1987), “*Bạn gái ở Huế những năm 20*”, *Tạp chí Sông Hương số 24/1987*, <http://tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c274/n11120/Ban-gai-o-Hue-nhung-nam-20.html>, truy cập ngày 27/7/2022.

5. Lê Ngân, Hồ Đắc Hoài (2009), *Đường thiền sen nở*, Nxb. Lao Động, Hà Nội.

6. Thích Như Nguyệt (2007), *Hành trạng Chư Ni Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

7. Tinh Hội Phật giáo Thừa Thiên-Huế (1997), *Kỷ yếu tang lễ Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.



# MÙA VỤ LAN, BÔNG HỒNG TRẮNG CON CÀI ...



**Ngô Thế Lâm**

**T**hử hỏi trên cõi đời này, có điều gì thiêng liêng hơn, còn ai cao quý hơn và tiếng gọi nào trù mền hơn mỗi khi ta cất lời? Chỉ có thể là mẹ, duy nhất mẹ mà thôi. Bởi thế mà trong tâm khảm những đứa con luôn trĩu nặng ân tình về mẹ, dù mẹ đang hiện hữu trên đời hay chỉ còn trong niềm tưởng nhớ...

Mẹ chính là suối nguồn mát trong chảy mãi, đọng đầy cảm thức thương yêu mà mỗi mùa Vu Lan về niềm thương nhớ trong con lại trào dâng vô bờ bến. Hôm nay, khi con cầm bút viết về mẹ, chợt văng vẳng đâu đây câu thơ đầy ám ảnh, day dứt con từng đọc được đâu đó:

*“Tuổi nào mắt mẹ thì đau?”.*

Và con càng thấm thía hơn vì sao có người từng phải thốt lên:

*“Mẹ ơi, con đã già rồi  
Con ngồi nhớ mẹ khóc như trẻ thơ...”.*

Mẹ ơi, hơn tất thảy mọi điều tốt đẹp trên nhân gian này, mẹ mãi là thiên sứ của cuộc đời.

Tôi không hề thiên vị khi muốn dành tất thảy những ngôn từ đẹp nhất để viết và kể về mẹ của tôi - người phụ nữ vô cùng nhân hậu. Mẹ sống một cuộc đời chưa đủ dài nhưng kịp để lại cho người thân, xóm giềng muôn vàn sự biết ơn và thương quý. Tôi yêu mẹ từ những điều giản dị nhất quan sát được mỗi ngày, ấy là sự hiền lành, chịu khó, vô cùng xởi lởi và rất mực quan tâm đến mọi người. Trái tim ấm áp và đức hy sinh của mẹ từ những nghĩa cử sẽ chia ân cần ít nhiều ảnh hưởng đến lối sống, cách ứng xử của tôi sau này.





Anh em tôi từ một tay mẹ chăm bẵm, cứ vậy hồn nhiên lớn lên theo từng nếp nhăn trên khoé mắt, những tán đồi mồi trên khuôn mặt rám nắng của mẹ. Thời ấu thơ khốn khó, tôi nhớ mãi hình ảnh một lần tình cờ bắt gặp mẹ giấu mình ngồi lặng lẽ khóc chỉ vì không đủ tiền để mua cho anh em tôi tập sách giáo khoa mới khi vào năm học mà phải đi xin lại sách cũ từ các anh chị hàng xóm. Rồi cứ thế, quần áo anh mặc chật từ năm trước lại “nhường” cho đứa em sau. Giọt nước mắt tủi hờn của người mẹ nghèo ngày ấy cứ ám ảnh mãi trong tôi để mỗi khi nghĩ đến, tôi như được tiếp thêm sức mạnh để không ngừng vượt khó, nỗ lực vươn lên.

Bốn mùa của mẹ tôi cứ lặng thầm trôi qua trong sự nhẫn nại, cần mẫn và rất đỗi kiệm lời. Mẹ ít khi nghĩ cho mình, thu vén cho bản thân dầu chỉ là sắm sửa xấp vải, tấm áo. Dầu sau này đời sống gia đình khá giả hơn, mẹ vẫn giữ thói quen ăn uống, sinh hoạt đạm bạc. Những chất bốp, dành dụm qua bao năm tháng tảo tần lại vun xới cho đời con.

Rồi như cái cách mà mẹ giấu bệnh, lặng lẽ rời bỏ cuộc đời một cách nhẹ nhàng đã phản chiếu chính lối sống âm thầm, cam chịu vốn có của người. Ngày

đưa mẹ vào chùa rồi đăng đặng những tháng ngày sau đó mỗi lần lên chùa thăm mẹ, tôi chưa hằng nguôi ngoai nhớ thương và trào dâng nỗi ân hận, trách sao mẹ vội vàng ra đi khi chúng tôi chưa một ngày có cơ hội báo đáp, đền ơn cho mẹ. Thi thoảng trong giấc mơ của mình, mẹ vẫn hiện về gần gũi bên tôi. Vẫn ánh mắt triu mến ấy, vẫn nụ cười ấm áp, bao dung ấy. Những lần như vậy, khi chỉ có một mình, tôi oà khóc ngon lành như một đứa trẻ, thảng thốt gọi mẹ trong đêm.

Thời gian thấm thoát thoi đưa, hơn bốn năm, mẹ thành người thiên cổ. Và cũng bốn mùa Vu Lan lặng lẽ theo về, con chạnh lòng và thèm khát biết bao nhiêu khi nhìn vào ngực áo của những đứa con còn mẹ trên đời với bông hồng đỏ thắm. Còn riêng mình, con đã phải cài cho mình bông hồng trắng mãi mãi rồi, mẹ ơi...!

Con nguyện cầu mang bóng hình người làm hành trang sống cho mình trên suốt hành trình phía trước. Con tin rằng, hành trang ấy luôn hiện hữu chân dung của một người phụ nữ nhân hậu, giàu đức hy sinh sẽ mãi luôn đồng hành và sửa sang, trau chuốt cho đời con.





**HOÀNG PHÁP**  
Online

Kênh Youtube chính thức của Hoàng Pháp Online  
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp  
của ban Hoàng Pháp Trung Ương GHPGVN"



Mời quý vị Quét mã QR-CODE  
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp







# PHẬT GIÁO & **THỜI ĐẠI**





# PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA BAN KIỂM SOÁT TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG XÂY DỰNG GIÁO HỘI TRANG NGHIÊM VÀ KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC



**TT.Thích Quảng Hà\***

**LTS:** Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng trích đăng bài viết *Phát huy vai trò của Ban Kiểm soát Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong xây dựng Giáo hội trang nghiêm và khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh* của Thượng tọa Thích Quảng Hà. Đây là bài tham luận trích từ *Hội thảo Phát huy vai trò của Tăng, Ni GHPGVN trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc* được Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam phối hợp với Hội đồng Trị sự GHPGVN, Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ), tổ chức vào tháng 1/2022.

Nhìn lại lịch sử hơn 2.000 năm kể từ khi du nhập, Phật giáo chính là một tôn giáo hòa bình, nhân bản, hòa quyện, gắn mình với sự thịnh suy của dân tộc. Lịch sử đã chứng minh Phật giáo là tôn giáo có truyền thống yêu nước, hàng vì lợi ích chúng sinh, trong suốt quá trình đồng hành cùng dân tộc, với vai trò hộ quốc an dân, với những đóng góp hiệu quả vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hình ảnh những ngôi chùa trở thành cơ sở cách mạng, nhiều bậc cao Tăng, thạch đức đã trở thành tấm gương sáng về phụng đạo - yêu nước, suốt đời phấn đấu vì “*Đạo pháp và dân tộc*” là những minh chứng sâu sắc nhất.





Dù ở bất kỳ cương vị nào Phật giáo vẫn luôn làm tròn trách nhiệm nêu cao tinh thần phục vụ đạo pháp và dân tộc đem lại lợi ích cho nhân sinh.

# MANH

Trong xu thế hội nhập quốc tế, trước vận hội mới của đất nước cũng chính là cơ duyên để các tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng phát huy truyền thống yêu nước, gắn bó đồng hành cùng dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì sự nghiệp hoàng pháp lợi sinh, kế thừa phát huy những thành tựu, hạnh nguyện của các bậc tiền bối, GHPGVN luôn phát huy tinh thần đoàn kết hòa hợp, vô ngã vị tha để trường dưỡng đạo tâm, trang nghiêm giáo hội. Thấm nhuần và thực hiện phương châm

*“Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”*, phát huy truyền thống *“Hộ quốc an dân”*, hoà mình vào nhịp điệu phát triển chung của đất nước, những người con Phật luôn tham gia tích cực vào sự nghiệp xây dựng và đổi mới đất nước, làm hết sức mình để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Phật giáo Việt Nam với chặng đường hình thành và phát triển trên nhiều năm qua, trải qua bảy nhiệm kỳ đã thực hiện phương châm xuyên suốt là *“Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”*.

Đây là kim chỉ nam, là nền tảng để Giáo hội phấn đấu trên mọi phương diện hoạt động như: Tăng sự, giáo dục, hoàng pháp, văn hóa, nghi lễ, từ thiện xã hội... Và đến nay, với tinh thần đoàn kết, hòa hợp cùng sự nỗ lực cống hiến trí tuệ và tâm huyết của tập thể GHPGVN, Tăng Ni Phật tử trong và ngoài nước, cùng sự quan tâm sâu sắc của Đảng, chính quyền các cấp, nhờ vậy mọi Phật sự đều được hanh thông, thuận lợi trên đường hội nhập, hoàng pháp lợi sinh, trước những thách thức của thời đại mới.



## PHẬT GIÁO &amp; THỜI ĐẠI



Truyền thống “hộ quốc an dân” của Phật giáo Việt Nam đã được GHPGVN không ngừng phát huy đạt được những kết quả khả quan (Thủ trưởng Vũ Chiến Thắng Trao tặng cờ Tổ quốc tới GHPGVN). (Ảnh: vov.vn)

Thành tựu này chính là sự cố gắng của 13 ban/ngành/viện từ Trung ương đến địa phương. Đặc biệt, Ban Kiểm soát TW GHPGVN đã phát huy trí tuệ, nội lực thanh tịnh, hòa hợp, đoàn kết, kế thừa, giữ gìn truyền thống, bản sắc riêng của Phật giáo. Đây cũng là ban chuyên ngành trong hệ thống tổ chức hành chính của GHPGVN, có trách nhiệm phối kết hợp với các ban chuyên môn khác của Giáo hội để tham gia xây dựng, phát triển bền vững Giáo hội; chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của các cấp Giáo hội, các hệ phái, Tăng Ni, Phật tử trong nước cũng như ở nước ngoài; phối hợp với các ban chuyên môn khác trong việc tuyên truyền, vận động Tăng Ni, Phật tử nghiêm chỉnh chấp hành Hiến chương GHPGVN. Bằng tinh thần

đoàn kết, hòa hợp và trách nhiệm, Ban Kiểm soát từ Trung ương tới các tỉnh, thành phố trong cả nước đã thực hiện chức năng và nhiệm vụ được giao, giám sát, đôn đốc, kiểm tra hoạt động Phật sự, góp phần thành công cho các Phật sự chung của Giáo hội.

Để hoàn thành trọng trách trong bối cảnh hội nhập, phát triển và đổi mới của Giáo hội và đất nước, Ban Kiểm soát TW luôn nêu cao ý thức tự giác và tính trách nhiệm trong mọi hoạt động Phật sự, góp phần vào sự nghiệp trang nghiêm Giáo hội Phật giáo Việt Nam theo định hướng “*Tri tuệ - Kỳ cương - Hội nhập - Phát triển*”.

Những năm qua, GHPGVN nói chung, Ban Kiểm soát TW nói

riêng, đã luôn phối hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể để tìm ra hướng đi mới nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về chất lượng phong trào thi đua yêu nước trong tình hình mới. Nhằm tạo ra hợp lực mạnh mẽ góp phần cùng toàn dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, an ninh quốc phòng, tăng cường củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân.

Kế thừa những thành quả có được trong suốt 7 nhiệm kỳ qua, hướng đến sự nghiệp phát triển bền vững GHPGVN trong thời gian tới. Với nhận thức sâu sắc, tâm huyết đóng góp vào sự nghiệp xương minh Phật pháp, các thành viên Ban Kiểm soát luôn tuân thủ Hiến chương, nội quy; thực hiện các





Tinh thần nhập thể của Phật giáo góp phần không nhỏ vào công cuộc bảo vệ xây dựng Tổ quốc và an sinh xã hội. Ngày nay, hòa cùng sự thịnh trị của đất nước, Phật giáo nước nhà cũng ngày càng phát triển, tiếp tục khẳng định vai trò là một thành viên tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đã đồng hành gắn bó với khối đại đoàn kết toàn dân (Hình ảnh: Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam Đỗ Văn Chiến chúc mừng 40 năm Ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam). (Ảnh: Minh Đức/TTXVN)

thông bạch, thông tư, thông báo, nghị quyết, quy chế... một cách nghiêm ngặt để trang nghiêm tự thân, trang nghiêm giới đức. Luôn coi đây là trách nhiệm của mỗi cá nhân, mỗi người con Phật trên tinh thần tự nguyện tự giác là tấm gương để Tăng Ni, Phật tử noi theo.

Phật giáo là tôn giáo có đặc thù riêng với các phong trào phụng đạo yêu nước. Ban Kiểm soát TW GHPGVN, cùng với Ban Kiểm soát của các tỉnh, thành, địa phương, luôn sách tấn Tăng Ni gương mẫu chấp hành và vận động tín đồ Phật tử chấp hành nghiêm giới luật, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước. Chủ động phối hợp với chính quyền cơ sở, các ban ngành, đoàn thể vận động

Tăng, Ni, tín đồ đấu tranh bài trừ các hoạt động mê tín dị đoan. Nêu cao ý thức cảnh giác, tuyên truyền phòng ngừa ngăn chặn luận điệu của các thế lực thù địch, phản tử xấu lợi dụng tôn giáo xuyên tạc, phá hoại đường lối chính sách của Đảng, nhất là chính sách đoàn kết các tôn giáo. Nhờ đó, Tăng Ni Phật tử trong và ngoài nước, đã phát huy những giá trị tích cực của Phật giáo.

Bằng sự nỗ lực của mỗi cá nhân, tập thể, các phong trào thi đua yêu nước đã và đang thực hiện có hiệu quả tốt, không ngừng phát triển mạnh mẽ cả chiều rộng cũng như chiều sâu. Điển hình đó là các phong trào ích nước lợi dân, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi sinh, môi trường sinh thái, biến đổi khí hậu,

an toàn giao thông, xây dựng nếp sống văn hóa văn minh trên địa bàn khu dân cư. Với tâm niệm “*Phật pháp bất ly thế gian*”, trên bước đường tiên tu đạo nghiệp Tăng Ni luôn đặt nặng trọng trách, hướng dẫn Phật tử làm theo lời Phật dạy. Không ngừng tu dưỡng đạo đức và trí tuệ, nêu cao tinh thần hòa hợp đoàn kết tôn giáo, đem đạo vào đời diu dắt tín đồ Phật tử xây dựng nếp sống văn minh gia đình văn hóa, sống đúng chánh pháp và pháp luật. Với phương châm việc phát huy đạo nghiệp đồng nghĩa với việc phát triển và xây dựng đất nước, trên tinh thần đó Phật giáo tích cực thực hiện phong trào do các tổ chức xã hội phát động, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị, phát triển kinh tế của đất nước, xem đây là công tác trọng



## PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

tâm, nhiệm vụ chính yếu của Phật giáo hiện nay. Mỗi Tăng Ni ngoài việc tiến đạo nghiêm thân, trau dồi giới đức trang nghiêm Giáo hội, còn phải là một công dân gương mẫu chấp hành đường lối chính sách của Đảng, Pháp luật của nhà nước, vận động tín đồ Phật tử cảnh giác với những âm mưu của các thế lực thù địch, nêu cao tinh thần tâm sáng hướng thiện hướng dẫn con cháu tu trí rèn tâm tránh xa các tai tệ nạn xã hội. Với ý thức trách nhiệm công dân sâu sắc, Phật giáo đã cố gắng khắc phục những mặt còn hạn chế trong việc đạo việc đời, đấu tranh với các hành vi lợi dụng chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, chia rẽ tôn giáo của các thế lực thiếu thiện chí, tiếp tục phát huy mạnh mẽ truyền thống gắn bó với dân tộc, phụng sự tổ quốc, bảo vệ hòa bình. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, về công tác tôn giáo, công tác dân tộc, với tâm nguyện chung tay xây dựng đất nước, góp phần vào sự nghiệp chung của đạo pháp và dân tộc, Phật giáo luôn có mặt trong cộng đồng xã hội từng bước khẳng định vai trò và khả năng của mình, trước những thay đổi và thách thức của thời đại mới, phát huy năng lực của chính mình trong tất cả các lĩnh vực, cập nhật những tri thức Phật học, thế học tùy thời để phổ độ chúng sinh, đem tinh hoa của Phật pháp ứng dụng vào cuộc đời, làm cho đời an lạc.

Dù ở bất kỳ cương vị nào Phật giáo vẫn luôn làm tròn trách nhiệm nêu cao tinh thần phục vụ đạo pháp và dân tộc đem lại lợi ích cho nhân sinh. Để có những việc làm thiết thực hơn, chư tôn đức lãnh đạo các cấp Giáo hội đã tham dự các lớp tập huấn do Mặt trận Tổ quốc chủ trì phối hợp tổ chức về công

tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu tới các chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo, tham dự lớp tập huấn do Ban Tôn giáo Chính phủ chủ trì phối hợp tổ chức về công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho quý vị chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo trên cả nước. Ngay sau khi tham học, Giáo hội đã đưa những nội dung của chương trình đó phối hợp vào chương trình hoạt động Phật sự hàng năm. Đồng thời hướng dẫn Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh, thành phố lồng ghép phổ biến về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ an ninh quốc gia, xây dựng nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với xây dựng nền an ninh quốc phòng toàn dân, đẩy mạnh việc tuyên truyền, thuyết giảng trong quần chúng nhân dân, Phật tử về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng trong tình hình mới. Những thành quả to lớn thu được từ phong trào thi đua yêu nước của GHPGVN đã góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Điều đó không chỉ khẳng định tinh thần nhập thế, phụng đạo - yêu nước mà còn đánh giá sức sống, tính thiết thực tinh thần phụng đạo yêu nước của Phật giáo Việt Nam.

Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu đã đạt được, cũng còn những khó khăn trở ngại cho Phật sự chung, Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với các ban ngành viện từ TW đến địa phương, kết hợp cùng chính quyền để xây dựng trang nghiêm Giáo hội. Phát huy vai trò của mình trong các công tác

Phật sự, bằng những việc làm cụ thể như: Xúc tiến việc tổ chức các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ hành chính, quản trị học, giới luật, nghi lễ Thiền môn và nghiệp vụ trụ trì cho Tăng Ni. Thành lập Ban Kiểm Tăng để thống kê số lượng tu sĩ, phát hiện, xử lý kịp thời các trường hợp mạo danh tu sĩ lập am cốc để kêu gọi sự phát tâm của quần chúng, giả danh tu sĩ để khất thực phi pháp. Thường xuyên giám sát chặt chẽ, quản lý các ban ngành trực thuộc, Giáo hội các tỉnh thành trong việc thực hiện nghị quyết, phương hướng hoạt động của Giáo hội. Đặc biệt những năm trở lại đây, các ứng dụng công nghệ 4.0 bên cạnh việc mang lại những mặt tích cực còn nhiều hệ lụy ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống xã hội, mà trong đó Tăng Ni không phải là ngoại lệ. Nhiều ứng xử đáng tiếc của một số trường hợp tham gia mạng xã hội thời gian gần đây đã gây ảnh hưởng nhiều mặt, không chỉ cho cá nhân mà còn cho đoàn thể xuất gia, Giáo hội và Phật giáo nói chung. Đây là *“thách thức lớn cho Giáo hội các cấp trong việc quản lý và giáo dục Tăng Ni kế thừa sự nghiệp hoàng dương chính pháp sau này”*. Ban Kiểm soát đã kết hợp với hệ thống của 13 ban, ngành, viện chuyên môn, thực hiện nghiêm túc Thông tư 206/2020/TT-HĐTS của Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự, giám sát chặt chẽ Tăng Ni nhằm giải quyết *“vấn nạn thách thức lớn đối với Giáo hội các cấp”* trong công tác quản lý Tăng Ni của ngành Tăng sự - một trong những lĩnh vực quan trọng hàng đầu của Giáo hội, quyết định sự thịnh suy của Phật giáo trong mọi giai đoạn lịch sử. Về các lĩnh vực hoạt động khác của Giáo hội như: Tăng sự, hoàng pháp, giáo dục,





Với tâm niệm “*Phật pháp bất ly thế gian*”, trên bước đường tiến tu đạo nghiệp Tăng Ni luôn đặt nặng trọng trách, hướng dẫn Phật tử làm theo lời Phật dạy. Không ngừng tu dưỡng đạo đức và trí tuệ, nêu cao tinh thần hòa hợp đoàn kết tôn giáo, đem đạo vào đời diu dặt tín đồ Phật tử xây dựng nếp sống văn minh gia đình văn hóa, sống đúng chánh pháp và pháp luật.

văn hóa, nghi lễ và nhất là lĩnh vực thông tin truyền thông, hoạt động của các ban, viện trực thuộc Giáo hội. Với trọng trách của mình, Ban Kiểm soát thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các Phật sự, mạnh dạn nhìn nhận những mặt hoàn thiện, cũng như chưa hoàn thiện trong việc thực hiện Phật sự, tìm biện pháp khắc phục những khiếm khuyết tồn tại, vấn đề nào chưa hoàn thiện cần phải hoàn thiện, vấn đề nào dù nhỏ nhưng gây ảnh hưởng không tốt đến chủ trương, đường lối của Giáo hội cũng kịp thời giải quyết. Đồng thời, nhắc nhở Tăng Ni giữ gìn giới luật để làm chỗ nương dựa cho tứ chúng, thể hiện trọn vẹn vai trò “*nhập thế độ sinh*”. Chú trọng đến đời sống tu tập và đạo hạnh của mỗi Tăng sĩ, nhất là vấn đề nội lực và nội minh. Chú trọng vấn đề giáo dục Tăng Ni, phong đạo cách để một Tăng sĩ Phật giáo xứng đáng là “*Thiên nhân chi đạo sư*”. Nhờ đó, Giáo hội ngày càng phát triển

ôn định, bền vững, trang nghiêm. Những thành quả tốt đẹp đã góp phần không nhỏ vào việc ổn định xã hội, xây dựng kinh tế trong giai đoạn mới, là minh chứng sâu sắc nhất cho truyền thống hộ quốc an dân của Phật giáo Việt Nam.

Truyền thống “*hộ quốc an dân*” của Phật giáo Việt Nam đã được GHPGVN không ngừng phát huy đạt được những kết quả khả quan. Điều đó khẳng định Phật giáo đã góp phần xây dựng nên một cộng đồng xã hội lý tưởng, đầy đủ phẩm chất đạo đức, thuần lành, trong sáng, vị tha, năng động và tích cực gắn kết các mối quan hệ trong xã hội với mục đích cao cả, đó là cùng vì lợi ích chung của toàn dân tộc. Đây cũng chính là sự khởi đầu cho việc xây dựng nền móng ngôi nhà đại đoàn kết toàn dân tộc. Hơn bao giờ hết, tinh thần đoàn kết luôn là chất keo gắn bó tất cả các mối quan hệ trong cuộc sống, đưa đến một sự thành

công viên mãn, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “*Không có thứ vũ khí nào khác có đủ sức mạnh vô địch để chiến thắng kẻ thù ngoài sự đoàn kết các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo*”. Vì vậy, vấn đề tập hợp, đoàn kết, và đoàn kết tôn giáo trong thời đại ngày nay chưa bao giờ mất đi ý nghĩa và vai trò quan trọng của nó. Điều này được thể hiện rất rõ qua tư tưởng của Đức Phật trong *Kinh Trường Bộ*, phẩm *Kinh Đại Niết Bàn* như sau: “*Này các Tỳ kheo, ngày nào chư đệ tử còn hội hợp, chung sống trong tinh thần đoàn kết, làm việc trong tinh thần đoàn kết, giải tán trong tinh thần đoàn kết, thì nhất định giáo pháp không thể suy đồi mà trái lại còn phồn thịnh hơn trước*”.

Tinh thần nhập thế của Phật giáo góp phần không nhỏ vào công cuộc bảo vệ xây dựng Tổ quốc và an sinh xã hội. Ngày nay, hòa cùng sự thịnh trị của đất nước, Phật giáo nước nhà cũng ngày càng phát triển, tiếp tục khẳng định vai trò là một thành viên tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đã đồng hành gắn bó với khối đại đoàn kết toàn dân. Được sự quan tâm hỗ trợ của Nhà nước và sự động viên khích lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, GHPGVN sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh sẵn có, phấn đấu nỗ lực cống hiến hết mình vì lý tưởng xây dựng một xã hội tình thương, an lạc và hạnh phúc, góp phần xây dựng Giáo hội trang nghiêm và khối đại đoàn kết toàn toàn dân tộc vững mạnh trong thời kỳ mới.

#### **Chú thích:**

\* Thượng tọa Thích Quảng Hà - Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Phó ban Thường trực Ban Kiểm soát Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.



# VẬN DỤNG TRIẾT LÝ PHẬT GIÁO TRONG VIỆC XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM



**ThS. Nguyễn Như Bình**

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập vào nền kinh tế thế giới đã mở ra những thời cơ, vận hội, đồng thời cũng làm xuất hiện nhiều thách thức, nguy cơ. Trên đường phát triển, nước ta đã và đang đạt được nhiều thành tựu nhưng vẫn gặp không ít khó khăn, một trong số đó là nguy cơ suy thoái đạo đức, lệch chuẩn về lối sống cá nhân. Trong tình trạng chung đó, văn hóa gia đình Việt Nam rất cần được quan tâm vì gia đình chính là tế bào của xã hội.

Trước nguy cơ những giá trị đạo đức và văn hóa gia đình bị mai một bởi các tác động của cuộc sống hiện đại, vấn đề đặt ra là phải làm sao để gìn giữ các giá trị của gia đình Việt Nam trong tương quan hội nhập và phát triển. Ở bài viết này, tác giả trình bày sơ lược thực trạng gia đình và văn hóa gia đình Việt Nam hiện nay, từ đó đưa ra một vài phương hướng xây dựng, khắc phục dựa trên sự tiếp thu có chọn lọc những triết lý Phật giáo.





Để thiết lập một gia đình hạnh phúc, tất cả các thành viên trong gia đình, cha mẹ và con cái đều cần nỗ lực để chu toàn trách nhiệm và bổn phận của mình với lòng kiên nhẫn kiên định.



## PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

### 2. NHỮNG VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH VÀ VĂN HÓA GIA ĐÌNH VIỆT NAM ĐÃ VÀ ĐANG PHẢI ĐỐI MẶT

Gia đình là thành tố quan trọng trong xã hội và tồn tại từ thuở sơ khai của xã hội loài người. Trong xã hội hiện đại, sự phát triển mạnh mẽ của các thành phần kinh tế đã tác động đến đời sống gia đình, ở một góc độ nào đó đã phá vỡ nề nếp, gia phong đạo đức của gia đình truyền thống Việt Nam. Ngày nay, bên cạnh những mặt tích cực như có điều kiện phát triển kinh tế, giao lưu, học hỏi hội nhập với các nền văn hóa tiên tiến, văn minh của các nước trên thế giới, chúng ta dễ dàng nhận thấy gia đình Việt Nam đang phải đối mặt với những vấn đề sau:

(1) Sự bất hòa trong các gia đình nhất là gia đình trẻ dẫn đến những mâu thuẫn không đáng có và hậu quả là các cuộc ly thân, ly hôn và thực tế nước ta hiện nay có tỷ lệ ly hôn cao. Xung đột, mâu thuẫn giữa các thế hệ khiến bạo lực gia đình gia tăng. Cha mẹ bỏ bê con cái vì lao vào công việc, con cái chạy theo những giá trị và lợi ích vật chất mà quên đi hiếu đạo, thậm chí có người đẩy cha mẹ già ra đường lang thang khát thực khi không còn giá trị lợi dụng.

(2) Hậu quả tiêu cực của lối sống buông thả là các ca nạo phá thai gây tổn hại cho sức khỏe, tinh thần và hạnh phúc gia đình của nhiều bạn trẻ.

(3) Các tệ nạn xã hội như: cờ bạc, trộm cướp, ma túy, mại dâm,... đã và đang xâm nhập vào các gia đình, đặc biệt là tình trạng bạo lực khiến các gia đình đổ vỡ.



Hành thiện để tu nhân tích đức, gieo hạt giống lành cho cha mẹ, cho con cái, cho người thân và cho bản thân là những điều nhà Phật khuyên làm.

Tóm lại, trong quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đã tác động không nhỏ tới các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc. Không ít gia đình Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn, bế tắc, thậm chí tan vỡ đã kéo theo sự suy thoái về các định hướng giá trị, ảnh hưởng phần nào đến sự phát triển của thế hệ trẻ, mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình còn gặp không ít những khó khăn, khúc mắc và những vấn đề nan giải. Để tồn tại và phát triển, mỗi gia đình phải tìm cách thích nghi với những điều kiện mới và từng thành viên phải tự điều chỉnh các mối quan hệ trong nội bộ gia đình.

### 3. VẬN DỤNG LINH HOẠT VÀ TIẾP THU CÓ CHỌN LỌC TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO VÀO VIỆC XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VÀ VĂN HÓA GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN ĐẠI TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP

Cổ Thủ tướng Phạm Văn Đồng từng nhận định, ba trụ cột của ý thức cộng đồng người Việt đó là gia đình (nhà), làng và nước. Ngày nay, để xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, chúng ta phải trở lại với những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp từ gia đình truyền thống. Nghị quyết Đại hội Đại biểu quốc gia lần thứ IX cũng đã chỉ rõ phương hướng nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ mới: “*Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng tình nghĩa, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và toàn xã hội*”. Như vậy, việc thực hiện công tác xây dựng gia đình trong thời đại hội nhập và phát triển ngày nay là vấn đề chiến lược, có vai trò sống còn của xã hội. Thiết nghĩ, bên cạnh những giải pháp lâu dài mang tầm vĩ mô, chúng ta cũng không nên bỏ qua những điều nhỏ nhặt tưởng chừng không đáng kể và phải vận dụng triệt để những gì ta đang có, trong đó có tôn giáo. Các triết lý, học thuyết của tôn giáo trên một phương diện nào đó là công cụ đắc lực, phục vụ công tác xây dựng gia đình hạnh phúc.

Phật giáo hướng con người xây dựng gia đình ở *Đạo hiếu, Đạo từ bi, Lòng kiên nhẫn và Giới - Định - Tuệ*. Thực tế chứng minh luân lý Phật giáo phù hợp với đạo đức, lễ sống của con người Việt Nam và đã có những đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng, phát triển gia đình Việt cả truyền thống lẫn hiện đại. Ngày nay, trong bối cảnh phức tạp của xã



hội, những giá trị tích cực của Phật giáo lại một lần nữa được minh chứng.

### 3.1. Đạo hiếu

Có thể nói, việc báo đáp, hiếu dưỡng công ơn cha mẹ là một trong những chuẩn mực đạo đức được Phật giáo nhấn mạnh, coi trọng và truyền tải đến các Phật tử, mọi người. Kinh Phật dạy: *“Điều thiện tối cao không gì hơn hiếu, điều ác cùng cực không gì bằng bất hiếu, sinh ra thời không gặp Phật khéo thờ cha mẹ tức thờ Phật, thờ Trời, đất, quỷ, thần không bằng có hiếu với cha mẹ”*. Hiếu là hạnh lành đứng đầu trong muôn hạnh: Hiếu hạnh vi tiên. Ca dao có câu:

*“Công cha như núi Thái Sơn  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra  
Một lòng thờ mẹ kính cha  
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”*.

Trong Kinh *Phân Biệt*, Đức Thế Tôn luôn nhớ đến công ơn của cha mẹ Ngài: *“Ta trải qua nhiều kiếp tinh tấn nay mới thành Phật, toàn là công ơn của cha mẹ ta”*. Ngài cũng từng có bài kệ để tán thán công đức mẹ cha:

*“Mẹ cha gọi là Phạm Thiên,  
Bậc đạo sư thời trước,  
Xứng đáng được cúng dường,  
Vi thương đến con cháu,  
Do vậy, bậc hiền triết,  
Đánh lễ và tôn trọng,  
Dâng đồ ăn đồ uống,  
Vải mặc và giường nằm,  
Thoa bóp cả thân mình  
Tắm rửa cả chân tay,  
Với sở hành như vậy,  
Đối với mẹ và cha,  
Đời này người hiền khen,  
Đời sau hưởng thiên lạc”*.

Biết ơn và đền ơn các đấng sinh thành là điều Phật dạy. Phụng dưỡng và hiếu kính cha mẹ trọn vẹn về phương diện vật chất và cả tinh thần trong hiện đời là một công việc khó khăn, đó không chỉ là trách nhiệm, nghĩa vụ mà còn là niềm vui, sự tự hào, sự hãnh diện của người con. Sự tích Mục Kiền Liên hiếu thảo cứu mẹ là tấm gương để mọi người con học hỏi, noi theo. Và Vu Lan là ngày lễ hằng năm để tưởng nhớ công ơn cha mẹ (tổ tiên nói chung).

Chữ Hiếu trong nhà Phật được thể hiện uyển chuyển,



Sự tích Mục Kiền Liên hiếu thảo cứu mẹ là tấm gương để mọi người con học hỏi, noi theo. Và Vu Lan là ngày lễ hằng năm để tưởng nhớ công ơn cha mẹ (tổ tiên nói chung). (Ảnh: [phatgiao.org.vn](http://phatgiao.org.vn))

linh hoạt chứ không cứng nhắc và rập khuôn. Năm điều chữ hiếu mà người con cần phải thực hiện được viết trong Kinh *Giáo thọ Thi-ca-la-việt* (Sigālovāda sutta) như sau: *“Được nuôi dưỡng, tôi sẽ nuôi dưỡng lại cha mẹ; tôi sẽ làm bốn phận đối với cha mẹ; tôi sẽ gìn giữ gia đình và truyền thống; tôi bảo vệ tài sản thừa tự; tôi sẽ làm tang lễ khi cha mẹ qua đời”*. Thiết nghĩ, đạo làm con cần thực hiện hạnh hiếu như một việc làm lớn lao và quan trọng nhất của đời người.

### 3.2. Tư tưởng bình đẳng

Tư tưởng *Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành* của Đức Phật Thích Ca, là minh chứng rõ ràng nhất cho một giá trị tôn trọng quyền bình đẳng tốt cùng của đạo Phật. Trong Kinh *Ké bản tiện* (Vasālasuttam, Kinh Tập, Phẩm Rắn), Ngài dạy:

*Bản tiện không vì sanh,  
Phạm chí không vì sanh,  
Do hành, thành bản tiện,  
Do hành, thành Phạm chí.*



## PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

Từ sự bình đẳng nam nữ trong xã hội, đạo Phật nêu lên sự bình đẳng của người vợ và người chồng trong cuộc sống hôn nhân. Đức Phật dạy trong Kinh Thiện Sanh rằng:

*“Lấy lễ đối đãi nhau.  
Oai nghiêm không nghiệt.  
Cho ăn mặc phải thời.  
Cho trang sức phải thời.  
Phó thác việc nhà”.*

Đổi lại, người vợ cũng nên:

*“Dậy trước.  
Ngồi sau.  
Nói lời hòa nhã.  
Kính nhường tùy thuận.  
Đón trước ý chồng”.*

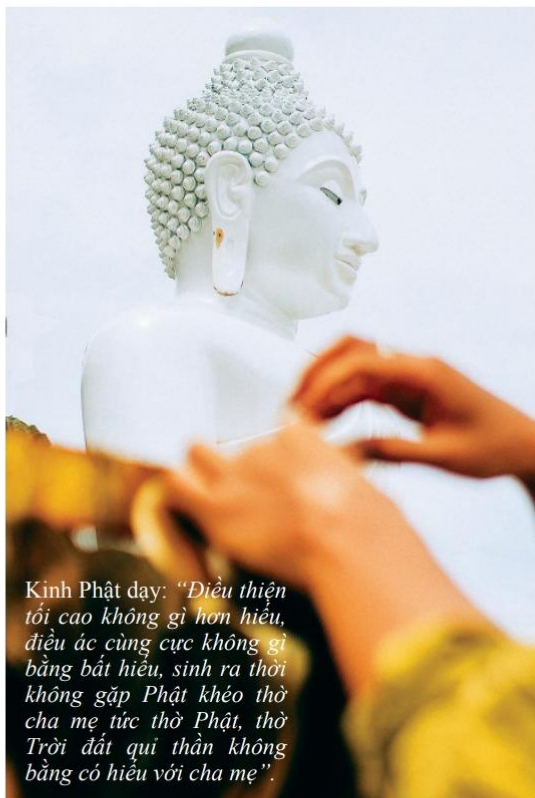
Như vậy, theo quan niệm đạo Phật, vợ chồng cần tôn trọng nhau và đó là cách để duy trì hạnh phúc gia đình.

Đề tương xứng với người chồng, trong Kinh Các người vợ (Tăng Chi Bộ Kinh, Bảy Pháp, Phẩm Chư Thiên), Đức Phật từng nêu lên các loại người vợ. Trong đó, hình mẫu người vợ lý tưởng theo Đức Phật là: Vợ như người mẹ, vợ như người chị, vợ như người bạn, vợ như người nữ tỷ. Ví như người vợ nào luôn luôn niềm nở, vui vẻ, hòa thuận với chồng như thể khi hội ngộ một người bạn thân từ lâu mới gặp lại. Luôn giữ tiết hạnh và thủy chung với chồng. Người vợ như vậy, Như Lai gọi là loại vợ như bạn. Bảy là, người vợ nào luôn mềm mỏng, không nóng tánh, không sân hận, giận dữ. Dù bị chồng đối xử không đẹp nhưng vẫn nhường nhịn, không tỏ thái độ lỗ mãng, lớn tiếng. Trái lại còn biết tùy thuận để khuyên răn và chinh phục chồng mình.

Có thể khẳng định, hiếm có tôn giáo nào mà bổn phận của người chồng và người vợ được cụ thể hóa rõ ràng và nhân văn như đạo Phật. Đó không chỉ là trách nhiệm của cá nhân mà còn là trách nhiệm chung để xây dựng và gìn giữ gia đình an vui, hòa thuận. Trách nhiệm và bổn phận đó chính là sự thể hiện bình đẳng trong quan hệ hôn nhân của người chồng và người vợ.

### 3.3. Đạo từ bi và lòng kiên nhẫn

Đạo Phật vốn là một tôn giáo từ bi hướng thiện. Những giá trị tích cực đó càng được nhân lên với những hành động cụ thể như: bố thí, thiện nguyện



Kinh Phật dạy: “Điều thiện tối cao không gì hơn hiếu, điều ác cũng cực không gì bằng bất hiếu, sinh ra thời không gặp Phật khéo thờ cha mẹ tức thờ Phật, thờ Trời đất qui thân không bằng có hiếu với cha mẹ”.

xã hội, cứu tế và chăm sóc cho người yếu thế... Hành thiện để tu nhân tích đức, gieo hạt giống lành cho cha mẹ, cho con cái, cho người thân và cho bản thân là những điều nhà Phật khuyên làm... Đến chùa tham bái và lắng nghe những câu kệ lời kinh cho lòng thanh thản, tĩnh tâm để tìm thấy ý nghĩa cuộc sống là những giá trị tích cực thiết thực góp phần giáo dục mọi người, nhất là thế hệ trẻ vững bước trước những cám dỗ của cuộc sống, khích lệ họ quan tâm đến những số phận của cộng đồng, sống lương thiện, coi trọng tính nhân văn, nhân đạo...

Chữ Nhẫn từ ngàn xưa vẫn là phương châm thân diệu trong việc đối nhân xử thế, là cánh cửa dẫn đến mọi đức hạnh. Ông bà ta thường nói: “Một câu nhịn là chín câu lành hay Chữ nhẫn là chữ tương vàng/ Ai mà nhẫn được thì càng sống lâu”. Trong cuộc sống, thực tế hôn nhân rất đa dạng, phần nhiều “nổi” và “vung” chông chênh, nghiêng ngửa và phải nỗ lực thật nhiều từ cả hai phía mới tìm được sự đồng điệu, trọn tình. Hạnh phúc hay đau



khổ đều do hai người tạo ra. Trong mối quan hệ gia đình cha mẹ và con cái, luôn có những mâu thuẫn và xích mích nhất định, nhất là trong bối cảnh xã hội, kinh tế nhiều biến động thì điều này không thể tránh khỏi. Để thiết lập một gia đình hạnh phúc, tất cả các thành viên trong gia đình, cha mẹ và con cái đều cần nỗ lực để chu toàn trách nhiệm và bổn phận của mình với lòng kiên nhẫn kiên định. Muốn thực hành bí quyết cho gia đình hạnh phúc theo lời Phật dạy như trên, tất yếu chúng ta phải rèn được chữ Nhẫn.

Hiện nay, có một hoạt động được Phật giáo tổ chức cho đôi trẻ trước khi tiến tới hôn nhân đó là lễ Hằng Thuận. Lễ Hằng Thuận giáo dục sự thủy chung, đạo lý gia đình cho mọi người tham gia khi bước vào cuộc sống hôn nhân. Đây là hoạt động đáng được khuyến khích nhân rộng trong cộng đồng xã hội, không chỉ giới hạn trong phạm vi Phật tử mà còn mở rộng cho mọi người tham gia. Ngoài ra, Phật giáo cũng đã mở những khóa tu tập cho giới trẻ khắp nơi tham gia môi trường tâm linh lành lạnh mạnh. Hoạt động này giúp họ nhận thức sâu sắc hơn giá trị của đời sống tinh thần, bớt tham lam, vị kỷ, không chạy theo lối sống vật chất, tăng lòng nhân ái, tăng tính kiên nhẫn, biết ơn mọi người xung quanh, biết tôn trọng ông bà, cha mẹ. Hàng năm, các chùa đều tổ chức các sự kiện kỷ niệm lễ Phật giáo và lễ Vu Lan hướng mọi người nhớ đến công đức của ông bà tổ tiên, để con cháu nhớ về người đã khuất. Đây là điều kiện góp phần vào việc xây dựng gia đình Việt Nam hiện đại trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Sự vận dụng tư tưởng từ bi và lòng kiên nhẫn trong triết lý Phật giáo vào việc vun đắp hạnh phúc gia đình là hết sức cần thiết. Theo triết lý Phật giáo, con người cần mở rộng tấm lòng bao dung và tha thứ đối với mọi người xung quanh, biết nhẫn nhịn và kiềm chế bản thân lúc cần thiết, nhất là người bạn đời của mình. Nếu trong gia đình, việc nhỏ không nhẫn nhục được thì khó lòng có thể giữ gìn và xây dựng một gia đình thuận hòa, êm ấm.

### 3.3. Giới - Định - Tuệ

Giới là mạng mạch của Phật pháp. Người con Phật luôn tôn trọng và gìn giữ giới luật, không phạm phải lỗi lầm về tư tưởng, lời nói và hành động. Ngũ giới ảnh hưởng sâu sắc đến việc xây dựng hạnh

phúc gia đình. Nếu thực hiện đúng như lời Phật dạy, đặc biệt là thực hành trọn vẹn ngũ giới, có thể xem như những bậc thang giúp con người bước gần hơn đến việc gìn giữ sự thủy chung và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Định là thiền định, bài trừ tạp niệm. Tuệ là trí tuệ, bài trừ vô minh bao gồm: văn tuệ (học hành mà có được), tư tuệ (suy nghĩ mà có tuệ) và tu tuệ (thực hành mà có tuệ). Tụ trung lại, Giới - Định - Tuệ giáo dục con người tránh những lỗi lầm, tội lỗi, bài trừ tạp niệm, xa rời những đam mê, dục vọng làm rối loạn tâm trí con người.

## 4. TẠM KẾT

Để xây dựng gia đình hạnh phúc trở thành tổ ấm theo đúng nghĩa, không chỉ là trách nhiệm của một người, một thành viên nào mà cần sự đóng góp chung tay, sự quan tâm của mọi người và của toàn xã hội. Dưới góc độ Phật pháp, vòng quay muôn đời tuân theo luật nhân quả: Ai gieo cái gì, sẽ gặt được cái đó. Đây chính là hạt nhân tích cực của Phật giáo, là động lực giúp con người ta thường xuyên tu dưỡng để sống tốt hơn, nhân ái hơn, bớt tham, sân, si. Những tư tưởng của Phật giáo trong gia đình Việt Nam xưa và nay có những khác biệt nhất định, nhưng chúng ta cần tiếp thu có chọn lọc những mặt tích cực vào việc xây dựng văn hóa gia đình hiện nay. Việc kế thừa và phát huy hợp lý hạt nhân Phật giáo luôn gắn liền với tư tưởng sáng tạo, với thực tế tình hình lẫn yêu cầu của xã hội mới. Đó là nguyên tắc không thể bỏ qua trong quá trình kế thừa những giá trị truyền thống nói chung, quan niệm Phật giáo về gia đình nói riêng.

### Tài liệu tham khảo:

1. Bộ môn Tôn giáo học (2021), *Vận dụng triết lý Phật giáo đối với việc xây dựng đời sống gia đình tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay*. Truy cập ngày 20/7/2022, <https://frs.ussv.vnu.edu.vn>.
2. Lam Vy (2019), *Quan điểm của Phật giáo về bình đẳng và sự bình đẳng trong quan hệ hôn nhân*. Truy cập ngày 20/7/2022, <https://phatgiao.org.vn>.
3. Nguyễn Văn Mạnh (2013), *Nho giáo và Phật giáo với việc giáo dục đạo đức, lối sống của con người Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế *Luân thường Nho giáo dưới góc nhìn xuyên văn hóa*, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
4. Thích Thiện Bảo (2013), *Giáo lý nhà Phật là nền tảng xây dựng hạnh phúc gia đình*. Truy cập ngày 20/7/2022, <http://giacngo.vn>.
5. Trần Thị Bình (2013), *Xây dựng gia đình dưới góc độ Phật pháp*. Truy cập ngày 20/7/2022, <http://laocai.gov.vn>.





## SƯ TỔ THÍCH NGUYỄN BIỂU VỚI “HỘI LIÊN XÃ NIỆM PHẬT” - MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ

# PHÁP TU

Nguyễn Văn Quý\*

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Pháp tu Tịnh Độ đã xuất hiện từ lâu trong lịch sử Phật giáo và trở thành một thành tố vô cùng quan trọng trong Phật giáo ở Á Đông. Tại Việt Nam, kể từ khi pháp tu Tịnh Độ du nhập từ Trung Quốc vào khoảng thế kỷ thứ V, dĩ nhiên Đàm Hoảng sang chùa Tiêu Sơn (tỉnh Bắc Ninh ngày nay) tu tập Quán kinh được xem là thời kỳ đầu du nhập của pháp tu Tịnh Độ. Sự phát triển của pháp môn này trong tiến trình lịch sử Phật giáo Việt Nam gần đây được quan tâm sâu sắc hơn. Trước đó, phần lớn các công trình nghiên cứu, nhất là lịch sử Phật giáo Việt Nam đều chỉ ra rằng, Phật giáo Việt Nam là sự kết hợp giữa Thiên và Tịnh song tu; hay Thiên - Tịnh - Mật. Như thế, có thể thấy pháp tu Tịnh Độ có một vị trí vô cùng đặc biệt trong việc tu hành của các nhà tu hành đạo Phật ở Việt Nam. Nhưng cũng vì thế, thật khó phân tách rõ ràng đâu là Thiên, đâu là Tịnh nếu không xem xét trên các bình diện khác nhau, chẳng hạn lịch sử tư tưởng, lịch sử hình thành của pháp tu hay phương pháp tu tập...

Vậy, pháp tu Tịnh Độ được biểu hiện như thế nào vào cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Từ “*Hội liên xã Niệm Phật*” do Tổ Bồ Đề Thích Nguyên Biếu sáng lập, bước đầu chúng tôi nêu ra một số suy nghĩ của mình về pháp tu Tịnh Độ ở thời kỳ này.





# TINH ĐỘ

## ○ CUỐI THẾ KỶ XIX- ĐẦU THẾ KỶ XX ○

Mặc dù chỉ có ba bộ kinh và một bộ luận triển khai giáo lý làm căn bản phương pháp tu tập Tịnh Độ, nhưng trong hệ thống Phật giáo Đại thừa cũng hết sức ngợi ca tư tưởng Tịnh Độ, làm cho pháp tu Tịnh Độ trở nên phổ biến và nổi bật trong lịch sử tư tưởng Phật giáo.



## PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

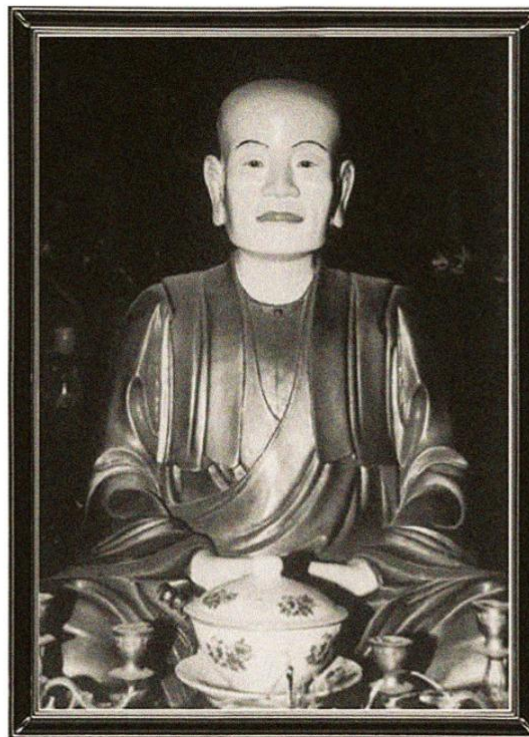
### TỔ BỒ ĐỀ THÍCH NGUYÊN BIỂU VỚI PHÁP TU TỊNH ĐỘ

Tổ Bồ Đề Thích Nguyên Biểu (1836-1906) họ Phạm, pháp danh Thích Nguyên Biểu, hiệu Nhất Thiệt, người ở tổng Thạch Giản, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ban đầu, ngài được gia đình đồng ý cho thể phát quy y tại chùa Phù Lăng (Phúc Long tự), xã Phù Lăng, huyện Quê Võ, tỉnh Bắc Ninh. Năm 1852, Ngài được tôn sư cho sang chùa Vĩnh Nghiêm, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang tham học và thụ giới Sa di với Tổ Tâm Viên. Đến năm ngài 20 tuổi (1855) thì thụ cụ túc giới và sau đó Ngài ở lại chùa Vĩnh Nghiêm thêm 5 năm nữa tu học. Cũng trong thời gian này, Ngài còn đi dất sư đệ Thích Thanh Hanh từ chùa Hòe Nhai về đây tham học.

Sau thời gian tu học ở chùa Vĩnh Nghiêm, Ngài bắt đầu hoằng pháp và trụ trì chùa Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, Hà Nội. Đặc biệt, năm 1874, khi tới bến Bồ Đề, nhận thấy nơi đây cảnh sắc u nhã, lại là địa danh gắn với người anh hùng dân tộc Lê Lợi và nhân dân nơi đây thịnh cầu, Ngài đã hưng công khởi dựng ngôi chùa và đặt tên là Thiên Sơn Cổ Tích Tự, nhưng nhân dân quanh vùng quen gọi là chùa Bồ Đề. Khi chùa xây xong, Ngài thuyết pháp, thu nhận đệ tử. Có thể kể đến những đệ tử danh tiếng của Ngài như: Hòa thượng Thanh Át - Tổ đệ tam tổ đình Trung Hậu; Hòa thượng Thông Toàn - Tổ đệ tứ tổ đình Bà Đá... Đối với Tổ đình Bồ Đề, sau ngài có Hòa thượng Thích Thanh Trụ; Hòa thượng Thích Quảng Ích; Hòa thượng Thích Quảng Gia; Hòa thượng Thích Thiên Bản (Cao Đà); Hòa thượng Thích Tâm Tịch...

Bên cạnh việc đào tạo tăng tài cho đất nước, Tổ Nguyên Biểu còn có công rất lớn trong việc san khắc mộc bản kinh điển Phật giáo. Có thể kể đến bộ Nhật tụng Bồ Đề được san khắc năm 1881; bộ Thụ giới nghi phạm san khắc năm 1887; bộ kinh Hoa Nghiêm hoàn thành năm 1892... Năm 1887, sau một thời gian hưng công xây dựng, chùa Bồ Đề trở thành một tùng lâm lớn ở miền Bắc, “*cũng trong thời kỳ hoằng pháp này, Ngài đã toàn tâm toàn trí xiển dương giáo lý Tịnh Độ*”. Năm 1887, Ngài lập nên “*Hội liên xã Niệm Phật*” nhằm khuyến thiện gia thất chúng niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ với tác phẩm “*Liên xã niệm Phật*” [1]. Hội liên xã Niệm Phật do Tổ Nguyên Biểu sáng lập với mục đích rõ



Tổ Bồ Đề  
Hòa thượng Thích Nguyên Biểu  
1836 - 1906

Trên cơ sở tiếp nối truyền thống tu tập Phật giáo Việt Nam, đặc biệt là từ sự ảnh hưởng trực tiếp từ tổ đình Phù Lăng, Vĩnh Nghiêm. Tổ Nguyên Biểu không chỉ am hiểu sâu sắc Phật giáo mà còn tinh thông giáo lý Tịnh Độ.

ràng như đã nêu ở trên. Và tên hội lại gọi lên suy nghĩ về pháp tu Tịnh Độ thuở ban đầu.

Về kinh điển, đạo Phật trong quá trình phát triển đã hình thành hai dòng chảy lớn là Phật giáo Nguyên Thủy và Phật giáo Đại thừa. Pháp tu Tịnh Độ là một phương pháp tu tập quan trọng thuộc Phật giáo Đại thừa, nhấn mạnh vào đức tin và sự cứu độ của Đức Phật A Di Đà dựa trên nền tảng giáo lý hình thành từ ba bộ kinh [2] với phương pháp tu tập chủ yếu là nhất niệm hồng danh Phật A Di Đà, nguyện được vãng sanh Tây phương Cực lạc. Có lẽ vì thế, pháp tu này đáp ứng được nhu cầu của mọi người, mọi giai tầng trong xã hội, không phân biệt người giàu người nghèo, bậc thượng căn hay hạ căn về cõi nơi Phật A Di Đà làm giáo chủ.



Về lịch sử, sự phân kỳ lịch sử hình thành và phát triển của Phật giáo đem đến sự nhận thức rõ ràng hơn và sâu sắc hơn cho mọi người về đạo Phật. Tuy nhiên, việc phân kỳ cũng chưa được thống nhất [3], nhưng cơ bản như Nguyễn Tuệ Chân phân kỳ thành ba giai đoạn: Giai đoạn Phật giáo Nguyên thủy, giai đoạn Phật giáo Bộ phái và giai đoạn Phật giáo Đại thừa [4]. Đối với Phật giáo Đại thừa, theo Nguyễn Quang Cư, “*sự hình thành tư tưởng Phật giáo Đại thừa là phong trào phát triển một đường lối Phật giáo mới, hình thành từ năm 150 trước Công nguyên đến năm 100 sau Công nguyên. Phong trào này là kết quả của sự kế thừa và phát huy nhưng mang tính độc lập, khởi dậy từ miền Nam, miền Tây Bắc và miền Đông Ấn Độ. Ba đặc tính nổi bật là vũ trụ quan mới, kiến giải mới về Abhidharma (A tỳ đàm hay là giáo pháp vi diệu, thù thắng vì giúp cho người tự giải thoát) và quan niệm mới về Bồ tát đạo làm phương châm thực tiễn, từ đó phát sinh một cách nhìn mới về Đức Phật và Phật pháp, đưa ra nhiều kiến giải mới, dần cấu thành phong trào Phật giáo Đại thừa. Đây là một sự mở đầu cho bước phát triển mới trong hệ thống tư tưởng Phật giáo*” [5].

Vào thời kỳ đầu của Phật giáo Đại thừa, tư tưởng về tha lực, tức là nhờ vào Phật lực, Bồ tát lực... để được giải thoát không phải bắt nguồn từ kinh tạng Phật giáo Đại thừa nói chung mà từ bộ *Na Tiên Tỳ kheo Kinh* (Nagasena) thuộc kinh tạng của Phật giáo Nguyên thủy. Bộ này xuất hiện vào khoảng thế kỷ I sau Công nguyên [6], điều này cũng phù hợp với nhận xét của Nguyễn Quang Cư về thời gian và kết quả của sự kế thừa, phát huy tư tưởng trước đó của Phật giáo Đại thừa. Đương nhiên, nội dung *Kinh Na Tiên Tỳ Kheo* là giáo nghĩa Phật giáo Nguyên thủy, nhưng vấn đề “*tha lực*” lại được xem là tư tưởng độc đáo của sự chuyển tiếp từ thời kỳ Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Đại thừa. Chính tư tưởng Phật lực là khởi nguyên của tư tưởng “*tha lực*” trong giáo nghĩa các bộ kinh thuộc Phật giáo Đại thừa sau này. Junjiro Takakusu khi đọc *Na Tiên Tỳ Kheo Kinh* đã cho rằng “*được cứu độ*” là tư tưởng mới trong đạo Phật [7]. Tất nhiên, tư tưởng “*được cứu độ*” không đơn giản thế, bởi trong kinh tạng của pháp môn Tịnh Độ không chỉ dạy con người Niệm Phật mà còn dạy con người thọ trì Tam quy, Ngũ giới, hành Thập thiện, phát Bồ đề tâm, nghiên cứu kinh điển, học tập giáo pháp, tạo lập công đức, hộ trì tam bảo, phóng sinh... Nhìn chung, “*chỉ với Kinh*

*Pháp Hoa và Kinh A Di Đà thì tư tưởng cứu độ mới toàn vẹn, [...] chúng sinh được cứu giúp lên cõi Cực lạc. Đó là tinh thần cơ bản của tông Tịnh Độ*” [8]. Mặc dù chỉ có ba bộ kinh và một bộ luận triển khai giáo lý làm căn bản phương pháp tu tập Tịnh Độ, nhưng trong hệ thống Phật giáo Đại thừa cũng hết sức ngợi ca tư tưởng Tịnh Độ, làm cho pháp tu Tịnh Độ trở nên phổ biến và nổi bật trong lịch sử tư tưởng Phật giáo.

Theo *Phật giáo sử*, tư tưởng Tịnh Độ gắn bó chặt chẽ với sự tôn thờ Phật A Di Đà của nhân dân Trung Quốc đã tồn tại từ thời Hán và dần dần trở nên phổ biến hơn nhờ vào các bản dịch của một vị hoàng tử nước An Tức là An Thế Cao vào năm 150. Nhưng về kinh điển Tịnh Độ thì phải đến thế kỷ thứ III trở đi mới dần xuất hiện trọn vẹn [9] nhờ các vị dịch giả xuất chúng. Lịch sử truyền thừa của tông này không rõ ràng như Hoa Nghiêm tông, Thiên Thai tông hay Thiền tông. Mãi sau này, các cao tăng đời sau thường căn cứ vào sự đóng góp trong công cuộc xiển dương giáo lý Tịnh Độ, thậm chí căn cứ vào sự linh ứng lúc viên tịch của các cao tăng tiền bối để suy tôn; từ đó hình thành nên mối quan hệ truyền thừa của pháp môn Tịnh Độ [10] và pháp tu này ngày càng trở lên quan trọng không chỉ đối với tín đồ Phật tử mà còn cả quần chúng nhân dân mến mộ đạo Phật.

Trong thập tam tổ (13 vị tổ) Tịnh Độ tông Trung Quốc đã được suy tôn thì sư Huệ Viễn (333-416) là Đệ nhất tổ. Sư Huệ Viễn người họ Cổ, người Nhạn Môn, tỉnh Sơn Tây. Sư Huệ Viễn vốn thông minh xuất chúng, sau khi tôn thiên sư Đạo An làm thầy, không lâu sau ông đã tinh thông kinh *Bát nhã*. Vì hoàn cảnh lịch sử nên ông xuống Tương Dương, sau đến Lô Sơn và lập chùa Đông Lâm. Ở đây, ông “*vừa truyền Đại thừa, vừa truyền Tiểu thừa, rước các vị tăng Tây Vực, Thiên Trúc đến dịch kinh*” [11]. Nhưng mặt khác, Sư Huệ Viễn cũng chủ trương xiển dương pháp tu niệm Phật, ấn dật tu hành không màng thế sự... Năm 402, ông lập ra Hội niệm Phật tại Lô Sơn, lấy tên Bạch Liên xã quy tụ hơn 3.000 người, trong đó có 18 người nổi tiếng nhất gọi là Đông Lâm thập bát hiền. Họ cùng nhau thệ nguyện, rước tượng Phật A Di Đà cùng vãng sinh Tịnh Độ. Điều này chính là sự “*tin tưởng và nguyện sinh về Tây phương Cực lạc của vị Phật A Di Đà làm giáo chủ. Pháp tu cao nhất của Tịnh Độ là tự coi thể tính của mình là A Di Đà. Và nếu quán được linh ảnh của Di Đà là bằng*



## PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

*chứng chắc chắn nhất sẽ được sinh về cõi Tịnh thổ Cực lạc của Ngài” [12].*

Như vậy, về hình thức, Hội liên xã Niệm Phật do Tổ Bồ Đề Nguyên Biểu lập năm 1887 cũng có thể giống như là Hội Niệm Phật ở Lô Sơn do sư Huệ Viễn thành lập năm 402, đây là tổ chức tập hợp đông đảo quần chúng ưu chuộng đạo Phật, không phân biệt người tại gia hay xuất gia. Về nội dung, cả hai vị Tổ đều triển khai xiển dương pháp tu Tịnh Độ. Đối với Bạch Liên xã, *Phật giáo sử* ghi chép hội niệm Phật này quy tụ hơn 3.000 người tham gia, còn Hội liên xã Niệm Phật do Tổ Nguyên Biểu thành lập thì hiện nay chúng tôi chưa rõ có bao nhiêu người, những rõ ràng ngài “*không ẩn dật, không màng thế sự*” như tổ Huệ Viễn, mà tích cực xiển dương pháp tu Tịnh Độ, đào tạo tăng tài, ấn tống kinh sách,... Mặt khác, việc ngài thành lập Hội liên xã Niệm Phật cho thấy pháp tu Tịnh Độ được đặc biệt chú trọng phát triển, nhiều tổ đình danh tiếng ở miền Bắc, nơi ngài giáo hóa, hoằng pháp đến nay pháp tu Tịnh Độ vẫn hiện diện.

Vậy đâu là cơ sở để ngài xiển dương pháp tu Tịnh Độ ở thời kỳ này. Thật tiếc, chúng tôi chưa có trước tác “*Liên xã niệm Phật*” để thấy được quan niệm hay tư tưởng của ngài. Song, việc ngài chú trọng phát triển pháp tu Tịnh Độ thông qua việc thành lập Hội liên xã Niệm Phật là bước tiếp nối truyền thống, nhưng ở mức cao hơn trong việc xiển dương pháp tu Tịnh Độ.

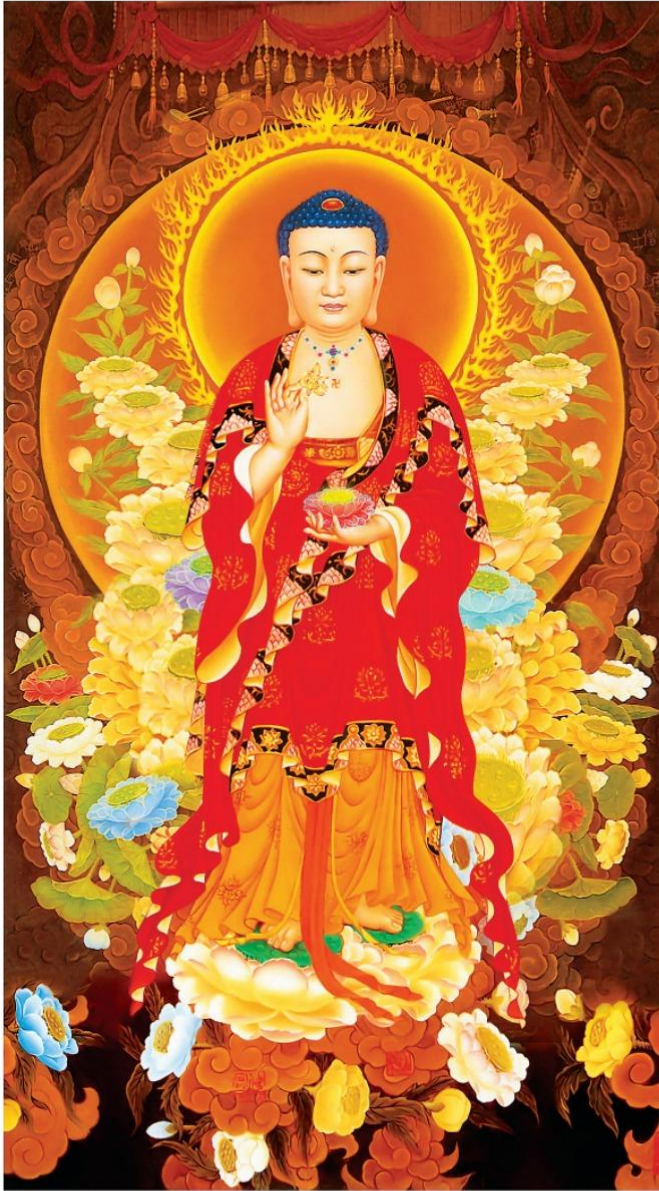
Như đã đề cập ở trên, phải đến thế kỷ thứ V, pháp tu Tịnh Độ mới truyền nhập vào nước ta. *Cao tăng truyện* chép: “*Thích Đàm Hoằng, người Hoàng Long, nhỏ tu giới hạnh, chuyên sành luật bộ. Trong khoảng Tống Vĩnh sơ (420-422) nam du Phiên Ngung, dừng lại ở chùa Đài, sau lại đến chùa Tiên Sơn của Giao Chỉ, tụng Vô lượng thọ và Quán kinh, lòng thể về an dưỡng. Vào năm Hiếu Kiến thứ 2 (455), nhóm củi trên núi, lên vào trong củi lấy lửa tự thiêu. Đệ tử đuổi kịp, ôm giữ đem về, thì nửa mình đã cháy, trái thảng mới bớt chút ít. Sau đó, xóm gần có hội, cả chùa đều phó. Hoằng vào ngày ấy lại vào trong hang núi tự thiêu. Dân xóm đuổi tìm thì mạng Hoằng đã dứt. Do đó, họ chất củi thêm, đốt lửa cháy đến ngày hôm sau mới tắt. Ngày hôm đó, dân xóm đều thấy Hoằng thân vàng sắc vàng, cười một con nai vàng, đi về phía tây rất nhanh, không nghĩ hỏi han. Tăng và tục mới hiểu thần dị, cùng lượm xương*

*tro, để dựng tháp thờ” [13].* Nhưng từ sau thế kỷ thứ V đến khoảng nửa đầu thế kỷ thứ IX, không có tư liệu nào để lại đề cập đến Tịnh Độ. Dưới thời nhà Đinh (968-980) và Tiền Lê (980-1009), đất nước ta bước vào thời kỳ tự chủ ổn định, Phật giáo được triều đình ưu chuộng và phát triển hơn trước. Những sử liệu Phật giáo chép về thời kỳ này chủ yếu liên quan đến Thiên tông và các yếu tố Mật tông. Tuy nhiên, với sự đề cao sự cứu vớt của các vị Bồ tát, đặc biệt là Bồ tát Quan Thế Âm nên tư tưởng Tịnh Độ vẫn được bảo lưu trong sự dung hòa với Thiên tông, Mật tông. Từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIV, đây là thời kỳ nước ta hưng thịnh với hai triều đại Lý và Trần. Và đây cũng là thời kỳ Phật giáo phát triển nhất, gắn bó sâu sắc với các vương triều. Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam thời kỳ này đã cho thấy tư tưởng Tịnh Độ khá phát triển, chẳng hạn vua Lý Thánh Tông (1023-1072) cho tạc một pho tượng Phật A Di Đà năm 1066, hiện được thờ phụng tại chùa Phật Tích (Vạn Phúc tự), tỉnh Bắc Ninh ngày nay; sư Tri Bát (1049-1117) tạo tác tượng Phật A Di Đà vào năm 1099 ở chùa Hoàng Kim, nay thuộc xã Hoàng Ngô, huyện Quốc Oai (Hà Nội)...

Các thiền sư thuộc phổ hệ truyền thừa các thiền phái vẫn tu tập theo pháp tu Tịnh Độ như: Thiền sư Tịnh Lực (1112-1175), thuộc thế hệ thứ 10 dòng thiền Vô Ngôn Thông, chuyên kinh Viên giác, song “*trong 12 thời sư lễ Phật sám hối, thâm nhập được pháp môn niệm Phật tam muội nên âm thanh trong trẻo như tiếng Phạm thiên*”[15]; Thiền sư Tri Bát (1049-1117) thuộc thế hệ thứ 7 dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi, nhân tướng niệm Phật A Di Đà ở thế giới Cực lạc, nên đã phổ khuyến đạo tục, dựng một đạo tràng lớn [15] ... Thời Trần, các nhà tư tưởng, uyên thâm Phật giáo như: Tuệ Trung Thượng Sĩ, Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông... thường bàn về vấn đề niệm Phật dưới góc độ lý luận hơn là thực tiễn. Như Trần Thái Tông đã kiến giải sâu sắc về vấn đề niệm Phật [16], hay Tuệ Trung Thượng Sĩ “*là một trí thức tam giáo mà Phật giáo trội hơn chứ không độc tôn*”[17]. Do vậy, không có gì ngạc nhiên khi một trí thức điển hình về sự uyên thâm Phật pháp, đề cao “*kiến tính*”, tìm về bản ngã chân như, khai mở Phật tính trong mỗi chúng sinh lại có những vần thơ như chẳng đề cao ngồi thiền hay niệm Phật:

*Tự thị quyện thời tâm tự tức  
Bất quan nhiếp niệm bất quan thiền*





Pháp tu Tịnh Độ là một phương pháp tu tập quan trọng thuộc Phật giáo Đại thừa, nhấn mạnh vào đức tin và sự cứu độ của Đức Phật A Di Đà dựa trên nền tảng giáo lý hình thành từ ba bộ kinh với phương pháp tu tập chủ yếu là nhất niệm hồng danh Phật A Di Đà, nguyện được vãng sanh Tây phương Cực lạc.

(Khi nào mệt mỏi thì tâm tự tắt  
Chẳng cần niệm Phật, chẳng ngồi thiền)

(Ngẫu Tác).

Nhưng sâu lắng bên trong tâm vẫn là sự khẳng định A Di Đà là bản tâm của mỗi người, với pháp thân bao trùm khắp chốn:

*Tâm nội Di Đà tử ma khu  
Đông tây nam bắc pháp thân chu  
Trường không chỉ kiến cô luân nguyệt  
Sát hải trừng trừng dạ mạn thu.  
(Di đà vốn thực thân ta  
Nam bắc đông tây khắp chọi lò  
Trăng thu ngự giữa trời cao rộng  
Đêm lặng trừng dương rạng chiều xa) [18].*

Phật giáo Trúc Lâm một mặt rất đậm tính dân tộc, mặt khác lại theo tư tưởng của Mã Tổ Đạo Nhất, nhưng phóng khoáng hơn và như thế không phải là không có tư tưởng Tịnh Độ như đã nói ở trên là minh chứng cho sự “...*thích hợp với tâm linh tôn giáo của người Việt, hướng về tu tâm dưỡng tính, làm việc thiện hơn là nghiên cứu giáo lý uyên bác...*” [19]. Cho nên, khi Phật giáo Trúc Lâm được thành lập thì lập tức thành dòng Phật giáo chủ lưu, và có lẽ vì thế mà pháp tu Tịnh Độ không trở thành “tông” như ở Trung Quốc hay Nhật Bản mà hòa hợp trong dòng chảy của Trúc Lâm Phật giáo.

Sau khi khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, Nho giáo được đề cao và Phật giáo, Đạo giáo nói chung bị hạn chế. Nhưng ngay sau thế kỷ XVI, từ thời nhà Mạc, Phật giáo được phục hưng, nhiều quý tộc, đặc biệt là phụ nữ quý tộc đã có công đức lớn với chùa, song không có một tông phái nào nổi bật, hoặc ít được ghi chép. Cuộc chiến Nam-Bắc triều rồi Trịnh-Nguyễn phân tranh đã đưa con người quay trở lại mạnh mẽ hơn với Phật giáo. Đây là lý do giúp cho các tông phái Phật giáo như Lâm Tế, Tào Động du nhập sâu vào xã hội Việt Nam. Đối với Tịnh Độ, xu hướng Thiền Tịnh song tu [20] trở thành chủ đạo trong tu tập của tín đồ Phật giáo Việt Nam. Hiện tượng này đã thấy từ thời Lý-Trần, song thời kỳ này nổi trội hơn cả. Nhiều tác phẩm viết về pháp tu Tịnh Độ, phiên âm và chú giải nhằm truyền bá cho pháp môn này như ngài Viên Văn Chuyết Chuyết (1590-1644) trước tác *Bồ đề yếu nghĩa*, thuyết minh về Tự tính Di Đà; Thiền sư Hương Hải (1628-1708) vừa tuyên truyền tư tưởng thiền phái Trúc Lâm, đề cao



## PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

Phật tại tâm vừa phiên dịch *A di đà kinh số sao* của Châu Hoàng; Thiền sư Chân Nguyên (1647-1726) vốn đọc *Tam tổ thực lục* mà này tâm tu hành, nhưng sau khi tham vấn Thiền sư Minh Lương được trao tâm ấn làm tổ đời thứ 36 tông Lâm Tế. Vì vậy, ở thiền sư Chân Nguyên, là sự hội tụ của hai tông phái Trúc Lâm và Lâm Tế. Năm 1684, ngài còn dựng tòa Cửu phẩm liên hoa thể hiện tư tưởng Tịnh Độ qua điêu khắc rất độc đáo. Như vậy, Thiền sư Chân Nguyên còn là minh chứng rõ ràng nhất ở Việt Nam về Thiền Tịnh song tu thời kỳ này. Bản thân ngài còn trước tác, nghiên cứu sâu sắc về pháp tu Tịnh Độ như: *Tịnh độ yếu nghĩa*, *Long thư Tịnh độ văn*, *Long thư Tịnh độ luận bạt hậu tự*...

Tổ Nguyên Biểu được tôn sư chùa Phù Lãng cho phép sang tham học và thụ giới với Tổ Tâm Viên tại chùa Vĩnh Nghiêm, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Chùa Vĩnh Nghiêm gắn bó với giai đoạn các vị Tổ Trúc Lâm và là trung tâm Phật giáo Trúc Lâm lớn không chỉ ở thời Trần mà mãi về sau. Trung tâm Phật giáo Vĩnh Nghiêm là nơi đào tạo tăng tài, nơi san khắc mộc bản ấn tống kinh điển danh tiếng trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Trên phương diện san khắc mộc bản ấn tống kinh điển Phật giáo, vào thời kỳ Tổ Tâm Viên trụ trì đã san khắc khá nhiều bộ văn sách Phật giáo như: *Kính tín lục*, *Tây phương mỹ nhân truyện*, *Tỳ kheo ni giới kinh*, *Sa di ni kinh*, *Đại A Di Đà kinh* (gồm: *A Di Đà vấn sao biện*, *A Di Đà kinh số sao tục vấn*, *A Di Đà yếu giải*, *A Di Đà sự nghĩa*, *Tịnh Độ tứ thập bát vấn*. *Đầy đủ nhất là bộ A Di Đà kinh số sao*). Trong đó, có bộ *Kính tín lục* là loại sách của Trung Quốc, có tính chất và mục đích khuyến thiện, trừng ác, có sức truyền cảm lớn. Trong lời tựa san khắc bộ sách này để lưu truyền ở nước ta do Cử nhân khoa Canh Tuất là Nguyễn Huy Tuấn viết vào năm Tự Đức thứ 29 (1876) đã cho biết mộc bản (ván in) lưu tại chùa Phúc Long, xã Phù Lãng, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh. Như thế, chùa Phúc Long hay còn gọi là chùa Phù Lãng chính là nơi đầu tiên Tổ Nguyên Biểu tu hành. Không chỉ có thế, ngoài bộ *Kính tín lục* còn có bộ *Tây phương mỹ nhân truyện*, ngoài bìa còn ghi tàng bản chùa Phù Lãng, nhưng mộc bản hiện lưu tại chùa Vĩnh Nghiêm. Như thế, chùa Phù Lãng và chùa Vĩnh Nghiêm cũng có mối liên hệ vô cùng mật thiết, mà trong lời tựa *A Di Đà kinh số sao* cho biết rõ điều này: “*Tháng giêng năm Đinh Tỵ niên hiệu Tự Đức, Sa môn Thông Duệ chùa Phúc Long xã Phù Lãng huyện Võ Giàng phủ*

*Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh phát tâm khắc in lại các bộ kinh Di Đà kinh số sao, Sự nghĩa vấn biện, Di Đà kinh yếu giải, Tây phương mỹ nhân truyện. Đến năm Mậu Ngọ, sa bà báo mãn, tịnh độ duyên thành, truyền y bát cho môn đệ và phó chúc việc in kinh cho môn đồ pháp quyến làm thay. Đệ tử là Tâm Viên vâng mệnh làm theo, thân tâm rất vui mừng. Trộm nghĩ ơn sâu tam bảo, đức nặng hai thầy, hưởng nữa mình và người cùng muốn được chân pháp, há dám chậm trễ! Nhưng mà thế sự vô thường, phải đến năm Đinh Mão mới bắt đầu khắc in lại được, đến năm Quý Dậu thì hoàn thành” [21].*

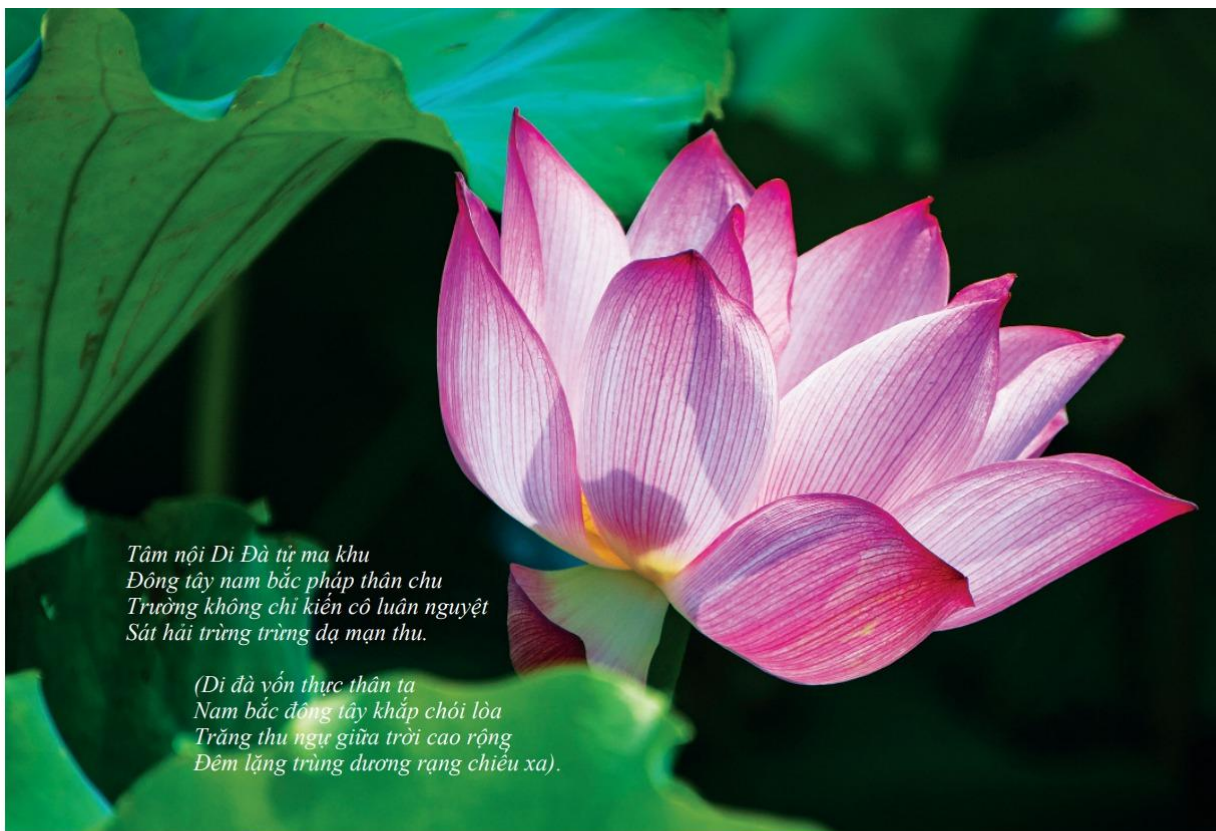
Đối với kinh điển Tịnh Độ, văn bản *A Di Đà số sao* đã cho biết nguyên nhân san khắc, ấn tống kinh điển là để khuyến thiện, phúc báo “*huống chi pháp môn Tịnh Độ vượt ra ngoài sinh tử luân hồi, mãi không thoái chuyển cho đến khi thành Phật, cho nên khuyên mọi người tu Tịnh Độ là thành tựu cho tất cả chúng sinh. Làm Phật ắt độ cho vô lượng chúng sinh, chúng sinh được độ đều bắt đầu từ ta, phúc báo ấy thực vô cùng tận. Cho nên muốn khuyên hết thầy những người có kiến văn hãy mở rộng tâm ấy, lấy tâm Phật làm tâm mình, khiến cho người người đều biết đến, mà hết thầy được sinh về cõi Tịnh Độ” [22].*

Như thế, Tổ Nguyên Biểu đã có sự kế thừa truyền thống tu hành từ chùa Phù Lãng (Phúc Long tự), chùa Vĩnh Nghiêm. Với sự hiện diện của các bộ kinh luận Tịnh Độ đã cho thấy thời kỳ này vẫn theo xu hướng Thiền-Tịnh song tu. Song yếu tố Tịnh đã trội hơn Thiền. Yếu tố này theo chúng tôi bắt đầu từ thiền sư Chuyết Chuyết, thiền sư Hương Hải, thiền sư Chân Nguyên, nhưng rõ ràng hơn ở Tổ Nguyên Biểu với việc thành lập Hội liên xã Niệm Phật.

### 3. ĐÔI LỜI TẠM KẾT

Trên cơ sở tiếp nối truyền thống tu tập Phật giáo Việt Nam, đặc biệt là từ sự ảnh hưởng trực tiếp từ tổ đình Phù Lãng, Vĩnh Nghiêm. Tổ Nguyên Biểu không chỉ am hiểu sâu sắc Phật giáo mà còn tinh thông giáo lý Tịnh Độ. Bên cạnh đó, việc san khắc mộc bản, ấn tống kinh điển Tịnh Độ ở chùa Phù Lãng và chùa Vĩnh Nghiêm cùng “*tâm nguyện*” của các vị tổ như ngài Thông Duệ, Tâm Viên một mặt cho thấy giáo lý Tịnh Độ đã hoàn bị, nhưng sâu xa hơn là đáp ứng nhu cầu của tín đồ, Phật tử cùng đông đảo quần chúng nhân dân trong bối cảnh lịch sử nhiều biến động.





*Tâm nội Di Đà từ ma khu  
Đông tây nam bắc pháp thân chu  
Trường không chi kiến cô luân nguyệt  
Sát hải trừng trừng dạ mạn thu.*

*(Di đà vốn thực thân ta  
Nam bắc đông tây khắp chói lòa  
Trăng thu ngủ giữa trời cao rộng  
Đêm lặng trừng dương rạng chiếu xa).*

Việc Tô Nguyên Biểu thành lập Hội liên xã Niệm Phật, thiết nghĩ, trước hết là việc đáp ứng nhu cầu đó. Với hình thức “hội” đã góp phần xiên dương pháp tu Tịnh Độ sâu rộng hơn trong nhiều tầng lớp. Góp phần đào tạo nhiều tầng tãi am hiểu đạo Phật, am hiểu giáo lý, phương pháp tu tập Tịnh Độ, nâng cao hơn về mặt lý luận, và có thể thấy, thời kỳ này yếu tố Tịnh Độ rất được quan tâm. Tất cả góp phần tạo cơ sở cho phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam sau này. Nhiều nhóm chuyên thực hành niệm Phật tiếp tục được thành lập như: Liên Trì xã, Niệm Phật liên xã, nhiều sách báo đã chuyên tải, giải thích tính hợp lý của việc tu tập Tịnh Độ. Đây là sự thích ứng của Phật giáo Việt Nam với thời đại, với xã hội trong một giai đoạn lịch sử nhất định.

#### **Chú thích và tài liệu tham khảo:**

\* Hiện công tác tại Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

[1] Tài liệu do Ban tổ chức Hội thảo cung cấp.

[2] Đó là bộ *Vô lượng thọ* kinh, *Quán vô lượng thọ* kinh và *Phật thuyết A Di Đà* kinh.

[3] Chẳng hạn như Edward Conze chia thành ba giai đoạn: “Thời kỳ thứ nhất là thời kỳ Phật giáo Nguyên thủy, phần lớn trùng khớp với giai đoạn mà sau này được gọi là Tiểu thừa. Thời kỳ thứ hai được đánh dấu bởi sự phát triển của giáo lý Đại thừa. Thời kỳ thứ ba là sự phát triển của Mật tông và Thiền tông. Các thời kỳ này kéo dài đến khoảng thế kỷ XI. Sau đó Phật giáo không còn sự thay đổi nội tại nào đáng kể nữa mà tiếp tục duy trì”. Xin xem: Edward Conze (Nguyễn Minh Tiên dịch và chú giải), *Lược sử Phật giáo*, Nxb. Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, tr.16.

[4] Nguyễn Tuệ Chân (biên dịch), *Lịch sử Phật giáo*, Nxb. Tôn

giáo, Hà Nội, tr.31

[5] Nguyễn Quang Cư (2014), “Cơ sở hình thành tư tưởng Phật giáo Đại thừa”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (số 7), tr.36-37.

[6] Ban đầu, bản kinh này truyền sang Tích Lan và các nước theo Phật giáo Nguyên Thủy với tên gọi là Milindapanhā hay Di Lan Đà bản kinh thuộc văn hệ Pāli. Sau đó, bản kinh này được truyền sang Trung Quốc và dịch sang văn hệ Hán với tên gọi là Na Tiên tỳ kheo kinh. Nội dung kinh Na Tiên tỳ kheo ghi lại những lời vấn đáp giữa Tỳ kheo Na Tiên, người Trung Á, sống vào khoảng nửa cuối thế kỷ II trước Công nguyên và vua Di Lan Đà (Milinda) tại kinh thành Sa Yết La (Sākalā) thuộc thượng lưu Ngũ Hà. Trong cuộc đối thoại này, nổi bật quan điểm nếu ai đó từng làm việc bất thiện, nhưng khi lâm chung biết tưởng nhớ đến Phật sẽ được Phật lực nâng đỡ mà sinh lên các cõi trời. Hễ ai tin Phật và tưởng nhớ đến Phật thì khi lâm chung đều được Phật tiếp độ. Xin xem: Ban biên Đạo Uyển (2010), *Từ điển Phật học*, Công ty sách Thời Đại & Nxb. Thời Đại, Hà Nội, tr.147-148; Cao Hữu Đỉnh soạn thuật (1996), *Na Tiên tỳ kheo kinh*, Tỉnh hội Phật giáo Thừa Thiên-Huế ấn hành.

[7] Ông viết: “Nếu chúng ta mô tả một vị Phật dựa trên căn bản giác ngộ viên mãn, chúng ta sẽ đi đến một lý tưởng về Phật, nghĩa là Đức Phật của ánh sáng vô tận (*Vô lượng quang*) và của tuổi thọ vô tận (*Vô lượng thọ*). Khi lý tưởng về Niết Bàn, vốn là phi không gian, phi thời gian, bất sinh, bất diệt, bất động được thể hiện, thì đất chính là Vô tận hay Vô lượng (*Adida, Amita hay Amitabha*). Sự mô tả về cõi Cực lạc, ý nghĩa Vô lượng quang và Vô lượng thọ và nhân cách giác ngộ của trí tuệ và từ bi vô cùng tận, tất cả gắn liền là những giải thích về “Vô lượng”. Xin xem: Junjiro Takakusu (Tuệ Sỹ dịch), *Các tông phái của đạo Phật*, Ban Tu thư viện Đại học Vạn Hạnh, tr.318.

[8] PGS. Nguyễn Duy Hinh, *Triết học Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội, tr.234.

[9] Đó là Sư Khương Tăng Ngải dịch kinh *Vô lượng thọ*; Cư sĩ Chí Khiêm dịch kinh *Đại A di đà*; La Thập dịch kinh *A di đà* (còn gọi là kinh Tiểu A di đà); Phật Đà Bạt Đà La (Giác Hiền) dịch kinh *Tân Vô lượng thọ*, kinh *Quán Phật tam muội*; Trí Nghiêm dịch *Tịnh Độ tam muội*; Cương Lương Da Xá (thế kỷ 5) dịch kinh *Quán Vô lượng thọ*;



## PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

Bồ Đề Lưu Chi (thế kỷ VI) dịch *Vô lượng thọ kinh luận*. Đến đây các bộ kinh căn bản của Tịnh Độ đã hoàn chỉnh, trong đó ba bộ kinh tạng được coi là nền tảng Tịnh Độ tông là *Vô lượng thọ*, *Quán Vô lượng thọ* và *Kinh A Di Đà*, sau thêm bộ *Vãng sinh Tịnh Độ luận* do ngài Thế Thân trước tác được dịch thì Tịnh Độ tông đã hoàn chỉnh xét trên hai phương diện chính là giáo lý và phương pháp tu tập. Hẳn nhiên, không chỉ có các bản kinh Tịnh Độ được dịch ở thời kỳ này, nhưng qua các bản dịch này đã cho thấy sự phát triển liên tục của Phật giáo Trung Quốc, sự thích ứng, hoà hợp, kết hợp nhịp nhàng với xã hội, tư tưởng, văn hoá truyền thống nơi đạo Phật truyền đến. Tuy nhiên, ở ngay trong chính Phật giáo Trung Quốc, việc phân chia để hình thành tông phái, cùng sự truyền thừa thích hợp phần nào đó cũng đem đến sự phát triển. Trên bình diện này, nó mang ý nghĩa lý luận nhiều hơn thực tiễn tôn giáo, bởi chỉ có các bậc tu hành uyên thâm Phật học, đức cao vọng trọng mới có thể chia thành tông phái khác nhau và vô hình chung đã duy trì tính liên tục của Phật giáo Trung Quốc trong nhiều thế kỷ. Còn phần lớn các tín đồ Phật giáo chỉ biết đến với Phật giáo với mong muốn được cứu độ, mong được giải thoát hay đơn giản là mong cầu bình yên sau khi lễ chùa, lễ Phật. Xem thêm: Edward Conze (Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải), *Lược sử Phật giáo*, Nxb. Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, tr.174).

[10] Sự truyền thừa của Tịnh Độ tông được ghi nhận bắt đầu từ thời Tống (960-1279), theo tác phẩm *Lịch sử Phật giáo* do Nguyễn Tuệ Chân (biên dịch) thì Tông Hiếu (1151-1214) trong tác phẩm Lạc bang văn loại đã tuyên dương pháp môn Tịnh Độ, ông đề cử Đông Tấn Lô Sơn Huệ Viễn là vị Tổ đầu tiên của Tịnh Độ tông cùng năm vị thứ tự là Thiện Đạo, Pháp Chiêu, Thiếu Khang, Tinh Thường, Tông Trạch kế thừa hình thành truyền thừa Tịnh Độ tông. Nhưng sau này, tăng nhân Chí Bản viết bộ *Phật tổ thống ký* sửa lại thành bảy vị thứ tự như sau: Huệ Viễn, Thiện Đạo, Thừa Viễn, Pháp Chiêu, Thiếu Khang, Diên Thọ và Tinh Thường. Và từ thời nhà Minh (1441-1644), thời nhà Thanh (1644-1911) cho đến thời gian gần đây, lại trải qua nhiều lần bổ sung, suy tôn được mười ba vị cao tăng là tổ sư được hầu hết giới tu hành Tịnh Độ chấp thuận, thứ tự như sau:

1. Lô Sơn Huệ Viễn (334-416 TL) đời Đông Tấn làm sơ Tổ.
  2. Quang Minh Thiện Đạo (613-681 TL) đời Tùy Đường, đệ nhị Tổ.
  3. Bát Châu Thừa Viễn đời Đường, đệ tam Tổ.
  4. Ngũ Hội Pháp Chiêu đời Đường, đệ tứ Tổ.
  5. Đại Nham Thiếu Khang đời Đường, đệ ngũ Tổ.
  6. Vĩnh Minh Diên Thọ đời Tống (?-975), đệ lục Tổ.
  7. Chiếu Khánh Tinh Thường đời Tống, đệ thất Tổ.
  8. Vân Thê Châu Hoảng (1535-1616), đời Minh, đệ bát Tổ.
  9. Ngẫu Ich Trì Húc (1599-1655) đời Thanh, đệ cửu Tổ.
  10. Phổ Nhân Hành Sách tự Triệt Lưu đời Thanh, đệ thập Tổ.
  11. Tiên Lâm Thất Hiền (1686-1734) đời Thanh, thập nhất Tổ.
  12. Tư Phúc Tế Tinh đời Thanh, thập nhị Tổ.
  13. Linh Nham Ân Quang, đầu đời Dân Quốc, thập tam Tổ.
- [11] Nguyễn Duy Hinh (1999), *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.59
- [12] Cư sĩ Nguyễn Hòa (2014), “Nguồn gốc lịch sử, ra đời và phát triển của Tịnh Độ tông”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật Học*, (số 3), tr.41.
- [13] Dẫn theo: Lê Mạnh Thát (1999), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam, tập I*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr.749.
- [14] Lê Mạnh Thát, *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh*, Nxb. TP Hồ Chí Minh, tr.223.
- [15] Lê Mạnh Thát, *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh*, Nxb. TP Hồ Chí Minh, tr.276.
- [16] Ngài đã chia người tu hành thành ba hạng là Thượng trí giả, Trung trí giả và Hạ trí giả. Trong đó, người Thượng trí là thân Phật, người Trung trí phải nhờ vào niệm Phật, luôn chuyên cần tịnh tín,

tự tâm mình thuần thiện và sau khi lâm chung sẽ nhập Niết bàn, người Hạ trí phải luôn miệng niệm Phật, thân cầu sinh đất Phật và sau khi chết được sinh vào đất Phật thì lại nhờ chư Phật dạy dỗ mới được Phật quả...

- [17] Nguyễn Duy Hinh (1999), *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.604.
- [18] Nguyễn Lang (1977), *Phật giáo sử luận*, Nxb. Lá Bối, tr.78.
- [19] PGS. Nguyễn Duy Hinh (2009), *Lịch sử đạo Phật Việt Nam*, Nxb. Tôn Giáo và Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.463.
- [20] Xu hướng này do Vĩnh Minh Diên Thọ (904-975) đời Tống (Trung Quốc) khởi xướng, nhưng ở Việt Nam không nhất thiết ảnh hưởng xu hướng từ Vĩnh Minh Diên Thọ.
- [21] Nguyễn văn trong quyển 4, tr.99, bộ *A Di Đà kinh số sao* hiện lưu giữ tại chùa Vĩnh Nghiêm: “*Đại Nam Tư Đức Đình Tự mạnh xuân, Bắc Ninh tỉnh Từ Sơn phủ Vô Giàng huyện Phù Lăng xã Phúc Long tự Sa môn Thông Duệ phát tâm trùng san: Di Đà kinh số sao, Sự nghĩa vấn biện, Di Đà kinh yếu giải, Tây phương mỹ nhân truyện. Ư Mậu Ngọ sa bà báo mãn, Tịnh Độ duyên thành, truyện y bát dư ti tịnh san kinh sự, phó chúc pháp quyền đại lao. Đệ tư Tâm Viên dâng phụng tự pháp ty, thân tâm biến hi. Thiệt niệm tam bảo ân thâm, nhĩ sư đức trọng, hưởng tự tha dục đắc chân pháp đại pháp, khởi cam trì đình. Nhiên nhi thể tướng vô thường, triển chuyển chí Đình Mâu sơ san, Quý Dậu khắc kính*”.
- [22] Trong lời dẫn quyển 4, tr.98, *A Di Đà kinh số sao*. Nguyễn văn: Huống Tịnh Độ pháp môn siêu xuất sinh tử luân hồi, vĩnh bất thối chuyển, nghi chí thành Phật nhi hậu dĩ, thị khuyến nhất nhân tu Tịnh Độ nãi thành tựu nhất thiết chúng sinh tác Phật dã. Phạm tác Phật già tất độ vô lượng chúng sinh. Tông can độ chi chúng sinh giai do ngã nhi thùy. Kỳ phúc báo, tín bất khả cùng tận. Cổ dục khuyến nhất thiết kiến già văn già quang đại kỳ tâm, dĩ Phật tâm vi tâm, sự nhân nhân tri chí, nhĩ tận sinh Tịnh Độ.

### Tài liệu tham khảo chính:

1. Ban biên Đạo Uyển (2010), *Từ điển Phật học*, Công ty sách Thời Đại & Nxb. Thời Đại, Hà Nội.
  2. Nguyễn Quảng Cư (2014), “Cơ sở hình thành tư tưởng Phật giáo Đại thừa”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (số 7).
  3. Nguyễn Tuệ Chân (biên dịch), *Lịch sử Phật giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
  4. Cao Hữu Đính soạn thuật (1996), *Na Tiên tỷ kheo kinh*, Tinh hội Phật giáo Thừa Thiên Huế ấn hành.
  5. Edward Conze (Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải), *Lược sử Phật giáo*, Nxb. Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.
  6. Cư sĩ Nguyễn Hòa (2014), “Nguồn gốc lịch sử, ra đời và phát triển của Tịnh Độ tông”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, (số 3)
  7. PGS. Nguyễn Duy Hinh, *Triết học Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội
  8. Nguyễn Duy Hinh (1999), *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
  9. PGS. Nguyễn Duy Hinh (2009), *Lịch sử đạo Phật Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo và Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
  10. Nguyễn Lang (1977), *Phật giáo sử luận*, Nxb. Lá Bối.
  11. Lê Mạnh Thát (1999), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập I, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
  12. Lê Mạnh Thát, *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh*, Nxb. TP Hồ Chí Minh.
  13. Trần Quang Thuận, *Phật giáo Trung Quốc*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
  14. Junjirō Takakusu (Tuệ Sỹ dịch), *Các tông phái của đạo Phật*, Ban Tu thư viện Đại học Vạn Hạnh.
- Và một số tư liệu điền dã của tác giả.



# Những chương trình

## Phật Sự

Online

Thực hiện



BẢN TIN PHẬT SỰ 20H



BẢN TIN PHẬT SỰ TIẾNG ANH



HOÀNG PHÁP ONLINE



ĐỌC LẠI TẬP CHÍ  
VĂN HÓA PHẬT GIÁO



AN CƯ LẠC NGHIỆP



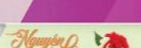
HƯỚNG DẪN CẨM HOA



CHUYỆN CỬA THIÊN



ĐƯỜNG VÀO NỘI TÂM



NGUYỄN LÂM CÔN THẢO



PHẬT PHÁP HỎI ĐÁP



PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG



SỐNG NHƯ NHỮNG ĐÓA HOA



CÂU CHUYỆN BÊN TÁCH TRÀ



ĐỒNG VỌNG PHÁP



NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



NGƯỜI CON PHẬT



LỜI CON DÂNG PHẬT



TÒA NGÁT HƯƠNG SEN

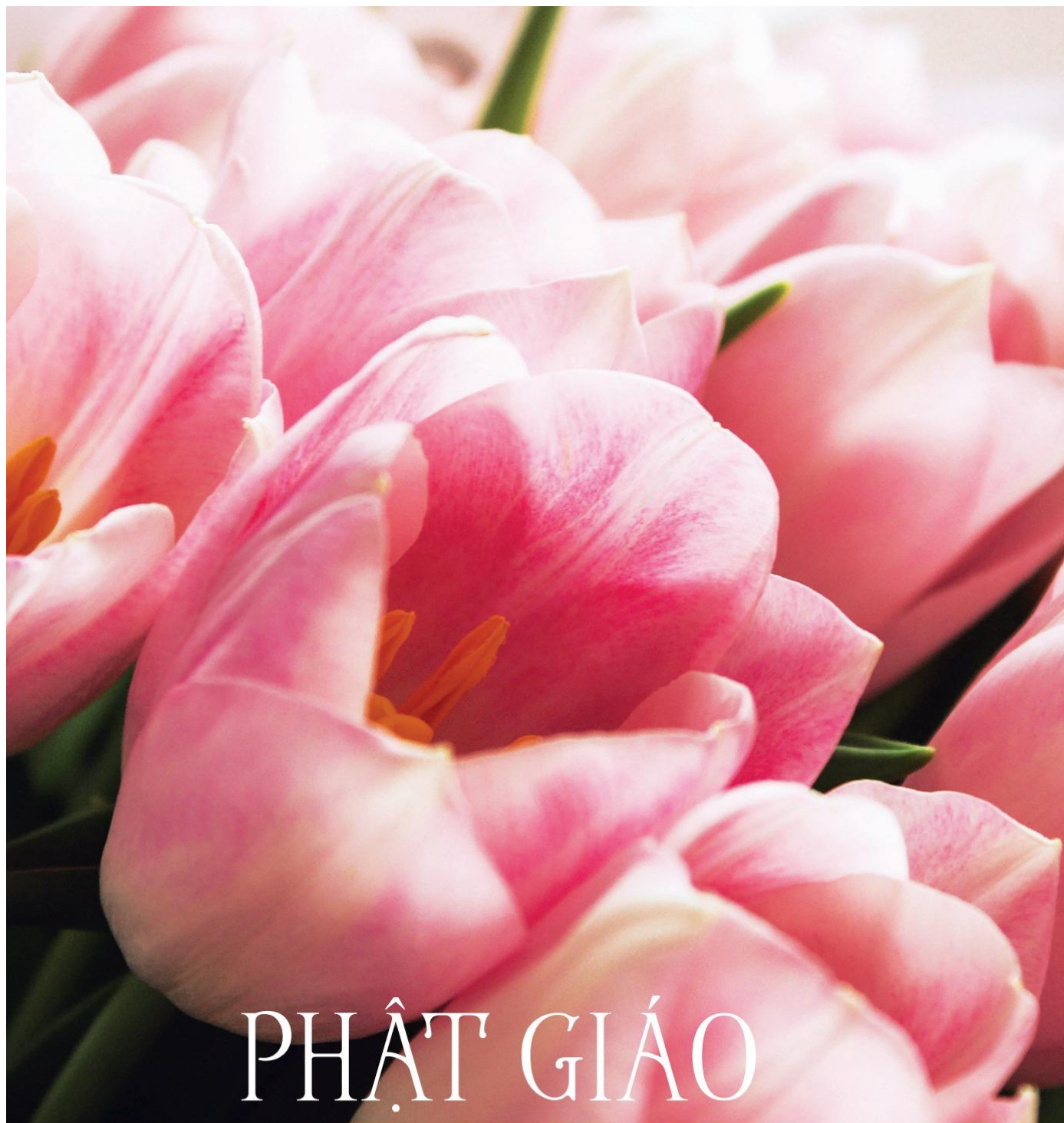


LỜI PHẬT DẠY

Liên hệ Live và đăng tin tức  
Chùa Minh Đạo - 12/3 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP.HCM

Đại đức THÍCH TUỆ TÁNH - 0944 020802  
Email: PSOmiennam@phatsuoonline.com





PHẬT GIÁO

**VĂN HÓA  
& ĐỜI SỐNG**



# ĐI GIỮA NHÂN GIAN

**Khánh Hạ**

Tôi mãi đi tìm một màu xanh thắm  
 Tìm lại chiếc lá trong rừng cội Sa La  
 Tìm lại mình giữa ai phủ dụ sớm tối... lụy tàn  
 Bao được mắt, có rồi không  
 Con đường trần chông chênh lắc lẻo  
 Có khi lạc lối bóng trầm luân  
 Mặc cạn đời...  
 Mang nhiều khê trời buộc ưu phiền nặng trĩu  
 Hai gánh vai không mà lại có  
 Trong tâm...  
 Đi giữa nhân gian lấm chày gương ao ảnh  
 Hoa dóm cuộc đời như khói lam loang vô mộng tanh  
 Chẳng nắm được sợi nào  
 Bóng trăng diễm đã  
 Ngán năm cũ trong lời kinh truyền tiếp  
 Mãi còn quang chiếu tận hôm nay.  
 Bánh xe Pháp miệt mài  
 Người đi...  
 Giữa chốn bụi trần  
 Tâm theo ngàn bước lặng lẽ  
 Chẳng luyến ngàn mây nổi điệp trùng  
 Trong giấc mơ người thường biếm hoa  
 Vạn lối quay về xin một bước không...



## ME VÀ SÔNG

**Ngô Thế Lâm**

Ta lang bạt suốt dặm dài gió bụi  
 ký thác buồn vui phù phiếm thị thành  
 sông thanh thân một dòng mẹ mãi  
 tưới xanh trong lên hieu hắt hồn mình

Phù sa ngọt vun bồi tươi cần cỗi  
 câu hát gập ghềnh chờ mưa nắng long đong  
 qua dâu bể, sông dịu dàng như thể  
 lòng mẹ suối nguồn dào dạt bao dung.

Đời ta hẹp, lòng sông thì rộng  
 cao thấp bao phen nông nổi quê người  
 sông như mẹ, vỗ về khờ dại  
 cho con nương vào trĩu một vòng ôm

Ta phiêu dạt bỗng một ngày môi gói  
 về soi bóng mình trong đục mấy dòng trôi  
 xin gột rửa bao ưu phiền lặn đận  
 phía hoàng hôn, bình yên đáng mẹ ngời!

Ơi bát ngát đời sông, đời mẹ  
 miền ca dao thổ thức trắng vàng  
 con khỏa nước khơi dòng trong tâm gọi  
 chợt thấy mình bé nhỏ giữa mênh mang...



*Văn hóa trà trong  
sinh hoạt thiền môn qua tác phẩm*  
**Sắc tu Bách Trượng  
thanh quy**



**Lưu Phác Bình - Suối Thông (dịch)\***

**T**hanh quy là bộ sách viết về chế độ quản lý tông lâm tự viện của Thiền tông Trung Hoa. Khởi đầu tác phẩm được Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải biên soạn vào thời Đường, với tên gọi là *Quy thức thiền môn*. Vì tác phẩm được Thiền sư Bách Trượng biên soạn, nên người đời sau còn gọi là *Bách Trượng thanh quy (Cổ quy)*. Nhờ có nội dung phù hợp với tình hình xã hội bấy giờ, nên tác phẩm trên nhanh chóng trở thành bộ sách điển hình về chế độ quản lý tông lâm tự viện ở Trung Quốc. Tuy nhiên, từ thời Ngũ Đại trở về sau, sự phát triển mạnh mẽ của Thiền tông Trung Hoa, cùng với việc hình thành thêm các chi phái thuộc truyền thống Thiền, đã khiến tác phẩm này dần bộc lộ những hạn chế nhất định trước thời đại mới. Trong tình hình đó, trên nền tảng của tác phẩm *Quy thức thiền môn*, người ta bắt đầu điều chỉnh và gia giảm đề nội dung của nó phù hợp với hoàn cảnh xã hội đương thời.

Đến thời Tống-Nguyên, có rất nhiều dị bản thanh quy Thiền tông lưu hành, mà nội dung của chúng là những quy định có nguồn gốc từ *Quy thức thiền môn* của Thiền sư Bách Trượng trước đó và một số bổ sung mới. Năm Nguyên Thống thứ 3 (1355), vua Nguyên Thuận ra sắc lệnh cho Thiền sư Đức Huy (Trụ trì một ngôi chùa trên núi Bách Trượng) biên tập và bổ sung những yếu tố cần thiết vào tác phẩm. Theo đó, Thiền sư Đức Huy đã hiệu đính *Bách Trượng thanh quy* thành *Sắc tu Bách Trượng thanh quy* gồm 8 quyển. Để phân biệt với tác phẩm *Bách trượng thanh quy* có trước đó, người sau gọi tác phẩm mới do Thiền sư Đức Huy biên tập là *Thanh quy mới (Tân quy)*. Bản *Thanh quy mới* này có nội dung phong phú, hệ thống hoàn chỉnh, kết cấu chặt chẽ, được xem là bản thanh quy biên tập hoàn chỉnh nhất trong 600 năm lịch sử Thiền tông, trở thành tập đại thành của thanh quy Thiền tông Trung Hoa.





Trong tác phẩm *Sắc tu Bách Trượng thanh quy*, có hơn 50 quy định cụ thể về trà lễ, khái quát lại có thể chia thành hai loại lớn: Trà lễ trong tế tự tang chế và Thiền trà trong sinh hoạt Tăng chúng.

*Sắc tu Bách Trượng thanh quy* kế thừa và hoàn thiện cách thức uống trà được đề cập trong thanh quy Thiên tông trước đó, đồng thời tiến thêm một bước, nghi thức hóa, quy cách hóa để tạo nên một chế độ thiền trà đặc sắc mang tính đặc thù. Từ thời Tống Nguyên, việc uống trà ở Trung Hoa rất phổ biến, nhưng cách pha chế khác hẳn với cách uống trà từ thời Minh Thanh trở về sau. *Sắc tu Bách Trượng thanh quy* hoàn thành vào cuối thời Nguyên, trước khi phong trào thưởng trà ở Trung Hoa bị mai một. Xét về tầm quan trọng, chế độ thiền trà được đề cập trong *Sắc tu Bách Trượng thanh quy*, đã phản ánh đặc trưng văn hóa trà của cả thời Tống Nguyên. Vì thế việc nghiên cứu khảo sát chế độ thiền trà trong tác phẩm *Sắc tu Bách Trượng thanh quy*, không những giúp cho công tác nghiên cứu văn hóa thiền trà Trung Hoa trở nên sâu sắc hơn, mà còn tiến thêm một bước, làm rõ

những tư liệu liên quan đến lịch sử của văn hóa thưởng trà thời Tống - Nguyên. Trong nghiên cứu này, người viết khảo sát nội hàm các khái niệm liên quan đến trà được phản ánh trong tác phẩm *Sắc tu Bách Trượng thanh quy*, như: “Trà lễ”, “trà thang”, “tiễn điểm”... Nếu còn chỗ nào thiếu sót, kính mong các bậc trí giả chỉ giáo thêm.

## 1. TRÀ LỄ TRONG SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUY

Từ thời Đường về sau, chịu ảnh hưởng từ văn hóa nghi lễ Nho gia, Thiên tông Trung Hoa buộc phải hệ thống lại các loại hình nghi lễ dành riêng cho Phật giáo và điều này được thể hiện rõ trong trà lễ. Trong hệ thống tự viện thiền môn ở Trung Quốc, “Trà lễ” được đề cao thành “Tòng lâm thanh lễ”, thậm chí còn hình thành nên quan niệm phổ biến “*Vô trà bất thành lễ*” [1]. Trong tác phẩm *Sắc tu Bách Trượng thanh quy*, có hơn 50 quy

định cụ thể về trà lễ, khái quát lại có thể chia thành hai loại lớn: (1) Trà lễ trong tế tự tang chế và (2) Thiền trà trong sinh hoạt Tăng chúng.

### 1.1. Trà lễ trong nghi thức tang chế thiền môn

#### *Trà lễ trong cúng tế thiền môn*

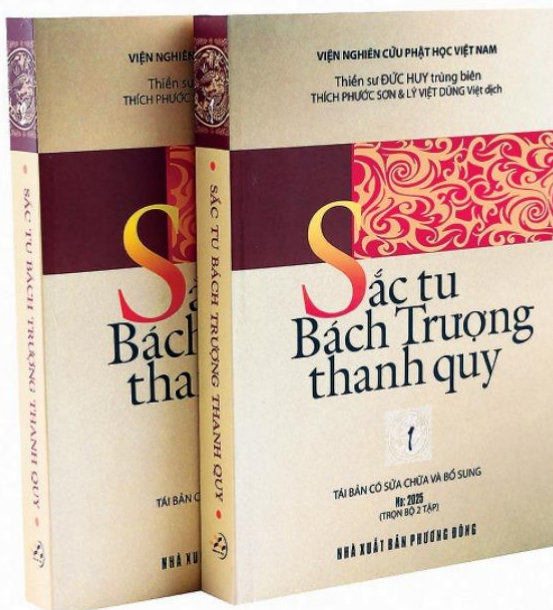
Phật giáo ban đầu vốn không đặt nặng vấn đề cúng bái, nhưng người Trung Hoa cổ đại lại rất xem trọng vấn đề này. Đối với quốc gia mà nói, “*việc lớn của quốc gia chính là cúng tế và luyện quân*” [2]. Đối với người dân, việc cúng tế được xem là một hình thức quan trọng nhằm thể hiện tinh thần hiếu đạo. Khi giải thích về chữ “Hiếu”, Không Tử đã nói rằng: “*Sống, dùng lễ ứng xử; chết, dùng lễ chôn cất và cúng bái*” [3]. Để thích ứng với bối cảnh mới khi truyền đến Trung Hoa, Phật giáo cũng từng bước tiếp nhận quan niệm trung hiếu của Nho gia.



## PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

Sau khi Thiên tông hình thành, sự tiếp nhận này đạt đến một giai đoạn mới. Trong *Sắc tu Bách Trượng thanh quy*, bốn chương “Chúc ly”, “Báo ân”, “Báo bổn”, “Tôn tổ” thể hiện sâu sắc sự ảnh hưởng của quan niệm trung hiếu đối với Phật giáo. Từ phương diện nội dung, ngoài việc quy định về những nguyên tắc, quy phạm mà người xuất gia phải thực hiện trong việc cầu phước giải nạn cho hoàng thất và quốc gia, còn đề cập đến những nguyên tắc, chuẩn mực trong nghi thức cúng Phật và chư vị Tổ sư.

Chẳng hạn, nội dung chương “Chúc ly” chủ yếu quy định về nghi lễ chúc phúc hoàng thất, đứng đầu là hoàng đế, bao gồm các nghi thức như: “Lễ chúc mừng Thánh thọ Thánh hoàng”, “chúc tụng các ngày canh mạng và bốn ngày trì trai”, “chúc tụng ở tạng điện vào ngày rằm”, “chúc tụng mỗi ngày”, “lễ chúc thọ Hoàng thái tử sống lâu”, “lễ các tháng tốt lành”. Trong đó, Lễ chúc mừng Thánh thọ Thánh hoàng là lễ mừng sinh nhật của Hoàng đế. Vào dịp này mỗi năm, các tông lâm tự viện đều thiết trí đạo tràng Kim Cang Vô Lượng Thọ để cầu thọ cho nhà vua. Trong nghi thức này, trà xuất hiện như một sản phẩm tế lễ: “Chờ chánh điện bày hương, nến, nước trà, chuông linh, lư hương cầm tay... Gióng chuông trước Tăng đường, tập hợp chúng sắp hàng trên chánh điện đứng hướng về phía Phật. Vị Trụ trì lên chánh điện dâng trà, Thượng thủ và Tri sự đón nhận và đưa cho Thị giả đốt hương đến trước tòa Phật châm trà. Dâng trà xong, thầy Trụ trì quay về vị trí của mình mà đứng” [4].



*Sắc tu Bách Trượng thanh quy* kế thừa và hoàn thiện cách thức uống trà được đề cập trong thanh quy Thiên tông trước đó, đồng thời tiến thêm một bước, nghi thức hóa, quy cách hóa để tạo nên một chế độ thiên trà đặc sắc mang tính đặc thù.

Chương “Báo ân” chủ yếu đưa ra những quy định về nghi lễ cầu phước trừ nạn cho đất nước, gồm có hai nghi lễ: “Quốc kị” và “Cầu thọ”. Trong nghi thức “Quốc kị” ghi: “Đến giờ, thỉnh chuông ở Tăng đường tập hợp đại chúng, chờ Trụ trì đến thấp hương, dâng trà cúng” [5].

Chương “Báo bổn” quy định nghi thức cúng bái đối với đức Phật trong ba dịp lễ: Phật đản, Phật thành đạo, Phật nhập Niết-bàn và thầy của vua khi qua đời. Mừng 8 tháng 4 là ngày Phật Đản sinh, mọi tông lâm tự viện đều “chuẩn bị chu đáo và trang nghiêm hương hoa, đèn nến, trà quả, thức ăn tươi mới bày ra cúng dường” [6]. Trong buổi lễ, vị Trụ trì phải lạy 3 lạy, sau đó dâng hương, cúi xuống châm trà. Ngày mừng 8 tháng Chạp và ngày 15 tháng 2 âm lịch, lần lượt là ngày Đức Thích Ca Mâu Ni thành đạo và nhập Niết-bàn, các chùa viện cũng chuẩn bị phần lễ như ngày Khánh đản. Vào lễ kỷ niệm ngày thầy của vua mất,

ngoài việc “chuẩn bị hương hoa, đèn nến, trà quả, món ăn trang nghiêm dâng lên cúng dường”, vị Trụ trì “dâng trà, lễ bái xong”, thì “thấp hương thuyết pháp” [7].

Chương “Tôn tổ” quy định những nghi thức cúng bái trong ngày húy kỵ chư vị Tổ sư thiên môn nhiều đời, bao gồm 4 lễ: “Giỗ kỵ Đạt-ma”, “Giỗ kỵ Bách Trượng”, “Giỗ kỵ các bậc Tổ sư khai sơn”, “Giỗ kỵ các bậc thầy truyền pháp”. Trong nghi thức các ngày giỗ kỵ này, trà được nhắc đến rất nhiều lần. Như phần “Giỗ kị Tổ sư Bồ-đề Đạt-ma” viết: “Vào giữa giờ cháo sáng và cơm trưa, thỉnh chuông ở Tăng đường tập hợp đại chúng, đứng xếp hàng hướng về chân dung Tổ sư. Trụ trì dâng hương lạy ba lạy, không cuốn đầu tựa cụ, tiến tới trước lư hương, dâng bày trà nước và cơm cúng. Thị giả thỉnh khách, đốt hương đứng bên cạnh bàn Tổ, vị bưng đồ cúng dâng lên đặt trên bàn, Trụ trì thoái lui về vị trí lạy ba lạy, lại tiến tới trước



đốt hương ban phát tài vật bố thí xong lạy ba lạy, cuốn thâu tọa cụ, đánh trống rồi dâng trà cúng Tổ. Xong đầu đó, Trụ trì dâng hương và tuyên pháp ngữ” [8].

Phần “Giỗ kỵ Thiên sư Bách Trượng Hoài Hải” ghi lại: “Đúng ngày lễ chính, bày lễ vật ra cúng giỗ, đặc biệt dọn trà thang, dâng hương đọc sớ” [9]. Ở phần “Giỗ kỵ các bậc Tổ sư khai sơn” thì viết: “Giỗ kỵ các bậc khai sáng chùa cúng các bậc đạo hạnh cao dày và các bậc có công lao to lớn với chùa. Cách đó một đêm, bày biện trang trí trên pháp đường, lễ nghi cùng với lễ giỗ kỵ Thiên sư Bách Trượng giống nhau, nhưng có thể không có đọc sớ. Khó ty cúng dường đầy đủ. Nếu là giỗ kỵ Tổ sư các đời thì không cần dâng sớ, cũng không hiến dâng trà thang” [10]. Phần “Giỗ kỵ các bậc thầy truyền pháp” miêu tả: “Trụ trì dâng cơm cúng, tiền hành lễ dâng trà, dâng hương (giống như ở lễ giỗ kỵ Tổ sư Đạt-ma). Lưỡng tự dâng hương, đại chúng cùng lễ bái (do dưới Thượng tọa trở xuống đều gọi là người tham học). Vào giờ thọ trai, vị Trụ trì vào Tăng đường thấp hương, trải tọa cụ, lạy ba lạy rồi lui về vị trí. Thị giả tặng tài vật bố thí (có nơi nhân lúc tế tựu pháp đường tụng kinh và tặng phát tài vật luôn, là không đúng lễ). Thọ trai xong, tế tựu pháp tòa dâng trà, thấp hương, Thị giả hành lễ” [11].

**Trà lễ trong tang chế thiền môn**  
Tuy Phật giáo quan niệm tất cả chúng sanh bình đẳng, nhưng việc cúng tế dành cho người xuất gia lớn và nhỏ không đồng nhau, quy cách tổ chức tang lễ cũng có chỗ khác biệt. Chịu ảnh hưởng từ quan niệm cấp bậc trong nghi lễ

tang ma của Nho gia, *Sắc tu Bách Trượng thanh quy* đưa ra những quy định có phần khác biệt giữa tang lễ của người làm Trụ trì và những vị Tăng nhân bình thường.

Tang lễ vị Trụ trì có tiêu chuẩn cao, trình tự tương đối phức tạp, gồm: Nhập liệm (nhập kim quan); mời người làm chủ tang lễ; người lo việc tang lễ; lo tang phục; lo các Phật sự; đưa áo quan đi; lập di ảnh cúng trà nước; sắp xếp việc nghe pháp; tụng niệm; cúng tế trà nước cho người mất; sắp xếp thứ tự tế cúng; xuất tang treo di ảnh cúng trà nước; hỏa thiêu; nhập tháp; xướng y; trình di thư; chiêu đãi người chủ tang và nhân viên ban lo liệu đám tang... Ngoài nghi thức Lập di ảnh ở pháp đường; sắp xếp việc nghe pháp cho người mất; sơn môn thọ tang và treo di ảnh phải ngưng việc “cúng trà” ra, các nghi thức khác hầu như đều dùng đến trà. Chẳng hạn như khi nhập kim quan, phải “dâng trà ba thời vào các buổi sáng chiều và tối” [12]; lúc di quan thì “dâng trà, cơm cháo hai thời” [13]; khi đưa tro cốt vào tháp “quan tài đến tháp, các chùa đều dâng hương cúng trà ... Trà dâng ba chén, hương đốt một lò... Mỗi ngày cúng ba lần, họp chúng lại tụng kinh” [14]. Lúc “Trình di thư” thì: “Thấp hương uống trà xong, đợi hai bên chấp sự đến, Chuyên sự đứng dậy trước lu hương mời trà cảm tạ thâm tình... Uống trà xong, mọi người đứng dậy. ... Mời ảng vị Phương trượng mời chuyên sự dùng trà. ... Chuyên sự hướng về vị Trụ trì xá chào vấn an xong, lui về đứng phía sau ban Tri khách. Lúc bấy giờ, vị Trụ trì cử hành nghi thức lên tòa thuyết pháp. Xong xuống tòa đến trước bàn cúng linh đốt hương, bày trà

lên cúng, sau đó rót trà, trải tọa cụ xuống nền dập đầu lạy ba lạy thể hiện lòng thành kính” [15]. Khi chiêu đãi người đứng ra chủ trì việc mai táng và các nhân viên phụ tá, “sau buổi mời trà, thỉnh chuông tập họp chúng đứng ra xếp hàng ở cổng chánh của chùa để tiễn họ ra về” [16].

Nếu là tang lễ của Tăng chúng thì nghi thức đơn giản hơn, thường chỉ bao gồm các nghi lễ như: Ghi chép lưu giữ y bát; thỉnh người lo Phật sự; định giá di vật của người qua đời; tụng niệm ban đêm; đưa vong; trà tỷ; xướng y; nhập tháp. Tất cả các nghi thức này đều liên quan đến trà. Như trong nghi thức ghi chép lưu giữ y bát, “Người canh linh cứu hăng ngày dâng cơm cháo, còn Tri sự mỗi ngày cúng trà nước ba lần” [17]. Trong phần “Các nghi thức dành cho người qua đời” ghi: “Nếu người mất là Tây đường, Đơn liêu, Càn cụ y bát hơi nhiều, thì cần thêm các nghi lễ khác như dâng trà nước, chuyển trang thờ, chuyển cốt...” [18]. Khi ban đêm, “sau giờ nghỉ ngơi, đánh chuông tại Tăng đường, tập họp đại chúng, đến trước kim quan tụng niệm. Trước hết vị Tri sự bước ra, đốt hương dâng trà...” [19]. Trong lễ Trà tỷ, “Chờ đến lúc đọc đến câu dâng trà, đốt hương, vị Tri sự trịnh trọng bước ra dâng trà và đốt hương để tiến hành thực hiện nghi lễ của sơn môn” [20].

## 1.2. Thiền trà trong sinh hoạt Tăng chúng

So với trà lễ trong tang chế thiền môn, những ghi chép của *Sắc tu Bách Trượng thanh quy* về trà trong sinh hoạt của Tăng chúng càng chi tiết hơn. Ở những chương “Trụ trì”, “Lưỡng tự”,



## PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

“Đại chúng”, “Tiết lập” đều có không ít những quy định về thiên trà trong các hoạt động của Tăng chúng. Đối với những buổi thiên trà quan trọng, đều được cụ thể hóa bằng một lộ trình rất trình tự và đồng nhất. Trong giai đoạn chuẩn bị, phải dán bảng “danh mục trà” hoặc gửi tên các loại trà đến những vị được mời tham dự, sắp xếp nơi diễn ra hoạt động và chuẩn bị trà nước. Khi buổi thiên trà chính thức diễn ra, chủ yếu có các nội dung như: Cung nghinh, thỉnh an tọa, thấp hương, thường hương, châm trà, thường trà, châm thêm trà, thu ẩm chén, châm nước trắng, tiễn khách. Đề buổi thiên trà diễn ra trang nghiêm, nhịp nhàng và tránh tình trạng chộn rộn, *Sắc tu Bách Trượng thanh quy* còn vẽ nhiều sơ đồ buổi sinh hoạt dán những nơi công cộng, giúp người tham gia am tường tổng thể trước khi tham gia hoạt động này. Các buổi thiên trà được tổ chức, đều có tên gọi và mục tiêu riêng, các nghi thức và nội dung diễn ra trong buổi lễ chính là quá trình thực hiện mục tiêu đó. Thông qua những buổi trà lễ nơi tông lâm như vậy, không chỉ khiến các hoạt động giao tế có quy định lễ nghi cụ thể, gia tăng tính quy phạm và nghiêm túc, mà còn giúp hiệu suất làm việc trong chốn tông lâm tự viện được nâng cao hơn [21].

### *Việc bổ nhiệm, miễn chức Trụ trì và thiên trà thường ngày*

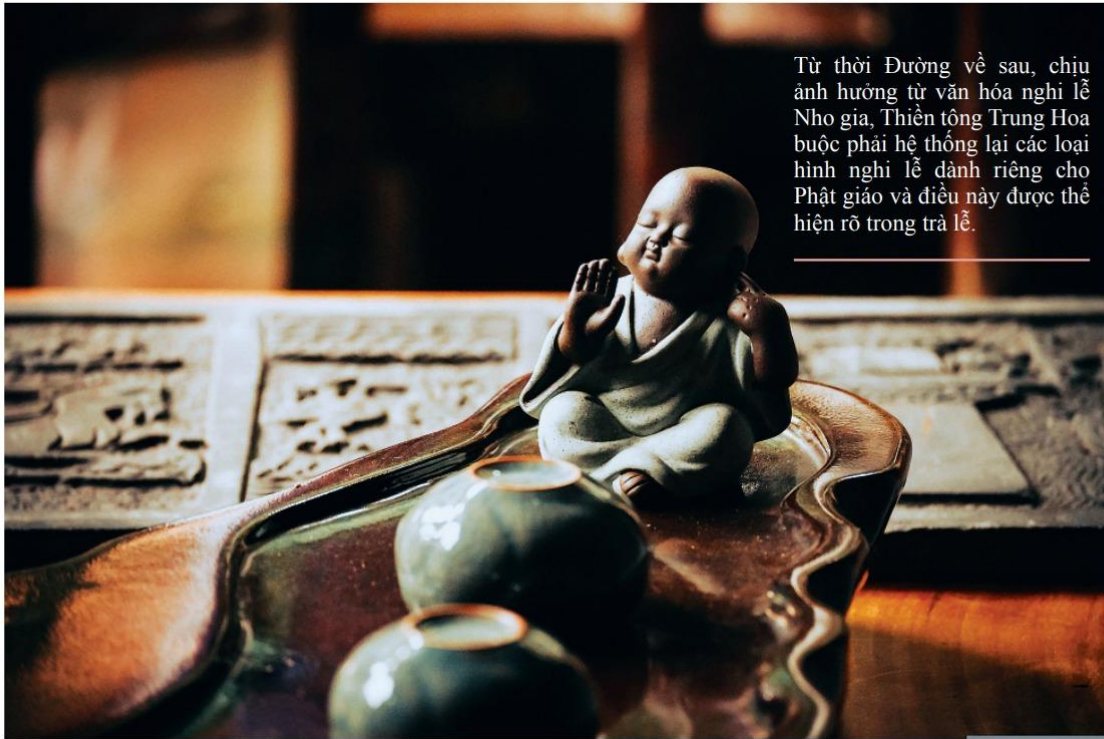
Nội dung chương “Trụ trì” của *Sắc tu Bách Trượng thanh quy* đề cập vấn đề bổ nhiệm, bãi nhiệm và các chức trách của vị Trụ trì. Theo trình tự, vị Trụ trì mới sẽ do tự viện tiến cử, sau khi được các bộ phận liên quan phê chuẩn xong, tự viện phải tổ chức nghi

thức rước đón Trụ trì mới và nghi thức Trụ trì mới nhận nhiệm vụ. Trong các buổi lễ này, trà là yếu tố không thể thiếu. Như trong “*Son môn đặc vi tân mệnh trà thang*” (nhà chùa đặc biệt khoản đãi trà và thang thủy cho Trụ trì mới) chép: “*Bảng hiệu báo khoản đãi trà thang tân thọ mạng Trụ trì được treo hai bên phải trái trước Tăng đường (Vân đường). Khố ty chuẩn bị văn trạng thỉnh mời, chuẩn bị mâm gỗ có trái khăn vải đặt lư hương và đèn cầy lên trên đó, đến thất Phương trượng thấp hương bái thỉnh. Nếu được Trụ trì miễn lễ thì gập tọa cụ xuống nền, biểu thị kính ý rồi bắm bạch: ‘Sau buổi ngộ trai, thỉnh Hòa thượng Trụ trì đến vân đường để đặc biệt đãi trà ngài. Cúi xin Hòa thượng từ bi hạ mình long trọng đến dự!’ Bắm bạch xong, đệ trình văn trạng thỉnh mời. Liền đó, Trụ trì lệnh cho Khách đầu thỉnh mời tôn túc hai tự, cần cụ và toàn thể đại chúng quang lâm bầu bạn. Treo bảng hiệu đãi trà thang để thông báo đại chúng, trong Tăng đường bày biện vị trí ngôi của Trụ trì. (Mấy lúc gần đây đang buổi độ trai nghe tiếng đánh bần một hồi dài thì trị sự vào Tăng đường đốt hương, trái tọa cụ dập đầu lạy ba lạy, đi vòng Tăng đường khắp lượt mời uống trà, rồi đặc biệt trần tình lời chúc mừng tân thọ mạng Trụ trì. Theo quy định xưa thì khỏi phải cử hành lễ đi khắp Tăng đường để thỉnh mời đại chúng. Nay nếu trừ lễ này thì cũng nên đấy!) .... Hành giả rút trà khắp lượt rồi đưa bình trà ra ngoài, đến trước Trụ trì thăm hỏi vấn an, rồi rút lui. Trị sự từ phía bên phải tượng Thánh tăng bước ra đốt hương, trái tọa cụ dập đầu lạy ba lạy. Xong đứng lên hướng dẫn toàn ban đến trước Trụ trì*

*trái tọa cụ dập đầu lạy ba lạy đại lễ hai lần, đoạn cung kính tiễn đưa Trụ trì ra ngoài rồi quay lại bên trong Tăng đường đốt hương, thăm hỏi vấn an hai dãy phải trái của Tăng đường, thu dọn chén trà rồi tháo lui khỏi pháp tòa. Lễ khoản đãi nước uống cũng giống như lễ đãi trà, nhưng không có khoản tiễn đưa Trụ trì ra khỏi Tăng đường. Dùng nước xong, ngồi lại dùng cơm chiều”* [22]. Khi Trụ trì muốn tập hợp đại chúng để thuyết giảng, tổ chức Pháp hội hay quản lý sinh hoạt hằng ngày của Tăng chúng trong tự viện, phần lớn đều thông qua những buổi uống trà để sắp xếp và kiểm tra tiến độ thực hiện.

Như trong mục “Thượng đường” có ghi: “*Như bàn công việc nhà chùa, thì Phương trượng mời trà Lương tự và Thủ tọa, rồi cùng nghị luận*” [23]. Sau mỗi buổi thượng đường thuyết pháp, thường sẽ có “Tuần đường trà” dành cho Tăng chúng. Khi tổ chức Pháp hội tụng chú Lăng nghiêm thì, “*Trụ trì đến trước điện Phật đốt hương, dâng cúng trà nước, rồi trở về vị trí*” [24]. Quan phương cử Chuyên sứ đến, hay khi có khách quan trọng viếng thăm, vị Trụ trì phải đích thân đón chào, rồi tổ chức trà lễ để tiếp đãi. Như đối với Chuyên sứ đến đưa pháp y, “*Trước tiên gặp Trì khách để thông báo lại ý rồi cùng đến Thị ty để phiên nơi này bắm báo lại Phương trượng. Trụ trì hoặc tiếp kiến liền lúc đó, hoặc sắp xếp vào sáng mai mới tiếp kiến. Trước buổi tiếp kiến, Thị giả bảo hành giả khách đầu thông báo mời Lương tự đến. Chuyên sứ theo lễ thường thấp hương ra mắt (riêng nhà chùa thì chuẩn bị đãi trà cho Chuyên sứ). Chuyên sứ cảm tạ đãi trà xong, lại thấp*





Từ thời Đường về sau, chịu ảnh hưởng từ văn hóa nghi lễ Nho gia, Thiền tông Trung Hoa buộc phải hệ thống lại các loại hình nghi lễ dành riêng cho Phật giáo và điều này được thể hiện rõ trong trà lễ.

huong, trái tọa cụ dập đầu lay ba lay hai lần. ... Dùng trà xong, kể đến đãi thang thủy. Dùng thang thủy xong, Lương tự đưa Chuyên sứ đến chỗ nghỉ ngơi” [25]. Khi có bậc tôn túc ghé thăm, “phải treo bài hiệu tiếp tôn túc, gióng chuông tập hợp đại chúng, ra đứng tận công mà nghinh tiếp. Nếu bậc tôn túc nào thích giản dị thì âm thầm vào chùa mà không báo trước. Trong trường hợp này, Trụ trì phải bày trí đầy đủ hương đèn để tiếp đón, gióng chuông tại Tăng đường tỏ ý kính trọng. Người phụ trách tiếp khách phải bám bảo thủ tọa hướng dẫn đại chúng thắp hương vái chào vắn an. Xong lễ, chúng Tăng lui ra, còn Lương tự và Chấp sự tăng đã thoái chức hiện trú ngụ tại chùa thì ngồi lại bầu bạn. Thắp hương, uống trà xong, Thị giả mới đến dâng hương lễ bái. ... Qua sáng

hôm sau, thỉnh mời dùng nước. Thị giả thắp hương, hành giả vái chào vắn an. Người phụ việc lui tới sẵn sàng chờ sai bảo, Trụ trì bầu bạn với tôn túc dùng cháo. Dùng cháo xong, mời dùng trà” [26].

Khi thí chủ thỉnh dự trai tăng, “thí chủ đến cổng chùa, tri khách tiếp kiến dẫn lên thất phương trượng đãi trà nước rồi đưa về phòng khách nghỉ ngơi” [27]. Đối với những khách Tăng lưu trú qua đêm, Trụ trì cũng dùng trà lễ tiếp đãi, và treo bảng “Trà đãi khách lưu trú qua đêm”. Nếu số lượng khách Tăng xin ở qua đêm nhiều, Trụ trì có thể dùng hình thức “ra mắt tập thể” để tiếp kiến. Trong chương “Đại chúng”, phần “Ra mắt tập thể” có viết: “Kế đó cảm tạ thị giả. Sáng hôm sau, đến thất Phương trượng dùng trà cầu

xin ghi tên ở lại chùa” [28]. Điều này cho thấy, khi ra mắt tập thể, vị Trụ trì cũng tổ chức trà lễ để tiếp đón.

Để thiết lập sự liên kết gắn bó trong chốn sơn môn, vào bốn ngày lễ lớn của năm, gồm: Mỗi kỳ An cư kiết hạ, giải hạ, đông chí và lễ tết, vị sự Trụ trì đều sẽ tổ chức tiệc trà chiêu đãi Thủ tọa và đại chúng, Phương trượng cũng mời trà đại chúng. Ngày mùng một và rằm, phương trượng đãi trà cho những người làm công việc hành đường ở chùa. Những buổi uống trà do vị Trụ trì tổ chức, đa số dùng để thảo luận những công việc quan trọng trong tự viện, nên rất được chúng Tăng quan tâm. Những người lười biếng không tham gia các buổi thiên trà này, không nắm rõ tình hình, rất dễ xảy ra sai sót và bị đuổi khỏi tự viện.



## PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

### *Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Lưỡng tự và thiền trà trong sinh hoạt Tăng chúng*

Trong chốn tông lâm tự viện, dưới Trụ trì có Đông Tây “Lưỡng tự” chia nhau quản lý công việc thiền môn. Trong đó, “Tây tự” phân thành 6 đầu thủ, gồm: Thủ tòa (phân thành Tiền đường Thủ tòa và Hậu đường Thủ tòa), Thư ký, Tri tăng, Tri khách, Tri điện và Tri cốc. “Tây đường” gồm 5 bộ phận: Giám tự, Duy na, Phó tự, Điện tòa, Trục tuế. Ngoài ra, còn có Nhiên đăng, Thư trạng, Thịnh khách, Y bát, Thang dược, Thị giả Thánh tăng và các trợ lý chuyên hỗ trợ Trụ trì xử lý công tác hằng ngày. Thông qua sự hỗ trợ của Đầu thủ, Chức sự và Thị giả, vị Trụ trì có thể thuận lợi quản lý tốt chốn tông lâm tự viện mà mình phụ trách. Vì vậy, *Sắc tu Bách Trọng thanh quy* rất xem trọng vấn đề bổ nhiệm, miễn nhiệm những vị trí này. Trong nghi thức bổ nhiệm và miễn nhiệm, đều có những buổi thiền trà khá long trọng.

Trong chương “Lưỡng tự”, các buổi thiền trà tương đối quan trọng có: Đường ty đặc biệt đãi trà nước Thị giả cũ và mới; Phương trượng đặc biệt đãi trà tân Thủ tọa; tân Thủ tọa đặc biệt đãi trà Thủ tọa và đại chúng ở hậu đường; Trụ trì thăm hỏi Đầu thủ đãi trà; Tiệc trà đãi Lưỡng tự giao nhận chức vụ; Đãi trà vào liêu ra liêu; Đầu thủ vào Tăng đường đãi trà,... Trong “*Tiệc trà đãi Lưỡng tự giao nhận chức vụ*” viết: “*Theo dõi Phương trượng đặc biệt đãi trà tân Thủ tọa xong, theo thứ lớp các tân chức sự oai nghi tề chỉnh, cầm hương đi đến liêu các người được thay thế, thấp hương giáp mặt giáp tọa cụ xuống nền lay một lay, mời thỉnh*

*rằng: ‘Sau buổi độ trai, bái thỉnh ngài hạ mình đến liêu đãi trà!’ Tiếp đó bảo Trà đầu mời Lưỡng tự mỗi nơi một người, cần cụ ở Đông Tây tự mỗi nơi một người quang lâm bầu bạn. (Nếu mời trà Tây tự thì Tri sự ngồi hai bên đối mặt nhau, đối với các Đầu thủ đồng hàng, thỉnh bậc dưới một người quang lâm bầu bạn, người bậc trên đến dự có điều không tiện. Mời trà Đông tự thì Đầu thủ ngồi hai bên giáp mặt nhau, nếu như Duy na hiện cư vị ở Đông tự thì lúc mời trà, mời bậc nhỏ hơn là Phó tự đến dự). Phía dưới nội trong liêu thiết đặt chỗ ngồi, chủ tịnh ngồi hai hàng giáp mặt nhau, hai bên phải trái là vị trí của người quang lâm bầu bạn. Sau buổi độ trai, đánh vãn bãng trước liêu, tiếp đón người được mời, kể đón người quang lâm bầu bạn. Vào vị trí rồi thị giả vãi chào mời ngồi, đốt hương mời những người quang lâm bầu bạn thấp hương. Vào tòa bày trà khoan đãi. Đãi trà xong, người được thay thế đứng dậy, thỉnh hương cắm vào lư, giáp tọa cụ xuống đất bái tạ rồi lui ra. Ngày hôm sau, bảo hành giả Đường ty (liêu Duy na) mời hai bên giao và nhận chức vụ dùng điểm tâm. ... Phàm Thị giả giao nhận nhiệm vụ, đãi trà và điểm tâm nên thỉnh mời Duy na quang lâm bầu bạn, (thiết bày và hành lễ cũng giống như các chức vụ khác giao nhận)” [29]. Sắp đặt những buổi thiền trà như trên, không chỉ thể hiện sự quan trọng của Lưỡng tự khi nhận nhiệm vụ, thái độ trân trọng đối với người cũ và mới, mà còn để cho sự chuyển đổi diễn ra theo trình tự nhịp nhàng, giúp việc giao nhận nhiệm vụ được thuận lợi, tránh những mâu thuẫn và khúc mắc không cần thiết giữa đôi bên.*

Đầu thủ Lưỡng tự coi sóc và quản lý tự viện, hàng ngày cũng phải có những buổi trà đàm lớn nhỏ khác nhau để thông suốt công việc. Như gặp khi tự viện thiếu vắng vị trí Trụ trì, thì “*Lưỡng tự phải đến uống trà và thông báo với cơ quan chủ quản sở ty. Cùng nhau bàn luận việc mời Trụ trì mới*” [30]. Khi nghinh đón Trụ trì tuần liêu, “*trước Tăng đường phải treo bãng tuần liêu thông báo đại chúng. Các liêu bày trí chỗ ngồi, chuẩn bị hương và nước*” [31]. Tri khách của Tây tự phụ trách việc tiếp đón khách thập phương, “*phàm có quan viên, thí chủ, các bậc tiền bối chốn Thiền lâm hay nhân sĩ nổi tiếng các nơi đến viếng chùa thì tri khách phải chuẩn bị đầy đủ nhang, trà nghinh đón tiếp đãi, rồi bảo Hành giả thông báo với Phương trượng. Sau đó hướng dẫn khách đến thất Phương trượng gặp mặt Trụ trì, rồi sắp xếp chỗ nghỉ ngơi cho khách*” [32]. Vì đã có quy định rõ ràng, nên bất kỳ vị khách nào đến chùa cũng đều được mời trà biểu thị sự kính trọng. Đối với khách Tăng đến cầu học, Tri khách tiếp đón, tuần tự chào hỏi xong, “*mời thấp hương, mời ngồi, kể mời uống trà, rồi hỏi thăm một cách khái quát lý lịch các vị Tăng du phương*” [33].

Để chia sẻ và kết nối thâm tình chốn sơn môn, trong 4 ngày lễ tết hằng năm, Khố ty đều có tiệc trà đặc biệt thiết đãi Thủ tọa và đại chúng. “*Vào ngày thứ hai sau ngày lễ chính, khi kết thúc bữa cháo sáng, Khố ty soạn bãng thông báo về việc mời dùng trà (giống như bãng thông báo mời uống nước), rồi đi mời ẩm khách. Thông báo với đại chúng và treo thiệp mời dùng trà. Hành giả đánh một hồi*



bằng dài, đại chúng vân tập vào Tăng đường, mời uống trà,... Các việc này giống như công việc của Thị giả đã nói ở trước. Sau bữa thọ trai chấm dứt, hành giả đem trung bày thiệp mời, thiết lập vị trí, đánh một hồi trống tập hợp đại chúng. Khổ ty vái chào, mời Tăng chúng ngồi, mời thắp hương, mời dùng trà, đi tuần hành vân an, rồi đến Trụ trì đánh lễ, bày tỏ lời cảm tạ một cách chí thành. Các việc này giống như lễ đãi nước đã nói ở trước” [34]. Tiền đường trong những ngày lễ tết cũng tổ chức tiệc trà đặc biệt chiêu đãi Hậu đường và đại chúng. “Ngày thứ ba sau ngày lễ chính, Thủ tọa Tiền đường soạn thiệp mời uống trà. Đi đến liêu Thủ tọa Hậu đường, liêu Phương trượng thỉnh mời dùng trà. Về thứ lớp các nghi thức được tiến hành giống như việc đãi trà của Khổ ty, chỉ khác là phải thiết lập thêm vị trí của Tri sự” [35]. dịp này, Đầu thủ Khổ ty cũng mời trà cho các vị làm trong ban Hành đường: “Khổ ty chờ Phương trượng đãi trà xong, Tri sự mới đến hành đường đãi trà. Tri sự ngồi ở vị trí Chủ tọa, Điển tọa ngồi bên cạnh (còn cách hành lễ thì giống như Thị giả, Phương trượng đã làm ở các phần trước). Khi tiễn khách mời ra tới cửa, Thị giả thông báo rằng: ‘Tham đầu đại chúng đến Khổ ty cảm tạ về việc đãi trà.’ Thế rồi khách đầu của Khổ ty cũng thông báo: ‘Tri sự có lời dạy rằng: Miễn việc cảm tạ về sự đãi trà’. Đầu thủ chờ việc đãi trà tại Tăng đường xong, lệnh cho hành giả Đường ty báo với Tham đầu, treo bảng thông báo để đại chúng biết, rồi mời Điển tọa cùng đến tham dự. (các nghi thức như cảm tạ, miễn sự cảm tạ, tiễn khách mời ra cửa đều giống như việc Khổ ty đãi trà)” [36].

### 1.3. Yêu cầu về thiền trà đối với Tăng chúng

Thiền trà là một trong những hoạt động quan trọng trong chốn tông lâm tự viện. Một Tăng chúng bình thường tuy không phải là người đứng ra tổ chức, nhưng khi được mời, nhất định phải nghiêm túc tham gia. Trong chương “Đại chúng”, mục “Tham dự tiệc trà nước” quy định: “Hễ Trụ trì, Đông Tây tự đặc biệt mời dự tiệc trà thì phải kính cẩn trân trọng, không được xem thường. Người nào đã được mời thì phải đến dự đúng giờ. Trước khi vào, phải xem kỹ vị trí ngồi ghi trong thư mời để lúc đến không lúng túng. Như có bệnh hoạn cấp bách không đến dự kịp thì nhờ người cùng được mời thưa cho Trụ trì biết. Duy chỉ Trụ trì mời dự tiệc trà thì không được vắng mặt, nếu người nào xem thường không đến thì đuổi ra khỏi chúng” [37]. Trong tiệc trà, oai nghi của những người tham dự cũng được Sắc tu Bách Trượng thanh quy quy định rõ ràng và cụ thể: “Khi ngồi uống trà, chớ để y rũ xuống. Không được chụm đầu nói cười, không được dùng một tay chào người, không được cất giấu trà vụn” [38].

## 2. “TRÀ THANG” VÀ “TIỀN ĐIỂM” TRONG SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUY

### 2.1. Hàm nghĩa của “trà thang” (茶汤)

Trong Sắc tu Bách Trượng thanh quy, trà và thang thủy [39] thường được sử dụng kết hợp với nhau. Khảo sát toàn văn tác phẩm này, từ “trà thang” xuất hiện tổng cộng 65 lần. Lây “trà thang” làm tiêu đề cho một chương mục cũng không ít, như trong chương “Trụ trì”, mục “Mời tân Trụ trì” ghi: “Vị Trụ trì mới nhận nhiệm vụ từ

biệt chúng Thượng đường dùng trà thang”, “người được mời thỉnh thọ mạng tân Trụ trì từ biệt chúng lên tòa dự trà thang” [40]. Trong mục “Tân Trụ trì nhập tự viện” có nghi lễ “Chùa nhà đặc biệt khoản đãi trà và thang thủy tân Trụ trì”. Trong tang lễ của Trụ trì, phần “Đưa quan tài đi”, có các nghi thức như: Treo chân tượng (di ảnh), cử ai và dâng cúng trà thang; các nghi thức tiểu tham trước linh cữu; dâng cúng trà thang tụng niệm kinh kệ và trí tế; xuất tang treo di ảnh, dâng cúng trà thang. Ở chương “Đại chúng” có mục “Tham dự tiệc trà thang”. Trong Sắc tu Bách Trượng thanh quy, tùy theo ngữ cảnh khác nhau mà hai chữ “trà thang” mang ý nghĩa khác nhau.

### “Trà thang” (茶汤) chỉ cho hai loại thức uống là trà và nước

Trong Sắc tu Bách Trượng thanh quy, có khi “trà thang” được hiểu là hai loại thức uống, là trà và nước. Ví dụ như trong phần “Trụ trì mới nhận nhiệm vụ từ biệt chúng thượng đường dùng trà thang” có ghi: “Đến ngày lên đường rời bản tự, Chuyên sứ đến các liêu chúng nói lời giã biệt. Trụ trì mới nhận nhiệm vụ đến pháp đường thăng tòa, cảm tạ Chấp sự hai tự, các vị cận cữu và toàn thể đại chúng. Sau khi Trụ trì xuống pháp tòa thì ba tiếng trống giống lên, Ngài đứng hướng mặt về phía pháp tòa, cùng đại chúng dập tọa cụ xuống nền để lạy ba lạy, sau đó theo xuống hành lang mà ra ngoài. Lúc bấy giờ, gióng đại hồng chung và đồng loạt thổi các loại pháp khí. Đại chúng đều đứng dậy cung kính đưa ra tận sơn môn. Những người phụ việc đứng sắp hàng hầu ngoài sơn môn. Ngoài cửa



## PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

son môn đã chuẩn bị sẵn dụng rạp che màn, trong trường bày trí tòa cao hướng về bên trong (hướng về bên ngoài cũng bày trí một tọa vị tương ứng với tòa hướng về bên trong). Vị Thủ tọa hướng về bên ngoài tạm an tọa. Các vị Tây đường và Căn cứ ngồi đối diện quang lâm bầu bạn. Chắp sự tăng hai tự Đông Tây chia ra hai bên ngồi đối diện nhau. Một vị Tri sự tăng có tư cách cao (Thượng thủ Tri sự) hành lễ, vái chào mời Trụ trì và mọi người vào bên trong tòa ngồi. Sau đó vái chào mời mọi người thắp hương rồi quay về vị trí cũ dâng trà, đoạn thu dọn chén trà rồi lại đứng dậy đốt hương vái chào, mời mọi người thắp hương, đoạn quay về vị trí cũ dâng bày thang thủy. Dùng thang thủy xong, Trụ trì mới nhận nhiệm vụ đứng dậy cảm tạ mọi người rồi lên kiệu. Các Chắp sự tăng hai tự và các vị Căn cứ cũng chuẩn bị kiệu để lên đường đưa tiễn. Vị tân Trụ trì phải hết sức ngăn cản. Lúc này phải giống đại hồng chung để tỏ lòng cung kính, cho đến khi kiệu Trụ trì mới nhận nhiệm vụ đã đi thật xa mới thôi” [41]. Đoạn văn trên miêu tả nghi thức vị tân Trụ trì từ biệt Tăng chúng cũ để đến ngôi chùa mình sẽ Trụ trì. Trong nghi thức đó, đề cập việc dùng “trà”, sau đó dùng “thang”, nên ta có thể hiểu “trà” và “nước” ở đây là hai thức uống khác nhau. Theo trình tự nghi thức, trước dâng “trà”, sau đến “nước”, điều này phù hợp với tập tục đãi khách của dân tộc Hán thời Tống - Nguyên. Tác phẩm khuyết danh Nam song ki đàm nhà Tống ghi rằng: “Khách đến thì mời trà, rồi đi thì mời nước, không biết bắt nguồn từ khi nào, nhưng trên từ quan phủ đến dưới chốn thôn quê hẻo lánh, không ai là không làm theo”. Điều này cho



Thiền trà là một trong những hoạt động quan trọng trong chốn tông lâm tự viện.

thấy, trà dùng để đón khách, nước dùng để tiễn khách, cho nên khi đãi khách, dùng trà trước rồi mới đến nước. Chịu ảnh hưởng bởi phong tục tiếp khách của người Hán, nên trong nghi thức từ biệt của vị tân Trụ trì, cũng hành “trà lễ” trước, sau đó mới hành “thang lễ”. Trong nghi thức “Son môn đặc biệt khoản đãi trà và nước cho Trụ trì mới” cũng theo trình tự sắp xếp trên.

Tuy vậy, trong một số nghi thức khác lại dùng nước trước, trà sau. Như trong mục “Đường ty đặc biệt đãi trà nước Thị giả mới cũ” ghi rằng: “Buổi cơm sơ sài xong, Duy na báo hành giá Đường ty (liều Duy na) thỉnh mời Thị giả mới cũ cùng với Thị giả của tượng Thánh tăng trước buổi tiểu tham, đến liều Duy na đãi nước. Đường ty bày biện vị trí ngồi, treo bảng

nêu vị trí, thỉnh người chung liều quang lâm bầu bạn. Đánh vãn bán trước liều, tiếp rước khách vào mời ngồi (lễ cũng giống như của Khách ty chiêu đãi). Nên đãi nước trước thât Phương tượng để không phượng hại đến việc hành lễ. Đợi cho Phương tượng đặc biệt đãi tân Thủ tọa dùng trà xong, thì Khố ty cũng đặc biệt mời thỉnh Thị giả cũ mới dùng trà. Qua ngày hôm sau, những người được chiêu đãi phải đến tạ hai nơi” [42]. Tập tục “tiên thang hậu trà” từng được lưu hành phổ biến trong tộc người Khiết Đan phương Bắc. Tác phẩm Bình châu khá đàm của một người Tống, tên Chu Úc quyền 1 ghi: “Người Liều khi gặp nhau, có tập tục mời nước trước, trà sau. Đến yến tiệc cũng uống nước trước, sau đó mới thưởng thức các món ăn”. Tập tục uống nước trước,



dùng trà sau cũng được phân ánh trong phần “*Tổng sứ kiến Hoàng thái hậu*”, mục “*Lễ chi*” trong Liêu sử cũng ghi lại trình tự “*mọi người ngồi xuống, dùng nước rồi thưởng trà*”. Trong “*Hạ sanh thần chánh đán Tổng sứ triều từ Thái hậu*” cũng ghi lại nội dung tương tự: “*Dùng nước, thưởng trà xong, các nước chư hầu ngồi nhưng Nam sứ đứng lên cúi chào*”. Vào thời Nguyên, tộc người Mông Cổ dù kiến lập chính quyền, nhưng cũng như tộc người Khiết Đan, đều thuộc dân tộc du mục. Họ kế thừa tập tục “*tiên trà hậu thang*” của người Hán, nhưng đồng thời cũng không phân đôi tập tục “*tiên thang hậu trà*” của người Khiết Đan. Vì vậy nghi lễ trong *Sắc tu Bách Trượng thanh quy* cũng có những tình huống dùng “*tiên thang hậu trà*”.

#### “Trà thang” chỉ chung cho nước trà

Trong *Sắc tu Bách Trượng thanh quy*, đa số trường hợp “trà thang” dùng để chỉ chung cho một loại thức uống, là nước trà. Như ở quyển 3, chương “Trụ trì”, “trà thang” được đề cập trong các mục như: “*Đưa quan tài đi*”; “*Nghi thức treo di ảnh*”, “*Cử ai và dâng cúng trà nước*”, “*Các nghi thức tiểu tham trước linh cữu, dâng cúng trà nước tụng niệm kinh kệ và cúng tế*”, “*Xuất tang treo di ảnh, dâng cúng trà nước*”, đều chỉ chung cho một loại nước trà. Trong nghi lễ Nhập liệm và lễ Trà tỳ, đều ghi chú “*dâng cúng cơm cháo mỗi ngày hai lần, dâng cúng trà nước mỗi ngày ba lần*”. Phần Nghi thức Nhập tháp viết rõ: “*Mỗi ngày ba lần dâng cúng trà nước, đại chúng vân tập tụng kinh*”. Phần “trà nước” ở đây nên được hiểu là nước trà vậy.

#### 2.2. Hàm nghĩa của “Tiên điểm” (煎点)

Khảo sát toàn văn *Sắc tu Bách Trượng thanh quy*, từ “tiên điểm” xuất hiện tổng cộng 26 lần, chủ yếu ở chương “Trụ trì” quyển 3. Trong chương này, mục “*Nhận sự cúng dường (traị phạn) của người nổi pháp*”, “*Chuyên sứ đặc biệt tổ chức tiệc chay khoản đãi tân Trụ trì*”, “*Tân Trụ trì nhận Lương tự và Cẩn cụ mời tiệc chay*”, từ “tiên điểm” ở đây có nghĩa là tổ chức một buổi tiệc trà nước. Lấy phần “*Tân Trụ trì nhận Lương tự và Cẩn cụ mời tiệc chay*” làm ví dụ: “*Đến ngày lễ, Thủ tọa, Tri sự và Cẩn cụ cùng đến thất Phương trượng thấp hương bái thỉnh Trụ trì tham dự tiệc, sau đó mời Thị giả và đệ tử Trụ trì (tiểu sư). Bày trí chỗ ngồi của Trụ trì ngay chính giữa Tâm đường. Riêng tọa vị của Lương tự và Cẩn cụ thì đặt ở hai nơi như thường lệ, Thị giả dẫn hành giả và tiểu sư vái chào vấn an Trụ trì xong, Lương tự và Cẩn cụ ngồi ở phía dưới cuối. Đến giờ, Thủ tọa thỉnh Trụ trì ra, chào hỏi mời ngài ngồi rồi hành lễ. Nếu Trụ trì miễn lễ thì chỉ cần đốt hương tiến tới trước mặt thăm hỏi và dâng lễ vật cúng dường. Trong nghi thức dâng lễ vật cúng dường này thì Thủ tọa, Tri sự và Cẩn cụ đứng đầu. Ba người này thăm chào vấn an xong, quay về vị trí của mình. Dùng cơm chay xong, Thủ tọa đứng lên đốt hương. Như Trụ trì miễn lễ thì mọi người ngồi lại tại chỗ uống trà. Tôn túc các chùa bạn, đồng đạo cũ và các đồng đạo đang tham học cùng tiểu sư thì nghi thức mời mọc cùng với nghi thức mời độ trai tại tâm đường Trụ trì giống nhau. Tuy nhiên, người được mời dùng cơm*

*ngồi ở vị trí cao thấp thì có thể tùy nghi châm chước*” [43]. Từ đoạn văn trên, có thể thấy trong buổi tiệc mà Lương tự và Cẩn cụ mời tân Trụ trì, quy định rất rõ quy cách và trình tự để Thủ tọa, Tri sự và Cẩn cụ bái kiến, chính thức ra mắt vị tân Trụ trì. Trong trình tự nghi lễ này, sau khi chào hỏi, việc đối bên ngồi xuống uống trà, tất nhiên không thể thiếu.

“Đãi tiệc” ở đây chủ yếu là tiệc trà, thông qua phong cách sử dụng ngôn từ để cảm tạ mà tác phẩm đề cập, cho phép chúng ta khẳng định điều này. Như trong phần “*Phương trượng đặc biệt đãi trà tân Thủ tọa*”, vị tân Thủ tọa đã cảm tạ Phương trượng vì mình mà thiết đãi tiệc trà rằng: “*Hôm nay, đặc biệt được dự lễ khoản đãi trà, ý tứ quá ân cần, trong lòng hết sức cảm kích hổ thẹn*” [44]. Còn trong phần “*Du phương tham học*”, lời cảm tạ buổi tiệc trà của vị Tăng du phương tham học như sau: “*Chúng con thừa mong chiêu đãi uống trà nên riêng đáp tạ, trong lòng luống những cảm kích vô cùng*” [45]. Trong phần “*Phương trượng đặc biệt đãi trà các người mới được ghi tên cho ở lại chùa*”, những vị khách Tăng cảm tạ như sau: “*Chúng con hôm nay được Trụ trì khoản đãi trà trọng hậu nên riêng bái tạ, mà trong lòng thật vô cùng cảm kích*” [46]. Trong mục “*Phương trượng đãi trà cho Thủ tọa và đại chúng vào dịp bốn ngày lễ lớn trong năm*”, khi kết thúc, vị Thủ tọa cũng có lời cảm tạ Trụ trì rằng: “*Hôm nay con rất vinh hạnh được Hòa thượng đãi trà, khiến cho lòng con vô cùng cảm kích*” [47].



## PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

Nhà nghiên cứu Lý Kế Vũ ở Sở Nghiên cứu Tôn giáo thuộc viện Khoa học Xã hội tỉnh Thiểm Tây cho rằng: “*Vì trong tiệc trà nước thường hay dính kèm thức ăn nhẹ, nên trong Thanh quy dùng 2 chữ ‘Tiễn điểm’ để gọi chung cho hoạt động này*” [48]. Người viết cho rằng hai chữ “Tiễn điểm” dùng để gọi chung cho nghi thức trà nước là rất chính xác, nhưng nếu lấy chữ “điểm” giải thích là “điểm tâm” dễ tạo ra sự hiểu lầm đối với toàn văn. Chữ “điểm” trong “tiễn điểm” nên được hiểu theo nghĩa “điểm trà”, tức pha trà thì hợp với văn nghĩa tác phẩm hơn. Trong thời Đường mà Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải sinh sống, người ta gọi phương pháp nấu trà là “tiễn trà”, tức là trước nấu nước cho sôi lên, sau cho trà vào đun tiếp. Đến thời Tống, phương pháp “pha trà” trở

nên thịnh hành, dần thay thế cách “nấu trà” trước đó. Lúc pha trà, lấy bột hoặc lá trà đặt vào trong tách, sau đó lấy ít nước sôi đổ vào tách khuấy đều, rồi bắt đầu pha nước sôi với nước trà trong tách ra bình để châm uống. Thời Nguyên, cách pha trà này vẫn còn thịnh hành. Thời Tống Nguyên, ảnh hưởng về mặt ngôn từ “điểm trà”, có người còn gọi là “điểm thang”. Như trong quyển 6 của tác phẩm *Ứng dữ nhân bình* của Viên Văn thời này có viết: “*Người xưa, khách đến nhà thì pha trà, uống trà xong thì châm nước mời. Đây là lễ thường vậy*”. Tạp tịch *Đông Tô Tản* thời Nguyên miêu tả Tô Tản sau khi sa sút đến thăm Thừa tướng Trương Nghi, nghe Trương bảo người hầu châm nước, Tô Tản liền lên tiếng: “*Châm nước là đuổi khách, thôi tôi về vậy*”. Trong chương 2 của

tác phẩm *Ngọc xán đăng lâu* của Trịnh Quang Tổ cũng đề cập đến nội dung tương tự: “*Châm nước để tiễn khách, có ai không chịu về*”. Trong màn thứ 3 “*Vân Phong hội*” vở hý khúc nổi tiếng của La Quán Trung cũng nhắc đến việc điểm trà. Có thể thấy, bất luận là “nấu” hay “pha”, thì cũng là phương thức chế trà vậy. *Sắc tu Bách Trượng thanh quy* dùng từ “tiễn điểm” để chỉ cho nghi lễ trà thang nói chung, đã phản ánh chân thật quá trình biến đổi cách pha chế trà trong lịch sử. Trên thực tế từ thời Tống, hai chữ “tiễn điểm” đã được dùng chung với ý nghĩa chiêu đãi rồi. Như trong “*Đông kinh mộng hoa lục*” của Mạnh Nguyên Lão quyển 3 viết: “*Mỗi ngày đến canh năm ... đều có người bán nước rửa mặt, thiết đãi trà thuốc đến tận khi trời sáng*”.

### Chú thích và tài liệu tham khảo:

\* Nguyên tác: 略论《敕修百丈清规》中的禅茶制度 禅茶：认识与展开  
Tác giả Lưu Phác Bình (刘朴兵) đang công tác tại Khoa Lịch Sử, Học viện Sư phạm An Dương, Trung Quốc.[1] Lý Kế Vũ: *Nghiên cứu Bách Trượng thanh quy*, Đại học Tây Nam, ngành Tôn giáo học: Luận văn Thạc sĩ, 2010, tr. 60.  
[2] *Mười ba kinh chú sớ bốn: Tả truyện - Thành công năm 13*.  
[3] *Mười ba kinh chú sớ bốn: Luận ngữ - Vị chính*.  
[4] Đức Huy: *Sắc tu Bách Trượng thanh quy quyển 3, Đại chánh tân tu Đại tạng kinh*, CBETA, No.2025, p.13.  
[5] Như trên.  
[6] Đức Huy: *Sắc tu Bách Trượng thanh quy quyển 3, Đại chánh tân tu Đại tạng kinh*, CBETA, No.2025, p.16.  
[7] Như trên.  
[8] Đức Huy: *Sắc tu Bách Trượng thanh quy quyển 3, Đại chánh tân tu Đại tạng kinh*, CBETA, No.2025, p.19.  
[9] Như trên, p.20.  
[10] Như trên, p.20-21.  
[11] Như trên, p.21.  
[12] Đức Huy: *Sắc tu Bách Trượng thanh quy quyển 3, Đại chánh tân tu Đại tạng*

*kinh*, CBETA, No.2025, p.35-36

[13] Như trên.  
[14] Như trên, p.39  
[15] Như trên, p.40.  
[16] Như trên.  
[17] Đức Huy: *Sắc tu Bách Trượng thanh quy quyển 3, Đại chánh tân tu Đại tạng kinh*, CBETA, No.2025, P.39.  
[18] Như trên, p.71  
[19] Như trên, p.71.  
[20] Như trên, p.73.  
[21] Tham khảo Lý Kế Vũ: *Nghiên cứu Bách Trượng thanh quy*, ĐH Tây Nam, ngành Tôn giáo học: Luận văn Thạc sĩ, 2010, trang 53-54.  
[22] Đức Huy: *Sắc tu Bách Trượng thanh quy quyển 3, Đại chánh tân tu Đại tạng kinh*, CBETA, No.2025, P.33.  
[23] Như trên, p.21.  
[24] Như trên, p.24.  
[25] Như trên, p.26  
[26] Như trên.  
[27] Như trên, p. 27.  
[28] Như trên, p. 52  
[29] Như trên, p. 47-48.  
[30] Như trên, p.42.  
[31] Như trên, p.25.  
[32] Như trên, p.43.  
[33] Như trên.

[34] Như trên, p.49.

[35] Như trên.

[36] Như trên.

[37] Như trên, p.66.

[38] Như trên.

[39] Dịch giả Thích Phước sơn và Lý Việt Dũng cho rằng: “*Vì chữ thang thủy này dùng để chỉ nhiều loại nước uống chơi như nước gạo, nước năm mùi, v.v. rất khó dịch cho chính xác nên chúng tôi xin được đề nguyện từ “thang thủy” mà không dịch*”. (Thiền sư Đức Huy (trùng biên), Thích Phước Sơn và Lý Việt Dũng (Việt dịch): *Sắc tu Bách Trượng thanh quy tập 2*, TP. HCM: NXB. Phương Đông, 2010, trang 102)

[40] Đức Huy: *Sắc tu Bách Trượng thanh quy quyển 3, Đại chánh tân tu Đại tạng kinh*, CBETA, No.2025, P.26.

[41] Như trên, p.30.

[42] Như trên, p.49.

[43] Như trên, p.34.

[44] Như trên, p.50.

[45] Như trên, p.59.

[46] Như trên, p.62.

[47] Như trên, p.84.

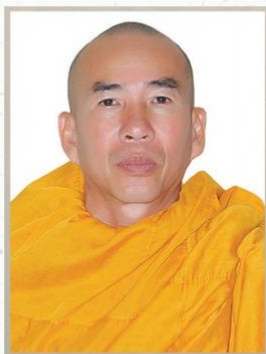
[48] Lý Kế Vũ: *Nghiên cứu Bách Trượng thanh quy*, ĐH Tây Nam, ngành Tôn giáo học: Luận văn Thạc sĩ, 2010, trang 53.



GIỚI THIỆU  
HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN

# Chùa Thanh Lương

## Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tinh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thắp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày An lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hàng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật Đán, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.



Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 2 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hùn phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

### Chùa Thanh Lương

- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn.**
- Điện thoại: 0918316388
- Email: [chuathanhluong1@yahoo.com.vn](mailto:chuathanhluong1@yahoo.com.vn)







# Chùa Kiểng Phước trong lịch sử ở Chợ Lớn

Cù Thị Dung, Trường Thành\*

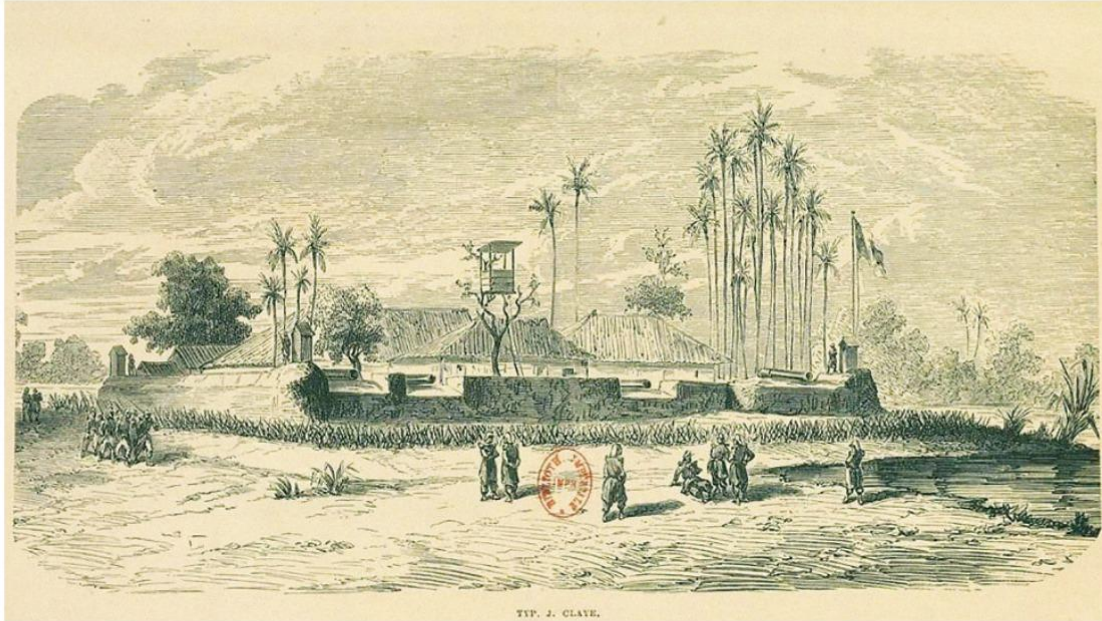
## Tóm tắt:

*Trong quá trình xây dựng và phát triển đô thị Sài Gòn, những ngôi chùa ở Gia Định luôn có những đóng góp đối với tiến trình phát triển lịch sử của Sài Gòn - Gia Định cũng như tiến trình phát triển tôn giáo ở Nam Bộ. Các tác giả muốn nói đến các ngôi chùa nằm trong hệ thống phòng tuyến các chùa của liên quân Pháp - Tây Ban Nha tại Sài Gòn ở những năm đầu đánh Pháp, kéo dài từ chùa Barbet, chùa Mares, chùa Clochetons và chùa Cây Mai. Các tác giả xin giới thiệu kết quả khảo sát chùa Clochetons, tức chùa Kiểng Phước, một trong những cứ điểm phòng ngự quan trọng của liên quân trước sự tấn công của quân thứ Gia Định.*

Giữa năm 1860, để chống việc quân thứ Gia Định tổ chức tấn công và chia cắt giữa hai vùng Sài Gòn - Chợ Lớn, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã thiết lập một phòng tuyến nhằm đối đầu với đại đồn Chí Hòa và được người Pháp đặt tên là *lignes des pagodes* [1] (phòng tuyến các chùa) nổi tiếng kéo dài từ chùa Khai Tường về chùa Cây Mai: “Tôi tin rằng trước đây tôi đã cho anh số lượng người bảo vệ Sài Gòn và bố trí đơn vị đồn trú của nó. Khi tập hợp tất cả các quân đoàn lại, vẫn còn 860 lính, bao gồm 2 đại đội tagals (người bản địa Tây Ban Nha ở Manila) và 1 đại đội người An Nam do chúng tôi đã thành lập, cũng như 2 đại đội đổ bộ, các lực lượng này nằm rải rác khắp 4 ngôi chùa đã được cố thủ hết sức có thể. Những ngôi chùa này nằm trên cùng một tuyến, trong phạm vi 6 cây số và bao phủ thành phố người Hoa được cung cấp dồi dào các loại hàng tiếp tế, đồ dùng cần thiết của người An Nam, kẻ thù của chúng ta. Có những cây thông, để phủ kín Sài Gòn, một trại mang tên Trường Thi, nơi hiện nay tôi đang làm nhiệm vụ canh gác” [2]. Phòng tuyến các chùa là các cứ điểm phòng thủ tại các ngôi chùa kéo dài từ Sài Gòn về Chợ Lớn, bao gồm chùa Khai Tường (chùa Barbet), chùa Ao (chùa Mares), chùa Kiểng Phước (chùa Clochetons) và chùa Cây Mai. Lần lượt các tác giả xin khảo sát từng ngôi chùa nằm trong phòng tuyến các chùa trong lịch sử.

Chùa Kiểng Phước, tên chữ Hán là 景福寺 [3], mà người Pháp gọi là chùa Clochetons (chùa Tháp Chuông), nằm ở phía bắc phố Sài Gòn ở Chợ Lớn. Chùa Clochetons nằm ở vị trí chiến lược khi ngăn cách vùng Bến Nghé và vùng Chợ Lớn, chính vì điều này nên quân Việt đã xây dựng tuyến lũy đôi đi qua chùa nhằm chia cắt hai vùng này: “Vào tháng 6





Tranh khắc chùa Kiêng Phước (chùa Chuông) (Ảnh: sưu tầm)

năm 1860, một đường hào đôi bắt đầu từ góc phía nam của cứ điểm phòng thủ được mở ra và hướng thẳng về phía chùa Clochetons (Kiêng Phước tự) ở cửa ngõ Chợ Lớn. Nó được yểm trợ bằng các công sự đóng vai trò như những nơi chứa vũ khí ở từng đoạn một. Với số lượng người mà Lãnh binh Thăng có trong tay và đất đã sũng nước bởi những cơn mưa đầu mùa, thì đường tiến quân vây đánh đôi phương được thực hiện rất nhanh. Mục đích của hào lũy này là nhằm chia cắt chúng tôi khỏi chùa Cây Mai và buộc phải bỏ từ nó với thành phố Chợ Lớn” [4]. Như vậy, xác định vị trí chùa Clochetons nằm về phía đông chùa Cây Mai, theo một số bản đồ đương thời thì chùa nằm phía bắc phố Sài Gòn cũ ở Chợ Lớn. Về mặt địa giới chùa ở làng Long Kiêng, theo mô tả của A. Benoist d’Azy vào năm 1861: “Việc triển khai hành động đã bị ... cản trở bằng mọi cách. Vào ngày 4 tháng 7, ông ta quyết định chấm dứt hoàn toàn việc đó bằng cách cắt đứt đường liên lạc của chúng tôi với vùng ngoại ô Long Kiêng. Hai mươi lăm nghìn người Hoa

sống ở vùng ngoại ô này độc quyền buôn bán và trả cho quan lại những khoản hối lộ đáng kể, để tạo điều kiện dễ dàng cho họ. Vì vậy, chính quyền An Nam đã quan tâm đến việc tái chiếm thị trường này, mà bản thân chúng ta cũng muốn giữ lại. Để kết nối chắc chắn hơn với điểm quan trọng này, một đồn đã được thiết lập trong một ngôi chùa mang tên chùa Clochetons, cái tên được đặt theo cấu trúc xây dựng của nó, nằm ở vị trí trung gian giữa Long Kiêng và thành phố. Chúng tôi tập trung vào việc củng cố nó. Ông Mallet, trung úy công binh, đã hoàn thành hệ thống phòng thủ ở một bên; ba mặt còn lại chỉ được bảo vệ bằng tre. Đồn được chỉ huy bởi đại úy Fernandez, người có hàng trăm lính tagal dưới quyền, các ông Narac và Gervais với 50 lính” [5]. Làng Long Kiêng có thể là một ấp nhỏ của thôn An Điềm, năm 1836 là thôn An Điềm [6], tổng Tân Phong Thượng, huyện Tân Long, phủ Tân Bình; trước đó vào năm 1820, theo Trịnh Hoài Đức là Tân An thôn Đông giáp [7] thuộc tổng Tân Phong, huyện Tân Long, phủ Tân Bình.

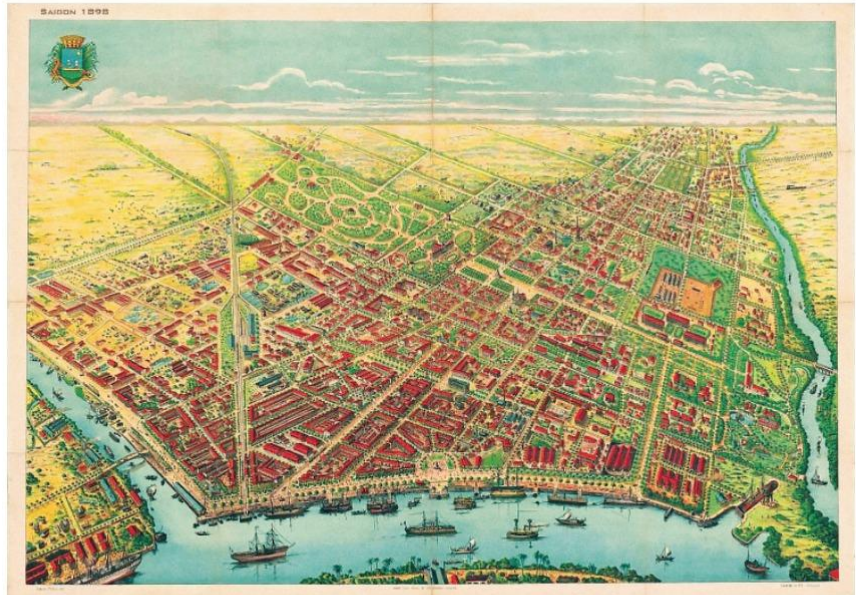
Xác định thời gian liên quân chiếm ngôi chùa này là vào khoảng cuối tháng 6 đầu tháng 7, cụ thể theo bức thư đề ngày 14/7/1860 của L. Piaud cho biết thời gian chiếm chùa khoảng ngày 30/6/1860: “Chùa này bị chiếm đóng cách 4-5 ngày và các công trình phòng thủ đầu tiên vừa được khởi công ở đó thì vào đêm ngày 3 rạng sáng ngày 4 tháng 7, quân An nam, với số lượng 5.000 người (mỗi bên 1.200), đến tấn công chùa vào lúc gần một giờ sáng” [8]; tuy nhiên theo đại úy Lucien de Grammont trong *Onze mois de sous-préfecture en Basse-Cochinchine contenant en outre* thì cho đó là ngày 02/7/1860: “Trên thực tế, những người An Nam, được khuyến khích bởi sự bất động của chúng tôi, đánh giá rất tốt phần yếu điểm ở trung tâm của chúng tôi, đã quyết định nỗ lực thực hiện ở đó một chiến dịch tiến về phía trước được thực hiện tại chùa Clochetons, vốn ít nhiều chiếm giữ khu vực giữa phòng tuyến này. Hành động này nếu thành công, sẽ cắt đứt chúng tôi khỏi thành phố người Hoa bằng đường bộ và ném chúng tôi hoàn toàn trở lại Sài Gòn



## PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

*cũ, siết chặt sự chiếm đóng của chúng tôi ở hai bờ sông và rạch. Để tránh thất bại nghiêm trọng này, chỉ huy Ariès với sự hiểu biết nhanh chóng về tình hình, đã cho chiếm lấy chùa Clochetons và chùa Mares vào ngày 2 tháng 7 năm 1860 (một ngày trước cuộc hành quân theo kế hoạch của người An Nam)” [9].* Rất có thể thông tin của đại úy Lucien de Grammont không thể chuẩn xác bằng thông tin từ bức thư đề ngày 14/7/1860, đó là người tham chiến trận đánh tường thuật lại. Như vậy, qua đây chúng ta biết liên quân Pháp - Tây Ban Nha chiếm chùa Clochetons và chùa Mares vào khoảng ngày 30/6/1860. Lúc này đại đồn Chí Hòa chưa thất thủ và đang được Nguyễn Tri Phương đẩy mạnh xây dựng để sẵn sàng phòng ngự và tổ chức tấn công liên quân, lúc này đã có một tuyến lũy đôi do quân triều đình xây đắp và nối thẳng từ đồn Tà (tức đồn ở làng Phú Thọ [10]) áp sát về phía bắc chùa Clochetons. Để chống lại việc này, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã lập nên phòng tuyến các chùa nổi tiếng.

Trong các ghi chép thư tịch cổ của người Việt không thấy có thông tin về ngôi chùa này. Tuy nhiên, trong các tư liệu người Pháp, chùa Clochetons khá nổi tiếng bởi đây là một trong những ngôi chùa nằm trong phòng tuyến các chùa mà liên quân Pháp - Tây Ban Nha lập ra kéo dài từ chùa Khai Tường (chùa Barbet) ở Bến Nghé đến chùa Cây Mai ở Chợ Lớn. Một mức độ tương đối khi dựa vào tuyến đường thiên lý đi qua khu vực, xác định vị trí chùa Kiêng Phước khi căn cứ mô tả của Prudhomme vào năm 1861-1862: “*Nằm cách phía bên kia đường chính 500 mét là chùa Clochetons, nổi tiếng với sự anh dũng của một*



Họa đồ toàn cảnh Sài Gòn năm 1898 do Gaston Pusch vẽ (Ảnh: Mạnh Hải Flickr)

*trung úy người Tây Ban Nha, người đã cùng một số binh sĩ đẩy lùi cuộc tấn công ban đêm của vô số người An Nam, trong cuộc phong tỏa Sài Gòn (1860-1861)” [11].* Qua đây có thể biết, chùa nằm cách đường thiên lý 500m, ngoài ra tác giả còn cho biết thêm, viên trung úy người Tây Ban Nha góp phần đẩy lùi cuộc tấn công ban đêm duy nhất của người An Nam vào chùa Clochetons, theo Léopold Pallu và một số tư liệu khác cho biết đó là rạng sáng ngày 04/7/1860: “*Trong đêm ngày 3 rạng ngày 4 tháng 7, quân An Nam có ít nhất cũng đến 2.000 người, yên lặng vượt khỏi thành bao vây chùa, trong khi đó chùa chưa biến hẳn thành đồn. Họ xông thẳng vào chùa, hò hét vang lừng. Hỏa pháo ... cũng bắn vào các chùa khác để nghi binh và đồng thời cũng bắn cả vào chùa Clochetons, quân thì bắn xối xả vào người Pháp, người Tây Ban Nha và người An Nam trong đồn. Đánh giết nhau suốt một giờ đồng hồ, nhờ viện binh từ Sài Gòn*

*kéo lên mới chấm dứt được trận chiến. Đối phương bỏ lại 100 xác chết” [12].*

Một mô tả khác đương thời cho thấy chi tiết hơn về trận đánh này: “*Chùa này bị chiếm đóng cách nay 4-5 ngày, và các công trình phòng thủ đầu tiên vừa được khởi công ở đó thì vào đêm ngày 3 rạng sáng ngày 4 tháng 7, quân An nam với số lượng 5.000 người (mỗi bên 1.200) đến tấn công chùa vào lúc gần 1h giờ sáng, họ được yểm trợ bằng đại pháo trên đồn. Họ đến rất lặng lẽ và không gây ra tiếng ồn, bằng cách tiến vào các bụi rậm dẫn vào đồn. May mắn thay hôm đó trời có trăng tròn, mặc dù vậy khi những kẻ tấn công đầu tiên bị phát hiện, chúng chỉ ở cách lính canh hơn 20 bước chân, những người này đã bắn vào chúng đồng thời rút lui vào đồn. Ở những phát súng đầu tiên, hầu như tất cả những người lính đang mặc quần áo ngủ, đều có mặt tại chốt phòng*



thủ của họ, và bắt đầu bắn súng đẩy lùi quân An Nam. Tuy nhiên, vì những kẻ tấn công đầu tiên là những tên xác định đã từng tuyên thệ sẽ chiếm ngôi chùa hay bị giết, chúng tiến vào bên trong tường bao; và cuộc tấn công diễn ra bằng lưỡi lê, khi 2 đại pháo, được trang bị đạn và khai hỏa một cách phù hợp, đã làm cân bằng sự không đồng đều về lực lượng, đồng thời ném khoảng 30 kẻ tấn công tảo bạo nhất xuống đất. Sau đó có sự do dự, người Nam Kỳ đã thử đánh lạc hướng trên một mặt khác, nơi loạt đạn đã ngăn chúng lại. Đạn vẫn tiếp tục bắn và các khẩu pháo đã bắn phá ở cả hai bên trong khoảng nửa giờ đồng hồ và vì nghĩ rằng vụ việc rất nghiêm trọng, nên người ta đã cử một biệt đội gồm 120 lính cùng với 2 đại pháo từ Sài Gòn đến. Biệt đội này mà tôi có tham gia, không thể đến nơi diễn ra cuộc chiến lúc 3 giờ sáng, bất chấp mọi nỗ lực có thể. Cho đến 7 giờ, đạn bắn vẫn không ngừng và chỉ khi nghe âm thanh của tiếng kèn báo hiệu chúng tôi đã đến, quân Nam Kỳ mới rút lui và ngừng bắn. Kể từ thời điểm đó, cuộc chiến mà chúng tiến hành đã thất bại và chúng đã tin chắc vào sự vượt trội về mặt vũ khí của chúng tôi khi nhìn thấy 140 người, bị 5.000 người trong số chúng tấn công, đã có thể chống lại trong 6 giờ đồng hồ chiến đấu không ngừng” [13].

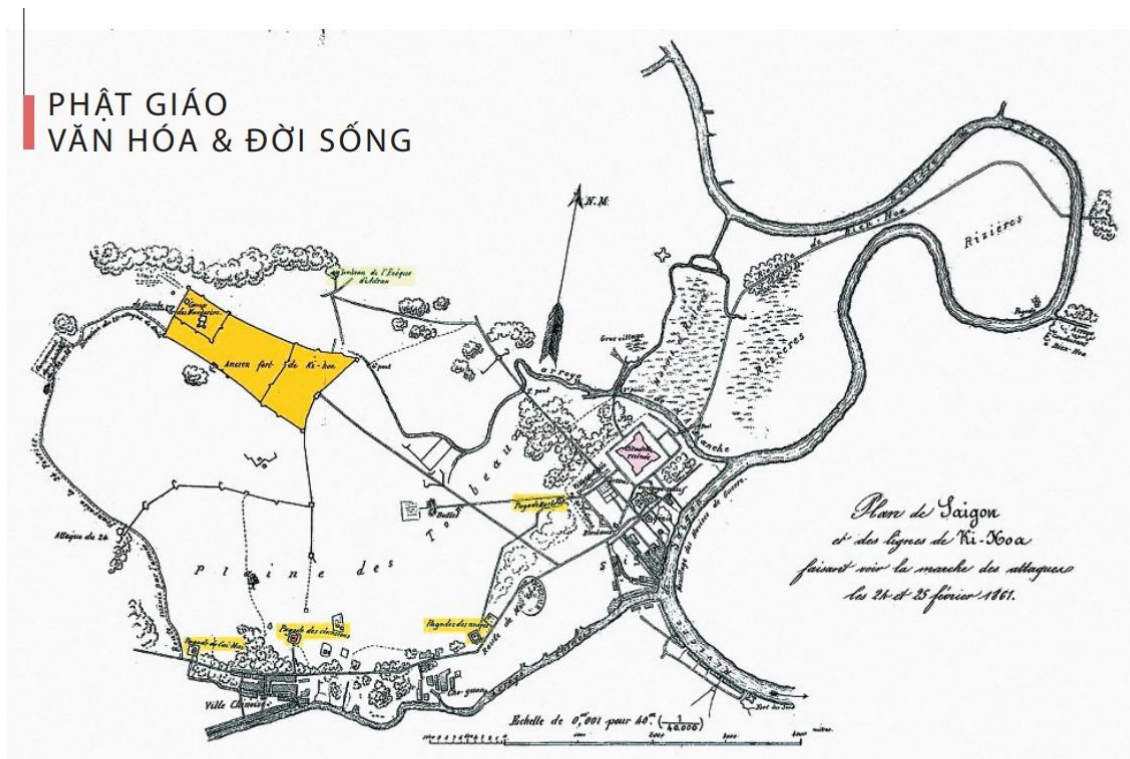
Tác giả tiếp tục cho biết thêm kết quả trận đánh liên quân chỉ bị thương 4 người và người An Nam để lại 90 xác chết quanh chùa vì không thể mang đi, đồng thời còn cho biết sau đó ông ta nghe đã có 300 người chết và chừng ấy người bị thương: “Chúng tôi không thể vào trong chùa mà chúng tôi vừa mới đến để tiếp viện mà không

dẫm phải vô số xác chết chặn lối vào. Số lượng người chết chứng tỏ mức độ nghiêm trọng của cuộc tấn công. Buổi sáng ngay khi trời vừa ló dạng, chúng tôi đã đếm được 90 xác chết xung quanh chùa. Vì người An Nam luôn mang theo người chết của họ, 90 người này có thể được coi là phần còn lại của những người không thể được mang đi, vì chúng ở quá gần với tường bao nên không thể tiếp cận. Ngày nay chúng ta biết chính xác số lượng người của họ, người ta nói rằng đã có 300 người chết và 300 người bị thương. Nhưng điều làm bạn sẽ ngạc nhiên khi biết rằng chúng tôi chỉ có 4 người bị thương trong toàn bộ cuộc chiến này. Người ta nói rằng đó là sự thật, người An Nam được trang bị vũ khí kém và thậm chí bắn rất tệ. Người ta sẽ phải thừa nhận, chúng ta chỉ có 4 người bị thương và chính tôi đã đếm được 90 xác người Nam Kỳ bị bỏ lại trên thềm” [14].

Rất có thể đó chính là cuộc tấn công do Lãnh binh Thăng tổ chức tấn công vào chùa Kiểng Phước vào nửa đêm ngày 13/5 năm Canh Thân (1860), thông tin theo Michel Đức Chaigneau [15] chép lại vào năm 1876 trong tác phẩm *Thơ Nam Kỳ*: “*Canh Thân tướng sĩ cứng gân. Tháng năm cộp dữ lãnh Thăng xuất hành. Mười ba, giờ Tý vừa thành. Hăm vẩy Kiểng Phước tung hoành chiến tranh. Lĩnh quân từ trận nhiều anh. Lãnh Thăng vong mạng hết danh cộp hùm*” [16]. Ở đây, có sự chênh lệch khi chuyển đổi ngày 03/7/1860 qua âm lịch là ngày 15/5 năm Canh Thân, có nghĩa theo dân gian thì trận đánh này diễn ra vào ngày 13, sớm hơn ghi chép người Pháp đến tận hai ngày. Đây là trận đánh chưa được chính

sử Việt ghi chép nên chưa rõ thân thế Lãnh binh Thăng, tuy nhiên rất có thể vì Lãnh binh Thăng hy sinh ở chùa Kiểng Phước mà về sau đặt tên đường Lãnh binh Thăng nằm trong khu vực này. Điều này được xác nhận lại của người đời sau, theo tác giả Lê Văn Phát trong báo *L'Écho annamite* vào năm 1923 (tức hơn 60 năm sau) với bài “*La prise de Chi-hoa telle qu'elle est racontée par des Annamites*”, cho biết đó chính là Lãnh binh Thăng phụ trách trận tấn công chùa Kiểng Phước vào đêm ngày 03/7/1860: “*Để cắt đứt liên lạc giữa Sài Gòn với Chợ Lớn và do đó cô lập chùa Cây Mai, nơi có một toán lính đồn trú, Nguyễn Tri Phương đã ra lệnh tấn công dữ dội chùa Kiểng Phước vào ban đêm. Đó là ngày 03 tháng 7 năm 1860. Lãnh binh Thăng phụ trách trận này. Vào cuối canh 02, thành phố chìm trong giấc ngủ và dân số đã giảm đi đáng kể bởi những cuộc di cư liên tiếp của tầng lớp giàu có đến Bà Quẹo, Bà Điềm (Gia Định), Bà Hom (Chợ Lớn) sau khi chiếm được tòa thành và cũng vì hành động cướp bóc của các băng nhóm người Hoa đã bị đánh thức bởi tiếng la ó của cuộc chiến và tiếng trống thúc quân. Từ xa, ở hướng chùa Kiểng Phước, chúng tôi thấy những ánh sáng lơ mơ, mà không nghe thấy tiếng trống và những tiếng lo ó dễ nhận biết, chúng tôi tưởng như chùa bị đốt. Đó là Đền Sào và Hóa Hố, những ngọn lửa hỏa hổ (hỏa tiễn) chiếu sáng phía bên này bầu trời. Những thiết bị có tác dụng hủy diệt này, không giống với những chiếc súng phun lửa của người Đức, tuy nhiên đã mang lại nhiều hiệu quả trong các cuộc chiến trước đây chống lại những người Chân Lạp có thói quen cời trần chiến đấu*” [17] và ở trận này Lãnh binh





Họa đồ “phòng tuyến chùa” (4 ô vàng nhỏ) nằm trên trục đường Sài Gòn đi Mỹ Tho, chạy song song với kênh Tàu Hũ. Cách đó không xa là đại đồn Chí Hòa (fort de Ki-hoa), ô vàng lớn (Ảnh: Mạnh Hải Flickr)

Thăng đã bị tử trận một cách vinh quang: “Tại đây người lính dũng cảm Lãnh binh Thăng đã hoàn thành ước nguyện của mình, ông ta đã từng thề sẽ lấy lại ngôi chùa hoặc chết trước ngôi chùa. Ông ta đã tìm đến cái chết một cách vinh quang” [18]. Như vậy, chắc chắn đây là Lãnh binh Thăng, người chỉ huy và hy sinh trong trận tấn công chùa Kiêng Phước vào tối ngày 3 rạng sáng ngày 4 tháng 7 năm 1860. Rà soát các tư liệu cho thấy đây có lẽ là Lãnh binh Nguyễn Văn Thăng ở Gia Định: “[Tháng 1 năm Kỷ Mùi (1859)] Trước đây, vua được tin quân của Tây dương tiến sát đến thành Gia Định, lập tức muốn dự phòng trước. Đã sai Tuần phủ Hà Tiên là Nguyễn Công Nhân đem quân Vĩnh Long (2 cơ), Định Tường (1 cơ) đến ngay để phòng giữ và đánh giặc, mà cho Đề đốc An Giang (Chương về quyền Chương đề đốc) là Nguyễn Đình Thương lập tức đến Hà Tiên quyền lĩnh quan phòng Tuần phủ làm việc. Lại cho Thượng thư bộ Hộ là Tôn Thất Cáp làm Thống

đốc tiêu bộ quân vụ đại thần; Bộ chính Quảng Ngãi là Phan Tĩnh làm Tham tán; Vệ úy hiệp lĩnh Tân tương, đem theo Lãnh binh là Nguyễn Văn Thăng (Hiệp quản ở quân thứ mới được thăng thụ Lãnh binh), Vệ úy là Tôn Thất Điển đi đến ngay để đánh giặc. Lại phái 1 vệ lĩnh ở Trung bảo, 30 lính Cảnh sát dinh Thần cơ và lấy lính ở Bình Định, Quảng Ngãi mỗi tỉnh 1 vệ cho đi theo. Mới đi được vài ngày, thì tin báo thành Gia Định thất thủ đã đến nơi” [19]. Khảo sát tiếp hành trạng của Lãnh binh Nguyễn Văn Thăng thì hầu như chưa có thêm thông tin, tuy nhiên hiện nay lại có đền thờ Lãnh binh Nguyễn Ngọc Thăng ở tỉnh Bến Tre, ông được cho là mất vào năm 1866. Tuy tên và hành trạng chưa trùng khớp, nhưng ngày giỗ của Lãnh binh Nguyễn Ngọc Thăng (vào ngày 15 tháng 5 âm lịch) lại phù hợp với ngày mất của Lãnh binh Thăng (mất ngày 03/7 dương lịch, tức ngày 15 tháng 5 âm lịch). Như vậy, rất có thể Lãnh binh Thăng

chính là Lãnh binh Nguyễn Văn Thăng ở quân thứ Gia Định năm 1859 và cũng chính là Lãnh binh Nguyễn Ngọc Thăng ở Bến Tre, cần nhiều nghiên cứu sâu hơn để có kết luận cuối cùng.

Xác định vị trí tọa lạc của chùa Clochetons (tức chùa Kiêng Phước) trên thực địa ngày nay, dựa vào bản đồ *Plan de Saigon et des lignes de Ki-Hoa, faisant voir la marche des attaques des 24 et 25 février 1861* [20], so với bản đồ hiện đại cho thấy vị trí chùa Clochetons nằm ở khu vực phía bắc đường Phù Đổng Thiên Vương, ngày nay được bao quanh bởi 4 tuyến đường Lý Thường Kiệt, Bà Triệu, Nguyễn Kim và Nguyễn Chí Thanh; tương ứng với 4 tuyến đường thời Pháp là Maréchal Foch, Merlande, Béliad và Armand Rousseau. Thực tế đo đạc từ đường Nguyễn Trãi ngày nay về phía bắc đến giữa khu vực chùa là đường Tăng Bạt Hồ cũng là 500 mét, thỏa mãn theo mô tả của Prudhomme là cách đường



thiên lý 500 mét. Đường Phủ Đồng Thiên Vương nối vào đường Lý Thường Kiệt, thời Pháp thuộc được gọi là rue des Clochetons, tức đường chùa Chuông. Chùa Clochetons đến năm 1866 vẫn còn được trung úy pháo binh hải quân P. C. Richard nhắc đến cùng với chùa Cây Mai khi mô tả vùng Chợ Lớn: “*Gần Chợ Lớn có chùa Clochetons và đền Cây Mai, hai địa danh được nhắc đến trong trận đánh Kỳ Hòa*” [21]; tuy nhiên, đến năm 1869 nhà nghiên cứu Charles Lemire khi mô tả vùng Chợ Lớn, đã hoàn toàn không nhắc gì đến chùa Clochetons, cho dù ông ta mô tả nhiều đền chùa khác trải dài theo tuyến đường thiên lý, bắt đầu từ chùa Kim Chương (vì ông ta cho là nơi vua Gia Long cưới mẹ vua Minh Mạng), đền chùa Mares, rồi chùa Quan Thánh, chùa Quảng Đông, và đặc biệt mô tả rất chi tiết chùa Cây Mai. Như vậy, quãng thời gian biến mất của chùa Clochetons diễn ra từ sau năm 1866 đến năm 1869, rất có thể sau đó nếu còn thì chỉ là tàn tích và điều này được xác nhận bởi người đời sau qua một mô tả về vị trí chùa này năm 1923: “*Chùa Clochetons được người An Nam biết đến nhiều hơn với tên cũ là “Kiếng Phước tự”. Chùa bị phá hủy hoàn toàn. Dấu tích duy nhất mà nó để lại, giống như chùa Cây Mai là vị trí của nó cao hơn so với mặt bằng xung quanh, có một số bảo tháp và một số cây xoài, những nhân chứng thầm lặng của cuộc tấn công vào chùa vừa qua của người An Nam. Chùa Clochetons ở cách một đoạn và phía sau Sở Tham biện Chợ Lớn*” [22].

Trên đây là kết quả khảo sát một ngôi chùa nổi tiếng trên đất Gia Định xưa ở Chợ Lớn. Những thông tin trên sẽ góp phần giúp chúng ta

hiểu hơn về diễn trình phát triển một vùng đất, đặc biệt trong giai đoạn khói lửa của công cuộc chống thực dân Pháp xâm lược thuở ban đầu. Với những thông tin đã khảo sát, chúng ta biết được vị trí tọa lạc, những thông tin lịch sử liên quan đến ngôi chùa Kiếng Phước. Đặc biệt hình ảnh Lãn binh Thăng, tướng chỉ huy trận đánh vào chùa năm 1860, đã hy sinh anh dũng tại đây giúp chúng ta tưởng tượng hơn hành trạng một vị tướng trong buổi đầu kháng Pháp.

#### Chú thích và tài liệu tham khảo:

\* Cù Thị Dung, Trường Thành: Công tác tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 2.

[1] Léopold Pallu (1864), *Histoire de l'expédition de Cochinchine en 1861*, Librairie L. Hachette et Cie, Boulevard Saint-Germain, tr.44.

[2] L. Piaud (1860), “*Étranger Cochinchine*”, *Mémorial de la Loire et de la Haute-Loire*, 25 novembre 1860, 16e Année, N2864, tr.2.

[3] Lê Văn Phát (1923), “La prise de Chi-hoa telle qu'elle est racontée par des Annamites”, *L'Écho annamite*, Mardi 16-01-1923, Quatrième année, N429.

[4] Alfred Schreiner (1906), *Abrégé de l'histoire d'Annam, Saïgon*, Chez l'Auteur: 37, rue de Bangkok, Saïgon, tr.155.

[5] A. Benoist d'Azy (1861), “l'Expédition Française en Cochinchine”, *Le Correspondant - Tome Cinquante-deuxième*, Paris, Charles Douniol, tr.384.

[6] Nguyễn Đình Đầu (1994), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn - Gia Định*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr.356.

[7] Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí, Tập trung*, Nha Văn hóa, Phủ Quốc vụ khanh phụ trách văn hóa, tr.35.

[8] L. Piaud (1860), “*Étranger Cochinchine*”, *Mémorial de la Loire et de la Haute-Loire*, 25 novembre 1860, 16e Année, N2864, tr.2.

[9] Lucien de Grammont (1863), *Onze mois de sous-préfecture en Basse-Cochinchine contenant en outre, Napoléon -Vendée - J. Sory*, Imprimeur - Editeur, tr.274.

[10] Theo mô tả ở bài “La prise de Chi-hoa telle qu'elle est racontée par des Annamites”, *L'Écho annamite*, Mardi 16-01-1923, thi Đồn Tả nằm ở làng Phú Thọ, Đồn Hữu và

Đồn Tiền ở làng Chí Hòa, mà theo tác giả thì đúng ra phải là làng Trí Hòa (致和). Rất có thể làng Chí Hòa thực thuộc Tân Sơn Nhứt (năm 1836 là thôn Tân Sơn Nhứt, tổng Dương Hòa Thượng, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình), theo các bản đồ mô tả đại đồn Chí Hòa 1860-1861 cho thấy làng Chí Hòa nằm phía đông bắc đại đồn.

[11] Prudhomme (1865), *Souvenirs de l'expédition de Cochinchine (1861-1862) par un lieutenant de l'ex 101e*, Paris, Librairie du petit journal, tr.173

[12] Léopold Pallu (1864), *Histoire de l'expédition de Cochinchine en 1861*, Librairie L. Hachette et Cie, Boulevard Saint-Germain, tr.37.

[13] L. Piaud (1860), “*Étranger Cochinchine*”, *Mémorial de la Loire et de la Haute-Loire*, 25 novembre 1860, 16e Année, N2864, tr.2.

[14] L. Piaud (1860), “*Étranger Cochinchine*”, *Mémorial de la Loire et de la Haute-Loire*, 25 novembre 1860, 16e Année, N2864, tr.2.

[15] Michel Đức Chaigneau cũng chính là tác giả của tác phẩm nổi tiếng *Souvenirs de Hué (Cochinchine)*, tác phẩm được xuất bản tại Pháp vào năm 1867.

[16] M. D. Chaigneau (1876), *Thơ Nam kỳ ou Lettre cochinchinoise sur les événements de la guerre franco-Annamite*, Paris, Imprimerie Nationale, tr.14,16.

[17] Lê Văn Phát (1923), “La prise de Chi-hoa telle qu'elle est racontée par des Annamites”, *L'Écho annamite*, Jeudi 18-01-1923.

[18] Lê Văn Phát (1923), “La prise de Chi-hoa telle qu'elle est racontée par des Annamites”, *L'Écho annamite*, Samedi 20-01-1923.

[19] Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam thực lục, tập 7*, Viện Sử học dịch, Nxb Giáo dục, tr.594,595.

[20] Ministère de la marine et des colonies (1861), “Expédition de Cochinchine - Prise des Forts de Ki-Hoa”, *Revue maritime et coloniale*, Tome Premier, Mai 1861, Paris, Nxb Imprimerie de Ch. Lahure et Cie.

[21] P. C. Richard (1866), “Saïgon et ses environs au commencement de 1866”, *Revue maritime et coloniale*, Tome Dix-huitième, Septembre 1866, Paris, Nxb Paul Dupont và Challamel Ainé, tr. 551.

[22] Lê Văn Phát (1923), “La prise de Chi-hoa telle qu'elle est racontée par des Annamites”, *L'Écho annamite*, Mardi 16-01-1923, Quatrième année, N429.





## Quốc ân Khải Tường tự: Dấu xưa còn lại chút này

**Lam Phương**

*TP HCM có rất nhiều ngôi chùa nổi tiếng về quy mô, tầm vóc và ý nghĩa lịch sử, như: Vĩnh Nghiêm, Việt Nam Quốc tự, Xá Lợi, Ấn Quang.... Tuy nhiên, một trong những ngôi chùa lâu đời nhất, từng được sắc phong của nhà vua và là nơi chứng kiến vua Minh Mạng chào đời, đến nay lại gần như không còn dấu vết sau bao biến động của thời cuộc. Đó là ngôi chùa Quốc ân Khải Tường tự của đất Gia Định xưa.*

### **NOI VUA MINH MẠNG CHÀO ĐỜI**

Thiền sư Phật Ý-Linh Nhạc (1725-1821, là người đem chi phái Lâm Tế dòng đạo Bổn Nguyên vào miền Nam nước ta), vâng lời thầy theo lớp người lưu dân từ Đồng Nai xuống phía Nam. Trên đường đi, nhà sư gặp một tăng sĩ không rõ họ tên, cùng lứa tuổi và họ đã kết thành huynh đệ. Khoảng năm 1744, khi đến nơi ở mới là làng Tân Lộc (có tư liệu viết là làng Hoạt Lộc hay xóm Chợ Đũi), hai nhà sư cùng khai phá rừng và dựng lên am lá thờ Phật, gọi là chùa Khải Tường (ngụ ý mở rộng phước lành cho bá tánh). Sau này, vị tăng sĩ kết nghĩa huynh đệ với tổ Phật Ý (nay không còn biết tên) đã dựng nên ngôi chùa thứ hai, lấy tên là Từ Ân (ngụ ý nhờ lòng từ bi và ân huệ của Đức Phật mà dân chúng được bình an, tạo dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc nơi vùng đất mới), vị trí ngày nay nằm trong công viên văn hóa Tao Đàn [1].

Tháng 9/1788, sau khi giành lại thành Gia Định, Nguyễn Ánh tập trung củng cố lực lượng, xây dựng thành trì, biến nơi đây thành trung tâm chính trị của triều Nguyễn sau này. Đến năm 1790, trong lúc thành Gia Định mới được xây dựng, hoàng gia và bộ máy quan lại phải tá túc ở hai ngôi chùa lớn nằm cạnh nhau là chùa Từ Ân và Khải Tường.

Tương truyền, lúc này, Nhị phi Trần Thị Đang (Thuận Thiên Cao Hoàng hậu) một đêm nằm mộng nhận được từ thần nhân một cái tỷ (ấn vua) sắc đỏ sáng như mặt trời





Tượng Phật chùa Khải Tường hiện trưng bày ở Bảo tàng LSVN (TP HCM)



## PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

và hai ấn (ấn quan) một cái sắc tía một cái sắc nhạt. Và cũng trong năm đó, ngày 25/5/1791, chính tại hậu liêu chùa Khai Tường, bà đã hạ sinh hoàng tử Nguyễn Phúc Đảm, người về sau trở thành vua Minh Mạng.

Sách *Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam* của Vân Thanh, xuất bản tháng 3/1975, viết: "... chùa Khai Tường, Thôn Hoạt Lộ, huyện Bình Dương, xây cất năm Tân Hợi (1791), hiện nay nền chùa là Trường Đại Học Y Khoa cũ, đường Trần Quý Cáp, do Nguyễn Vương Phúc Ánh kiến tạo để kỷ niệm nơi sinh Hoàng tử Đờm (hay Đảm, tên vua Minh Mạng)".

Tương tự, nhà nghiên cứu Vương Hồng Sển trong cuốn *Sài Gòn năm xưa* cũng cho rằng: "Chùa này có đặt sử chính hoàng tử Đảm (sau lên ngôi là Đức Minh Mạng) sanh nơi hậu liêu vào năm Tân Hợi (1791) giữa cơn tị nạn Bình Tây Sơn. Qua năm 1804, Cao Hoàng nhớ tích cũ, để tạ ơn Phật dày công che chở mấy năm bôn tẩu nên gởi tặng chùa một cốt Phật Thích Ca thật lớn bằng gỗ mít, thếp vàng tuyệt kỹ" [2].

Do vậy, sau khi lên ngôi, vào năm Nhâm Thìn (Minh Mạng thứ 13, 1832), nhân bản về mô mã của tổ tiên, vua Minh Mạng đã lệnh cho bộ Lễ: "... Nhân đó nghĩ đến chỗ ta ở, chỗ nhà cũ của Tổng quốc công phu nhân tại ngoại thành Gia Định, vậy sai quan địa phương tìm hiểu xem...

... Đến đây, quan thành Gia Định tìm hỏi được di chỉ ở làng Tân Lộ, vẽ địa đồ dâng lên... Vua dụ rằng: "Làng Tân Lộ ở phía hữu thành Gia Định, khi trước Hoàng Thái hậu ta theo Hoàng Khảo Thế

*Tổ Cao Hoàng để ta vào Nam, từng đóng lại ở nơi ấy. Thực là hợp với điềm tốt: "Cầu vòng trôi ở bến hoa" [3] nghĩ đến đất quý phát phúc càng nên giữ mãi dấu tích để khuyến khích sau này. Vậy nên dựng ngôi chùa ở ngay chỗ đất ấy, gọi là chùa Khai Tường, để ghi sự tốt lành to tát chứng tỏ nơi phát phúc lâu dài".*

... Vua bèn lấy của kho 300 lượng bạc, giao cho quan địa phương, theo cách thức đã định của Bộ Công, gọi thợ xây dựng. Lại mộ các sư đến ở, hạn là 20 người. Các lễ tiết hàng năm, có ruộng tự điền được đặt để sung cấp. Phàm gặp tiết Thánh thọ, tiết Vạn thọ và các lễ: ngày trừ tịch trồng cây nêu, Tết Nguyên đán, Tết Đoan dương, tiết Tam nguyên, ngày sóc, ngày vọng đều dâng đồ cúng chay và hương nến" [4].

Theo bài viết của Thiền Hòa Từ Huệ Chí đã dẫn, chùa Khai Tường được sắc tứ là "Quốc ân Khai Tường tự", mang ý nghĩa một ngôi chùa được tiếp nhận ân đức từ bậc quân vương và khai bày điều tốt lành. Quy mô của chùa Quốc ân Khai Tường từ ngoài vào trong gồm có lầu chuông trống ba gian hai chái; tiếp đến điện Phật ba gian; hai bên có hai hành lang dài nối với Tăng xá và nhà ăn đều ba gian hai chái.

Chùa làm xong được ngài Tế Tín (hiệu là Chánh Trực Hòa thượng) làm trụ trì cùng 18 Tăng chúng chịu trách nhiệm cai quản và trông nom. Đồng thời, vua còn cấp cho chùa 20 mẫu ruộng miễn thuế để chư Tăng tự canh tác, lấy hoa lợi thực hiện Phật sự vua giao. Đến khoảng năm Quý Mão (năm 1843) tức năm Thiệu Trị thứ ba, Giáo thọ Như Quang vận động các vị

hoàng thân quốc thích, đồng bào Phật tử ủng hộ chỉnh trang nên chùa có quy mô tráng lệ hơn. Tại đây, các vị cao tăng hoàng dương đạo pháp, được triều đình bảo hộ nên Khai Tường tự trở thành ngôi chùa tiêu biểu, có ảnh hưởng rộng lớn đến quần chúng đạo Phật khắp Nam Kỳ lục tỉnh cho đến ngày Gia Định thất thủ.

Sau này, khi tấn công Gia Định, thực dân Pháp chia quân đóng rải rác tại Trường Thi, đền Hiền Trung (pagode aux Mares) và các chùa: Khai Tường (pagode Barbé), Kiểng Phước (pagode des Clochetons), Cây Mai (pagode des Pruniers). Trong đó, chùa Khai Tường do Trung úy Barbé (thuộc Trung đoàn đệ tam Thủy quân lục chiến) làm đồn trưởng. Barbé đem tượng Phật bỏ ngoài sân, cưỡng bức các sư phải rời chùa. Khi ấy, quan Kinh lược Nguyễn Tri Phương được triều đình cử vào Nam lập Đại đồn Chí Hòa chống Pháp. Đêm 7/12/1860, Barbé đã bị nghĩa quân Trương Định phục kích giết chết khi đang đi từ đồn chùa Khai Tường đến đền Hiền Trung (nay được cho là ngã ba Võ Văn Tần - Trần Quốc Thảo).

Trong tiểu luận tiếng Pháp xuất bản tại Sài Gòn năm 1934 có nhan đề *La Pagode des Clochetons et la pagode Barbet (Contribution à l'histoire de Saïgon - Cholon) (chùa Chuông (tức Kiểng Phước) và chùa Barbet (đóng góp vào lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn)*, tác giả P.Midan viết: "Hiện nay chùa Barbet không còn dấu vết gì nữa" (tr.2). Dựa trên phương pháp chồng bản đồ, Midan cho rằng năm 1867 chùa Khai Tường thuộc sở hữu của công binh Pháp.





Chùa Khai Tường xưa (ảnh do Emile Gsell chụp trong khoảng những năm 1871-1874)

Sau đó, chùa được trưng dụng tạm thời làm nơi ở cho lính Pháp. Nghị định của đề đốc G. Ohier ký ngày 10/9/1869 đăng trên Bulletin de la Cochinchine (Tập san Nam kỳ) năm 1869 (tr.314) có ghi: Điều 1: “Chùa Barbet (nguyên văn: pagode Barbet) cùng pháo đài nhỏ bên cạnh và tất cả gian nhà nằm trên khu đất ấy sẽ được chuyển cho chính quyền địa phương”; Điều 2: “Dải đất nằm giữa đường l’Impératrice nối dài (nay là Nam Kỳ Khởi Nghĩa) và đất của nhà Lanneau dành để sau này xây dựng đồn hiến binh”; Điều 3: “Trong thời gian chờ đợi ngân sách của chính quyền thuộc địa dành cho việc xây dựng (đồn hiến binh), chùa Barbet cùng các gian nhà nằm trong pháo đài sẽ được trưng dụng làm chỗ ở cho hai lữ đoàn hiến binh”.

Tiếp đến, chùa được chuyển thành trường sư phạm trong nghị định ngày 12/8/1871: “Chùa Barbet và các tòa nhà liên quan sẽ được sử dụng làm trường Sư phạm Thuộc địa, bắt đầu thực

hiện từ ngày 15/8/1871”. Như vậy, kể từ năm 1871, chùa Barbet được sử dụng làm cơ sở giáo dục. Trong phần chú thích, Midan còn cung cấp thêm nghị định ngày 17/11/1874 (điều 15) về việc chuyển Trường Sư phạm Thuộc địa thành Trường trung học Bản xứ (Collège Indigène) [6].

Thời gian sau, trên nền chùa bỏ hoang này, người Pháp cho xây một dinh thự dành cho quan chức trong bộ máy cai trị. Trước năm 1963 dùng làm trường Đại học Y Dược, sau khi chế độ Ngô Đình Diệm bị lật đổ, các tướng lãnh cho các cố vấn quân sự đến trú đóng. Sau ngày năm 1975, nơi đây được dùng làm Bảo tàng Chứng tích chiến tranh [7].

### BỨC TƯỢNG PHẬT CÒN SỐT LẠI

Ngày lập thành Khai Tường tự sau khi trùng tu, vua Minh Mạng đã dâng cúng một pho tượng Phật Di Đà ngồi kiết già trên tòa sen, trong tư thế Vajrasana (bảo tòa kim cương), được sơn son thếp vàng

độc đáo, với hai tay chấp lại, hai ngón tay dính nhau và trên ngực có chạm hình chữ Vạn (Svastika).

Theo nhà nghiên cứu Trần Đình Sơn, tượng tạc bằng gỗ mít, sơn son thếp vàng, cao gần 2m. Đây là pho tượng Phật lớn nhất ở miền Nam đương thời, nên dân gian còn gọi chùa Khai Tường là “chùa Phật lớn” hay “chùa ông Phúc”. Tượng Phật chùa Khai Tường mang đậm phong thái người Việt. Với những đường nét cơ bản khắc họa những hình tượng tốt của một vị Phật, tượng như càng gần gũi với con người Việt Nam ngay từ hình thể, tư thế tự tại và nụ cười an nhiên “tùy sở trú xứ thường an lạc” (thuận theo nơi chôn mình đang ở mà giữ cái tâm luôn luôn yên vui).

Còn theo nghiên cứu về bảo tượng chùa Khai Tường, tiến sĩ Hồ Ngọc Liên (nguyên cán bộ Bảo tàng Lịch sử TP HCM) cho biết: Tượng tạc trong tư thế ngồi thiền kiết già, cao 1,96 m, gồm phần tượng và bệ sen, chất liệu



## PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG



Bảo tàng Chứng tích chiến tranh được xây dựng trên nền chùa Khải Tường khi xưa.

bằng gỗ được sơn son thếp vàng, tóc xoắn khu ốc, hai dải tai dài, khuôn mặt tròn, hai tay để ngửa, có khắc chữ Vạn ở ngực. Đây là tác phẩm của các nghệ nhân cung đình ở Huế tạc vào đầu thế kỷ XIX. Căn cứ vào các nguồn sử liệu ghi chép và đặc điểm tượng cho thấy, đây là tượng do chính vua Minh Mệnh dâng cúng vào chùa Khải Tường và được đặt tại nơi trang trọng nhất trên Phật điện [8]. Bên cạnh tám biển đang được lưu giữ tại chùa Từ Ân, tượng Phật này chính là hiện vật hiếm hoi minh chứng cho sự tồn tại trong lịch sử của “Quốc ân Khải Tường tự”.

Điều đáng chú ý là tượng Phật chùa Khải Tường chứa đựng những câu chuyện kỳ bí về sự tồn tại của mình. Sau khi chùa bị giặc Pháp phá hủy, tượng chùng tất cả tượng và đồ tế tự của chùa sẽ bị chịu chung số phận. Tuy nhiên, khi ra tay đụng chạm đến tượng Phật quý, đã có nhiều binh lính và sĩ quan Pháp gặp phải tai

ương và điều này được báo cáo lên Phủ toàn quyền của Pháp. Sau khi kiểm tra toàn bộ thông tin liên quan đến pho tượng, người Pháp đã nhận ra đây là bảo vật, cần giữ gìn cẩn trọng và đưa về bảo quản trong kho của Phủ toàn quyền Sài Gòn.

**Có thể nói**, chùa Quốc ân Khải Tường là ngôi già lam cổ nhất nhì ở vùng đất Sài Gòn – Gia Định, nhưng đã bị phá hủy dưới thời Pháp thuộc. Đến nay, sau gần 300 năm thành lập, chùa chỉ còn vết tích trong những trang sử sách và lưu lại một vài hiện vật quý báu. Nhưng chắc chắn nó sẽ còn được nhắc đến bởi không chỉ chứng kiến sự ra đời của vua Minh Mạng, mà còn là nơi ghi dấu sự kiện thực dân Pháp nổ súng xâm chiếm Nam Kỳ. Qua đó, góp phần minh chứng cho việc Phật giáo Nam bộ nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung đã gắn liền với vận mệnh dân tộc trong suốt quá trình đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược.

### Chú thích:

- [1] Theo Thiên Hòa từ Huệ Chí (1983), *Lịch sử chùa Tổ đình Giác Lâm*, Bản đánh máy của chùa Giác Lâm.
- [2] Vương Hồng Sển (2013, tái bản), *Sài Gòn năm xưa*, Nxb. Tổng hợp TP HCM, tr.198.
- [3] Cầu vòng trôi ở bến Hoa: Nữ Ngung, đời Hoàng Đế, nằm mộng thấy sao lớn trên cầu vòng sa xuống trôi ở bến Hoa Chử. Nữ Ngung gặp sao ấy mà sinh ra Thiệu Hiệu.
- [4] Quốc sử quán triều Nguyễn (1961), *Đại Nam thực lục chính biên*, Đế nhị kỷ, bản dịch của Viện Sử học Hà Nội (tập XI), Nxb. Khoa học Xã hội, tr.173-174.
- [5] Huỳnh Ngọc Trảng (2018), *Sài Gòn – Gia Định, Ký ức lịch sử văn hóa*, Nxb. Tổng hợp TP HCM, tr.81.
- [6] Nguyễn Quang Diệu, Lê Công Sơn (2021), ‘*Phòng tuyến chùa’ có một không hai tại Nam kỳ: Ngôi chùa nơi vua Minh Mạng chào đời*, <https://thanhvien.vn/ngoi-chua-noi-vua-minh-mang-chao-doi-post1099919.html>
- [7] Lý Nhân Phan Thứ Lang (2015), *Sài Gòn - Gia Định một thời để nhớ*, Nxb. Công An Nhân dân, tr.58.
- [8] Lương Chánh Tông (2016), *Cổ vật kỳ sự: Tượng quý vua dâng chùa Khải Tường*, <https://thanhvien.vn/co-vat-ky-su-tuong-quy-vua-dang-chua-khai-tuong-post591557.html>



# VU LAN BÁO ÂN

**Nhật Quang**

Con về nhật sợi nắng vàng  
Thân cò dầm dãi chang chang đáng gầy  
Ruộng vườn lam lũ tháng ngày  
Mồ hôi ướt đẫm luống cày sớm trưa

Con về nhật những hạt mưa  
Vai mẹ dầm ướt tưới mùa lúa xanh  
Chợ xa gồng gánh trông chừng  
Chắt chiu năm tháng dùm dành nuôi con

Con về nhật những héo hon  
 Gian lao mẹ trải lối mòn bết dầu  
Cho con mơ ước thắm màu  
Tóc xanh nhuộm bạc, áo nhàu gian nan

Chiều nay con nhật lá vàng  
Lối về xào xạc, nắng tàn nghiêng rơi  
Cau khô, trầu héo rã rời  
Bên hiên dáng mẹ đã vơi vợi xa

Khói hương di ảnh nhật nhòa  
Thành tâm dâng mẹ thiết tha vơi đầy  
Rung rung mắt lệ đắng cay  
Vu Lan con thấp lòng này báo ân



# TÌM VỀ BUÔNG XÃ

**Minh Phạm**

Giữa cuộc đời có muôn vạn niềm đau  
Ta hãy gắng học từ: “Buông xả”  
Vạn nỗi khổ của muôn người vạn ngã  
Chỉ một từ - giải hóa buồn vui

Đạo dạy ta biết: Văn - Tư - Tu  
Văn là: Nghe - nghe rồi gắng hiểu  
Tư là: Suy nghĩ thấu đạt tình  
Tu là: ứng dụng tại tâm mình  
Lợi pháp giới, chúng sinh an lạc

Học để biết tránh lời ngoại cảnh  
Không chi phối mình trước những khen , chê  
Bỏ bám chấp sẽ bớt đi khổ lụy  
Pháp xả ly là pháp quay về

Đời có lúc làm ta mỏi mệt  
Nhưng chính là cho ta cách vươn lên  
Đạo xoa dịu những xoay vần bản ngã  
Để ta vui sau những muộn phiền

Ngày hôm qua chỉ là hoài niệm  
Đâu có gì ghê gớm để sầu bi  
Dẫu sáng lạng thì ngày mai chưa đến  
Bởi qua đêm, ai biết trước điều gì...

Và hôm nay mới quan trọng nhất  
Là những gì ta đang có trong tay  
Ta sở hữu dòng thời gian hiện hữu  
Cuộc đến - đi... tất cả chỉ một ngày



# ĐẾM NGƯỢC

Minh Tâm



Cuộc đời của mỗi con người ngay từ khi hoài thai cho đến lúc phải đón đầu cái lên ngực bông hồng màu trắng tang thương, có lẽ, đều được ghi dấu bằng những lần đếm ngược của mẹ.

Khi còn là một hình hài nhỏ xíu nằm trong bọc ối với món đồ chơi duy nhất là chiếc dây rốn, dường như em bé nào cũng đã quen tai nghe những lời rù rừ rì rì vô cùng triu mến: *Còn bốn tháng nữa... Còn hai tháng nữa... Hơn tháng nữa thôi là bé con của mẹ chào đời... Hết đếm được tháng, mẹ lại đếm tuần: Còn ba tuần... Hai tuần nữa là mẹ được ẵm bồng con trên tay.* Rồi nửa tháng cuối cùng của thai kỳ cũng đến, mẹ mơn mõi đếm từng ngày theo mốc dự sinh đợi hình hài nhỏ bé ra đời, để uống dòng sữa mát thơm ngọt lành của mẹ, để mẹ được ôm ấp trong tay và ru hời ru hời về cái cò cái vạc... Đến lúc lên bàn sinh, nhớ lời bà ngoại dặn, phải cố gắng rặn chừng ba hơi thật khỏe, thật dứt khoát là con chào đời, mẹ cũng lại gồng mình cắn môi đếm thầm từng con rặn... Đầu là đếm ngược!

Sau khi ta chào đời, mẹ lại đếm ngược mỗi lần ta cán một cột mốc nào đó trên chặng đường phát triển: *"Năm ngày nữa đầy tháng. Gái hơn hai, trai hơn một. Các cụ ngày xưa đã dạy, con gái phải cúng Mẹ trước khi tròn tháng hai ngày, con trai cúng trước một ngày".* Hay: *"Ba ngày nữa tròn một trăm ngày tuổi, phải rơ lưỡi rơ hàm bằng lá hẹ để mai một mực răng không sốt".* Rồi: *"Ba tháng biết lẫy, bảy tháng biết bò, chín tháng lò dò biết đi"*, mẹ lại lần lượt đếm ngược từng ngày, từng tháng mong con khôn lớn.

Khi ta lên ba, mẹ đếm ngược để mong mau đến ngày đôi chân lon ton của ta bước qua cổng trường mẫu giáo - nơi ta sẽ trưởng thành hơn khi không có vòng tay mẹ ôm ấp, cung nựng. Rồi mỗi ngày, mẹ đều tắt tá đếm ngược thời gian để kịp đón ta trước cánh cổng trường ấy, sợ đến trễ, đón muộn một xíu, các bạn về hết, con của mẹ sẽ bơ vơ, tủi thân.

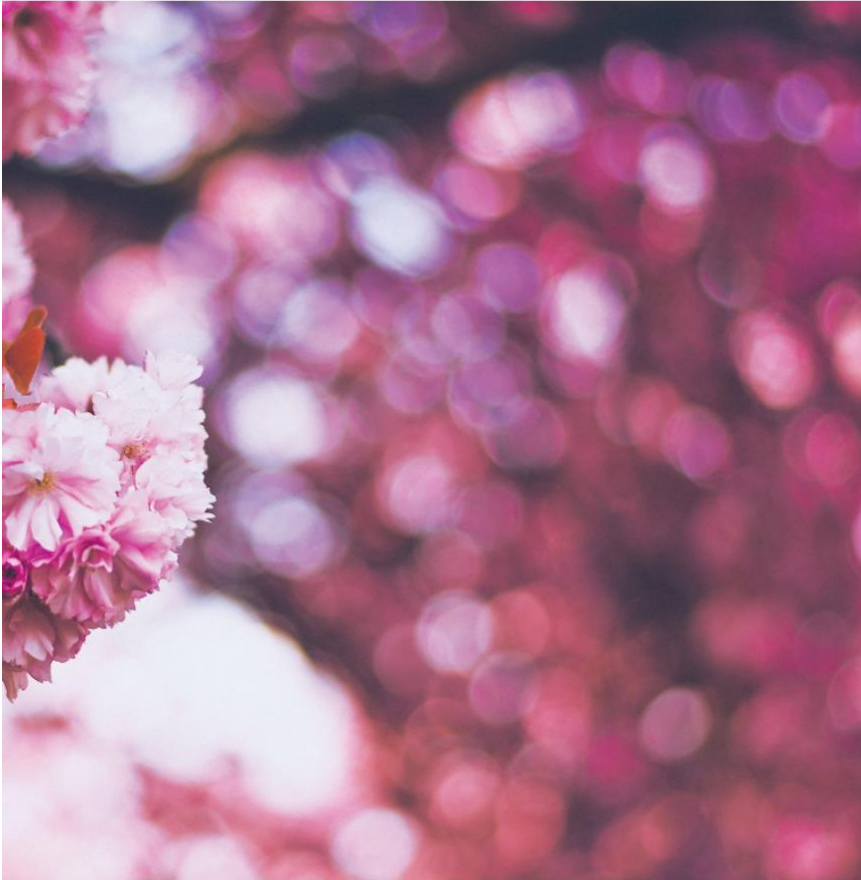
Sáu tuổi, mẹ đếm ngược đợi ngày đưa ta vào lớp 1 để bắt đầu chặng đường dài hướng đến một tương lai tươi sáng mà mẹ nói là sẽ "không như đời mẹ". Rồi suốt



12 năm sau đó, không ai khác ngoài mẹ đếm ngược lo lắng trước mỗi kỳ thi.

Mười tám tuổi, mẹ đếm ngược, nôn nao trước ngày ta bước chân vào phòng thi tốt nghiệp; sau đó hồi hộp đếm ngược chờ ngày công bố điểm chuẩn xem ta có toại chí thỏa lòng hay không; rồi lại đếm ngược thời gian đến ngày ta chính thức rời xa gia đình, tay xách nách mang, rời nhà đi trọ học; để rồi suốt những năm sau đó, mẹ lại chạy đôn chạy đáo mỗi lần đếm ngược trước kỳ đóng tiền phòng trọ hay đóng học phí cho ta... Cứ thế cứ thế, chú chim non "ra ràng", lớn lên, đủ cánh đủ lông





và tung bay khắp bốn phương từ vô số lần đếm ngược của mẹ.

Những tương như thế đã xong, mẹ không còn phải lao tâm khổ tứ đếm ngược hết lần này đến lần khác nữa khi con đã lớn. Mẹ đã đến sườn dốc bên kia của cuộc đời rồi, đến lúc cần nghỉ ngơi, thành thoi cả thân lẫn tâm. Vậy mà... dường như “đếm ngược” là chức năng đã lập trình sẵn dành cho người mẹ!

Con cái trưởng thành, mỗi đứa một nơi, công việc bận bịu, mưu sinh tất bật... mẹ vô vô nơi quê nhà, ứa nước mắt đếm ngược từng ngày chờ Tết đến xuân về để các

con quay quần, đoàn tụ. Mẹ chỉ mong mỗi năm có vài ba cái Tết, vì không phải là Tết, để gì các con về. Mẹ mong các con còn hơn cả ngày nào đò hôn con thềm hơi mẹ!

Lúc con còn độc thân thì mẹ bấm tay tính tuổi, giục già lập gia đình để yên bề gia thất, để mẹ sớm có cháu ẵm bông. Rồi bao nhiêu đứa con thì bấy nhiêu lần mẹ đếm ngược đến ngày lo cho nó đám cưới, không hơn thì cũng bằng người, thỏa mãn ước ao chu toàn cho con của mẹ. Con có cặp có đôi rồi, đến lúc con dâu, con gái mang thai thì mẹ lại thấp thòm đếm ngược từng tháng, từng ngày để được đón cháu chào đời,

nâng niu cháu nội, cháu ngoại như chính mẹ là người mang thai vậy. Rồi không ai khác, vẫn là mẹ tự mình đếm ngược để nhắc con gái, con dâu mình: “*Gái hơn hai, trai hơn một. Các cụ ngày xưa đã dạy rồi, chớ có làm khác mà phải tội. Còn ba ngày nữa cúng Mẹ cho thẳng Ti*”...

Vậy đó! Cả đời mẹ đếm ngược để mong con cháu thuận xuôi. Nhưng cũng bởi đã quá quen với những lần bấm tay đếm ngược tháng ngược ngày của mẹ, nên ta ý y, vô tâm, quên ngày tháng vẫn âm thầm trôi nhanh như bóng câu qua cửa sổ. Lúc còn nhỏ, ta như chú chim non vô tư rúc vào ngực mẹ để được chở che mà không cần biết mẹ đói hay no, lạnh hay nóng, vui hay buồn... Lớn hơn, ta vùi mình vào chuyện học hành, thi cử. Ta yên chí luôn có mẹ ở đó, sẵn sàng chu cấp, sẵn sàng đáp ứng mọi thứ ta cần mà không hay biết mẹ phải vất vả, cực nhọc thế nào, đổ mồ hôi, sôi nước mắt ra sao... Đến khi trưởng thành, ta mê mải chạy theo tiền tài, danh vọng. Ta chìm nổi lênh đênh vì cơm áo gạo tiền. Ta hện lần hện lứa những giờ phút trọn vẹn bên mẹ, dành sự yêu thương, chăm chút cho mẹ mà không biết tâm mẹ cô đơn, buồn tủi, thân mẹ đau nhức, rệu rã thế nào... Đến một ngày, mẹ bệnh nằm đó, ta mới hoảng hốt tìm về. Khi mẹ tỉnh tỉnh mê mê nhưng vẫn đếm ngược tính ngày cúng giỗ tổ tiên, ta mới giật mình nhận ra, ta sắp phải tự mình đếm ngược. (*Mà liệu trên đời này có mấy người không sợ hãi khi đếm ngược những ngày còn bên mẹ?*).

Nước mắt chảy xuôi nên suốt đời mẹ đếm ngược. Mẹ ơi...



## Giới thiệu pho tượng đồng, *Bồ Tát Quán Thế Âm Thủy Cam*



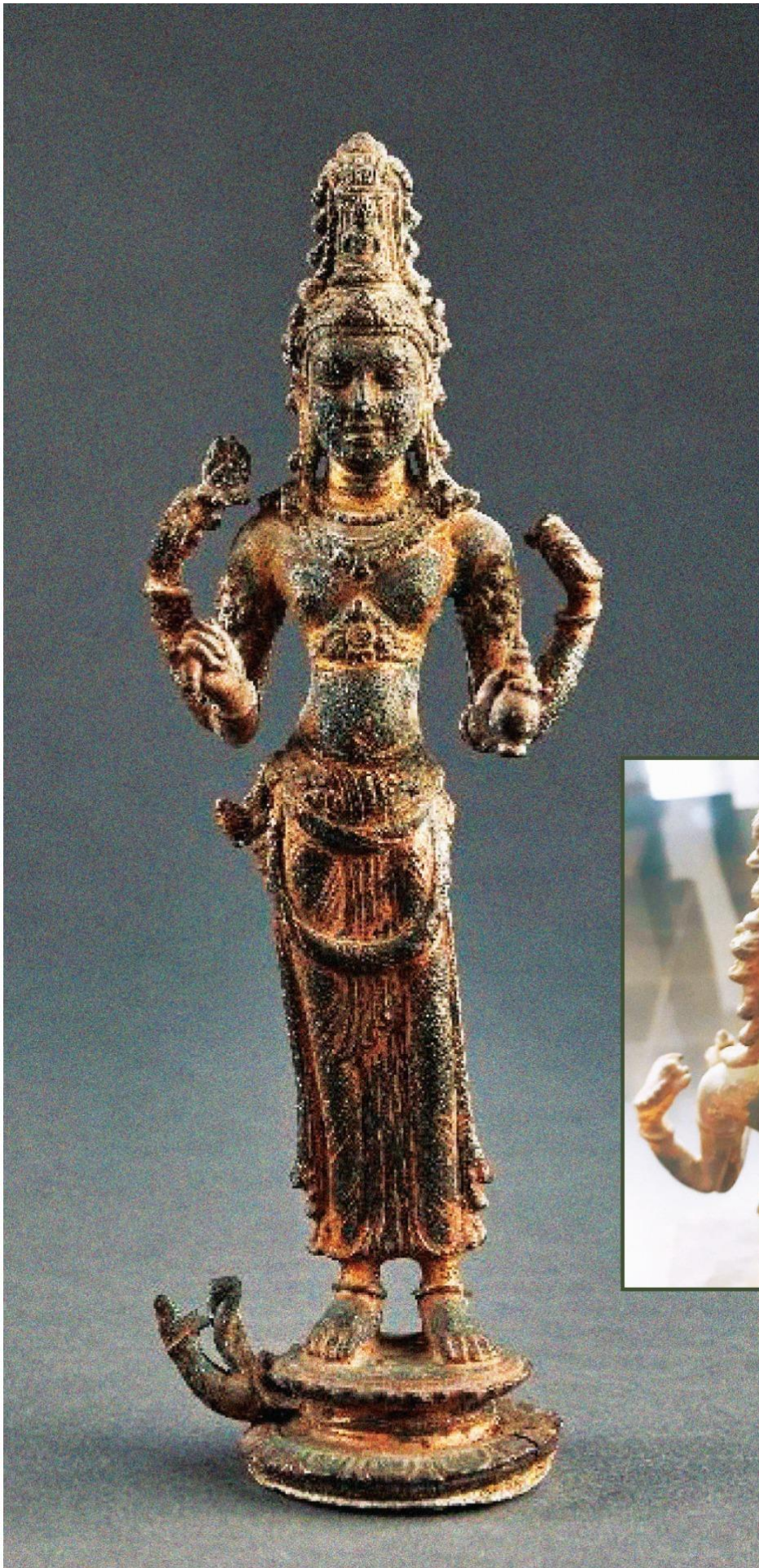
**Nguyễn Tú Anh, Trần Kỳ Phương**

*T*ừ đầu thế kỷ XX, các di tích Phật giáo của vương quốc cổ Champa tại vùng Thừa Thiên-Huế đã được các học giả thuộc Trường Viễn đông Bác cổ tại Hà Nội lưu ý, tiêu biểu là bốn pho tượng bằng đồng thể hiện hình tượng Bồ Tát được phát hiện trong vùng phía bắc đèo Hải Vân.

Cả bốn pho tượng quý bằng hợp kim này hiện trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử TP Hồ Chí Minh. Trong đó, tôn tượng Bồ Tát Quán Thế Âm Thủy Cam, bằng đồng, cao 23cm, ký hiệu BTLS.591, tìm thấy tại thôn Thủy Cam, xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày nay. Theo Jean Boisselier (1963: 80-81), đây có thể xem là tác phẩm tiêu biểu của Phật giáo Champa về chân dung đức Quán Thế Âm, tượng được tìm thấy trong tình trạng bảo quản tốt, mặc dù một số chi tiết đã bị thất lạc. Cụ thể, tạo hình vàng hào quang lớn đặt sau lưng tượng đã mất, chỉ còn lại chốt tròn nhỏ để gắn hào quang đặt sau tóc của tượng và một phần chi tiết còn sót lại gắn vào bệ sen dưới chân tượng.

Về thủ pháp nghệ thuật, Bồ Tát có khuôn mặt tròn đầy đặn, đôi mắt khép hờ có điểm nhân với hướng nhìn từ trên cao xuống biểu trưng của ánh nhìn từ bi; đường như một hàng ria mép mỏng mờ, đặt bên trên đôi môi mỉm cười nhẹ mang dáng vẻ bình yên và chiêm nghiệm. Đôi lông mày không còn rõ nét nhưng có thể nhận thấy xương cung mày nổi cao giữa trán. Phần tóc tạo hình như vương miện hai tầng kiểu *jaṭāmukuta*, phần tóc được chải kỹ và bện lại, tạo thành hình trụ với các lọn tóc nhỏ sắp xếp nghệ thuật đặt hai bên búi tóc cao, tạo thành ô vuông ôm trọn hình ảnh Đức Phật trong tư thế thiền định trên búi tóc. Phần giữa chân tóc và





Bồ Tát Quán Thế Âm Thủy Cam, hợp kim đồng, cao 23 cm. (Ảnh: BTLS-TP HCM)



## PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

trán có đeo trang sức hình tam giác giống với vòng đeo ở cánh tay. Đôi hoa tai to nặng kéo dài chạm vai, gắn liền với hai lọn tóc xoắn, Boisselier (1963: 79) ghi nhận hai thùy tai và lọn tóc nối liền nhau là điểm khác biệt với nghệ thuật Ấn-Java (l'art indo-javanais) trong cùng thời điểm, bởi chúng thường được làm tách rời nhau.

Đôi vai ngang nở rộng nhưng mảnh mai cân đối với phần 'eo sư tử' (Chapin, 1944: 143), bắp tay đeo trang sức trang trí hoa văn dạng tam giác, bốn cánh tay chỉ bắt đầu xuất hiện từ khuỷu tay nhưng vẫn giữ sự cân đối với bắp tay ở trên, bốn cổ tay đều đeo vòng không trang trí hoa văn. Mỗi bàn tay cầm một pháp khí gắn liền với Quán Thế Âm tứ thủ như hoa sen (padma), tràng hạt (akṣamālā) ở hai bàn tay giơ cao, bình cam lồ/tĩnh bình (kamaṇḍalu) và quyển kinh (pustaka) ở hai tay thấp hơn. Quyển kinh này có thể nhận định là Tâm kinh Bát-nhã Ba-la-mật (Prajñāpāramitāhṛdaya Sūtra) vì chính đức Quán Thế Âm hay Quán tự tại đã thuyết giảng kinh này (Suzuki và Tuệ Sỹ, 2015: 30-2). Bốn pháp khí của Quán Thế Âm cũng như kiểu tóc *jaṭāmukuta* của Ngài được xem là tương tự với của thân Sáng tạo Brahmā (de Mallmann, 1948: 105, 266-75); bởi Brahmā được sinh ra từ hai vai của Quán Thế Âm theo kinh *Đại thừa Trang nghiêm Bảo vương* (Kāraṇḍavyūha Sūtra) cho biết (Gudrun, 2012: 337-59).

Nửa thân trên của tượng dễ trần nhưng được tô điểm với nhiều trang sức ở cổ và vòng ngực kiểu cách cầu kỳ; trang phục thân dưới dạng khố (dhoti) dài gần mắt cá chân ôm sát người mặc, mang phong cách nghệ thuật Ấn Độ (Chapin, 1944: 143), với nhiều nếp gấp buông dài giữa hai chân, có thể nhận định đây là loại vải mỏng và rũ nên các nếp gấp mịn ôm sát hai ống chân, phần đai hông được tạo hình trang nhã với hai vòng đai chữ U buông lơ lửng phía trước, với các nhóm ba vạch hơi xiên như xương cá, ở trước và sau lưng tượng. Về tạo hình, tôn tượng Bồ Tát được thể hiện mềm mại và thanh thoát, trong nhân dạng nam thần đứng trên bệ sen hai tầng cánh, tư thế hơi nghiêng về bên trái, phần hông phải nhẹ nâng cao, dáng điệu dịu dàng hiền lộ vẻ đẹp cao quý và đức từ bi của ngài. Toàn bộ tượng từng được dát vàng nhưng nay chỉ còn các vết bám mỏng sót lại trên tượng. Niên đại của bức tượng này được nhận định vào khoảng nửa sau thế kỷ VIII, kết luận này dựa trên những so sánh với di vật tượng tự có niên



Tranh Quán Âm Thủy Nguyệt, Hang Mogao số 17, gần di tích Đôn Hoàng, thế kỷ X. Bảo tàng Anh (The British Museum). (Nguồn: [bmimages.com](http://bmimages.com))



đại vào khoảng năm 775 được tìm thấy phổ biến ở khu vực bán đảo Mã Lai và ở vùng Nakhon Si Thammarat thuộc bán đảo miền nam Thái Lan ngày nay; vào thời điểm đó, toàn bộ khu vực này nằm dưới tầm ảnh hưởng của vương triều Srivijaya (Boisselier, 1963: 81).

### TƯỢNG QUÁN THẾ ÂM THỦY CAM TRONG MỐI QUAN HỆ NGHỆ THUẬT VỚI CÁC VƯƠNG QUỐC CỔ PHẬT GIÁO TRONG VÙNG

Để nhận định các đặc điểm tạo hình độc đáo của nghệ thuật Champa, trong đó trang sức và y phục của Bồ Tát sẽ được xem xét trước tiên. Trên tượng Quán Thế Âm Thủy Cam, trang sức được đeo sát cổ và tạo hình cầu kỳ, cùng với đó là vòng ngực dường như dính liền với vòng cổ. Đặc điểm này của điêu khắc Champa khác với chân dung các vị Bồ Tát được thể hiện trong nghệ thuật Phật giáo của các nước láng giềng.

Về ý tưởng nghệ thuật tạo hình các vị Bồ Tát giai đoạn sớm, trong Phật giáo Ấn Độ và Nam Á nói chung đều ghi nhận Quán Thế Âm là một vị nam thân (Dayal, 1932: 54). Nhìn chung, trong các tác phẩm nghệ thuật, hình ảnh của chư vị Bồ Tát đều để ngực để trần vạm vỡ, nổi rõ cơ bắp rắn rỏi như một đặc trưng của nghệ thuật tạo hình Gandhara, tại Pakistan ngày nay, vào thế kỷ IV-V (Huntington và Bangdel, 2004: 180). Trang phục của Bồ Tát hầu hết được diễn tả bằng thủ thuật tạo hình cầu kỳ, cùng nhiều đồ trang sức đem đến cảm nhận về sự nặng nề do kích thước lớn của chúng, mái tóc dài bồng bênh như các hoàng tử được cuộn gọn trên đỉnh đầu. Đó là biểu

trung cho nếp sống của một bậc khổ hạnh lấy tâm từ bi làm cốt lõi để tạo nên hình tượng Bồ Tát chứ không phải sự phô trương về đẹp rực rỡ bề ngoài, một đức tính cao quý thường được ca ngợi trong kinh điển Phật giáo; hoặc, hình tượng đôi hoa tai có kích thước lớn với hoa văn tối giản như được thể hiện trong phong cách nghệ thuật Phật giáo Kashmir, thì những yếu tố đó, dường như, nhằm tôn vinh những biểu trưng của một đấng giác ngộ (Lucic, 2015: 15). Bồ Tát nói chung được biết đến như một thành viên thuộc hoàng tộc và là “*người được thừa kế thánh hiến của Đức Phật*”, có lẽ vì vậy mà dáng vẻ bề ngoài của ngài “*trẻ mãi không già*” (Dayal, 1932: 46).

Trong sơ kỳ Phật giáo, nghệ thuật tạo hình diễn tả Bồ Tát mặc chiếc khố (dhoti) không trang trí hoa văn, với nhiều nếp gấp buông xuôi theo thân người và một tấm da linh dương màu đen vắt trên vai trái để trần; tấm da linh dương là biểu tượng kết nối giữa Bồ Tát và đấng Giác ngộ (Lucic, 2015: 15). Bởi theo kinh điển Ấn Độ, linh dương là hiện thân cho tâm đại bi, do vậy tấm da linh dương thường được các bậc đạo sư du già Ấn Độ dùng làm toạ cụ khi thiền định; nó tượng trưng cho huyền lực được truyền đạt đến các bậc khổ hạnh hoặc vương quyền trước khi họ cử hành lễ phụng hiến hoặc lễ dâng quang (de Mallmann, 1948: 219; Lucic, 2015: 15). Trong triết học sơ kỳ Phật giáo, da linh dương là một biểu tượng của sự khổ hạnh, sự đoạn tuyệt với mọi cảm dờ vật chất, để tâm trí được thuần khiết và thánh thiện, một đức tính gắn liền với hình ảnh Quán Thế Âm (Huntington và Bangdel, 2004: 180).

### VỀ NHÂN DẠNG NAM VÀ NỮ CỦA BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM

Nhân dạng nam thân của Bồ Tát Quán Thế Âm tiếp tục phổ biến khi tín ngưỡng Bồ Tát được truyền bá đến nhiều quốc gia khác ở châu Á. Minh chứng sinh động cho điều này là các bức bích họa của các hang động tại di tích Đôn Hoàng niên đại khoảng thế kỷ IX-X, những hình ảnh của Quán Thế Âm đều được vẽ có ria mép (Huang, 2019: 1-2). Chân dung Bồ Tát bắt đầu có nhiều thay đổi từ nam sang nữ trong khoảng từ cuối thời Đường đến đầu thời Tống tại Trung Hoa. Tuy nhiên, những tác phẩm tiêu biểu mang hình tượng Quán Thế Âm (Guanyin) bắt đầu được nhận thấy với các đặc tính nữ xuất hiện vào khoảng thế kỷ XI; cho đến khoảng thời Nguyên (1271-1368) quá trình chuyển đổi đã hoàn tất, Quán Thế Âm thể hiện hoàn toàn với nhân dạng nữ (Yu, 2012: 17).

Quá trình chuyển đổi nhân dạng hình tượng Bồ Tát từ nam sang nữ trong nghệ thuật Phật giáo Trung Hoa, sẽ được trình bày tóm tắt qua bức tranh ‘*Quán Âm Thủy nguyệt*’ phát hiện tại di tích Đôn Hoàng. Về tên gọi ‘*Quán Âm Thủy nguyệt*’, theo Chun-fang Yu (2001: 233) là do hình tượng của Bồ Tát Quán Âm được khắc họa khi đang ngắm bóng trăng trong nước, như đề cập đến trong một bộ kinh được Đức Phật thuyết giảng, được tìm thấy tại hang số 17, di tích Magao gần Đôn Hoàng, niên đại khoảng giữa thế kỷ X. Đức Quán Âm được diễn tả ngồi trên một mỏm đá nhô lên từ mặt nước, chân phải co đặt dưới chân trái đang buông thõng với bàn chân đặt trên một hoa sen vươn cao khỏi mặt nước, một biểu trưng cho



## PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

sự thanh khiết của Quán Âm; tư thế ngồi được biết đến với tên gọi ‘*tư thế vương tọa*’ (lalitāsana).

Trước hết trong tạo hình nghệ thuật, hàng ria mép có thể xem là một trong các dấu hiệu nhằm phân biệt giới tính giữa nam và nữ. Nhiều ý kiến cho rằng chi tiết ria mép xuất hiện đầu tiên trong nghệ thuật Phật giáo Trung Hoa qua hình tượng Quán Âm, nhưng Margaret Reid (1997: 23) lập luận rằng tạo hình ria mép là một trong những yếu tố nghệ thuật chịu ảnh hưởng của nghệ thuật Iran qua hình tượng Quán Thế Âm thời kỳ Kushan (Quý Sương 貴霜) ở tây bắc Ấn Độ, khoảng thế kỷ I-III. Tuy nhiên, hình tượng Quán Thế Âm với hàng ria mép mỏng chỉ được ghi nhận vào đầu thời Đường, cùng với trang phục và các đường nét mang nét nữ tính nhiều hơn. Như vậy, thủ pháp tạo hình Quán Âm của nghệ thuật Phật giáo Trung Hoa có thể đã chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ nghệ thuật Ấn Độ.

Một minh chứng cho sự biến đổi hoàn toàn hình ảnh Bồ Tát trong hình dáng nữ sau thời Đường, đó là hình tượng Bạch y Quán Thế Âm, với đặc điểm áo choàng trắng tượng trưng cho Không tính (Śūnyata) của tư tưởng Đại thừa. Hình tượng của nữ Bồ Tát mặc y phục trắng bắt nguồn từ Bạch y Phật mẫu (Pāṇḍaravāsīnī). Yu (2001: 248-55) chỉ ra rằng chiếc áo choàng trắng là biểu trưng cho ‘*tâm giác ngộ*’, đó cũng là khái niệm luôn có ở các vị Bồ Tát trong Phật giáo nói chung; do vậy tín ngưỡng thờ Bạch y Quán Thế Âm cũng từng rất phổ biến của Thiền tông trong Phật giáo vào thế kỷ XI-XII. Các chủ đề trên đã lý giải cho sự biến đổi ngoại

hình của dáng Bồ Tát từ nhân dạng nam đến hoàn toàn nhân dạng nữ. Điều đó đã trở thành là một yếu tố đặc trưng của nghệ thuật Phật giáo Trung Hoa.

Củng cố thêm cho các lập luận trên, Kenneth Ch'en (1964: 341-2) cũng tìm thấy những lời dạy trong Kinh *Diệu pháp Liên hoa (Phẩm Phổ Môn)* rằng, đức Quán Thế Âm có thể hiện thân trong bất kỳ hình dạng nào, để phù hợp với mục đích cứu độ chúng sinh. Như vậy, Kinh *Pháp hoa* là một trong những minh chứng vững chắc lý giải cho sự hiện thân của đức Quán Thế Âm trong hình dáng nữ. Daisetz T. Suzuki giải thích thuyết phục rằng, sự diễn đạt hình tượng nam thân của Quán Thế Âm là theo “giáo thuyết” Bồ Tát; còn sự diễn đạt hình tượng nữ thân của ngài là theo “dân gian” (Williams, 2009: 223).

Quá trình chuyển đổi thị hiện của Bồ Tát từ nhân dạng nam sang nữ trình bày nêu trên nhằm mục đích: xác định hình ảnh Quán Thế Âm được thể hiện hình dáng nữ phổ biến trong nghệ thuật Phật giáo Trung Hoa từ khoảng thế kỷ X trở đi; tuy nhiên, trong Phật giáo Champa vào giai đoạn này vẫn chưa ghi nhận sự xuất hiện nào của hình ảnh Quán Thế Âm trong hình dáng nữ. Về tạo hình, các tuyệt tác thể hiện hình ảnh Quán Thế Âm của nghệ thuật Champa tương đối giống nhau qua dáng vẻ bề ngoài, mặc dù xét về chi tiết thì các yếu tố thể hiện trên mỗi di vật đều khá khác biệt. Qua các chi tiết hình ảnh biểu thị rõ hình tượng nam giới của dáng Bồ Tát, có thể xem đó là hình ảnh của Quán Thế Âm phổ biến quen

thuộc với các tín đồ Phật giáo của vương quốc cổ Champa.

### Tài liệu tham khảo:

1. Boisselier, Jean 1963, *La Statuaire du Champa: Recherches sur les cultes et l'iconographie*. Paris: Publications de l'Ecole française d'Extrême-Orient 54.
2. Chapin, Helen B. 1944, 'Yunnanese Images of Avalokiteśvara', *Harvard Journal of Asiatic Studies*, Vol. 8, No. 2: 131-186.
3. Ch'en, Kenneth K. S. 1964, *Buddhism in China: a historical survey*. New Jersey: Princeton University Press.
4. Dayal, Har 1932, *The Bodhisattva Doctrine in Buddhist Sanskrit Literature*. PhD Thesis, SOAS- University of London.
5. De Mallmann, Marie-Thérèse 1948, *Introduction à l'étude d'Avalokiteśvara*. Paris: Annales du Musée Guimet.
6. Gudrun, Buehmann 2012, 'Śiva and Avalokiteśvara: On the iconography and date of the Golden Window and Golden Door of Patan's Royal Palace', *Bulletin of the School of Oriental and African Studies*, Volume 75: 337-359.
7. Huang, Ying 2019, *Songzi Guanyin and Koyasu Kannon: Revisiting the Feminization of Avalokiteśvara in China and Japan*. MA Thesis, University of Alberta, Canada.
8. Huntington, C. John và Dina Bangdel 2004, *The Circle of Bliss: Buddhist Meditational Art*. Chicago: Serindia Publications.
9. Kinh Đại thừa Trang nghiêm Bảo vương 1973, (Sa-môn Thích Viên Đức dịch Việt ngữ). Gia Định: Nhà in Hạnh phúc.
10. Kinh Diệu pháp Liên hoa 2018, (HT. Thích Trí Tịnh dịch). Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.
11. Lucic, Karen 2015, *Embodying Compassion in Buddhist Art: Image, Pilgrimage, Practice*. New York: Brodock Press.
12. Reid, M. 1997, *The changing face of Guanyin in East Asian religion*. MA Thesis, University of Canterbury.
13. Suzuki, Daisetz T. và Tuệ Sỹ 2015, *Thiền và Bát-nhã*. Hà Nội: Nxb. Phương Đông.
14. Williams, Paul 2009, *Mahayana Buddhism: The Doctrinal Foundations*. London/New York: Routledge/Taylor & Francis Group.
15. Yu, Chun-fang 2001, *Kuan-yin: The Chinese Transformation of Avalokiteśvara*. New York: Columbia University Press.





# NGÔI LÀNG NHỎ

**Nguyễn Thánh Ngã**

ngôi làng nhỏ nằm bên mé nước  
gió lùa đám lá tre  
lăn tăn vàng chao sóng

những đứa trẻ  
chiều chiều chúi đất trâu xuống tắm  
bà cụ lội qua giữa dòng...

ngôi làng nhỏ  
không có gì đáng nói  
người người chào nhau bằng ánh mắt cười  
nỗi buồn như làn mây trắng  
kéo qua đáy nước rồi tan

chỉ có tôi thường trôi ngược  
theo cái trăng lười liềm  
và thả những câu thơ vô nghĩ  
lãng đàng tà dương...

ngôi làng nhỏ  
những con người bé nhỏ  
gần gũi, vô danh như hoa cỏ ngoài đồng

mắt họ như vì sao  
lòng như vị Phật  
luôn hướng về điều lành...

# VỀ VỚI CHỢ XANH

**Nguyễn Quỳnh Anh**

Mai ta về với chợ Xanh  
Nhớ người còn nẻo thị thành xa xôi  
Bánh đa bánh đúc đầy vơi  
Tán bàng xanh cả khoảng trời chợ quê

Mẹ ta vẫn chiếc nón mê  
Mớ rau héo cả lối về chiều nay  
Vẫn đầy một mẹt trà cay  
Mặn mà vôi vò làm say bao người

Tiếng chuông chùa Đọ đổ hồi  
Mái đình hàng tổng bồi hồi nhớ xưa  
Vại cà nén bó cải dưa  
Đi qua năm tháng nắng mưa quê nghèo

Hội làng thêm những tích chèo  
Í a câu hát còn theo đến giờ  
Cầu Âu cầu Gỗ ai chờ  
Ta về tìm lại tuổi thơ thương nào.







# **KHOA HỌC & TRIẾT LÝ**





# Hiếu đạo

## qua góc nhìn Phật giáo

SC. Thích Nữ Tuệ Phương, Nguyễn Thị Ngọc Mai\*

**Tóm tắt:** Từ ngàn xưa, dân tộc Việt Nam luôn coi trọng các giá trị truyền thống đạo đức, các chuẩn mực xã hội, luân thường đạo lý; trong đó Hiếu đạo được xem là truyền thống quý báu, tốt đẹp của mỗi người. Vốn là một tôn giáo mang tư tưởng sâu sắc của sự tri ân và báo ân - Phật giáo đã hòa quyện cùng truyền thống tư tưởng dân tộc để phát huy việc hiếu dưỡng đối với đấng sinh thành. Đồng thời, qua đó hình thành nên thước đo nhân cách con người và chuyển tải nhiều ý nghĩa trong văn hóa ứng xử truyền thống của dân tộc; hướng mỗi cá nhân vươn tới chân - thiện - mỹ.

### CÁC QUAN NIỆM VỀ CHỮ HIẾU

Theo quan niệm Nho giáo:

Truyền thống phương Đông vốn coi trọng các giá trị đạo đức truyền thống và tác phong ứng xử trong gia đình cũng như ngoài xã hội đều được hoạch định trong vòng luân thường đạo lý. Mỗi quan hệ

gia đình là yếu tố được đề cao, vì đó là nguồn gốc, là nền tảng cho việc xây dựng các mối quan hệ nòng cốt khác. Trong phạm vi gia đình, Hiếu đạo đóng vai trò vô cùng quan trọng; nó không chỉ đơn thuần là hành vi ứng xử đạo đức của con cái đối với cha mẹ mà mở rộng ra chữ Hiếu còn bao gồm các mối quan hệ giữa các thế hệ trong dòng tộc, là sự nhớ tưởng của con cháu đối với thế hệ trước.

Về luân lý đạo đức, Nho giáo chủ trương “*tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*” để làm kim chỉ nam cho việc tu dưỡng tâm. Khổng Tử và Mạnh Tử cho ra đời các luận thuyết đều không nằm ngoài vấn đề luân lý đạo đức như Tam cương ngũ thường, chính danh, trung dung... Đặc biệt, ông nói nhiều về cách ứng xử hợp đạo lý của các mối quan hệ giữa vua và bề tôi, con cái đối với ông bà cha mẹ, vợ đối với chồng... Hiếu đạo cùng với các mỹ tục tương nhớ tổ tiên, ông bà đặc biệt được lưu tâm và trở thành



## PHẬT GIÁO KHÓA HỌC & TRIẾT LÝ

“Thiên kinh vạn quyển hiếu nghĩa vi tiên”.  
Nghĩa là: “Ngàn quyển kinh vạn quyển sách đều  
lấy chữ hiếu làm đầu” và “Hiếu tâm tức Phật tâm,  
hiếu hạnh tức Phật hạnh”.

một nét văn hóa tốt đẹp. Như vậy, Nho giáo và Phật giáo cũng có nét tương đồng về chữ Hiếu. Chúng ta có thể tìm thấy rất nhiều những bản kinh ghi chép lại sự hiếu thuận của Phật giáo. Và trong các sách của Nho giáo, chúng ta cũng thấy sự xuất hiện dày đặc của vấn đề Hiếu đạo như: *Nhị thập tứ hiếu, Tứ thư ngũ kinh, Luận ngữ, Kinh thi, Mạnh tử...* Trong *Hiếu kinh* có dạy: *“Người có nết Hiếu, nết Lễ; ít ai ưa trái nghịch với bề trên. Đã không ưa trái nghịch với bề trên, lại còn thích gây ra phân loạn, người như thế ta chưa từng thấy”*. Cũng chính bởi, Khổng gia chủ trương tinh thần nhập thế nên rất chú trọng đến việc tu dưỡng đạo đức. Khổng Tử nói: *“Từ thiên tử cho đến thứ dân đều phải lấy sự sửa mình làm gốc”* (Đại học). Người giữ đạo Hiếu từ việc sửa và xây dựng được cái gốc tốt đẹp sẽ xây dựng nên cái Đức: *“Hiếu là gốc của Đức, người ta có trăm nết, Hiếu đứng đầu. Đạo Hiếu đã không rõ thì con người không đáng để làm gì”* [1, tr.150]. Hay: *“Kẻ đệ tử khi vào thì thảo với cha mẹ, khi ra thì kính anh chị và người lớn tuổi... làm bao nhiêu việc đó trước đã; nếu còn dư sức, hãy học qua văn chương và lục nghệ”* (Luận Ngữ - Học Nhi).

### THEO QUAN NIỆM TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Hiếu thảo từ lâu đã trở thành đặc trưng trong nét đẹp văn hóa và chuẩn mực đạo đức của dân tộc Việt, tùy từng nơi và gia đình mà có sự thể hiện và mức độ khác nhau. Gia đình là một nhân tố hình thành nên xã hội; trong tiến trình hình thành và phát triển văn hóa gia đình, chữ Hiếu là sợi dây xuyên suốt, kết nối các thế hệ lại với nhau.

Thời các vua Hùng, khi xã hội nước ta chuyển từ chế độ mẫu hệ sang phụ hệ, cấu trúc gia đình được

thay đổi và hoàn thiện, vai trò của các thành viên và các quan hệ luân lý được củng cố. Truyền thống hiếu đạo thời kỳ này được thể hiện qua các truyền thuyết, thần thoại như *Sự tích Bánh chưng - Bánh dày, Sự tích Quả dưa hấu, Sơn Tinh - Thủy Tinh...* Bên cạnh đó, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên xuất hiện ở các cộng đồng Bách Việt thời tiền sử là một minh chứng cho việc Hiếu đạo đã xuất hiện từ rất sớm trong cộng đồng cư dân Việt. Đạo Hiếu gắn liền với sự phát triển chung của xã hội, do vậy chịu ảnh hưởng trực tiếp từ cơ cấu, tính chất gia đình và xã hội. Trong truyền thống xã hội Việt Nam, lợi ích gia đình được đặt ngang tầm với lợi ích chung của làng xã. Nó hợp nhất với Trung, Nghĩa, Lễ và đồng thời lấy lợi ích quốc gia, xã hội; chủ nghĩa yêu nước làm trọng yếu. Trong tín ngưỡng tôn giáo, tinh thần Hiếu đạo được thể hiện thông qua tín ngưỡng thờ tổ tiên, thờ tổ mẫu, quốc tổ.

Như vậy, chữ Hiếu chính là đạo làm người. Nó đã hình thành và tồn tại, phát triển trong mỗi người như bản tính tự nhiên. Ất hẳn từ tấm bé, mỗi người Việt Nam, không ai là không cảm thấy quen thuộc với những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ thể hiện lòng hiếu thảo, tình cảm gia đình:

*“Công cha như núi Thái Sơn  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra  
Một lòng thờ mẹ kính cha  
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”*.

Từ khi đến với cuộc sống, chính cha mẹ là người thầy đầu tiên dạy dỗ chúng ta những kiến thức về thế giới xung quanh, về các mối quan hệ tình người. Và rồi hạt giống yêu thương được đâm chồi nảy lộc. Chính những kiến thức tốt đẹp này đã hình thành nên ý thức và xây dựng nhân cách về trách nhiệm, bổn phận,



thái độ biết ơn... Trong đó, khởi đầu chính là đền đáp công ơn của hai đấng sinh thành. Cha mẹ còn, đó là niềm hạnh phúc lớn lao, một mai khi cha mẹ khuất núi, đó là sự mất mát không gì bù đắp được:

*“Mỗi đêm mỗi thấp đèn trời,  
Cầu cho cha mẹ sống đời với con”.*

Hoặc:

*“Đói lòng ăn đọt chà là  
Để con nuôi mẹ, mẹ già yếu răng”.*

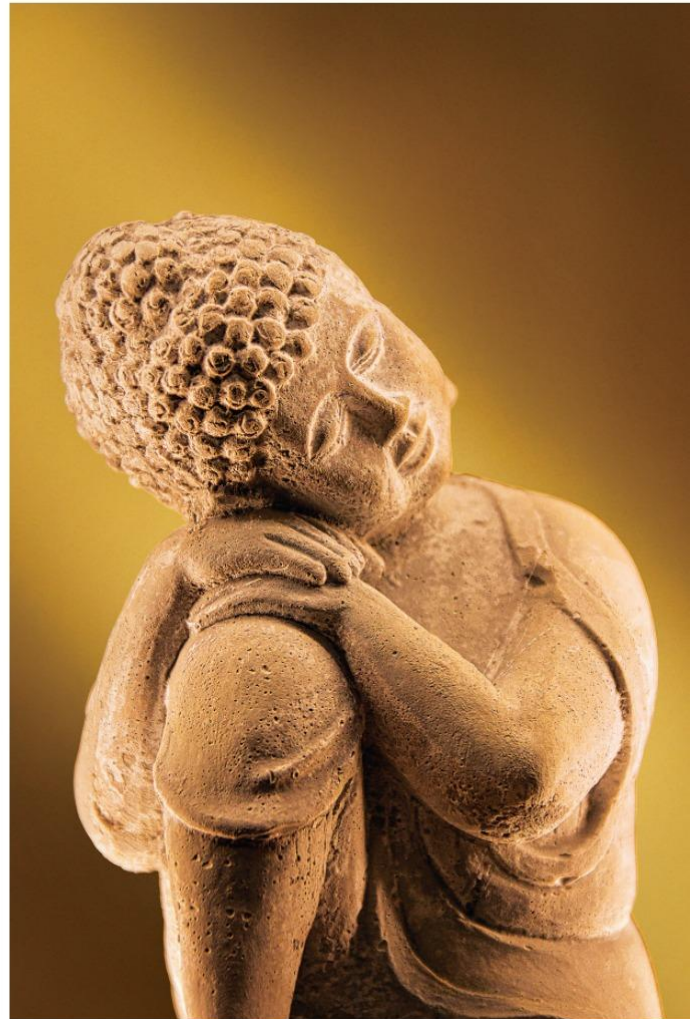
Tình thương bao la biển trời của cha mẹ dành cho con cái là vô bờ bến. Không chỉ là tình yêu thương vô điều kiện, bao trùm trong đó còn có sự hy sinh tất cả cho con cái. Công lao cha mẹ cao dày, chính vì thế, phận làm con phải làm như thế nào để đền đáp được công ơn trời bể đó. Hiếu thảo với cha mẹ là cái gốc để làm người lương thiện. Muốn làm người tốt để bước chân ra xã hội thì bước đầu tiên, bản thân phải là một người con hiếu thảo cha mẹ. Bước đầu xây dựng một gia đình tốt đẹp sẽ là đòn bẩy kiến thiết một xã hội văn minh, quốc gia cường thịnh.

### **TƯ TƯỞNG HIẾU ĐẠO THEO QUAN NIỆM PHẬT GIÁO**

Theo quan niệm của Phật giáo, *“Hiếu là hiếu kính, hiếu thuận, hiếu dưỡng. Đạo là lẽ tất nhiên, hoặc là con đường nhất định phải đi qua. Hợp cả hai lại: Hiếu đạo là chánh đạo mà người con, người đệ tử đối với cha mẹ, sư trưởng phải cung kính, thuận theo, cúng dường và phụng dưỡng”* [3, tr.66]. Theo *Phật Quang đại từ điển*: Hiếu là lòng kính yêu và biết ơn cha mẹ. Hiếu còn gọi là hiếu thuận, hiếu dưỡng. Phật giáo cho rằng: Hiếu chính là hướng dẫn cha mẹ sống đời đạo đức, thực hành mười hạnh lành, loại trừ tam độc để hướng đến giải thoát. Phật dạy: *“Hiếu xuất thế gian là cắt ái từ thân, thâm nhập vào vô vi chi lý, thượng thù vô lượng chi ân, hạ tế tam đồ chi khổ”.*

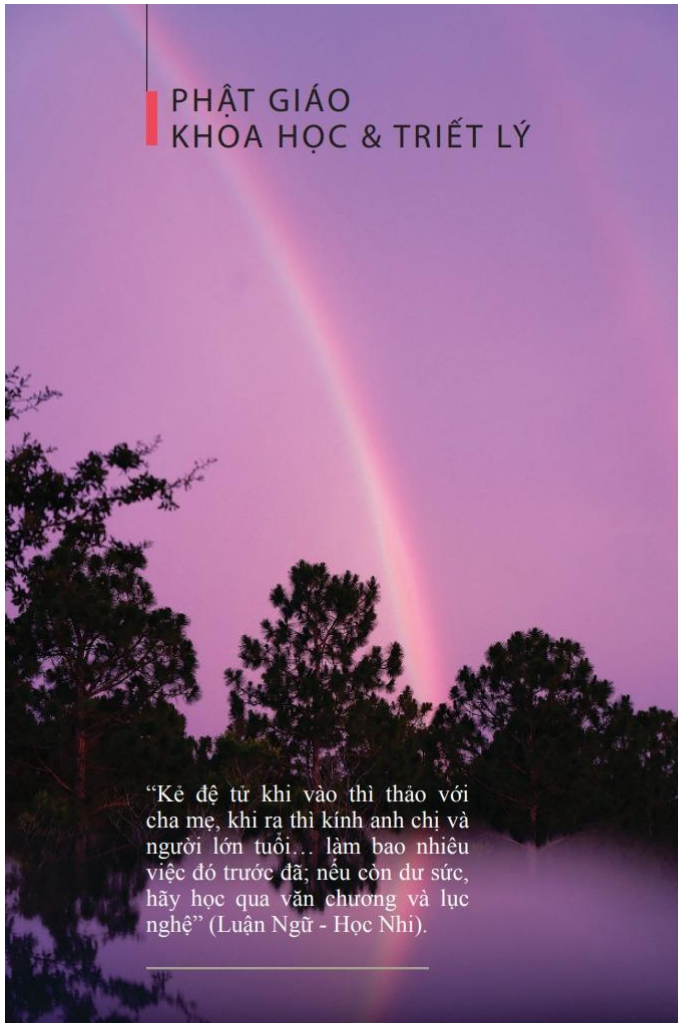
Nghĩa: *“Hiếu hạnh của người xuất gia là cắt đứt tình thương trong lục thân quyến thuộc, xa lìa cha mẹ đi sâu vào lý vô vi, trên đền bốn ân, dưới cứu giúp ba đường”.*

Trong các kinh điển đều nêu rõ bổn phận làm con phải biết cung phụng thực dưỡng cho cha mẹ, khi cha mẹ đau ốm phải lo thuốc thang, chữa trị đầy đủ. Khi ra ngoài xã hội, cần giữ đúng tác phong, cử chỉ của mình để không làm hổ danh đến truyền



*“Hiếu hạnh của người xuất gia là cắt đứt tình thương trong lục thân quyến thuộc, xa lìa cha mẹ đi sâu vào lý vô vi, trên đền bốn ân, dưới cứu giúp ba đường”.*





## PHẬT GIÁO KHÓA HỌC & TRIẾT LÝ

“Kê đệ từ khi vào thì thảo với cha mẹ, khi ra thì kính anh chị và người lớn tuổi... làm bao nhiêu việc đó trước đã; nếu còn dư sức, hãy học qua văn chương và lục nghệ” (Luận Ngữ - Học Nhi).

thống và nề nếp của gia đình. Cao hơn cả là dành thời gian hướng dẫn song thân sống đời thanh bạch, lương thiện, quy hướng về Tam Bảo. “Nếu cha mẹ ương ngạnh, si mê tà kiến, không tin Tam Bảo, hung hiểm bạo ngược, tàn ác bất nhân, gây nhiều nghiệp dữ, người con có hiếu phải biết khuyên can cha mẹ, khiến sinh tín tâm, quay về chính đạo, gần gũi bạn lành, mở lòng bỏ đễ, tu thiền niệm Phật, làm cho cha mẹ thường được an ổn” [8, tr.142]. Hiếu đạo theo thế gian chỉ báo đáp trong một đời, còn Hiếu theo Phật giáo là nhiều đời nhiều kiếp và hướng thiện cha mẹ, nhờ vậy cha mẹ được phước thọ vô cùng, đó là đại hiếu.

Đạo Phật là đạo của từ bi và trí tuệ, lòng từ bi xuất phát từ tình thương trong mối quan hệ sâu đậm của con cái đối với cha mẹ. Tình cảm thiêng liêng, sâu xa nhất ấy đã ăn sâu vào tâm tư của mỗi con người. Vào ngày 15/7 âm lịch hàng năm, Phật giáo xem đó là tháng dựng công phu tu tập để báo đền ân đức cha mẹ. Mùa Vu Lan hay còn được gọi là “Mùa báo hiếu” với hình ảnh đức Mục Kiền Liên cứu mẹ. Từ hình tượng đó, mỗi người con đều nguyện noi theo

gương hiếu hạnh của Ngài để đền đáp công ơn sinh thành. Nói như vậy, không phải cho rằng Phật giáo chỉ có khoảng thời gian đó để thực hành báo ân. Trên thực tế, tinh thần hiếu đạo ngày của Phật giáo được phổ khắp chứ không riêng vào mùa Vu Lan mới được thể hiện.

Lại nói trải qua bao lần sinh tử, trôi lăn luân hồi, cha mẹ trong nhiều đời nhiều kiếp, chúng ta không thể nào biết hết được. Vì thế, Hiếu đạo theo tinh thần Phật giáo được mở rộng phạm vi: “Thực hành Hiếu đạo không những hiếu dưỡng với cha mẹ mình mà còn mở rộng hiếu dưỡng với cha mẹ mọi người trong thiên hạ” [3, tr.12]. Tinh thần báo ân cha mẹ lúc bấy giờ không còn giới hạn trong đời này mà trong vô lượng vô số kiếp thuộc quá khứ, phổ khắp chúng sinh. Bởi lẽ, tất cả chúng sinh đều có thể là cha mẹ trong nhiều đời nhiều kiếp của mình.

Qua tinh thần Hiếu đạo của Phật giáo, chúng ta hiểu được rằng hành động hiếu thuận của người con phải được thiết lập trên nền tảng đạo đức nhân quả. Người con hiếu thảo, có trí tuệ sẽ biết thực hành những phương thức tạo ruộng phước có lợi cho cha mẹ và bản thân. Đồng thời không gây tổn hại nào cho mọi người. Đó chính là “Tự tha lưỡng lợi”: “Này Mahanam, người con hiếu với những tài sản mà mình đã nỗ lực thu hoạch được, do sức mạnh của đôi tay, bằng những giọt mồ hôi đổ ra một cách hợp pháp, cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường cha mẹ với thiện ý thì sẽ được cha mẹ hoan hỷ, thương tưởng và hằng cầu mong cho con được sống lâu, mạnh giỏi” [2, tr.69].

### BIỂU HIỆN CỦA CHỮ HIẾU QUA MỘT SỐ KINH ĐIỂN PHẬT GIÁO

Địa Tạng Bồ Tát nói tội nặng hạng nhất chính là “bất hiếu với cha mẹ”. Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên kinh hiển thị cho chúng ta về Hiếu đạo, Địa Tạng Bồ Tát đời đời kiếp kiếp thị hiện, phát thệ nguyện sâu nặng đều vì muốn báo ân cha mẹ, đều vì làm trọn hiếu mới phát hoằng nguyện, thế nên ngài nói bất hiếu là tội hạng nhất. Pháp sư Thanh Liên - người trước tác “Địa Tạng Kinh khoa chú” đã trích dẫn rất nhiều Kinh, Luận để viết chú giải này. Trong phần “Chánh pháp niệm Kinh”, Phật giảng bốn thứ ân, bốn ân khó báo. Ân thứ nhất là “ân mẹ”, thứ hai là “ân cha”, thứ ba là “ân Như Lai”, thứ tư là “ân thuyết pháp sư” (pháp sư giảng kinh thuyết pháp); bốn ân này khó



báo. Học Phật phải học từ việc biết hiếu thuận cha mẹ, tôn kính thầy giáo [9, tr.126]. Kinh Phạm Võng đã dạy rằng: “Hiếu thuận là phép chỉ đạo cho nên lấy hiếu làm giới”. Kinh Mạ Ý dạy: “Giữ giới chính là để hiếu thuận báo ơn cha mẹ” [6, tr.37].

Trong Kinh Mục Liên Sám Pháp, dịch giả Phúc Tuệ có ghi: “Công ơn của Mẹ làm sao kể hết từ khi mang thai, sinh con ra bú mớm ẵm bồng, đêm ngày lo lắng săn sóc từng miếng ăn, nuôi nấng chúng ta từ lúc thơ bé đến khi thành người khôn ngoan, chịu đựng bao nhiêu cực nhọc” [8, tr.129]. Hay: “Lễ kính chư Phật, khen ngợi Như Lai, học theo pháp Phật, tùy thuận chúng sinh, khuyên người hiếu hạnh, phát tâm báo ân. Đó chính là thiện” [8, tr.65-66]. Chính vậy, cha mẹ có công sinh thành, rồi chăm bẵm nuôi nấng, cù lao chín chữ phải ghi lòng tạc dạ, cũng chưa trả nổi ân đức cao dày đó. Huống gì những người làm con mà không biết ơn cha mẹ, bất hiếu: “Ai thành tựu thân làm ác với cha mẹ, lời nói ác đối với cha mẹ, ý nghĩ ác đối với cha mẹ; không biết ơn, không trả ơn, sẽ tương xứng rơi vào địa ngục và hiện đời sẽ bị đau khổ” [2, tr.637]. Đức Phật từng giảng dạy trong bộ Kinh Tương Ưng rằng: “Giữa các loài hai chân Chánh giác là tối thắng Trong các loài con cái Hiếu thuận là tối thắng” [10, tr.8].

“Thiên kinh vạn quyển hiếu nghĩa vi tiên”. Nghĩa là: “Ngàn quyển kinh vạn quyển sách đều lấy chữ hiếu làm đầu” và “Hiếu tâm tức Phật tâm, hiếu hạnh tức Phật hạnh”. Như vậy, người con đối với cha mẹ phải: “Được nuôi dưỡng, tôi sẽ nuôi dưỡng lại cha mẹ, tôi sẽ làm bốn phận đối với cha mẹ, tôi sẽ giữ gìn gia đình và truyền thống, tôi bảo vệ tài sản thừa tự, tôi sẽ làm tang lễ khi cha mẹ qua đời” [4, tr.542].

Trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, Kinh Báo Ân... Đức Thế Tôn có dạy: “Lại nếu có người vai phải công cha, vai trái công mẹ đến ngàn vạn năm, lo y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc men trị bệnh, dù cha mẹ tiểu tiện ở trên vai, người ấy vẫn chẳng thể báo ân được. Tỳ kheo nên biết, cha mẹ ân nặng, bồng ẵm, nuôi nấng, tùy lúc gìn giữ chẳng lỡ thời tiết như được thấy mặt trời, mặt trăng. Dùng phương tiện này, biết ân này khó báo. Thế nên các Tỳ kheo cúng dường cha mẹ, thường nên hiếu thuận, chẳng bỏ lỡ thời tiết” [11, tr.349]. Hay: Kinh Tăng Nhất A Hàm có nói như sau: “Có hai pháp khiến

người sinh trong nhà hào tộc. Thế nào là hai pháp? Cúng kính cha mẹ, anh em, thân thuộc, đem của cải nhà mình bố thí” [11, tr.145].

Phẩm Thiện Trí Thức trong Kinh A Hàm, Đức Phật dạy: “Có hai pháp dành cho người phàm phu, được công đức lớn, thành quả báo lớn, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi. Đó là cúng dường cha và mẹ” [11, tr.21]. Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới có dạy: “Hiếu thuận với cha mẹ thời những điều ác về thế gian dứt, mà những điều lành về thế gian tăng trưởng. Hiếu thuận với Sư Tăng, Tam Bảo thời những điều ác của thế gian và xuất thế gian dứt diệt, những điều lành về thế gian và xuất thế gian phát sinh cho đến viên mãn thành tựu. Vì ý nghĩa ấy nên hiếu thuận là cốt tủy của Bồ Tát giới là trí đạo” [7, tr.113]. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói rằng: “Người muốn sinh sang Cực Lạc phải tu ba phúc: Một là: Hiếu thuận với cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, có tâm từ bi không sát sinh, tu mười nghiệp thiện, hai là: Thụ trì Tam quy, giữ đầy đủ mọi giới, không phạm uy nghi, ba là: Phát Bồ đề tâm, vững tin nhân quả...” [5, tr.22].

## NHỮNG GIÁ TRỊ NHÂN VĂN TỪ HIẾU ĐẠO VỚI VẤN ĐỀ XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CON NGƯỜI

Trải qua hàng nghìn năm, đạo đức Phật giáo đã cùng đồng hành, sát cánh cùng với đạo đức truyền thống của người Việt Nam, trở thành một phần tài sản văn hóa dân tộc. Không chỉ gói gọn trong việc làm thẳng hoa đời sống tâm linh, là chỗ dựa tinh thần và chuyên tài niềm tin của con người; Phật giáo còn đóng một vai trò quan trọng trong việc chuyển hóa và duy trì đạo đức xã hội. Chính những điểm hòa hợp với tình cảm đạo đức của con người, người Việt đã tiếp thu, rèn giũa thân tâm và tự điều chỉnh hành vi ứng xử của bản thân trong các mối quan hệ cộng đồng. Từ đó, góp phần làm cho xã hội ngày thêm tốt đẹp và an hòa.

Đồng hành cùng với sự phát triển của đất nước, Phật giáo đã góp phần tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc. Chính những tư tưởng, hệ thống giáo lý căn bản như từ bi hỷ xả, thập thiện, bát chánh đạo... của Phật giáo đã được mọi người tiếp thu và thực hành. Những quy tắc sống mang đầy tính nhân văn ấy là điều kiện cần thiết để xây dựng một nền đạo đức và duy trì một nếp sống hạnh phúc bền vững. Những đóng góp tích cực của đạo đức Phật giáo đã hướng con người đến một đời sống thanh bạch, vị tha, bác



PHẬT GIÁO  
KHÓA HỌC TRIẾT LÝ

# Công Cha Nghĩa Mẹ

Công cha như núi Thái Sơn  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

Thích Tuệ

ái. Đồng thời, khuyên nhủ con người luôn “ôn cố tri tân”; lấy chữ Hiếu làm đầu. Bởi “hạnh hiếu là hạnh Phật, tâm hiếu là tâm Phật”. Tất cả những gì mà Phật giáo mang lại thông qua việc thực hành Hiếu đạo không nằm ngoài phương châm rèn giữa bản tâm, giáo hóa con người biết sống hiếu thuận, ngõ hầu đem lại phước báu cho chính bản thân và đền đáp được công ơn của cha mẹ. Thực hành Hiếu hạnh chính là sự gắn kết giữa những người có quan hệ máu mủ ruột rà. Nếu mỗi người tâm niệm cha mẹ của chúng ta đều là mỗi chúng sinh đang hiện hữu và thực thành hạnh Hiếu bình đẳng thì chính là ta đang gieo mầm cho hạt giống thiện không phân biệt. Nói rộng ra, từ đó, mỗi người có thể giúp cho đời sống của xã hội càng an bình và phát triển.

Trong xã hội hiện nay, khi khoa học kỹ thuật ngày càng tân tiến thì đạo đức lại càng cần được quan tâm. Không ít những trường hợp con cái bất hiếu, ngược đãi với cha mẹ, vấn đề giáo dục chữ Hiếu trong gia đình đứng trước những biến đổi lớn lao. Tình trạng này là tiếng chuông cảnh tỉnh cho vấn đề suy thoái đạo đức trong xã hội 4.0. Trước thực trạng như vậy, việc giáo dục con người sống theo đạo đức Hiếu để mà Phật giáo đã dạy trở thành một phương cách sống đầy nhân bản và minh triết. Yêu thương, quan tâm chăm sóc cha mẹ, gần gũi và sẻ chia tâm sự khiến cho các đảng sinh thành vào tuổi xế chiều cảm thấy ấm áp hơn; từ đó thắt chặt mối quan hệ mật thiết, kiến tạo nên một môi trường sống đầy tình thương và trách nhiệm. Chính tâm lòng, ý thức, sự biết ơn, tôn kính đó sẽ là nguồn an ủi cho cha mẹ, đồng thời là tấm gương cho thế hệ sau noi theo. Khi đó, chính bản thân và tha nhân cũng được sống an lạc trong hiện tại và vun bồi phước đức cho vị lai.

## KẾT LUẬN

Hiếu đạo dưới góc nhìn của đạo Phật đã vượt thoát ra ngoài những suy tư nhỏ hẹp thường tình. Bằng việc cung dưỡng, chăm sóc cha mẹ trên cả hai phương diện vật chất và tinh thần, mỗi người con hiếu thảo cần hướng cha mẹ đến với điều thiện, xa lánh điều xấu ác và tự sửa đổi bản thân để cha mẹ không phải bận lòng. Đức Phật dạy muốn đáp đền công ơn cha mẹ thì không gì quý báu hơn việc chúng ta khuyến khích cha mẹ bỏ ác làm lành, quay về nương tựa Tam quy, giữ gìn Ngũ giới, Thập thiện, tu Bát quan trai... Là một người con hiếu thảo, hãy biết chăm sóc cha mẹ hiện tại và tu bổ phước lành hồi hướng đến cho song thân đã khuất núi. Đồng thời cần phải lo trọn hiếu nghĩa cho cha mẹ cả đời sống sau khi qua đời. “Tâm Hiếu là tâm Phật”, thực hành hiếu thảo chính là con đường đúng đắn của người con Phật - hiểu và thực hành chánh pháp một cách chân chính. “Điều thiện tối cao là chí hiếu, điều ác cực ác là bất hiếu”. Hiếu đạo chính là truyền thống văn hóa tinh thần tốt đẹp của người Phật tử nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung.

## Chú thích và tài liệu tham khảo:

\* SC. Thích Nữ Tuệ Phương

\* Nguyễn Thị Ngọc Mai, Trường Đại học Duy Tân.

1. Đoàn Trung Còn (2003), *Hiếu kinh*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.
2. Thích Minh Châu (1996), *Kinh Tăng Chi Bộ III*, Nxb. Hải Phòng.
3. Thích Nhuận Đạt (2012), *Tư tưởng Hiếu đạo trong Phật giáo*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
4. Phạm Đức Dương (2000), *Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Thích Tuệ Đăng, *Kinh Vô lượng thọ*, Nxb. Tôn giáo.
6. Thích Tuệ Nhân, *Mẹ là tình yêu*, Tạp chí Văn hóa Phật giáo, số 6, tháng 7/2005, tr.37.
7. Thích Trí Tịnh, *Kinh Phạm võng Bồ tát giới*, Nxb. Tôn giáo.
8. Phúc Tuệ (1998), *Mục Liên Sám Pháp*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh.
9. *Đại tạng Kinh Việt Nam - Kinh Tương Ưng*, tập 8.
10. *Đại tạng Kinh Việt Nam - Kinh Tương Ưng*, tập 1.
11. *Đại tạng Kinh Việt Nam - Kinh Tăng Nhất A Hàm*, tập 1.





# LÒNG TIN VỮNG CHÃI của người Phật tử

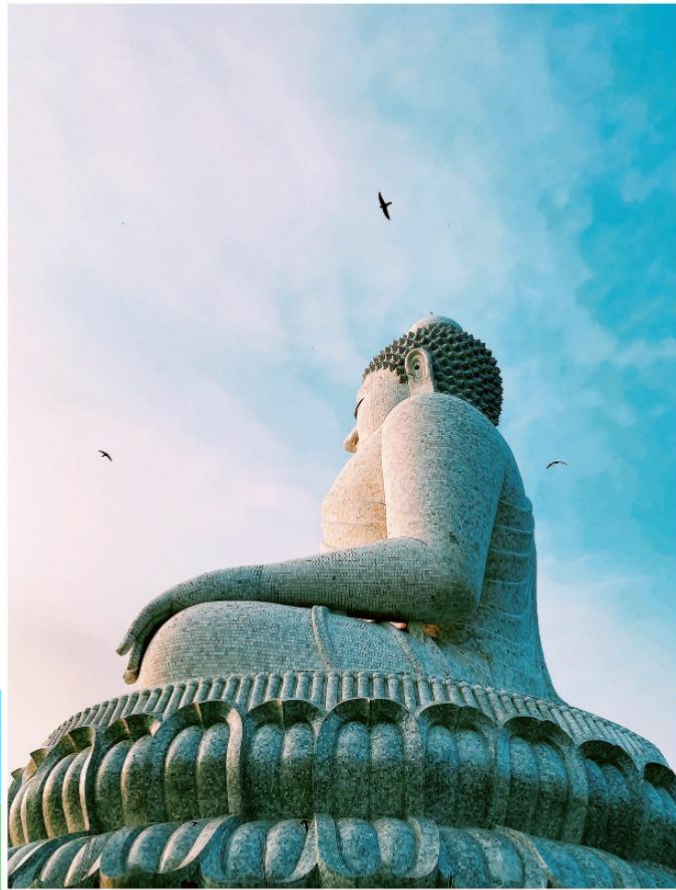
**Mặc Nhiên\***

*Cuộc đời vô thường nên không gì là không thể xảy ra, mọi thứ luôn biến đổi không ngừng, không một ai trải qua đường đời hay trong quá trình tu tập mà may mắn mãi được. Đường đi của mỗi chúng ta có khi thuận duyên, có khi nghịch cảnh, nhưng hãy lấy nghịch cảnh làm thầy để học hỏi kinh nghiệm, chỉ dẫn cho bước đi tiếp theo được an tịnh hơn. Trong việc tu đạo của người Phật tử, nhờ nghịch cảnh chướng duyên, ta mới trân trọng những gì đang có; nhờ sự biến đổi vô thường, ta mới quý trọng thời gian; nhờ những khổ đau phiền não, ta mới thấy rõ bản chất cuộc đời để cố gắng tinh tấn tu tập, giải thoát khỏi khổ đau luân hồi.*



PHẬT GIÁO  
KHÓA HỌC & TRIẾT LÝ

Tin vào Tam bảo là niềm tin tâm  
linh quan trọng nhất trong cuộc  
đời này.



Nhân quả là định luật của tự  
nhiên không do ai tạo ra, mọi  
hiện tượng trong cuộc sống đều  
bị luật Nhân quả chi phối. Ta  
gieo nhân thể nào thì gặt quả  
như thế ấy, không có sự phân  
biệt giữa người giàu hay nghèo,  
già hay trẻ,...



## VAI TRÒ CỦA NIỀM TIN TRONG PHẬT GIÁO

Niềm tin có vai trò quan trọng trong đạo Phật. Lòng tin (tín) (*P:saddha, S:sraddha*) có nghĩa là sự tin tưởng như thật bằng trí tuệ hiểu biết đúng đắn. Niềm tin cần được phát khởi, giữ gìn và trưởng dưỡng cho những ai theo bước của bậc Chánh Đẳng Giác.

Người Phật tử tin tưởng vào sự giác ngộ của Đức Phật và giáo lý của Ngài, cũng như người chưa quen đường đặt trọn niềm tin nơi người khéo dẫn đường, tức người đi trước, có kiến thức thể nghiệm qua con đường mà người đó đã đi qua và chỉ dẫn lại cho những người đi sau. Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni không phải là vị sáng thế chủ mà là một con người lịch sử. Ngài có cha mẹ, tư duy, tình cảm,... Tuy nhiên, điều làm Ngài trở nên phi thường chính là tin ở chính mình, nhờ ý chí nỗ lực phấn đấu vượt mọi rào cản đã tìm ra con đường đưa đến chấm dứt khổ đau cho mình và tất cả chúng sanh. Ngài tuyên thuyết giáo pháp mình chứng đạt, để chỉ ra con đường thoát khổ, an vui trong cuộc sống hiện tại và giải thoát trong tương lai.

Với niềm tin kiên cố, suốt 49 năm, Ngài không quân khó nhọc, vượt núi băng sông, từ thành thị đến nông thôn, đến đâu Ngài cũng rải tâm từ bi. Ngài chỉ dạy cho từng người, từng việc thích hợp, rồi độ cho biết bao người bỏ ác hành thiện, bỏ chiến tranh chọn hòa bình, bỏ tâm tham lam, sân hận mà hành tâm rộng lượng vị tha,... Nhiều người từ đó có niềm tin vào cuộc sống, vào Chánh pháp và bản thân.

## TIN TƯỜNG VỮNG CHẮC VÀO BA NGÔI TAM BẢO

Người Phật tử đi theo lời dạy của chư Phật cần xây dựng cho mình lòng tin tuyệt đối vào Tam bảo, vì đây là vấn đề đầu tiên phải chú tâm đến: Tin Phật là người giác ngộ hoàn toàn; tin lời Phật dạy (*Pháp*) là chân lý; tin tưởng vào Tăng đoàn và cung kính tôn trọng ba ngôi báu. Đồng thời, dựa trên cơ sở đặt niềm tin vào ba ngôi Tam bảo, Phật tử khơi dậy niềm tin chính mình (lòng tự tin). Tin vào ân đức cao thượng của Phật, Pháp, Tăng sẽ mang lại nhiều lợi ích tốt đẹp cho mỗi người.

Phật là bậc đã giác ngộ, giải thoát, không còn khổ đau, hướng dẫn chúng sanh hướng đến giải thoát như mình. Ân đức của Ngài phải luôn ghi nhớ, kính tin để đem đến phước báu vô lượng cho tự thân và hồi hướng tha nhân. “*Ngài là: Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn*” [1].

Tin lời dạy của Phật là chân lý tối thượng để biết trân quý và tôn kính qua bài kinh sau: “*Đây là Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, do người trí tự mình giác hiểu*” [2].

Tin Tăng và biết cung kính Tăng bảo qua bài kinh sau: “*Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Thiện hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Trực hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Chánh hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Như pháp hạnh, tức là bốn đôi, tám chúng. Chúng Tăng đệ tử này của*

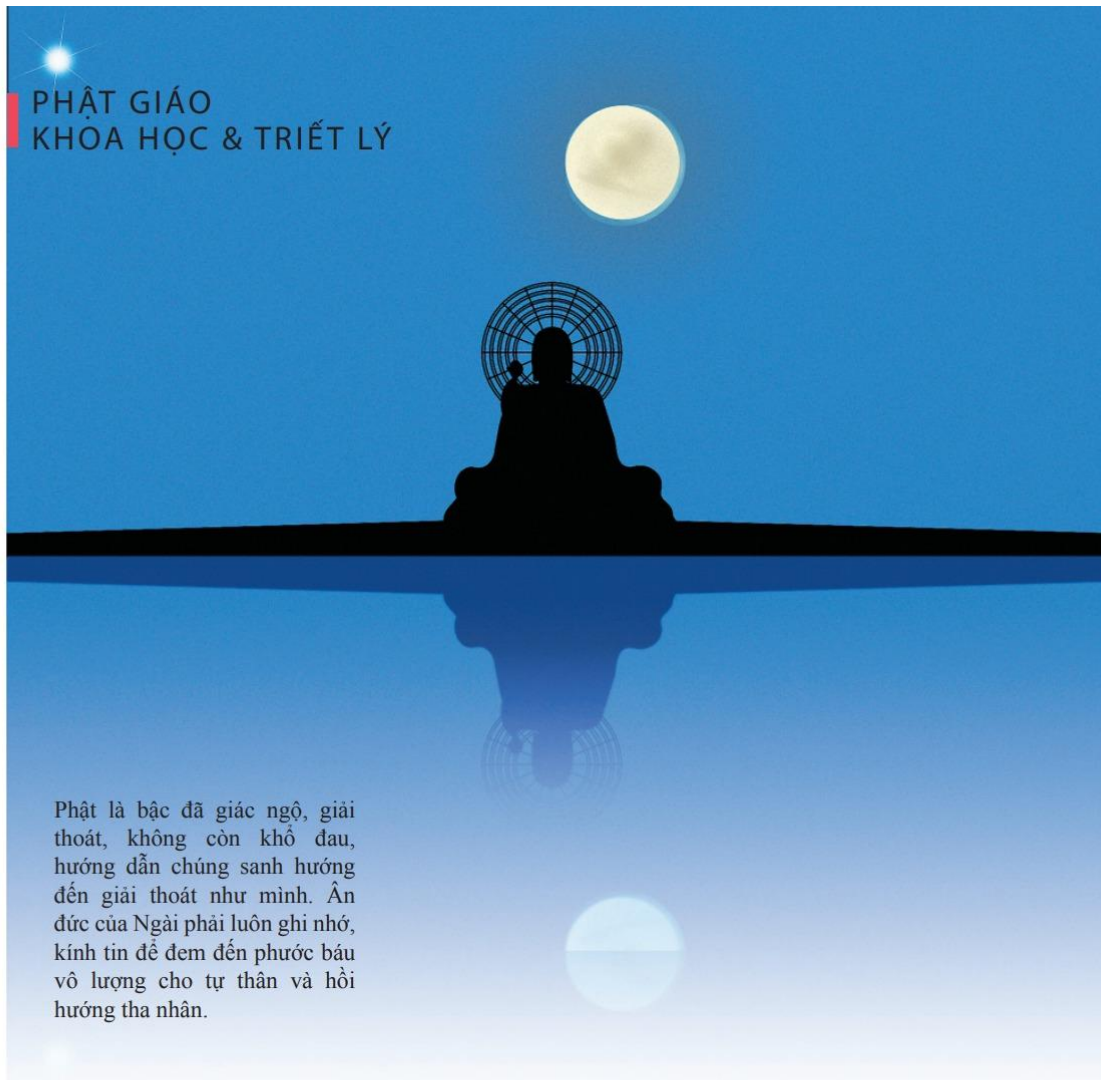
*Thế Tôn đáng được cúng dường, đáng được hiến dâng, đáng được bố thí, đáng được chấp tay, là vô thượng phước điền ở trên đời*” [3].

Khi cuộc sống không được như ý, nhiều người thường than vãn và mong sao cho bớt khổ đau, tìm cầu ở các thể lực siêu nhiên. Ít ai đặt niềm tin vào bản thân, chính là năng lực chuyển hóa tự thân ngay trong cuộc sống này. Ví như muốn gia đình đầm ấm, ta cần dành nhiều thời gian chăm sóc mỗi thành viên, bớt đi những sân si, tham ái và tập lắng nghe, nói những lời ái ngữ với mọi người. Hay như muốn được mạnh khỏe, mỗi người cần thực tập lối sống lành mạnh, khoa học. Chính vì có niềm tin rằng không đáng thần linh nào ban phước hay giáng họa mà tự thân là chủ nhân tạo tác của nghiệp và thừa tự nghiệp mình đã tạo. Mỗi người đều có khả năng chuyển hóa nghiệp xấu ác thành nghiệp thiện lành tốt đẹp. Ai tin sâu vào nhân quả thì người ấy là người tin vào chính mình, họa phúc đều do mình tạo lấy từ chính hành động lời nói và suy nghĩ.

Mỗi người con Phật phải tin chắc rằng với nỗ lực của tự thân, ta có thể tu tập hướng đến Thánh quả [4]. Đến với đạo Phật là trở về nương tựa chính mình, thực tập theo những lời dạy chân chánh theo chân lý thoát khổ và phương pháp tu tập làm chủ những ý niệm xấu xa trong tâm, hướng tâm trở về chánh niệm.

Trong kinh *Pháp Cú*, ở bài kệ số 103, Đức Phật dạy rằng: “*Dầu tại bãi chiến trường, Thắng ngàn ngàn quân địch, Tự thắng mình tốt hơn, Thật chiến thắng tối thượng*” [5].





Phật là bậc đã giác ngộ, giải thoát, không còn khổ đau, hướng dẫn chúng sanh hướng đến giải thoát như mình. Ấn đức của Ngài phải luôn ghi nhớ, kính tin để đem đến phước báu vô lượng cho tự thân và hồi hướng tha nhân.

Hay trong Kinh Đại Bát Niết bàn, Đức Phật cũng có dạy: *“Hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một điều gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác”* [6].

Khi đã có niềm tin vào chính mình, Phật tử thực tập đời sống trong sạch, lành mạnh, cao thượng. Mỗi người tự mình phát nguyện quy y Tam bảo, giữ gìn năm điều đạo đức: Không sát sinh, không trộm cắp, không nói dối, không tà dâm, không uống rượu và sử dụng các chất gây nghiện. Mỗi người chọn nghề nghiệp hướng đến sự lương thiện

để mưu sinh, tạo ra của cải vật chất bằng đôi tay và khối óc một cách chính đáng, hợp pháp. Bên cạnh giữ giới, Phật tử cần năng học hỏi giáo lý, thực tập lòng từ bi diệt trừ tâm ích kỷ, mở rộng lòng thương, bố thí, cúng dường, ăn chay, tham thiền, trì chú, phóng sinh và làm những việc phước thiện khác lợi mình lợi người... Những việc làm này mang lại an vui, hạnh phúc cho cuộc sống hiện tại và tạo nhân duyên tốt đẹp cho lộ trình giác ngộ, giải thoát trong tương lai.

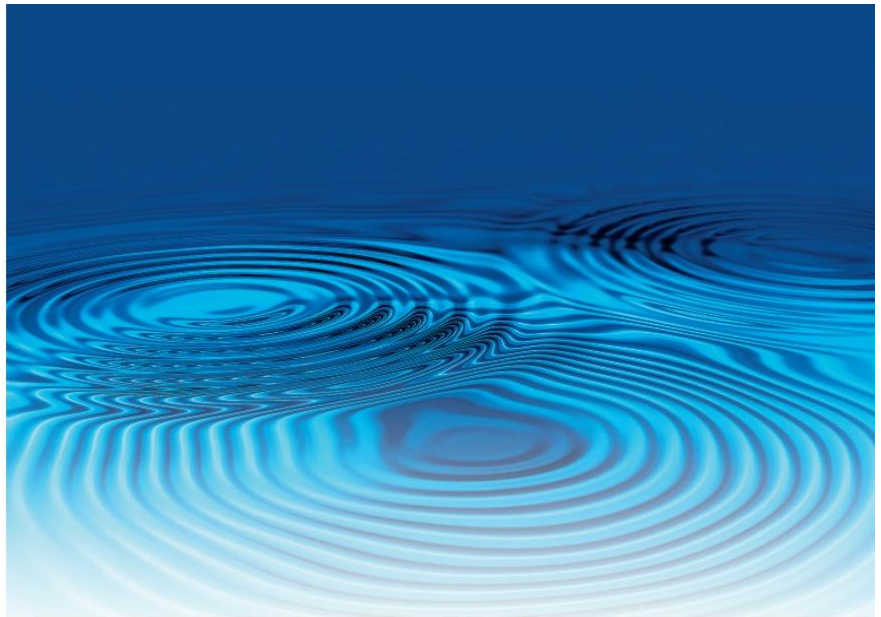
Đức Phật từng dạy cho chúng đệ tử rằng: *“Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành”* [7]. Phật tử cần có niềm tin vào nhân quả. Nhân quả là định luật

của tự nhiên không do ai tạo ra, mọi hiện tượng trong cuộc sống đều bị luật Nhân quả chi phối. Ta gieo nhân thế nào thì gặt quả như thế ấy, không có sự phân biệt giữa người giàu hay nghèo, già hay trẻ,... Với trí tuệ và niềm tin của người con Phật, đó là hai yếu tố cần thiết để hành giả biết được đúng sai, phải trái, làm những việc chơn thiện, giúp cuộc sống tăng trưởng từ bi, thế giới bình an, người người an lành.

Nếu hiểu luật Nhân quả, Phật tử sẽ có được chìa khóa để mở cửa hạnh phúc cho đời mình và làm chủ chính mình trong hiện tại lẫn tương lai. Định hướng rõ ràng và sống vững chãi trước mọi hoàn cảnh khó khăn là yếu tố quan



Đức Phật cũng có dạy: “*Hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một điều gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác*”.



trọng của người con Phật trên bước đường giải thoát.

Tin vào Tam bảo là niềm tin tâm linh quan trọng nhất trong cuộc đời này. Lòng tin ấy được soi sáng bởi trí tuệ, có công năng như người dẫn đường, hướng chúng sanh xa lìa các ác nghiệp, hướng đến thực tập các thiện hạnh, thanh tịnh tâm ý để đạt được nhiều thắng duyên trong cuộc đời và nhiều đời sống sau nữa, không những lợi lạc cho mình mà còn cho hết thảy chúng sanh.

Trong *Tăng Chi Bộ Kinh*, Đức Phật trình bày 5 lợi ích của người có lòng tin vào chân lý: “*Này các Tỳ kheo, có năm lợi ích này cho thiện nam tử có lòng tin. Thế nào là năm? Các Thiên nhân, các Chân nhân, trước hết có lòng thương tưởng đến các vị có lòng tin, không có như vậy đối với các vị không có lòng tin. Khi đến thăm, trước hết họ đến thăm những vị có lòng tin, không có như vậy đối với người không có lòng tin. Khi chấp nhận thọ thực, họ chấp nhận trước hết những vị có lòng tin, không có như vậy đối với những vị không có lòng tin. Họ thuyết pháp trước hết cho những người có lòng tin, không cho những người không có lòng*

*tin. Người có lòng tin, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên cõi lành, cõi trời. Những pháp này, này các Tỳ kheo, là năm lợi ích cho thiện nam tử có lòng tin.*

*Ví như, này các Tỳ kheo, trên khoảnh đất tốt, tại ngã tư đường, có cây bàng to lớn là chỗ nương tựa cho các loài chim. Cũng vậy, này các Tỳ kheo, các thiện nam tử có lòng tin là chỗ nương tựa cho quần chúng, cho các Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, cho nam cư sĩ và nữ cư sĩ” [8].*

Đức Thế Tôn tuyên bố: “*Không có một cư sĩ nào, nam hay nữ đã quy y ba ngôi báu, những ngôi báu đầy đủ công đức tối thượng như vậy, phải tái sanh trong các địa ngục... nhưng họ được thoát khỏi sanh vào đọa xứ, họ được sanh vào thế giới chư Thiên và đắc thiên, bước trên đường chứng ngộ*”.

#### **Thay lời kết**

Người có niềm tin vào ba ngôi Tam bảo là người có lý tưởng sống, hướng đến sự giải thoát khỏi khổ đau và nỗ lực vượt qua khó khăn thử thách của cuộc đời. Vai trò của niềm tin là vô cùng quan trọng, vì vậy, mọi người cần xây dựng và nuôi dưỡng niềm tin

của mình, niềm tin về cuộc sống, niềm tin vào chính bản thân và niềm tin vào Tam bảo như một chỗ dựa tinh thần an yên và bền vững. Phật tử khi có lòng tin đủ mạnh, đủ vững chãi thì con đường học Phật cũng như trong cuộc sống thường nhật chẳng có gì khó khăn và có thể đạt được mọi ước nguyện.

#### **Chú thích và tài liệu tham khảo:**

\* Thích Hải Tạng, hiện công tác tại Trung tâm Biên - Phiên dịch tư liệu Phật giáo Quốc tế.

[1] Thích Minh Châu dịch (2000), *Kinh Tương Ưng, Chương XI - Tương Ưng Sakka, Kinh Đầu ngọn cỏ*, Nxb. Tôn giáo, tr.218.

[2] Thích Minh Châu dịch (2000), *Kinh Tương Ưng, Chương XI - Tương Ưng Sakka, Kinh Đầu ngọn cỏ*, Nxb. Tôn giáo, tr.218.

[3] Thích Minh Châu dịch (2000), *Kinh Tương Ưng, Chương XI - Tương Ưng Sakka, Kinh Đầu ngọn cỏ*, Nxb. Tôn giáo, tr.218.

[4] Thánh quả là bốn cấp độ đạo quả được Phật chỉ ra giúp hành giả đánh giá được sự tu chứng.

[5] Thích Minh Châu (1969), *Kinh Pháp Cú, Pháp Cú số 103*, Nxb. Tôn giáo.

[6] Thích Minh Châu (1991), *Kinh Trường Bộ I, Kinh Đại Bát Niết bàn*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, tr.576-577

[7] Phật thuyết Phạm vông, kinh Bồ tát tâm địa phẩm, kinh tạng Phật giáo Bắc tông.

[8] Thích Minh Châu dịch (1996), *Tăng Chi Bộ II, chương 5, phẩm Sumana, phần Sự lợi ích của lòng tin*, Viện Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam ấn hành, tr.369.





## HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA

- 01** Vào trang web <http://butta.vn> từ trình duyệt trên máy điện thoại: 
- 02** Ấn nút  hoặc 
- 03** Ấn nút  hoặc  tại kho ứng dụng
- 04** Mở ứng dụng  Butta, nhập các thông tin: Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản
- 05** Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

# Phật Sự

[www.phatsuoonline.com](http://www.phatsuoonline.com)

## Online



QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 68.000 đồng

**PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG**





quangminh  
CANDLE



THƯƠNG | ĐƯỢC  
HIỆU | YÊU  
NẾN | THÍCH  
NHẤT



**NẾN QUANG MINH**

Đc : 20 Đường Số 4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị, P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835 715

Hotline CSKH  
**0903 955 018**

[www.quangminhcandle.vn](http://www.quangminhcandle.vn)







# Bảo Hải Linh Thông Tự

QUẦN THỂ VĂN HÓA TÂM LINH BÊN VỊNH DI SẢN

